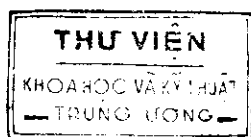


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC KHUYẾN NÔNG VÀ KHUYẾN LÂM
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MIỀN NÚI VIỆT NAM-THỤY ĐIỂN

HỘI THẢO QUỐC GIA VỀ KHUYẾN NÔNG VÀ KHUYẾN LÂM

Hà Nội, 18 - 20 tháng 11- 1997



◀ helvetas ▶

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 1998

Vđ 699
1998

BAN BIÊN TẬP VÀ NHÓM CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỘI THẢO

Lê Hưng Quốc (Trưởng ban)

Edwin Shank

Chu Thị Hảo

Đỗ Văn Nhuận

Phạm Đức Tuấn

Bùi Đình Toái

Nguyễn Văn Nghiêm

Nguyễn Việt Khoa

Võ Thành Sơn

TÁC GIẢ ẢNH

Bùi Đình Toái

Bình Minh

Phạm Vũ Quyết

Thế thuần

Vũ Tiết Sơn

Vũ Trọng Sơn

Nguyễn Mộc

Dương Thanh Xuân

$\frac{63 - 634.9}{NN - 98} - 9/1067 - 97$

LỜI CẢM ƠN

Nhóm Công tác tổ chức Hội thảo xin chân thành cảm ơn các cá nhân và tổ chức đã đóng góp vào quá trình chuẩn bị và thành công của Hội thảo Quốc gia. Chúng tôi muốn đặc biệt cảm ơn cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các Trung tâm khuyến nông các tỉnh, các tổ chức tài trợ và phi chính phủ và các đơn vị khuyến nông địa phương, những người đã cống hiến thời gian quý báu và công sức cho việc chuẩn bị các báo cáo.

Phần quỹ chính cho việc chuẩn bị các nghiên cứu chuyên đề và tổ chức Hội thảo Quốc gia được lấy từ *Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển* do SIDA tài trợ.

Phần tài chính để xuất bản các tập kỷ yếu bằng tiếng Anh và tiếng Việt của Hội thảo Quốc gia được lấy từ nguồn hỗ trợ của *Dự án Hỗ trợ Lâm nghiệp Xã hội* do Helvetas/ Tổ chức Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ tài trợ.

Ghi chú:

Chúng tôi khuyến khích việc phổ biến và sử dụng các tài liệu trong các bản kỷ yếu này. Tuy nhiên, khi trích dẫn các báo cáo, phần tham khảo nên ghi rõ tên cá nhân tác giả và/hoặc tổ chức đóng góp báo cáo, theo sau đó là "*... Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Khuyến nông khuyến lâm ở Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội, Tháng 11 năm 1997*".

CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HỘI THẢO QUỐC GIA

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cục Khuyến nông và khuyến lâm	Vụ Chính Sách
Văn phòng Bộ	Vụ Hợp tác Quốc tế
Cục Bảo vệ thực vật	Ban Quản lý Dự án Viện trợ Lâm nghiệp

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn / Trung tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh

Cần Thơ	Long An	An Giang	Phú Thọ
Lào Cai	Yên Bái	Tuyên Quang	Cao Bằng
Hà Giang	Sơn La	Lai Châu	Huyện Nguyên Bình
Hà Nội	Thanh Hoá	Hà Tĩnh	(Cao Bằng)
Quảng Ninh	Hải Phòng	Bắc Giang	Hoà Bình
Lạng Sơn	Ninh Bình	Thái Nguyên	Hà Tây

Các tổ chức cơ sở

Câu lạc bộ khuyến nông Phú Lợi (tỉnh Cần Thơ)
Ban Phát triển làng Tam Thái (tỉnh Thái Nguyên)
Hợp tác xã Phương Hải (huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)
Nhóm Quản lý thôn bản làng Ngòi, xã Mỹ Bằng (tỉnh Tuyên Quang)

Các tổ chức tài trợ, tổ chức Phi chính phủ, và các dự án

SIDA	Helvetas	Văn phòng đại diện FAO
GRET	Action Aid	Dự án rừng đầu nguồn Hoàng Bồ/FAO
Oxfam Quebec	CIDSE	Dự án dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp
Finagro	FADO/FOS	FAO/UNDP
Láng giềng thế giới	MRDP	Dự án NFAP/FAO
Oxfam UK&I		Dự án Phòng hộ đầu nguồn Sông Đà GTZ

Các tổ chức nghiên cứu và Phát triển

Trường Đại học Nông nghiệp I
VACVINA
Trường Đại học Nông nghiệp Thái Nguyên
Trung tâm đào tạo LNXH Trường Đại học Lâm nghiệp Xuân Mai
Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Ong
Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển.

MỤC LỤC

	Trang
Lời cảm ơn	iii
Các tổ chức tham gia Hội thảo Quốc gia	iv
Mục lục	v
Lời giới thiệu của Ban biên tập và các đề xuất từ Hội thảo Quốc gia	vii
Phát biểu khai mạc Hội thảo quốc gia về khuyến nông khuyến lâm (của Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Quang Hà)	xx
 <i>Báo cáo chung toàn quốc và báo cáo chuyên đề của các tỉnh</i>	
1. Báo cáo chung về Khuyến nông khuyến lâm ở Việt Nam (1993-1997) (Cục Khuyến nông và khuyến lâm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)	2
2. Báo cáo về hệ thống tổ chức khuyến nông Tỉnh Cần Thơ (Trung tâm Khuyến nông Cần Thơ)	9
3. Báo cáo về tổ chức và hệ thống khuyến nông khuyến lâm tỉnh Thái Nguyên (1991 - 1997) (Trung tâm khuyến nông, Giống và Kỹ thuật NLN Thái Nguyên)	18
4. Báo cáo về công tác tổ chức và hệ thống khuyến nông tỉnh Long An (Trung tâm khuyến nông Long An)	26
5. Cơ cấu tổ chức và hoạt động khuyến nông ở cơ sở tỉnh An Giang (Trung tâm khuyến nông An Giang)	33
6. Tình hình và phương hướng xây dựng hệ thống tổ chức khuyến nông ở Lào Cai (Trung tâm khuyến nông tỉnh Lào Cai)	41
7. Hệ thống tổ chức khuyến nông - khuyến lâm của thành phố Hải Phòng (Trung tâm khuyến nông Hải Phòng)	48
 <i>Các báo cáo tổng hợp</i>	
8. Tóm tắt kinh nghiệm liên kết khuyến nông nhà nước với các tổ chức địa phương (Nhóm chuẩn bị Hội thảo)	56
9. Các phương án khác nhau về giải pháp cấp vốn cho các tổ chức khuyến nông địa phương và các dịch vụ khuyến nông (Nhóm chuẩn bị Hội thảo)	66
10. Dịch vụ khuyến nông nhà nước: có cần suy nghĩ lại mục tiêu và xác định lại nhiệm vụ ? Một vài ý tưởng dựa trên các nguyên tắc phát triển tổ chức (Marit Werner, MRDP)	70
 <i>Các tổ chức khuyến nông cơ sở</i>	
11. Câu lạc bộ khuyến nông Phú Lợi, tỉnh Cần Thơ: Quá trình thành lập, tổ chức, hoạt động (Nguyễn Thanh Long, Ban Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ khuyến nông Phú Lợi)	86
12. Hoạt động của một làng khuyến nông tự quản: Làng Tam Thái tỉnh Thái Nguyên (Lê Thái, ban Phát triển làng Tam Thái)	90
13. Công tác khuyến nông lâm, các dịch vụ và công tác đổi mới HTX nông nghiệp	

Phượng Hải, tỉnh Quảng Trị (Hợp tác xã Phượng Hải, Ủy ban Nhân dân Huyện Hải Lăng)	96
14. Tổ chức khuyến nông thôn bản ở Tuyên Quang (Dự án Phát triển Nông thôn Miền núi Tuyên Quang)	103
15. Mô hình Khuyến nông lan rộng ở Tỉnh Tuyên Quang (Phạm Vũ Quyết, Trung tâm khuyến nông Tuyên Quang)	115

Phát triển phương pháp khuyến nông khuyến lâm

16. Phương pháp đánh giá Nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) và việc áp dụng tại Việt Nam (Phạm Nguyên Khôi, Helvetas Vietnam)	126
17. Xây dựng kế hoạch phát triển thôn bản, giám sát và đánh giá có người dân tham gia trong các dự án phát triển nông thôn (Bùi Đình Toái, Trưởng Bộ phận kỹ thuật MRDP)	135
18. Quản lý rừng đầu nguồn có sự tham gia của người dân ở huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh (Dự án GCP/VIE/019/BEL)	153
19. Chương trình đào tạo, huấn luyện và ứng dụng IPM - một giải pháp quan trọng, thiết thực và hiệu quả đối với công tác khuyến nông (Ngô Tiến Dũng, Chương trình IPM Quốc gia)	160
20. Thông tin trong công tác khuyến nông (một số kết quả và đề xuất) (Phạm Kim Oanh, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Bộ Nông nghiệp và PTNT)	172

Các chuyên đề trong Khuyến nông khuyến lâm

21. Đào tạo Khuyến lâm - các vấn đề và tiến trình phát triển chương trình lâm nghiệp xã hội dành cho đào tạo cán bộ lâm nghiệp bậc cao đẳng và đại học (Badolf Paul, Heveltas, SFSP)	182
22. Nâng cao nhận thức về giới trong khuyến nông: sự khác nhau của phụ nữ và nam giới về cách tham gia và truyền đạt (Nguyễn Thị Hằng, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Ong)	195
23. Khuyến nông đối với đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc (Nguyễn Tử Siêm, Nguyễn Hải Nam, Bùi Thế Hùng - MRDP)	198
24. Chương trình khuyến nông ứng dụng trong các điều kiện canh tác đa dạng ở miền núi: ví dụ về các hệ thống canh tác ngô (Edwin Shanks, Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển)	206

các bài phát biểu quan trọng

25. Một số vấn đề Khuyến nông trong thời gian tới (Lê Hưng Quốc, Cục trưởng Cục Khuyến nông khuyến lâm)	218
26. Các xu hướng mang tính Quốc tế trong bối cảnh của các dịch vụ khuyến nông phù hợp đối với Việt Nam (Ian Christoplos, Khoa nghiên cứu phát triển nông nghiệp Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển)	221

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN BIÊN TẬP VÀ CÁC ĐỀ XUẤT TỪ HỘI THẢO QUỐC GIA

Hệ thống khuyến nông khuyến lâm được hình thành ở Việt Nam sau khi có Nghị định 13/CP của Chính Phủ vào năm 1993. Nghị định 13/CP và các hướng dẫn liên Bộ đi kèm đã xây dựng cơ cấu tổng thể, chức năng và phương thức hoạt động của Khuyến nông khuyến lâm từ cấp Bộ đến tỉnh, huyện và các cấp cơ sở.

Trong 4 năm thực hiện từ 1993 đến 1997, các Trung tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh và các Trạm hay Ban khuyến nông khuyến lâm huyện đã được thiết lập trên toàn quốc trực thuộc các cấp chính quyền của tỉnh và dưới sự chỉ đạo của Cục Khuyến nông khuyến lâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD). Đây là một giai đoạn học hỏi với một số các mô hình tổ chức và phương pháp khuyến nông khuyến lâm khác nhau được giới thiệu và thử nghiệm ở nhiều nơi khác nhau trong cả nước với các điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường và cơ sở hạ tầng cũng khác nhau. Các nỗ lực trên cũng có sự đóng góp của nhiều dự án do các cơ quan tài trợ và tổ chức Phi chính phủ hỗ trợ trong sự hợp tác với các tổ chức quần chúng, các Viện nghiên cứu và tổ chức đào tạo.

Hội thảo Quốc gia khuyến nông khuyến lâm lần này được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức vào tháng 11 năm 1997 là một trong những cơ hội đầu tiên để tập hợp những kinh nghiệm nói trên và đóng góp cho việc tiếp tục hình thành các chính sách và hướng dẫn thích hợp cho khuyến nông. Hội thảo đã có sự tham gia của 30 lãnh đạo các Trung tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh và đại biểu của các đơn vị khuyến nông khuyến lâm cấp cộng đồng. Công tác chuẩn bị cho Hội thảo bao gồm các chuyến đi khảo sát tới 15 tỉnh của Nhóm Chuẩn Bị Hội Thảo (*Seminar Task Force*) để đảm bảo rằng hội thảo sẽ có được thông tin mới và phù hợp cùng với các báo cáo chuyên đề có chất lượng tốt. Các nghiên cứu chuyên đề và báo cáo đánh giá kỹ thuật khác cũng được các dự án tài trợ/Phi chính phủ, các Cục, Vụ của Bộ, các Trung tâm phát triển và nghiên cứu quốc gia tham gia chuẩn bị.

Các mục tiêu cụ thể của Hội thảo Quốc gia là:

- Trước hết, để đánh giá **hệ thống và cơ cấu tổ chức** của khuyến nông sao cho phù hợp với các điều kiện khác nhau ở các vùng khác nhau trong nước với sự quan tâm đặc biệt dành cho các tổ chức KN ở cấp cơ sở (nông dân, thôn bản, xã).
- Thứ hai là để đánh giá **phương pháp và nội dung khuyến nông** phù hợp liên quan tới những vấn đề như lập kế hoạch phát triển thôn có sự tham gia của người dân, đào tạo phổ cập, thông tin và các loại hình thông tin trong khuyến nông và một loạt các chủ đề đặc biệt khác trong khuyến nông.
- Thứ ba là để xây dựng các **định hướng chính sách** liên quan tới tổ chức, phương pháp, hệ thống và nội dung phổ cập có thể áp dụng trong tương lai.
- ấn phẩm này bao gồm báo cáo đầy đủ của hội thảo với các nghiên cứu chuyên đề, báo cáo đánh giá kỹ thuật và riêng các đề xuất cho việc xây dựng chính

sách do các đại biểu trong các cuộc thảo luận nhóm nêu lên được tóm tắt và gộp vào phần giới thiệu của Ban biên tập này.

Các báo cáo. Các báo cáo được tập hợp theo sáu phần chính:

Đánh giá chung toàn quốc và các báo cáo chuyên đề của tỉnh

Các báo cáo bắt đầu bằng một ***Báo cáo chung về Khuyến nông khuyến lâm ở Việt Nam (1993 - 1997)***. Báo cáo này giới thiệu khuôn khổ chính sách và thực trạng tổng thể của khía cạnh tổ chức, các vai trò và chức năng chính cũng như việc cung cấp tài chính cho hệ thống khuyến nông khuyến lâm. Báo cáo mô tả cách tiếp cận của nông dân tới các chương trình khuyến nông khuyến lâm được thông qua bốn kênh chính: i) thông qua các chương trình khuyến nông khuyến lâm quốc gia nhằm vào mục tiêu vừa thúc đẩy việc sản xuất các cây lương thực chính và các loại cây trồng tăng thu nhập ở cộng đồng, vừa đạt được an ninh lương thực trong cả nước; ii) thông qua các dự án phát triển do các cơ quan tài trợ/các tổ chức phi chính phủ tài trợ; iii) thông qua các mạng lưới cung cấp vật tư và đầu vào sản xuất nông nghiệp; và iv) thông qua Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp của Cục Bảo vệ thực vật. Với sự hình thành của khuyến nông khuyến lâm, một động lực mạnh và hiệu quả đã được tạo ra để thúc đẩy sự tăng trưởng nông nghiệp trong toàn quốc. Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra rằng hệ thống khuyến nông khuyến lâm vẫn đang trong giai đoạn phát triển trong điều kiện có khó khăn về ngân sách và thiếu một đội ngũ cán bộ có đầy đủ năng lực phù hợp, đặc biệt ở các tỉnh miền núi.

Sau báo cáo chung toàn quốc là sáu nghiên cứu chuyên đề do các Trung tâm khuyến nông khuyến lâm của các tỉnh Cần Thơ, Thái Nguyên, Long An, An Giang, Lào Cai và thành phố Hải Phòng. Các nghiên cứu chuyên đề này tập trung vào các khía cạnh tổ chức ở cấp tỉnh, huyện và cơ sở¹. Các tỉnh trên được lựa chọn để thể hiện đầy đủ các điều kiện đa dạng (Từ Bắc vào Nam, từ đồng bằng cho đến miền núi, từ vùng gần trung tâm thị trấn, thị xã, cho đến các vùng xa xôi, hẻo lánh) đồng thời đó cũng là các tỉnh nhìn chung có tiến bộ rất nhanh trong quá trình phát triển hệ thống. Điều đáng nói là các tỉnh trên chưa phải là đại diện hoàn hảo cho cả nước vì ví dụ không có tỉnh nào từ Tây Nguyên cả. Tuy nhiên, các tỉnh trên cũng đã thật sự minh họa được hàng loạt cách nhận thức và thực thi khác nhau từ khuôn khổ tổ chức khuyến nông khuyến lâm được đề ra trong Nghị định 13/CP.

Một số các quan điểm quan trọng nổi lên từ các báo cáo chuyên đề của các tỉnh xét từ bối cảnh tổ chức mà hệ thống đang được xây dựng trên đó:

Thứ nhất, các hình thức mới về liên kết về mặt tổ chức và hệ thống lập kế hoạch đang cần được xây dựng để lấp khoảng trống giữa các dịch vụ của Chính phủ ở cấp cơ sở và nông dân do sự thay đổi của mô hình hợp tác xã kiểu cũ và các

¹ Trong ấn phẩm này 'hệ thống' hay 'dịch vụ' Khuyến nông khuyến lâm Chính phủ được dùng để chỉ các cấp cơ quan Khuyến nông khuyến lâm huyện, tỉnh, quốc gia bao gồm các cán bộ được Chính phủ trả lương. 'Tổ chức' hay 'mạng lưới' khuyến nông cơ sở, dùng để chỉ các đơn vị Khuyến nông khuyến lâm tự nguyện hay không chính thức hoạt động ở các cấp nhóm nông dân, thôn, bản và/hoặc xã. Một số tỉnh cũng đã có cán bộ Khuyến nông khuyến lâm chuyên trách hoặc bán thời gian xuống đến tận cấp xã.

hệ thống khoán sản xuất nông nghiệp. Một điều được công nhận rộng rãi là khuyến nông khuyến lâm đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới kinh tế ở các vùng nông thôn mà vai trò này rộng hơn là việc cung cấp thông tin và vật tư một cách đơn thuần. Một trong những vấn đề quan trọng nhất hiện nay là loại hình tổ chức lấy nông dân làm nòng cốt nào là phù hợp và bền vững vào lúc này để tiếp nhận khuyến nông khuyến lâm và điều phối các hoạt động ở cơ sở để cân bằng cung cầu. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị đầu tiên cho Hội thảo Quốc gia, vấn đề tổ chức khuyến nông khuyến lâm cơ sở này nhanh chóng trở nên là một trong những vấn đề quan trọng nhất để thảo luận đầy đủ tại hội thảo và để tài liệu hoá.

Thứ hai, khả năng khuyến nông khuyến lâm còn đang được xây dựng ở một số tỉnh căn cứ chủ yếu vào Nghị định 13/CP để đáp ứng các vấn đề sản xuất nông nghiệp trong vùng trọng điểm đã nổi lên từ cuối những năm 80 và đầu những năm 90, bao gồm năng suất lương thực giảm (ví dụ ở Hải Phòng), sâu bệnh phổ biến ở các khu vực trồng lúa nước (ví dụ ở Cần Thơ) và nhu cầu tìm ra các phương pháp mới để hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng xa xôi hẻo lánh (ví dụ ở Lào Cai). Những sáng kiến đầu tiên này đã ảnh hưởng tới phương pháp tổ chức Khuyến nông khuyến lâm về sau này ở các tỉnh đó từ năm 1993.

Thứ ba, quá trình đưa ra hệ thống khuyến nông khuyến lâm mới đang đặt ra yêu cầu sửa đổi cho phù hợp chức năng quản lý nhà nước, hỗ trợ kỹ thuật, và các kênh cung cấp dịch vụ của chính quyền địa phương. Đây là một điểm đặc biệt quan trọng cần xem xét ở cấp huyện mà các vai trò và mối liên hệ hoạt động mới đang được tạo ra giữa các trạm kỹ thuật trực thuộc Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện (Khuyến nông khuyến lâm, Bảo vệ thực vật, và Thú y), các công ty vật tư và các đơn vị khác của chính quyền địa phương để cung cấp các dịch vụ có hiệu quả cho nông dân.

Cuối cùng, nhiều tỉnh báo cáo về một số thành công trong việc tập hợp được sự tham gia và hợp tác với một loạt các tổ chức khác nhau tham gia làm khuyến nông khuyến lâm, đặc biệt là với các tổ chức quần chúng như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội làm vườn (VACVINA) và với thông tin đại chúng. Trên thực tế, một số Trung tâm khuyến nông khuyến lâm đã chọn cách làm việc về cơ bản thông qua các tổ chức này để tạo ra một mạng lưới có tầm vươn rộng. Quá trình này được đề cập tới với tên gọi Xã hội hoá khuyến nông mà ở đó tất cả các tổ chức và người tham gia cùng kết hợp sức lực để hỗ trợ quá trình đổi mới nông nghiệp.

Các báo cáo tổng hợp

Phần thứ hai bao gồm ba báo cáo cung cấp kinh nghiệm tổng hợp về tổ chức Khuyến nông khuyến lâm trong cả nước. Báo cáo đầu tiên là *Tóm tắt kinh nghiệm liên kết dịch vụ khuyến nông khuyến lâm của Chính phủ với các tổ chức cơ sở*. Trong phần giới thiệu cho báo cáo này điều đáng lưu ý là sự thành công của khuyến nông khuyến lâm luôn phụ thuộc cơ bản vào các mối liên hệ tổ chức, hệ thống lập kế hoạch và theo dõi, và quan trọng hơn cả, là các mối quan hệ giữa người với người và lòng tin được xây dựng giữa cán bộ chính phủ và nông dân tại cấp giao diện quan trọng thể hiện bằng sự tiếp xúc trực tiếp thường xuyên của các

tổ chức dịch vụ với người dân sống ở vùng nông thôn. Có hàng loạt các mô hình cơ cấu liên kết mang tính sáng tạo đang được thử nghiệm ở Việt Nam - thường là bao gồm một sự kết hợp của các khuyến nông viên làm việc hợp đồng bán thời gian ở cấp cơ sở và ở cấp nhóm nông dân và hình thức này hay hình thức khác của các nhóm nông dân tự nguyện (câu lạc bộ nông dân, nhóm sở thích, các nhóm quản lý...). Tính đa dạng trong tổ chức ở cơ sở cần được xem như một sức mạnh bởi vì nó thể hiện một sự biến đổi của hệ thống cho phù hợp với các nhu cầu và khả năng của địa phương. Báo cáo này cũng tóm tắt một số chủ đề và câu hỏi quan trọng về tổ chức cần phải được giải đáp trong tương lai phát triển của hệ thống.

Tiếp theo là một báo cáo ngắn tóm tắt **Các phương án cung cấp tài chính khác nhau cho các tổ chức và dịch vụ Khuyến nông khuyến lâm cơ sở**. Có một điều khá chắc chắn là sẽ không bao giờ chính phủ có đủ nguồn vốn để có thể thiết lập hay duy trì các mạng lưới khuyến nông viên rộng lớn ở cơ sở. Do đó cần phải có các cơ chế cung cấp tài chính mang tính lựa chọn. Một loạt các cơ chế khác nhau đang được thử nghiệm bao gồm hợp đồng với khuyến nông viên bán thời gian và theo mùa vụ, sử dụng các nguồn quỹ do địa phương (xã) tự xây dựng như từ thuế đất, huy động vốn từ các nhóm nông dân, thương mại hoá khuyến nông khuyến lâm, hay làm việc thông qua các tổ chức đã có cán bộ ở cơ sở rồi. Báo cáo này cũng đánh giá những thuận lợi và khó khăn của các phương án cung cấp tài chính này.

Báo cáo thứ ba trong phần này - **Dịch vụ Khuyến nông khuyến lâm nhà nước - Có cần suy nghĩ lại về mục đích và xác định lại nhiệm vụ không?** nhìn vào sự phát triển của khuyến nông khuyến lâm từ các quan điểm của những nguyên lý phát triển tổ chức. Báo cáo cho rằng để đạt được sự phát triển bền vững trong một môi trường thay đổi nhanh chóng như ở Việt Nam hiện nay thì tổ chức và các thành viên của tổ chức cần phải hiểu rõ về các mục đích của tổ chức. Hơn nữa, thông qua phương pháp lãnh đạo nhìn về tương lai, tổ chức phải có khả năng xác định được các bước cần thiết để liên tục cải tiến hoạt động. Do đó, cơ cấu của tổ chức Khuyến nông khuyến lâm cần được xây dựng và quyết định bởi một viễn cảnh chung về các nhiệm vụ và chức năng của khuyến nông khuyến lâm. Dựa trên các cuộc phỏng vấn với cán bộ tỉnh và huyện ở năm tỉnh miền núi, báo cáo tóm tắt các ý tưởng hiện tại và đưa ra các đề xuất liên quan tới các chủ đề như mục đích của Khuyến nông khuyến lâm, hệ thống quản lý thông tin và lập kế hoạch, cơ cấu tổ chức và phân cấp quản lý, phát triển nguồn nhân lực và cơ chế khuyến khích.

Tổ chức Khuyến nông khuyến lâm cơ sở

Các báo cáo trong phần này đưa ra những ví dụ cụ thể về sự hình thành và các hoạt động của tổ chức cơ sở, do chính lãnh đạo các nhóm này trình bày. Các nghiên cứu chuyên đề này đã được lựa chọn kỹ để có thể minh họa hàng loạt các loại hình tổ chức cơ sở khác nhau đang hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông khuyến lâm bao gồm **câu lạc bộ khuyến nông** (Từ Cần Thơ), **hợp tác xã** (từ Quảng Trị), **nhóm quản lý thôn bản**, **ban phát triển thôn bản** và **nhóm sở**

thích nông dân (từ Tuyên Quang và Thái Nguyên)². Sau đó là một nghiên cứu chuyên đề về **Mô hình khuyến nông lan rộng từ tỉnh Tuyên Quang**. Báo cáo đã trình bày về cách các hệ thống và phương pháp khuyến nông khuyến lâm lúc đầu được thử nghiệm ở cấp thôn bản dần dần được mở rộng ra để tạo ra các mạng lưới Khuyến nông khuyến lâm rộng cho toàn xã, từ đó thúc đẩy tính tự chủ và bền vững của các tổ chức tình nguyện dưới sự lãnh đạo của các cấp chính quyền xã.

Có một số bài học quan trọng nổi lên từ các nghiên cứu chuyên đề ở cấp cơ sở này:

Thứ nhất, đứng về tổng thể, chúng ta có thể nói rằng so với kinh nghiệm Khuyến nông khuyến lâm từ nhiều nước khác, triển vọng lấy hoạt động và tự nguyện và sáng kiến của các tổ chức cấp cơ sở làm chỗ dựa cho hệ thống khuyến nông khuyến lâm quốc gia ở Việt Nam là cực kỳ có triển vọng. Khả năng lãnh đạo ở cấp xã nhìn chung là tốt, kết hợp với việc cán bộ thường là người địa phương (như là cán bộ của hợp tác xã cũ) với kỹ năng quản lý cơ bản tốt và khả năng tự tổ chức đáng khâm phục của nông dân Việt Nam, tất cả những điều đó tạo ra một cơ sở mạnh cho khuyến nông khuyến lâm.

Thứ hai, sự phát triển của mạng lưới khuyến nông khuyến lâm cơ sở là một quá trình đang tiếp diễn, mà sẽ phải mất nhiều năm mới đạt đến độ trưởng thành. Các nghiên cứu chuyên đề này cho thấy các tổ chức cơ sở mới thường bắt đầu bằng một cơ cấu khá đơn giản và ít hoạt động như thế nào, rồi sau đó các tổ chức mới dần dần phát triển qua thời gian khi họ phải giải quyết các nhu cầu và nắm bắt các cơ hội mới và khi số thành viên tăng lên. Một tổ chức lúc đầu có thể là hoàn toàn không chính thức tồn tại trên cơ sở có quyền lợi chung có thể sẽ phát triển thành một hình thức tổ chức nào đó có vị thế chính thức hơn.

Thứ ba, các loại hình tổ chức cơ sở và cơ cấu liên kết khác nhau có thể phù hợp và có ích đối với nông dân ở các vùng khác nhau. Ví dụ, thực tế cho thấy hình thức câu lạc bộ khuyến nông có vẻ phổ biến và thành công ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nơi mà xu hướng thương mại hoá nông nghiệp mạnh hơn các vùng khác. Ở Miền Bắc, sự kết hợp giữa hình thức nhóm quản lý và nhóm sở thích nông dân lại có vẻ phù hợp hơn. Tương tự, ngay việc tổ chức các nhóm sở thích của nông dân cũng đã có hàng loạt cách khác nhau bởi các nhóm có thể được thành lập dựa trên các sở thích sản xuất giống nhau, hoặc đơn thuần là các quyền lợi kinh tế, vị trí địa lý và/hoặc các đơn vị gia đình mở rộng.

Cuối cùng, một điều rõ ràng là các thành phần cốt yếu dẫn tới sự phát triển thành công của tổ chức khuyến nông khuyến lâm cơ sở là liên tục trao thêm trách nhiệm cho cấp này một cách tích cực. Việc này cần có sự nâng cao về kỹ năng lập kế hoạch và quản lý kinh tế cho cấp cơ sở. Các tỉnh và các dự án phát triển có tiến bộ nhất trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm là những tỉnh và dự án phát triển quan tâm nhiều nhất tới đào tạo các kỹ năng mới cho lãnh đạo và khuyến nông viên ở cơ sở để họ có thể giúp đỡ nông dân làm quen với kinh tế thị trường (các kỹ năng như đánh giá và quản lý tín dụng, các ý tưởng thông tin thị trường và

² Một ví dụ khác không được đưa vào đây mà đã được trình bày tại Hội thảo Quốc gia là phương pháp khuyến nông từ nông dân tới nông dân ở tổ chức khuyến nông cơ sở, được giới thiệu thông qua một dự án phát triển nông nghiệp do GRET hỗ trợ ở Huyện Tam Đảo.

phát triển kinh doanh v.v...). Tuy nhiên, nhìn chung khả năng đào tạo trong lĩnh vực này còn yếu.

Các **đề xuất** chính dưới đây được các đại biểu tham gia Hội thảo Quốc gia đưa ra liên quan tới tổ chức và mạng lưới khuyến nông khuyến lâm cơ sở:

- 1) Chính tại lúc này, rất cần thiết phải có các hướng dẫn chi tiết hơn nữa về phần tổ chức cơ sở của hệ thống. Tuy nhiên, như nhiều nghiên cứu chuyên đề thể hiện ở đây, điều cốt yếu là phải khuyến khích được tính linh hoạt và khả năng biến đổi cho phù hợp trong mạng lưới khuyến nông khuyến lâm cơ sở ở dưới cấp huyện. Điều quan trọng nhất ở đây là để tiếp tục phát triển các hướng dẫn về các cơ chế hỗ trợ phù hợp (ví dụ, về chế độ khen thưởng, cung cấp tài chính cho hệ thống và phát triển nguồn nhân lực) hơn là đưa ra các hướng dẫn cứng nhắc về các chức năng của tổ chức cơ sở.
- 2) Để có thể vươn tới tất cả các vùng nông thôn và các hộ nông dân, cần phải hỗ trợ các tổ chức khuyến nông khuyến lâm tự nguyện lấy nông dân làm cơ sở. Về vấn đề này thì hiện có rất nhiều kinh nghiệm hay từ khắp nơi trong cả nước để có thể tham khảo và rút ra bài học. Nhìn chung, mạng lưới khuyến nông khuyến lâm cơ sở có thể bao gồm sự kết hợp của khuyến nông viên hợp đồng làm việc chuyên trách hay bán thời gian (theo mùa vụ) và các đơn vị khuyến nông khuyến lâm cơ sở tình nguyện lấy nông dân làm cơ sở. Các mạng lưới này phải hoạt động có sự liên hệ chặt chẽ với các cấp chính quyền xã... Tương lai phát triển của hệ thống cần phải tận dụng tốt các kinh nghiệm hiện nay.
- 3) Các khuyến nông viên hợp đồng ở cơ sở và đại diện các nhóm nông dân nên là người thuộc địa phương, có lòng nhiệt tình và được tín nhiệm, và họ được người dân lựa chọn và tin tưởng. Họ có thể có lợi ích căn cứ vào nỗ lực làm việc, hiệu quả và năng lực của họ.
- 4) Khuyến nông viên hợp đồng chuyên trách ở địa phương không nhất thiết lúc nào cũng phải có ở cấp xã và thôn bản. Trong nhiều trường hợp, hợp lý hơn là thuê khuyến nông viên hợp đồng theo mùa vụ và hoặc bán thời gian căn cứ vào khối lượng công việc. Điều này sẽ giúp cho việc thuê chính nông dân địa phương có kinh nghiệm và có thể kết hợp được những nông dân giỏi về kỹ thuật cụ thể nào đó ở địa phương để hợp đồng với họ nếu có yêu cầu.
- 5) Các trách nhiệm chính của khuyến nông viên hợp đồng ở cơ sở hay đại diện của các nhóm nông dân có thể bao gồm: tiếp nhận kỹ thuật và thông tin mới; thuyết phục các nông dân khác áp dụng các phương pháp canh tác có lợi cho môi trường; hoạt động như một cầu nối giữa nông dân và hệ thống khuyến nông khuyến lâm nhà nước và các dịch vụ hỗ trợ khác; và hỗ trợ thu thập thông tin để lập kế hoạch và giám sát trong công tác khuyến nông khuyến lâm.
- 6) Nhìn chung, cả cán bộ khuyến nông huyện và cơ sở không nhất thiết phải tham gia quá nhiều vào hoạt động cung cấp vật tư đầu vào cho nông dân. Tuy nhiên có hai tình huống mà trong đó sự tham gia của cán bộ khuyến nông là cần thiết và phù hợp. Trước hết, ở nhiều vùng hẻo lánh, cần đảm bảo vật tư đầu vào đến được tận tay nông dân, đồng thời là một cơ chế cấp vốn có thể lựa chọn và tăng thu nhập địa phương ở các vùng đó. Và thứ hai, trong trường hợp mua bán hạt

giống hay vật tư mới, hoặc đặc biệt mà không có sẵn trong hệ thống cung cấp vật tư thông thường hay phía tư nhân. Tuy nhiên, Nhà nước cần tăng cường các cơ chế giám sát để tránh tình trạng tổ chức khuyến nông khuyến lâm cơ sở chạy theo lợi nhuận cá nhân thay vì lợi ích tập thể và còn để bảo đảm chất lượng.

Phát triển phương pháp khuyến nông khuyến lâm

Phần này tập trung vào những kinh nghiệm đã thu được trong những năm gần đây với việc xuất hiện nhiều phương pháp mới trong lập kế hoạch khuyến nông khuyến lâm, truyền thông, đào tạo nông dân và phát triển kỹ thuật và tính thích ứng của chúng đối với các điều kiện của nông thôn Việt Nam.

Nhìn chung, có bốn lĩnh vực chính về phương pháp khuyến nông khuyến lâm đang được sử dụng:

- 1) **Các mô hình trình diễn và tập huấn kỹ thuật** - chính là cơ sở của các chương trình khuyến nông khuyến lâm nhà nước được các Trung Tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh sử dụng
- 2) **Lập kế hoạch phát triển cộng đồng có người dân tham gia** - bao gồm các phương pháp như Đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) đang được sử dụng phổ biến trong các dự án của các cơ quan tài trợ hay các tổ chức phi chính phủ.
- 3) **Huấn luyện nông dân** - hình thức cơ bản của Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia của Cục Bảo vệ thực vật
- 4) **Dịch vụ thông tin đại chúng** - đang được tiếp tục phát triển thông qua sự hợp tác giữa hệ thống khuyến nông khuyến lâm nhà nước và các tổ chức thông tin đại chúng khác nhau.

Đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA)

Báo cáo đầu tiên, về **Đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) và việc áp dụng ở Việt Nam**, cung cấp một cách nhìn tổng quan về một số lĩnh vực và dự án khác nhau đưa PRA vào Việt Nam. Dựa trên những kinh nghiệm này, tác giả nêu bật một số điều kiện quan trọng để có thể sử dụng PRA thành công bao gồm: tầm quan trọng của việc cung cấp đào tạo dựa trên kỹ năng hợp lý; sự cần thiết để biến đổi các phương pháp PRA cho phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội ở địa phương và các truyền thống văn hoá; và sự cần thiết tìm ra cách liên kết các bài tập lập kế hoạch có sự tham gia mới, khi được thực hiện ở cấp cộng đồng, với thời gian biểu và hệ thống lập kế hoạch của nhà nước.

Sau đó là hai nghiên cứu chuyên đề mô tả chi tiết việc áp dụng các phương pháp và hệ thống này trong trường hợp của hai dự án. Thứ nhất là báo cáo **Lập kế hoạch, giám sát và đánh giá ở thôn bản có sự tham gia**. Báo cáo này đã tài liệu hoá các kinh nghiệm của Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển. Trong chương trình này, các bài tập PRA thôn bản đã được gắn với một hệ thống thông tin quản lý và đánh giá toàn diện. Từ đó, PRA thôn bản các vòng 1, 2, và 3 một mặt hình thành cơ sở cho việc lập kế hoạch hàng năm của

tỉnh và huyện, mặt khác cung cấp số liệu và thông tin học hỏi đánh giá cần thiết cho hệ thống giám sát và đánh giá của chương trình. Báo cáo sau đó, có tên là ***Phương pháp có sự tham gia đối với công tác quản lý và lập kế hoạch cho vùng rừng đầu nguồn***, giới thiệu kinh nghiệm của Dự án quản lý rừng đầu nguồn có sự tham gia của người dân ở huyện Hoàn Bồ. Dự án này được thiết kế để thử nghiệm các phương pháp và kỹ thuật mới đối với việc quản lý kết hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà mục tiêu là sẽ được áp dụng rộng rãi hơn.

Một trong những bài học quan trọng nổi lên từ các nghiên cứu chuyên đề đó là không nên tách các bài tập PRA như những sự kiện rời rạc. Sự phù hợp của hệ thống chỉ trở nên rõ ràng nếu nó được hoà nhập vào một hệ thống lớn hơn có thể cung cấp hoạt động giám sát hợp lý hơn cho các bài tập lập kế hoạch cộng đồng, cũng như là tăng cường khả năng cho khuyến nông viên, các nhà lãnh đạo ở cơ sở và các nhóm nông dân để đưa tiến trình khuyến nông khuyến lâm về phía trước.

Quản lý dịch hại tổng hợp - huấn luyện nông dân

Một lĩnh vực lớn khác trong quá trình đổi mới phương pháp luận trong những năm gần đây đã được thực hiện thông qua Chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia, đã và đang hoạt động dưới sự quản lý của Cục Bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn từ năm 1992. Báo cáo trình bày ở đây - ***Chương trình Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM): một giải pháp quan trọng thiết thực và hiệu quả đối với công tác khuyến nông khuyến lâm***, giới thiệu tổng quan về các nguyên lý thể hiện phần cốt lõi của chương trình này, các phương pháp hạt nhân bao gồm đào tạo tiểu giáo viên và huấn luyện nông dân, cũng như các hoạt động và thành quả chính của nó. Chương trình bắt đầu bằng cách tập trung vào hoạt động quản lý dịch hại tổng hợp đồng ruộng, nhưng sau đó đã bắt đầu mở rộng sang các loại cây trồng lương thực khác, cây trồng hàng hóa và rau quả trong sự hợp tác với một loạt các tổ chức đối tác. Tại Hội thảo Quốc gia, đã có một cuộc thảo luận thú vị, bàn về khả năng bổ sung cho nhau lớn hơn phương pháp "***đánh giá nông thôn có người dân tham gia***" và phương pháp "***huấn luyện nông dân***", mà theo đó PRA có thể được sử dụng cho lập kế hoạch phát triển ở cơ sở kết hợp với hoạt động huấn luyện nông dân để có được sự giám sát đối với kế hoạch ở cơ sở một cách có hệ thống. Mặc dù chưa rút ra được kết luận gì, song cũng có một số ***đề xuất*** sau:

- 1) Các phương pháp luận khác nhau ở trên có khả năng bổ sung cho nhau rất quan trọng và có thể được kết hợp có hiệu quả trên đồng ruộng. PRA là một phương pháp phân tích nhu cầu và ưu tiên của người dân địa phương và để xây dựng kế hoạch phát triển thôn bản như là cơ sở để trao thêm trách nhiệm phát triển cho nông dân. Các mô hình trình diễn và phương pháp huấn luyện nông dân đều là các phương pháp học tập thông qua làm việc và thể nghiệm tính phù hợp của các kỹ thuật khác nhau.
- 2) Các mô hình trình diễn do khuyến nông khuyến lâm nhà nước hỗ trợ ở nhiều nơi thường được làm trên diện rộng và đòi hỏi đầu tư cao, điều này có nghĩa là chỉ có thể thiết lập một số mô hình trình diễn với số lượng hạn chế ở một số nơi (dễ dàng hơn). Cần tập trung nỗ lực vào việc xây dựng các mô hình trình diễn

nhỏ hơn và giảm phần đầu tư quá cao để nông dân có thể quản lý và thấy phù hợp với nguồn lực của họ. Nếu chỉ cần đầu tư ít, mô hình sẽ dễ dàng được nhân rộng ra. Từ quan điểm này, hệ thống khuyến nông khuyến lâm cần học hỏi từ kinh nghiệm của chương trình IPM trong việc hỗ trợ các mô hình nhỏ của nông dân. Việc trao đổi kinh nghiệm này cần phải được khuyến khích một cách tích cực giữa các Trạm khuyến nông khuyến lâm và Trạm bảo vệ thực vật ở cấp huyện.

- 3) Kinh nghiệm từ khuyến nông khuyến lâm dựa trên PRA từ lâu đã được người dân, thôn bản và lãnh đạo xã chấp nhận một cách tích cực ở nhiều nơi. Tuy nhiên, phương pháp PRA vẫn còn khá tốn kém và tốn thời gian trong một số dự án. Điều này có nghĩa là các tỉnh và huyện không có các nguồn vốn hỗ trợ của các cơ quan tài trợ hay của các tổ chức phi chính phủ thì rất khó áp dụng phương pháp này trên diện rộng. Do đó cần có thêm nỗ lực để biến đổi các phương pháp và cách tiếp cận này cho phù hợp với các tình hình và khả năng của chính quyền địa phương.

Thông tin và truyền thông

Báo cáo cuối cùng trong phần này - *Thông tin trong Khuyến nông khuyến lâm*, đưa ra một cách phân tích và nhìn nhận toàn diện của sự phát triển của thông tin Khuyến nông khuyến lâm trong những năm qua. Đây hiện là một lĩnh vực mà phần lớn các hoạt động khi tiếp cận tới các kênh thông tin mới (như truyền hình, video và các ấn phẩm) đang ngày càng phổ biến hơn ở các vùng nông thôn và khi đang có thêm các mối liên kết mới giữa dịch vụ khuyến nông khuyến lâm và các tổ chức thông tin đại chúng. Báo cáo đã tóm tắt các hoạt động thông tin của Cục Khuyến nông khuyến lâm ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và của hai Trung tâm khuyến nông khuyến lâm Tỉnh (Nghệ An và Phú Thọ). Báo cáo cũng nêu bật sự khác nhau về thực trạng thông tin giữa các xã vùng xa xôi và các xã ít xa xôi hơn khi cho thấy cách tiếp cận tới các loại thông tin khác nhau được thực hiện cũng rất khác nhau. Báo cáo cũng rút ra một số bài học từ bốn năm thực hiện các hoạt động thông tin và đưa ra các *đề xuất* sau cho tương lai:

- 1) Cần có thêm nhiều nguồn vốn cấp cho các hoạt động thông tin khuyến nông khuyến lâm cả ở cấp trung ương và các cấp địa phương và cần tăng cường đào tạo tiểu giáo viên về các kỹ năng truyền thông và sản xuất ấn phẩm thông tin.
- 2) Các hoạt động thông tin và truyền thông trong khuyến nông khuyến lâm cần phải được hợp tác chặt chẽ một mặt với các tổ chức thông tin phù hợp và mặt khác, với các tổ chức quần chúng (như Hội Phụ nữ và Hội Nông dân) bởi các tổ chức này cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về kinh tế, xã hội cho nông dân.
- 3) Các vùng khác nhau, các dân tộc khác nhau, kể cả nam giới và nữ giới, tất cả đều cần có các loại thông tin khác nhau - khác cả về nội dung lẫn hình thức. Cần có các cuộc khảo sát để tìm ra các nhu cầu thông tin cụ thể này trước khi bắt đầu công việc sản xuất các ấn phẩm thông tin. Đặc biệt, các hoạt động thử nghiệm cần phải được tiến hành ở các vùng núi, xa xôi, hẻo lánh để tăng cường

khả năng tiếp cận tới các nguồn thông tin phù hợp của đồng bào các dân tộc thiểu số ở đó.

Các chuyên đề trong Khuyến nông khuyến lâm

Đào tạo Khuyến nông khuyến lâm

Một thông điệp được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều báo cáo tại Hội thảo Quốc gia là sự cần thiết phải tăng cường hệ thống đào tạo khuyến nông khuyến lâm (KNKL). Khả năng đào tạo chính thống hiện còn rất yếu, cả ở cấp dạy nghề lẫn cấp chuyên môn. Người ta cũng nhận ra rằng trong khi các kỹ năng kỹ thuật của các khuyến nông viên nhìn chung là tốt, thì họ còn thiếu kinh nghiệm về các phương pháp khuyến nông khuyến lâm mới và về các kỹ năng quản lý kinh tế xã hội cần thiết.

Báo cáo trình bày trong phần này nhìn vào ***Các vấn đề và quá trình phát triển chương trình giảng dạy lâm nghiệp xã hội cho công tác đào tạo cán bộ lâm nghiệp bậc đại học và cao đẳng***. Báo cáo này dựa trên kinh nghiệm của ***Chương trình Hỗ trợ Lâm nghiệp Xã hội*** hiện đang hỗ trợ phát triển một nội dung đào tạo mới cho 5 trường đại học có giảng dạy lâm nghiệp của Việt Nam. Báo cáo trình bày từng bước trong quá trình xây dựng giáo trình giảng dạy mà kết quả là có một khoá chuyên ngành về lâm nghiệp xã hội đang được thực hiện ở trường Đại học Lâm nghiệp Xuân Mai. Một điều dễ nhận thấy là trong báo cáo này tăng cường khả năng đào tạo liên quan tới nhiều quá trình móc nối với nhau: i) tăng cường tổ chức (xây dựng các phương tiện hỗ trợ và các khu thực địa để thực hành và đào tạo dựa trên thực địa); ii) tăng cường cán bộ (tăng cường kiến thức và kỹ năng của cán bộ về các phương pháp và cách tiếp cận mới, bao gồm các thay đổi trong hành vi và cách đối xử cần có trong khuyến nông khuyến lâm); và iii) phát triển chương trình giảng dạy (phản ánh thực tế hiện tại của các thay đổi trong quản lý lâm nghiệp ở Việt Nam, mà trong đó đất rừng trống đang được giao cho nông dân để quản lý trên cơ sở hộ gia đình).

Trong hội thảo, vấn đề đào tạo trong khuyến nông khuyến lâm được thảo luận rất sôi nổi và hữu ích từ đó một loạt các ***đề xuất*** rõ ràng và cụ thể sau được đưa ra:

- 1) Ngay tại thời điểm này, đào tạo là một trong những ưu tiên hàng đầu để tiếp tục sự phát triển thành công của hệ thống KNKL quốc gia. Trong vấn đề này, ưu tiên được đặt ra trước hết là đào tạo ai trước và tổ chức đào tạo nào sẽ đi đầu trong công tác đào tạo này. Trong hệ thống thì có quá nhiều người cần đào tạo có hiệu quả ngay một lúc trong khi lại có quá ít nguồn lực.
- 2) Bước đi đầu tiên trong việc xây dựng hệ thống đào tạo KNKL là nâng cao khả năng cho các tổ chức đào tạo và bản thân những người làm công tác đào tạo. Trước hết cần tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, để xây dựng một đội ngũ tiểu giáo viên KNKL được đào tạo tốt, trước khi tiến hành đào tạo trên diện rộng. Cần có một nỗ lực lớn dành cho việc phát triển chương trình giảng dạy và các phương pháp luận giảng dạy. Chỉ khi đó mới có thể cung cấp các hoạt động đào tạo có hiệu quả và hệ thống cho các Trung tâm KNKL tỉnh và các cán bộ hiện trường của họ.

- 3) Cơ sở tổ chức cho đào tạo KNKL cũng cần phải được giải quyết. Hiện tại, có quá nhiều tổ chức tham gia vào các hoạt động đào tạo khuyến nông khuyến lâm mà không có một kế hoạch tổng thể phân công trách nhiệm tổ chức nào thì nên làm cái gì. Một hiện tượng thông thường là các tổ chức đào tạo ở gần người cần đào tạo nhất thì lại không tham gia trực tiếp công tác đào tạo ở đấy - mà các khoá học và giáo viên lại từ nơi khác đem tới. Ví dụ, các trường đào tạo dạy nghề của tỉnh dường như rất phù hợp với công tác làm dịch vụ cho các nhu cầu đào tạo KNKL của địa phương. Tuy nhiên hiếm khi họ được tham dự vào KNKL và chính họ cũng đang cần các nguồn lực lớn để có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo hợp lý.
- 4) Trong khi các kỹ năng kỹ thuật của cán bộ khuyến nông thường là tốt và có trong hầu khắp các chương trình đào tạo hiện có, thì đặc biệt lại thiếu các kinh nghiệm về các phương pháp KNKL mới, các kỹ năng tiếp thị và quản lý kinh tế, các khía cạnh xã hội của khuyến nông khuyến lâm. Các khía cạnh này cần phải có được sự ưu tiên trong hoạt động phát triển chương trình giảng dạy và các chương trình đào tạo mới trong tương lai.
- 5) Nhiều dự án do nước ngoài tài trợ đang hỗ trợ các hoạt động đào tạo nhưng các dự án này thường thiếu sự điều phối và hợp tác. Đối với các dự án, cũng thường có xu hướng là đưa các chuyên gia từ bên ngoài vào để thoả mãn các nhu cầu đào tạo trước mắt hơn là tập trung xây dựng năng lực cho các tổ chức quốc gia và cơ sở về lâu dài. Cần nhấn mạnh hơn nữa vào việc phối kết hợp các hỗ trợ nước ngoài để có được cách tốt nhất đạt được điều đề cập tới ở trên.

Nhận thức về giới trong Khuyến nông khuyến lâm

Báo cáo này, nâng cao *Nhận thức về giới trong khuyến nông: sự khác nhau của nam giới và nữ giới về cách tham gia và truyền đạt* bắt đầu từ nhận thức rằng nhiều chương trình khuyến nông trong quá khứ đã không thể vươn tới đa số người nghèo ở nông thôn, vì đa số người nghèo ấy là nữ giới. Báo cáo này dựa trên một bộ phim video được thực hiện cùng với một nhóm phụ nữ dân tộc Dao ở tỉnh Yên Bái. Trong phim các phụ nữ Dao nói về viễn cảnh tương lai của họ, cuộc sống hiện tại của họ và một số đề xuất muốn có hỗ trợ từ phía dịch vụ KNKL. Điều nổi lên rõ ràng từ báo cáo này là cần phát triển các phương pháp KNKL hướng vào nữ giới trong tương lai từ cấp quốc gia cho tới cấp cơ sở để thoả mãn các nhu cầu này. Từ đó có một số **đề xuất** sau:

- 1) Việc này gồm có: xác định các doanh nhân nữ ở địa phương, những người sẵn sàng đóng một vai trò tích cực trong hoạt động KNKL ở địa phương và cả các công việc làm kinh tế; xây dựng các dịch vụ thông tin và các hoạt động KNKL phù hợp với nhu cầu thông tin của nữ giới.
- 2) Hỗ trợ phát triển kỹ năng lãnh đạo của nữ giới cả ở cấp cơ sở và trong hệ thống KNKL; và đưa xu hướng chủ đạo trong nhận thức về giới vào các chính sách, hướng dẫn và phương thức làm việc của tổ chức khuyến nông khuyến lâm.

Khuyến nông khuyến lâm đối với đồng bào dân tộc miền núi

Hai báo cáo cuối cùng trong phần này xem xét vấn đề làm thế nào để cung cấp các dịch vụ Khuyến nông khuyến lâm hợp lý và hiệu quả cho các hộ nông dân đồng bào dân tộc thiểu số sống ở các vùng núi xa xôi, hẻo lánh.

Báo cáo về *Khuyến nông đối với đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc* bắt đầu bằng phần tóm tắt thực trạng của hệ thống trong một vài tỉnh miền núi phía Bắc. So với các tỉnh đồng bằng, các hoạt động khuyến nông ở các vùng này bị hạn chế bởi khó khăn trong truyền thông và cơ sở hạ tầng, hạn chế về ngân sách, và Tín dụng - Tiết kiệm, tình trạng thiếu cán bộ nghiêm trọng, đặc biệt cán bộ khuyến nông là người dân tộc thiểu số. Báo cáo tiếp tục phân tích một số nguyên nhân thành công và thất bại của các kỹ thuật mới mà đã được giới thiệu vào những vùng này trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, báo cáo đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm cải tiến hoạt động bao gồm các biện pháp thiết lập mạng lưới khuyến nông khuyến lâm cơ sở để tăng cường sự tiếp cận, mở rộng chương trình đào tạo khuyến nông khuyến lâm để tăng tính phù hợp của khuyến nông khuyến lâm đối với nông dân trong vùng, và các biện pháp chính sách để hỗ trợ sự phát triển của hệ thống.

Báo cáo tiếp theo, về *Biến đổi các chương trình khuyến nông khuyến lâm cho phù hợp với tính đa dạng của các điều kiện canh tác ở miền núi*, nhìn một cách chi tiết hơn vào sự thích ứng của các chương trình khuyến nông khuyến lâm hiện nay đối với các nhu cầu và điều kiện của nông dân sống ở vùng miền núi. Sử dụng ví dụ về canh tác ngô ở vùng miền núi phía Bắc, báo cáo này đã chỉ ra độ đa dạng lớn như thế nào của các hệ thống canh tác ở miền núi, đồng thời nêu ra các khó khăn và thách thức đối với công tác khuyến nông khuyến lâm. Trong tình hình đó, các mô hình hay công thức kỹ thuật tiêu chuẩn khó mà có thể hoạt động được. Cần có thật nhiều các phương pháp khác nhau về mặt phát triển công nghệ hướng vào kết hợp các kỹ thuật và/hoặc các đầu vào với các công nghệ hiện có.

Các bài phát biểu quan trọng

Phần cuối cùng này bao gồm hai phát biểu quan trọng được trình bày vào phiên họp cuối của Hội thảo Quốc gia. Thứ nhất, từ định hướng của Cục Khuyến nông khuyến lâm, nói ngắn gọn về các *Ưu tiên và thách thức trong tương lai đối với dịch vụ khuyến nông khuyến lâm* trong giai đoạn từ nay đến năm 2000 và sau đó. Các thách thức chính sẽ bao gồm sự cạnh tranh ngày càng tăng lên mãnh liệt trên thị trường thế giới và khu vực đối với nông sản, nhu cầu tìm việc làm có ích cho lực lượng lao động dư thừa ở nông thôn, giải quyết các hậu quả tiêu cực của nền kinh tế thị trường, thiết lập duy trì môi trường sinh thái với sử dụng đất bền vững. Trong tình hình này, vai trò kép của Khuyến nông khuyến lâm sẽ là một mặt hỗ trợ quá trình thương mại hoá kinh tế nông nghiệp, trong khi mặt khác phải đóng góp cho nỗ lực phát triển nông thôn nói chung. Nâng cao trình độ kỹ năng và chuyên môn của cán bộ khuyến nông khuyến lâm ở tất cả các cấp được xem là một trong những phần quan trọng để tạo ra một hệ thống khuyến nông

khuyến lâm hoàn thiện. Thêm vào đó, các công nghệ và phương pháp mới đều cần được biến đổi cho phù hợp với hệ thống và điều kiện của nông thôn Việt Nam.

Báo cáo cuối cùng thể hiện một cách nhìn rộng hơn về *Các xu hướng quốc tế trong bối cảnh của các dịch vụ Khuyến nông khuyến lâm phù hợp với Việt Nam*. Báo cáo phát triển một chủ đề xương sống xuyên suốt qua nhiều nghiên cứu chuyên đề và báo cáo kỹ thuật trước đó, hay còn có thể nói là phát triển các dịch vụ Khuyến nông khuyến lâm bền vững và có hiệu quả: "... chúng ta phải xem xét cách nông dân hợp tác với các cấp chính quyền - một quá trình được xem như là sự phối kết hợp - mà sẽ tạo ra các dịch vụ mới mạnh hơn có thể được thực hiện thành công hoặc là bởi Chính phủ hoặc là bởi riêng cộng đồng. "Báo cáo khám phá các phương án và cơ chế khác nhau đang có sẵn để thúc đẩy quá trình phối kết hợp này. Các phương án đó bao gồm hỗ trợ đối với các tổ chức nông dân, nâng cao các yêu cầu đối với các dịch vụ từ bên ngoài, tạo ra một diễn đàn để qua đó các tổ chức và cá nhân có liên quan tập trung vào cách quản lý các thay đổi trong nông nghiệp, thể chế hoá các hợp đồng công tác, và các phương án khác nhau để bù đắp chi phí đóng góp cho tính bền vững. Báo cáo kết thúc bằng phần nhận thức rằng yêu cầu và nhu cầu của nông dân sẽ luôn luôn lớn hơn các nguồn lực của Khuyến nông khuyến lâm. Trong khi các tổ chức nông dân có thể là phương thức tốt nhất để tự nông dân khám phá xem một kỹ thuật cụ thể phù hợp như thế nào đối với kinh tế và hệ canh tác của họ, dịch vụ khuyến nông khuyến lâm cần xác định các nhiệm vụ chính và nên đưa nguồn đầu vào tuy hạn chế song vô cùng quan trọng của hệ thống vào đâu để có thể hỗ trợ quá trình này.

PHÁT BIỂU KHAI MẠC HỘI THẢO QUỐC GIA VỀ KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM CỦA THỦ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NGUYỄN QUANG HÀ

Kính thưa các vị khách quý

Thưa các vị đại biểu

Ngày 2 tháng 3 năm 1993 Chính phủ đã ban hành Nghị định 13/CP quy định về công tác khuyến nông ở Việt Nam. Ngay sau khi Nghị định 13/CP ra đời, hệ thống khuyến nông trong cả nước đã được hình thành và đi vào hoạt động.

Qua hơn 4 năm thực hiện Nghị định 13/CP của Chính phủ, công tác khuyến nông đã có những bước phát triển lớn, một đội ngũ cán bộ làm khuyến nông khuyến lâm đã từng bước trưởng thành, nội dung hoạt động khuyến nông khuyến lâm cũng đã phong phú đa dạng giúp cho bà con nông dân ở nhiều vùng trong cả nước phát triển kinh tế hộ gia đình, nâng cao đời sống của nông dân. Chúng ta có thể khẳng định công tác khuyến nông khuyến lâm đã góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

Tuy nhiên, ở Việt Nam khuyến nông khuyến lâm vẫn là một công việc mới mẻ nên không tránh khỏi những thiếu sót, những việc chưa làm được. Hơn nữa chúng ta đang ở trong thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa nên cũng còn nhiều khó khăn, nhiều hạn chế về phương pháp hoạt động khuyến nông khuyến lâm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội thảo Quốc gia về khuyến nông khuyến lâm lần này nhằm đánh giá lại thực tế hiện tại của công tác khuyến nông khuyến lâm và trao đổi các kinh nghiệm có được trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm từ các vùng khác nhau trong cả nước và đóng góp cho việc phát triển các chính sách trong tương lai để tiếp tục thực hiện Nghị định 13/CP của Chính phủ về công tác khuyến nông.

Thay mặt Lãnh đạo Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tôi xin nhiệt liệt chúc mừng các vị khách quý, các vị đại biểu đã đến tham dự buổi Hội thảo ngày hôm nay. Tôi mong rằng bằng những kinh nghiệm thực tế trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm ở đơn vị mình, địa phương mình, các vị đại biểu sẽ đóng góp tích cực cho thành công của Hội thảo.

Một lần nữa xin chúc các quý khách và các vị đại biểu dồi dào sức khỏe

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 1997

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Hội thảo Khuyến nông lâm Quốc gia

***ĐÁNH GIÁ CHUNG TOÀN QUỐC VÀ
BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CỦA CÁC TỈNH***

BÁO CÁO CHUNG VỀ KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM Ở VIỆT NAM (1993 - 1997)

*Cục khuyến nông và khuyến lâm
Bộ nông nghiệp và PTNT*

Mục tiêu tổng quát của khuyến nông

Đường lối đổi mới của nhà nước Việt Nam 10 năm qua đã đem lại những thay đổi to lớn cho nền kinh tế và xã hội trên phạm vi cả nước. Ở nông thôn, hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất tự chủ được giao đất ổn định, lâu dài. Người nông dân đang ở trong thời kỳ thích nghi nhanh chóng với hệ thống giao đất, chuyển đổi kinh tế hộ từ tự túc sang sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế thị trường năng động. Những thay đổi từng bước nhanh chóng này có nghĩa là các hộ gia đình nông dân đang cần những thông tin tư vấn để tăng thu nhập.

Người nông dân sống trong cộng đồng của họ, hiện nay cộng đồng nông thôn có 3 vấn đề bức xúc: xoá đói nghèo, hợp tác xã, việc làm. Vì vậy mục tiêu tổng quát của khuyến nông là phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn mà chủ thể là người nông dân mới trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chính sách về khuyến nông

Chính sách về khuyến nông, khuyến lâm của Chính phủ được phản ánh trong Nghị định số 13/CP ngày 02/03/ 1993 về "Quy định công tác khuyến nông" và trong Thông tư liên Bộ số 02/LB-TT ngày 02/08/1993 về hướng dẫn thi hành Nghị định 13/CP. Các chính sách đó bao gồm:

- Thành lập hệ thống khuyến nông của Nhà nước từ cấp trung ương đến cấp huyện với số lượng cán bộ trong biên chế nhà nước và mạng lưới khuyến nông viên ở cấp xã theo chế độ hợp đồng. Khuyến khích và cho phép thành lập các tổ chức khuyến nông tự nguyện của các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế xã hội, các cá nhân ở trong và ngoài nước.
- Nguồn vốn cho hoạt động của hệ thống khuyến nông nhà nước được hình thành từ:
 - Ngân sách nhà nước cấp hàng năm
 - Tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước
 - Thu của nông dân một phần giá trị sản phẩm tăng thêm nhờ áp dụng khuyến nông (nguồn vốn cho hoạt động của các tổ chức khuyến nông tự nguyện do chính tổ chức đó tự trang trải).
- Chính sách đối với cán bộ khuyến nông:
 - Cán bộ KN được Nhà nước đào tạo về kỹ năng và nghiệp vụ KN
 - Cán bộ KN đi công tác tại cơ sở được hưởng một khoản phụ cấp ngoài lương
 - Cán bộ KN có thể ký hợp đồng kỹ thuật với nông dân và được nhận thưởng theo hợp đồng.

Thực trạng công tác khuyến nông

Triển khai thực hiện Nghị định 13/CP của Chính phủ về công tác khuyến nông, từ năm 1993 một hệ thống của khuyến nông nhà nước đã được thành lập từ Trung ương đến cấp huyện.

Cấp trung ương

Cục khuyến nông và khuyến lâm thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt (trừ trồng rừng), chăn nuôi và chỉ đạo thực hiện công tác khuyến nông khuyến lâm trong phạm vi cả nước. Hiện tại số lượng cán bộ của Cục gồm 65 người đều có trình độ đại học và trên đại học thuộc các ngành trồng trọt, chăn nuôi và lâm sinh.

Cấp tỉnh

Hiện nay tất cả 61 tỉnh, thành phố trong cả nước đều đã thành lập các Trung tâm khuyến nông trực thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn. Khác với Cục khuyến nông và khuyến lâm vừa quản lý nhà nước về sản xuất và khuyến nông, các Trung tâm khuyến nông chỉ làm nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh, nhưng có một số Trung tâm làm cả nhiệm vụ về sản xuất giống và một số làm cả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, như Trung tâm khoa học kỹ thuật và khuyến nông Nghệ An, Trung tâm khuyến nông, giống và khoa học kỹ thuật Thái Nguyên. Tổng số cán bộ ở các Trung tâm khoảng 800 người, trung bình mỗi Trung tâm có khoảng 12-15 người trong đó 70% có trình độ đại học các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm sinh, thủy sản và kinh tế nông nghiệp.

Cấp huyện

Khoảng 70% trong tổng số gần 600 huyện trong cả nước đã thành lập được Trạm khuyến nông, với tổng biên chế khoảng 2.000 cán bộ khuyến nông, trung bình mỗi Trạm có 3-5 người với trình độ chuyên môn kỹ thuật các ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm sinh. Tuy nhiên, ở một số tỉnh các Trạm khuyến nông huyện trực thuộc Trung tâm khuyến nông tỉnh về mọi mặt, còn một số tỉnh thì lại trực thuộc UBND huyện về tổ chức và quan hệ với Trung tâm khuyến nông tỉnh về chuyên môn. Một số tỉnh không thành lập Trạm khuyến nông riêng mà Phòng nông nghiệp huyện làm cả nhiệm vụ khuyến nông, hoặc thành lập Ban khuyến nông gồm các cán bộ kiêm nhiệm từ các phòng chức năng của huyện.

Cấp cơ sở

Theo Nghị định 13/CP của Chính phủ và Thông tư 02/LB-TT về công tác khuyến nông thì ở các xã hoặc cụm xã được xây dựng mạng lưới khuyến nông viên theo chế độ hợp đồng. Nhưng hiện nay phần lớn các tỉnh đều chưa có mạng lưới khuyến nông ở cấp cơ sở. Nguyên nhân chủ yếu do không có nguồn kinh phí để trả phụ cấp cho đội ngũ khuyến nông viên. Tuy nhiên ở một số tỉnh đã thành lập khuyến nông viên cấp xã hoặc cộng tác viên khuyến nông ở xã với chế độ hợp đồng hàng năm hoặc thời vụ. Ví dụ ở Hải Phòng có 120 khuyến nông viên làm việc ở 120 xã do Thành phố trả phụ cấp, ở An Giang có 233 cộng tác viên đang hoạt động ở

137 xã, hoặc ở Cần Thơ có 611 cộng tác viên hoạt động tại các ấp, Phú Thọ có 800 khuyến nông viên cơ sở...

Ngoài ra ở một số nơi đã xây dựng hình thức Câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ nông dân giỏi, câu lạc bộ khuyến nông trẻ... Các hình thức này đã tập hợp được các hộ nông dân khá giả, các hộ biết làm ăn và nhiệt tình với công tác khuyến nông.

Tại các địa bàn có chương trình, dự án hoạt động khuyến nông với nguồn vốn tài trợ nước ngoài thì đều xây dựng tổ chức khuyến nông thôn bản, thông thường là Ban quản lý thôn bản (hoặc Ban phát triển làng...) và các nhóm sở thích, nhóm trợ giúp...

Như vậy một hệ thống tổ chức khuyến nông nhà nước đã được hình thành tuy chưa hoàn chỉnh, đồng thời bước đầu các tổ chức khuyến nông của nông dân cũng đã được xây dựng ở cấp cơ sở.

Bên cạnh hệ thống tổ chức khuyến nông nhà nước, một số tổ chức khuyến nông tự nguyện của các cá nhân hoặc tổ chức cũng đã được thành lập. Các cơ quan khoa học như Viện, Trường, Trung tâm, các cơ sở sản xuất giống.... đều tham gia hoạt động khuyến nông. Các tổ chức đoàn thể quần chúng như Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội làm vườn, các công ty ngành hàng... cũng tham gia hoạt động khuyến nông. Do vậy công tác khuyến nông có tính xã hội hoá cao.

Nội dung khuyến nông

- Phổ biến những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến về trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và những kinh nghiệm điển hình sản xuất giỏi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- Bồi dưỡng và phát triển kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân để sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, thông tin về thị trường, giá cả nông sản để nông dân bố trí sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Dịch vụ giống, vật tư kỹ thuật để xây dựng mô hình.

Trên cơ sở những quy định đó, các cơ quan khuyến nông hiện nay đang tập trung vào các hoạt động sau:

- Tập huấn những tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân.
- Xây dựng các mô hình trình diễn.
- Tổ chức tham quan, hội thảo đầu bờ cho nông dân học tập kinh nghiệm lẫn nhau.
- Tuyên truyền kiến thức và kinh nghiệm khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Xuất bản và phát hành đến người nông dân các ấn phẩm khuyến nông như sách nhỏ, tranh ảnh, tờ gấp...

Các hoạt động của khuyến nông thời gian qua chủ yếu mới chỉ tập trung vào chuyển giao kỹ thuật, còn các nội dung bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế hộ gia đình nông dân và thông tin thị trường giúp nông dân giải quyết "đầu ra" thì làm chưa được nhiều.

Cách tiếp cận khuyến nông

Do có nhiều tổ chức khác nhau hoạt động khuyến nông nên cách tiếp cận khuyến nông cũng khác nhau, có thể chia làm 4 loại hình như sau:

Tiếp cận theo các chương trình khuyến nông

Hệ thống khuyến nông nhà nước hoạt động chủ yếu theo các chương trình khuyến nông đã được Chính phủ phê duyệt. Đến năm 2000 có 22 chương trình khuyến nông và 8 chương trình khuyến lâm. Với cách tiếp cận này các chương trình khuyến nông nhà nước có vai trò quan trọng để hình thành nên các vùng kinh tế sản xuất hàng hoá có định hướng. Nhưng cách tiếp cận này chủ yếu nhằm thoả mãn dịch vụ đầu vào để hoàn thành các chương trình khuyến nông hơn là nhằm thoả mãn nhu cầu từ người dân. Cho nên nó phát huy tác dụng rõ rệt nhất ở những vùng đồng bằng, vùng dân trí cao và thường thành công đối với các cây nông nghiệp và con vật nuôi. Còn ở những vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và đối với cây lâm nghiệp dài ngày thì cách tiếp cận này còn có mặt hạn chế.

Ngoài ra các nông lâm trường, hoặc công ty sản xuất kinh doanh ngành hàng như cà phê, cao su, chè... cũng có hoạt động khuyến nông như hướng dẫn kỹ thuật, ứng trước vật tư ban đầu... để khuyến khích các hộ gia đình nhận đất sản xuất các sản phẩm mang tính hàng hoá theo định hướng của công ty.

Tiếp cận “đánh giá nông thôn có người dân tham gia”

Các chương trình, dự án phát triển nông thôn có nguồn tài trợ nước ngoài thường sử dụng phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông. Cách tiếp cận này chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu từ người dân. Có thể tóm tắt cách tiến hành hoạt động khuyến nông theo chu trình 6 bước sau:

- Tiến hành đợt đánh giá thôn bản để người dân tự xác định rõ hiện trạng, đưa ra các nhu cầu và tự đề xuất các giải pháp thực hiện.
- Tiến hành thu thập yêu cầu của hộ gia đình và xây dựng kế hoạch khuyến nông thôn bản sơ bộ.
- Tiến hành thẩm định kế hoạch khuyến nông nhằm xác định cụ thể khả năng, nguồn lực của người dân và trách nhiệm của dự án để xây dựng kế hoạch khuyến nông chính thức có tính khả thi của thôn bản.
- Tiến hành đào tạo về quản lý và kỹ thuật cho nhóm quản lý và phổ cập thôn bản.
- Tiến hành các hoạt động thực hiện kế hoạch (chuyển giao kỹ thuật, phân phối vật tư trợ giúp, cho vay vốn... để thực hiện các nội dung cụ thể trong kế hoạch được duyệt).
- Giám sát, đánh giá các kết quả, tồn tại và những việc cần bổ sung, điều chỉnh để chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch hoạt động KN tiếp theo.

Tiếp cận khuyến khích sử dụng vật tư đầu vào cho sản xuất nông lâm nghiệp

Hệ thống dịch vụ vật tư nông nghiệp và các công ty sản xuất sản phẩm vật tư nông nghiệp hoạt động KN bằng các biện pháp hướng dẫn kỹ thuật sử dụng vật tư

nông nghiệp có hiệu quả và năng suất cao như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, các chế phẩm sinh trưởng... và quảng cáo sản phẩm của mình bằng nhiều hình thức nhằm khuyến khích nông dân sử dụng các loại sản phẩm của đơn vị mình.

Trên thực tế các đơn vị sản xuất và dịch vụ vật tư nông nghiệp thường thông qua các tổ chức khuyến nông nhà nước để thực hiện việc khuyến cáo sử dụng vật tư nông nghiệp bằng những hình thức như mở hội nghị khách hàng, xây dựng mô hình trình diễn...

Tiếp cận đào tạo nông dân trên đồng ruộng (Farmer Field School)

Từ năm 1992 chương trình IPM được triển khai ở Việt Nam. Giải pháp cơ bản của IPM là mở lớp học đồng ruộng cho nông dân với cách học thông qua việc làm thực tế, dựa trên khả năng kinh nghiệm sẵn có của nông dân, trang bị những kiến thức cơ bản ban đầu và những kỹ năng cần thiết cho nông dân phát triển dần sự hiểu biết để họ có thể tự nghiên cứu và chủ động giải quyết những phát sinh khi họ gặp phải, cũng như chủ động trong việc cải tiến và phát triển sản xuất. Những nông dân đã được qua lớp đào tạo lại trở thành giảng viên để truyền đạt lại những kiến thức đã học được cho những nông dân khác trong cộng đồng tạo ra hình thái phát triển hình cây mở rộng được kết quả. Điểm mạnh của phương pháp IPM là nó không phụ thuộc vào việc phải có một tổ chức khuyến nông chính thức ở cấp thôn bản, mà thay vào đó nó chủ yếu dựa vào các nhóm nông dân tình nguyện, những người mong muốn được gặp nhau định kỳ khi đến mùa vụ sản xuất để học về một kỹ thuật cụ thể nào đó.

Phương pháp của IPM mới đầu chỉ áp dụng cho cây lúa, sau này đã mở rộng ra áp dụng cho cây rau, cây chè, cây đậu tương, nuôi cá và hiện nay trong dự án IFAT ở Hà Giang đang thiết kế sử dụng phương pháp này trong hoạt động khuyến nông toàn tỉnh.

Tài chính cho khuyến nông

Ngân sách trung ương dành cho các chương trình khuyến nông quốc gia hàng năm như sau:

- Năm 1993 là 3,7 tỷ đồng
- Năm 1994 là 14,3 tỷ đồng
- Năm 1995 là 17,0 tỷ đồng
- Năm 1996 là 23,5 tỷ đồng
- Năm 1997 là 28,5 tỷ đồng

Có thể thấy có sự tăng hàng năm về tài chính cho khuyến nông nhưng mức tăng những năm gần đây chậm và tỷ lệ so với số hộ nông dân trong cả nước thì nguồn tài chính này quá nhỏ bé. Đặc biệt đối với vùng sâu vùng xa và miền núi thì tài chính cho khuyến nông càng hạn chế, ví dụ như trong 3 năm qua kinh phí khuyến nông cho 11 tỉnh vùng núi phía Bắc như sau:

Năm 1994: 2,350 tỷ đồng chiếm 16,4% tổng kinh phí khuyến nông cả nước.

Năm 1995: 3,202 tỷ đồng chiếm 18,8%

Năm 1996: 4,276 tỷ đồng chiếm 18,0%

Hoặc như 4 tỉnh Tây Nguyên thì:

Năm 1994: 0,918 tỷ đồng chiếm 6,4% tổng kinh phí khuyến nông cả nước.

Năm 1995: 1,074 tỷ đồng chiếm 6,3%

Năm 1996: 1,749 tỷ đồng chiếm 7,4%

Ngoài nguồn kinh phí của Trung ương, các tỉnh cũng dành ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông, mức độ cao thấp có khác nhau tùy theo từng tỉnh. Tỉnh cao nhất đến 1 tỷ đồng (như Đồng Nai, An Giang, Cần Thơ...) và thấp nhất khoảng 200-300 triệu đồng (như Cao Bằng, Hà Giang, Phú Yên...). Các huyện và cơ sở cũng đầu tư cho công tác khuyến nông.

Các khuyến nghị và đề xuất

- Hệ thống khuyến nông nhà nước được thành lập là nòng cốt của công tác khuyến nông ở nước ta. Tuy nhiên hệ thống đó chưa hoàn chỉnh ở cấp cơ sở để tạo thành mạng lưới phổ cập rộng khắp nhằm đáp ứng nhu cầu của nông dân. Vì vậy cần phải kiện toàn hệ thống tổ chức khuyến nông nhà nước cả về số lượng lẫn chất lượng, đồng thời chú trọng xây dựng tổ chức khuyến nông nhân dân, đặc biệt ở huyện, xã, thôn bản. Quan trọng hơn nữa là các dịch vụ khuyến nông phải tới được những hộ nghèo là những người có ít cơ hội và khả năng tiếp xúc được với thông tin và thị trường. Mạng lưới và tổ chức khuyến nông thôn bản có thể được thiết lập dựa trên hình thức tự nguyện, ở bất cứ thôn bản nào cũng có một số nông dân có sẵn khả năng và kinh nghiệm sẵn sàng đón nhận vai trò lãnh đạo nhóm. Các hình thức nhóm hộ cùng sở thích, câu lạc bộ khuyến nông, làng khuyến nông tự quản, hợp tác xã kiểu mới là mạng lưới tổ chức khuyến nông bền vững.
- Hiện nay có nhiều chương trình, dự án với tài trợ nước ngoài có hoạt động khuyến nông ở nhiều địa phương của Việt Nam. Điểm mạnh của các chương trình, dự án này là về phương pháp tiếp cận khuyến nông và linh hoạt trong sử dụng tài chính cho các hoạt động khuyến nông. Nhưng điểm yếu của các chương trình, dự án này là tính bền vững sau khi kết thúc chương trình, dự án vì không còn tổ chức tiếp tục đảm nhiệm công tác khuyến nông. Vì vậy cần thiết phải có sự hoà nhập giữa các chương trình, dự án với các tổ chức khuyến nông nhà nước trên địa bàn để một mặt đào tạo được đội ngũ cán bộ khuyến nông có chất lượng cao, mặt khác sẽ tạo ra nề nếp hoạt động dù dự án đã kết thúc. Kinh nghiệm hoà nhập những hoạt động phổ cập của dự án phát triển vùng núi (thuộc chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển) của Lào Cai, Tuyên Quang với hoạt động khuyến nông của hệ thống khuyến nông nhà nước toàn tỉnh, hoặc hoạt động khuyến nông của tỉnh Thái Nguyên là những ví dụ tốt cho tính hiệu quả và bền vững của hướng đi này. Ngoài ra các tổ chức đoàn thể quần chúng (như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh...) hiện nay cũng rất quan tâm đến những hoạt động khuyến nông nhằm giúp đỡ, động viên các hội viên của mình phát triển sản xuất nâng cao đời sống. Do đó cần có những chính sách và biện pháp phối hợp giữa các tổ chức này với cơ quan khuyến nông các cấp để tăng cường các hoạt động khuyến nông và tính hiệu quả của nó.

Trước đây hệ thống các trường đào tạo nông lâm nghiệp của Việt Nam không có chuyên ngành đào tạo khuyến nông, cho nên đội ngũ cán bộ khuyến nông hiện nay chủ yếu là các cán bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp. Không ít người hiểu khuyến nông chỉ là việc chuyển giao kỹ thuật cho nông dân, nhưng thực ra để giúp người nông dân có thể tự chủ động sản xuất có hiệu quả cao thì những kiến thức kỹ thuật chưa đủ mà cần phải có những kiến thức hệ thống về quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, thông tin thị trường, kế hoạch vốn đầu tư... Để hoàn thành được những nội dung đó không chỉ đòi hỏi người cán bộ khuyến nông am hiểu về kỹ thuật mà còn đòi hỏi phải giỏi về kỹ năng giao tiếp, truyền đạt và hiểu biết về xã hội như tâm lý người nông dân, phong tục tập quán dân tộc... Do đó việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp là việc làm cần thiết cả trước mắt lẫn lâu dài để có thể đáp ứng những đòi hỏi ngày càng đa dạng của công tác khuyến nông. Mặt khác nội dung hoạt động khuyến nông cũng cần đẩy mạnh về thông tin thị trường, tín dụng nông thôn, cơ khí chế biến nhỏ... thì mới khắc phục được những lỗ hổng hiện nay của công tác khuyến nông.

Với phương pháp tiếp cận theo các chương trình khuyến nông định hướng, các cơ quan khuyến nông nhà nước thường bị gò bó trong chỉ tiêu tài chính khuyến nông. Trong việc lập kế hoạch khuyến nông chủ yếu vẫn theo cách làm từ trên xuống và trong việc thực hiện kế hoạch trên thực tế các cán bộ khuyến nông thường lựa chọn các hộ khá giả, các hộ biết cách làm ăn hoặc chỉ ít cũng là các hộ nhiệt tình để hoàn thành được các chương trình khuyến nông. Vì vậy hệ thống khuyến nông nhà nước cần thử nghiệm và mở rộng áp dụng các phương pháp tiếp cận khác nhằm thoả mãn những nhu cầu của nông dân trên cơ sở tự bản thân người dân là chính.

Chính sách cho khuyến nông cần được bổ sung cho hoàn thiện trong thời gian tới. Trong đó chính sách đối với cán bộ làm công tác khuyến nông là rất quan trọng, đề nghị Nhà nước có quy định về ngạch bậc cán bộ khuyến nông để chính thức hoá đội ngũ chuyên trách làm công việc khuyến nông. Ngoài ra chế độ khuyến khích cán bộ khuyến nông đi xuống cơ sở cũng phải được chỉ rõ nguồn tài chính.

BÁO CÁO VỀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG TỈNH CẦN THƠ

Trung tâm Khuyến nông Cần Thơ

Tổ chức bộ máy hoạt động

Vào những năm đầu của thập kỷ 90 phong trào khuyến nông bộc phát ở vùng DBSCL trong tình hình chưa có khuôn mẫu định hướng, cùng với nhu cầu phục vụ công tác chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Đặc biệt vào những năm này tỉnh Hậu Giang được tách thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng, lực lượng cán bộ được chia đôi. Với số cán bộ ít ỏi còn lại, Ban Điều phối chương trình Khuyến nông tỉnh Cần Thơ - tiền thân của Trung tâm Khuyến nông hiện nay đã phải nhận một thử thách nặng nề đối với sản xuất lúa - mặt hàng chủ yếu của sản xuất nông nghiệp Cần Thơ. Với dịch rầy nâu và dịch bệnh lùn xoắn lá đã gây hại trên diện rộng gây tổn thất gần 200.000 tấn lúa trong vụ Đông Xuân 92- 93 và có khả năng di hại nặng cho các vụ sau.

Cho nên quá trình hình thành, tổ chức xây dựng bộ máy khuyến nông Cần Thơ gắn liền với yêu cầu tổ chức lực lượng giúp bà con nông dân khắc phục hậu quả dịch rầy nâu, phục hồi và phát triển sản xuất lúa trong các vụ sau, cùng với việc vận động, tổ chức xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật.

Qua 3 năm tổ chức xây dựng bộ máy hoạt động, mạng lưới khuyến nông tỉnh Cần Thơ đến nay tương đối hoàn chỉnh và ổn định.

Tổ chức bộ máy

Hệ thống tổ chức bộ máy khuyến nông hiện nay có cơ cấu từ tỉnh đến cơ sở bao gồm các đơn vị phân cấp quản lý theo sơ đồ 1.

Trung tâm khuyến nông

Đơn vị cấp tỉnh hiện có 15 nhân sự với trình độ 14 kỹ sư, 1 trung cấp, có 6 người đang theo học chương trình thạc sĩ. Cơ cấu tổ chức Trung tâm như sau:

- Ban lãnh đạo: 03, gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc
- Phòng Kỹ thuật: 08 người (trình độ kỹ sư, phụ trách chuyên môn): trồng trọt - 04, chăn nuôi - 02, thủy sản - 01, lâm nghiệp - 01.

- Phòng kế hoạch nghiệp vụ: 04 người (03 kỹ sư, 01 trung cấp) gồm các bộ phận quản lý công tác nghiệp vụ kế hoạch, kế toán tài chính, tổ chức hành chính...

Trạm khuyến nông huyện

Hiện có 07 trạm khuyến nông tương ứng với 07 huyện. Biên chế cán bộ hiện nay gồm 05 người ở mỗi trạm.

Cán bộ Khuyến nông cơ sở (CBKN)

Gồm các cán bộ khuyến nông xã và các cộng tác viên ấp.

Cán bộ khuyến nông xã: được bố trí đều ở các xã, phường có sản xuất nông nghiệp trong tỉnh (79/95 xã phường). Mỗi xã bình quân 01 cán bộ khuyến nông riêng các xã có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn hơn 4.000 ha - bố trí 02 CBKN. Các CBKN xã được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động ngắn hạn theo các tiêu chuẩn: người địa phương có hiểu biết về sản xuất nông nghiệp tại địa bàn, có khả năng công tác phong trào, vận động tuyên truyền tốt, ưu tiên cho người có trình độ trung cấp chuyên ngành nông nghiệp trở lên hoặc tốt nghiệp lớp 12.

Nhân sự do Trạm khuyến nông kết hợp với địa phương tuyển chọn và giới thiệu. Hiện có 98 người/79 xã, phường có sản xuất nông nghiệp.

Cộng tác viên khuyến nông ấp: được bố trí theo địa bàn ấp. Tuyển chọn theo hợp đồng lao động ngắn hạn dựa vào các tiêu chuẩn: Người có kinh nghiệm sản xuất tại địa phương, nhiệt tình với phong trào khuyến nông, cầu tiến, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, có tinh thần tập thể giúp đỡ nhau trong sản xuất.

Nhân sự cũng do Trạm khuyến nông kết hợp với địa phương tuyển chọn và ký thoả ước lao động (báo cáo thông qua Trung tâm khuyến nông). Hiện có 607 cộng tác viên trong 67 ấp có sản xuất nông nghiệp.

Tóm lại, hệ thống khuyến nông Cần Thơ hiện nay gồm có 755 người chia ra:

- 01 Trung tâm khuyến nông: 15 người
- 07 Trạm khuyến nông: 35 người
- 98 cán bộ khuyến nông xã và 607 cộng tác viên khuyến nông ấp.

Về trình độ: ngoại trừ cộng tác viên ấp 607 người chưa phân loại trình độ, còn lại 148 cán bộ từ tỉnh đến xã có 33 trình độ đại học, 99 trình độ trung cấp và 16 đang được đào tạo nâng lên trình độ trung cấp.

Ngoài ra, việc vận động tổ chức xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông (CLBKN) là chủ trương định hướng của tỉnh. Để tăng cường lực lượng khuyến nông viên tự nguyện ở cơ sở với qui mô 30 - 50 hộ, đến nay đã xây dựng được 130 CLBKN. Theo định hướng kế hoạch đến cuối 1997 mỗi xã bình quân có 02 CLBKN.

Chế độ công tác và chính sách

Nhìn chung chế độ sinh hoạt và công tác của hệ thống khuyến nông Cần Thơ tuân thủ những qui định pháp luật của Nhà nước đối với đơn vị HCSN và các thông tư, chỉ thị của Bộ, Cục... Đồng thời có chế độ sinh hoạt công tác nội bộ theo qui định.

Cấp tỉnh

Trung tâm khuyến nông tổ chức họp định kỳ hàng tháng vào ngày 15. Các Trưởng Trạm khuyến nông, các phòng chức năng, các cán bộ phụ trách chuyên môn của Trung tâm phải tham dự đầy đủ và chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác trong kỳ và dự kiến công tác tháng tới. Hưởng lương và công tác phí theo chính sách Nhà nước qui định.

Cấp huyện

Trạm khuyến nông tổ chức họp cấp huyện, gồm các cán bộ khuyến nông xã trong địa bàn huyện, báo cáo tình hình sản xuất và công tác định kỳ 15 ngày hoặc 30 ngày/lần tùy theo yêu cầu kế hoạch công tác và mùa vụ.

Các CBKN của Trung tâm cũng được phân công kiêm nhiệm theo dõi tình hình sinh hoạt và họp bàn công tác của các Trạm. Cán bộ KN huyện cũng được hưởng lương và công tác phí theo chính sách Nhà nước qui định.

Cán bộ khuyến nông xã

Thu thập thông tin về tình hình sản xuất, và các hoạt động khuyến nông trong địa bàn xã thông qua các cộng tác viên ấp định kỳ 10-15 ngày/lần. Cán bộ khuyến nông xã được trả lương (bao gồm công tác phí khoán trong địa bàn xã) theo trình độ, kỹ sư: 187.579đ / tháng, trung cấp: 166.208đ / tháng, trình độ phổ thông: 152.000đ / tháng.

Cộng tác viên khuyến nông ấp

Theo dõi, dự báo tình hình sản xuất, các nhu cầu thông tin kỹ thuật của bà con nông dân và báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến nông cụ thể được huyện, xã giao trong kỳ. Cộng tác viên KN ấp được hưởng trợ cấp 30.000đ / tháng.

Chức năng nhiệm vụ

Căn cứ Nghị định 13/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ và Thông tư 02/LBTT ngày 02/08/1993 về tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy khuyến nông; căn cứ các quyết định 1016/QĐ.UBT.92 ngày 26/10/1992, 1132/QĐ.UBT.93 ngày 11/05/1993, 569/QĐ.UBT.94 ngày 21/04/1994 của UBND tỉnh Cần Thơ về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của tổ chức khuyến nông tỉnh Cần Thơ;

Các chức năng nhiệm vụ cụ thể của mạng lưới khuyến nông Cần Thơ như sau:

Trung tâm Khuyến nông (cấp tỉnh)

- Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị cơ sở thực hiện các chương trình dự án khuyến nông trong tỉnh theo từng tiểu vùng sinh thái, từng lĩnh vực công tác chuyên môn tại địa phương, hướng dẫn các tổ chức đơn vị khuyến nông trong tỉnh xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến nông cho nông dân.
- Phổ biến và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về nông - lâm - ngư nghiệp và những kinh nghiệm sản xuất điển hình cho nông dân trong tỉnh.
- Tổ chức xây dựng đội ngũ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý, rèn luyện tay nghề công tác khuyến nông cho cán bộ cơ sở
- Quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước để thu hút nguồn vốn hoặc tham gia trực tiếp vào các hoạt động khuyến nông tại địa phương.
- Tham gia xây dựng và phổ biến cho nông dân thực hiện qui trình kỹ thuật sản xuất thâm canh cây trồng, vật nuôi, lâm sinh và thủy sản ... phát triển sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch của tỉnh.

- Tổng kết đánh giá việc thực hiện các chương trình dự án khuyến nông ở tỉnh.
Được phân thành 2 bộ phận chức năng như sau:

Phòng Kỹ thuật

- Tìm kiếm nguồn thông tin tiến bộ kỹ thuật mới bằng các biện pháp khác nhau như quan hệ học tập kết quả nghiên cứu của các Viện nghiên cứu, Trường đại học, các điển hình sản xuất trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài nước...
- Tổ chức trình diễn thử nghiệm các tiến bộ kỹ thuật về giống, nguyên vật liệu mới, kỹ thuật mới trong sản xuất cho địa phương.
- Biên soạn nội dung thông tin dưới nhiều hình thức thích hợp như tài liệu bướm, sổ tay, áp phích, video, flippchart, slide, overhead,... để phổ biến rộng rãi cho nông dân.
- Thực hiện công tác huấn luyện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới đến nông dân bằng các hình thức hướng dẫn kỹ thuật, tập huấn thực hiện trình diễn, hướng dẫn tham quan mô hình...
- Theo dõi báo cáo diễn biến tình hình sản xuất, nắm bắt kịp thời các yêu cầu sản xuất của nông dân và phương hướng phát triển của tỉnh, đề ra các biện pháp đáp ứng cụ thể trong từng vụ, từng địa bàn sản xuất.
- Xây dựng mô hình sản xuất tập thể, vận động nông dân thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về nông dân và nông thôn.

Phòng Kế hoạch và nghiệp vụ

- Xây dựng kế hoạch bao gồm: kế hoạch công tác chung của ngành và kế hoạch tài chính cho các chương trình khuyến nông của tỉnh. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chương trình kế hoạch công tác, theo dõi tiến độ và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị.
- Tổ chức, theo dõi, quản lý điều hành nhân sự của mạng lưới.
- Bảo đảm nguồn vật tư, tài chính cho các hoạt động kế hoạch của mạng lưới.
- Xây dựng chế độ làm việc, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt các chủ trương chính sách và qui định Nhà nước.
- Theo dõi, báo cáo tiến độ định kỳ và tổng kết hoạt động thực hiện các chương trình công tác hàng năm.

Trạm khuyến nông (cấp huyện)

- Quản lý điều hành mạng lưới cán bộ khuyến nông cơ sở và khuyến nông tự nguyện ở địa phương.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông theo kế hoạch của tỉnh.
- Tiếp nhận và điều hoà các nguồn vật tư, tài chính phục vụ tốt công tác theo các chỉ tiêu định mức kế hoạch.
- Tổ chức xây dựng và điều hành quản lý mạng lưới khuyến nông tự nguyện tại địa phương.

- Theo dõi, thu thập thông tin về tình hình sản xuất tại địa phương và báo cáo phản ánh kịp thời với Trung tâm khuyến nông và cấp uỷ, chính quyền địa phương.

Tổ chức hoạt động

Các hoạt động theo hệ thống

Trung tâm khuyến nông: xây dựng kế hoạch hoạt động theo sự chỉ đạo của tỉnh (trực tiếp của Ban Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT) cùng với định hướng chuyên môn của Cục khuyến nông và khuyến lâm.

Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý mạng lưới thực hiện các công tác chuyên môn theo định hướng chung. Tạo nguồn và chuẩn bị các điều kiện công tác (kinh phí, vật tư, tài liệu, thông tin...) xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trạm khuyến nông huyện: xây dựng kế hoạch hoạt động theo yêu cầu sản xuất của chính quyền địa phương (trực tiếp là Phòng Nông nghiệp) đồng thời chấp hành tốt hướng chỉ đạo kế hoạch công tác chuyên môn của Trung tâm KN.

Thực hiện tốt trách nhiệm điều hành quản lý mạng lưới cơ sở của huyện. Tiếp nhận, phân phối điều hoà nguồn kinh phí, vật tư tiếp nhận được, bảo đảm thực hiện tốt các chương trình công tác theo kế hoạch.

Cán bộ khuyến nông cơ sở: hoạt động theo sự chỉ đạo trực tiếp của Trạm khuyến nông huyện.

Các hoạt động phối hợp

Dựa trên cơ sở hợp đồng hợp tác, các hoạt động phối hợp được thực hiện theo các kế hoạch liên tịch cấp tỉnh được triển khai cho toàn hệ thống. Các hoạt động phối hợp đã thực hiện trong thời gian qua là:

Phối hợp chuyên môn với các đơn vị: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản, Chi cục Kiểm lâm.

Phối hợp hợp tác chương trình và tín dụng: Sở Khoa học và Công nghệ môi trường, Sở Lao động thương binh xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh, và các tổ chức nước ngoài như Consortium, Bắc Âu, EC...

Phối hợp triển khai hoạt động liên tịch với các đoàn thể: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Làm vườn...

Tổ chức xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông

Bước đầu tổ chức xây dựng các câu lạc bộ Khuyến nông tại Cần Thơ được dựa trên nguyên tắc giúp đỡ nông dân xây dựng các tổ, nhóm tự nguyện liên kết trong hoạt động chuyên của sản xuất nông nghiệp với qui mô 30-50 hộ/ câu lạc bộ.

Nguyên tắc tổ chức

- Trung tâm khuyến nông tham khảo, biên soạn Bản điều lệ chung cho các CLB, hướng dẫn các Trạm vận động tuyên truyền cho nông dân.

- Với sự giúp đỡ của cán bộ khuyến nông huyện, xã, nông dân tự nguyện sinh hoạt điều lệ CLB, viết đơn xin gia nhập, bầu Ban Chủ nhiệm và thực hiện các thủ tục xin thành lập các CLB với chính quyền địa phương.
- Trung tâm khuyến nông hỗ trợ một phần kinh phí, vận động tổ chức, ... theo đề nghị của Trạm huyện.

Tổ chức sinh hoạt

- Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên bao gồm nguồn quỹ của CLB (các hội phí...) và Trung tâm hỗ trợ thêm sinh hoạt phí định kỳ hàng tháng 30.000 đồng để phục vụ cho các buổi sinh hoạt chuyên đề.
- Sinh hoạt: Các CLB có lịch sinh hoạt định kỳ hàng tháng với sự giúp đỡ của CBKN huyện, xã, tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi thông tin tiến bộ khoa học kỹ thuật, sinh hoạt học tập chuyên đề,... hoặc mời cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh, các chuyên gia chuyên ngành của các Viện, Trường thuyết trình về các vấn đề kỹ thuật liên quan sản xuất và mô hình mới đang quan tâm thực hiện. Các CLB được ưu tiên trong công tác chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật như: tham gia huấn luyện, nhân giống mới, thực hiện trình diễn kỹ thuật, hướng dẫn giúp đỡ vay tín dụng từ các nguồn của Ngân hàng, Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, nguồn kinh phí hỗ trợ giống của địa phương... Các CLB được cấp phát tài liệu bướm, sách kỹ thuật, tạp chí, báo chuyên ngành thường xuyên.

Định hướng từ nay đến cuối năm 1998, các Trạm khuyến nông chỉ đạo các xã xây dựng với chỉ tiêu 04 CLB khuyến nông/01 xã.

Nhận xét ưu khuyết điểm của cơ cấu tổ chức và hoạt động hiện nay

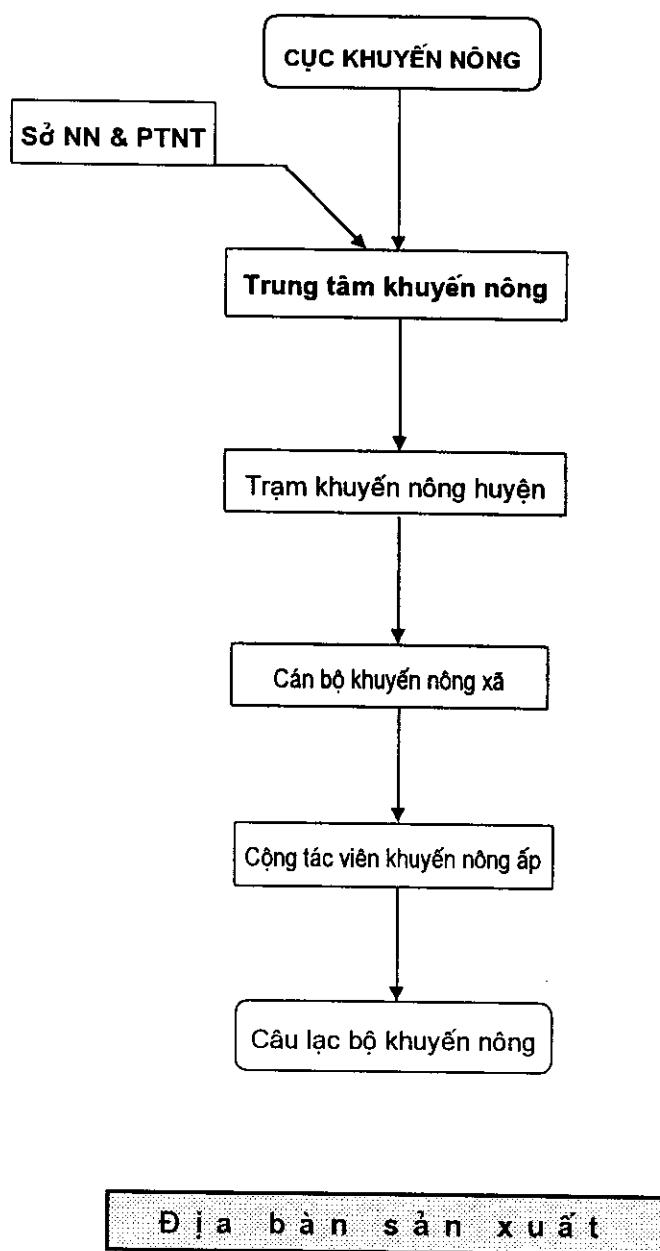
Ưu điểm

- Có cơ cấu hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở trong đó trọng tâm là mạng lưới cán bộ khuyến nông xã, ấp.
- Mặc dù chế độ đãi ngộ và trình độ chuyên môn có giới hạn nhưng mạng lưới cán bộ cơ sở bằng nhiệt tình và được chăm lo bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên đã thể hiện vai trò cầu nối giữa người sản xuất và các trung tâm chuyển giao thông tin tiến bộ kỹ thuật một cách hiệu quả. Đặc biệt đã góp phần phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo sản xuất của các cấp lãnh đạo địa phương một cách nhanh chóng trên diện rộng.

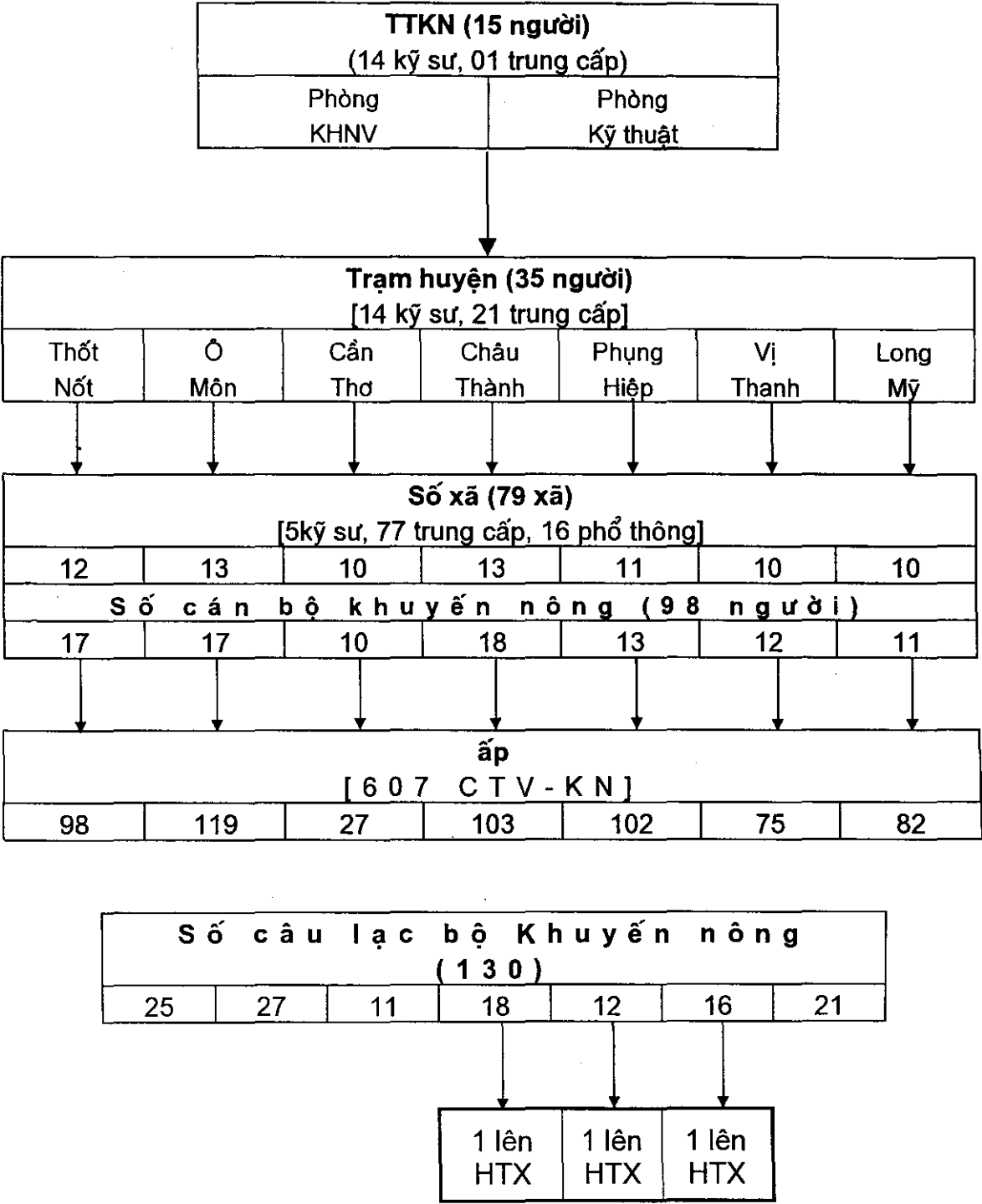
Các mặt còn yếu

- Tổ chức khuyến nông của Cần Thơ mới được thành lập từ giữa năm 1992 đến nay nên chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động khuyến nông.
- Đội ngũ cán bộ mới được đào tạo nên chưa tích lũy được nhiều kiến thức chuyên môn, chưa có kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng.
- Kinh phí Ngân sách cấp phát nhận được từ Kho Bạc không kịp thời theo kế hoạch hoạt động.
- Cán bộ KN xã hưởng lương theo chế độ hợp đồng nên chưa yên tâm công tác.

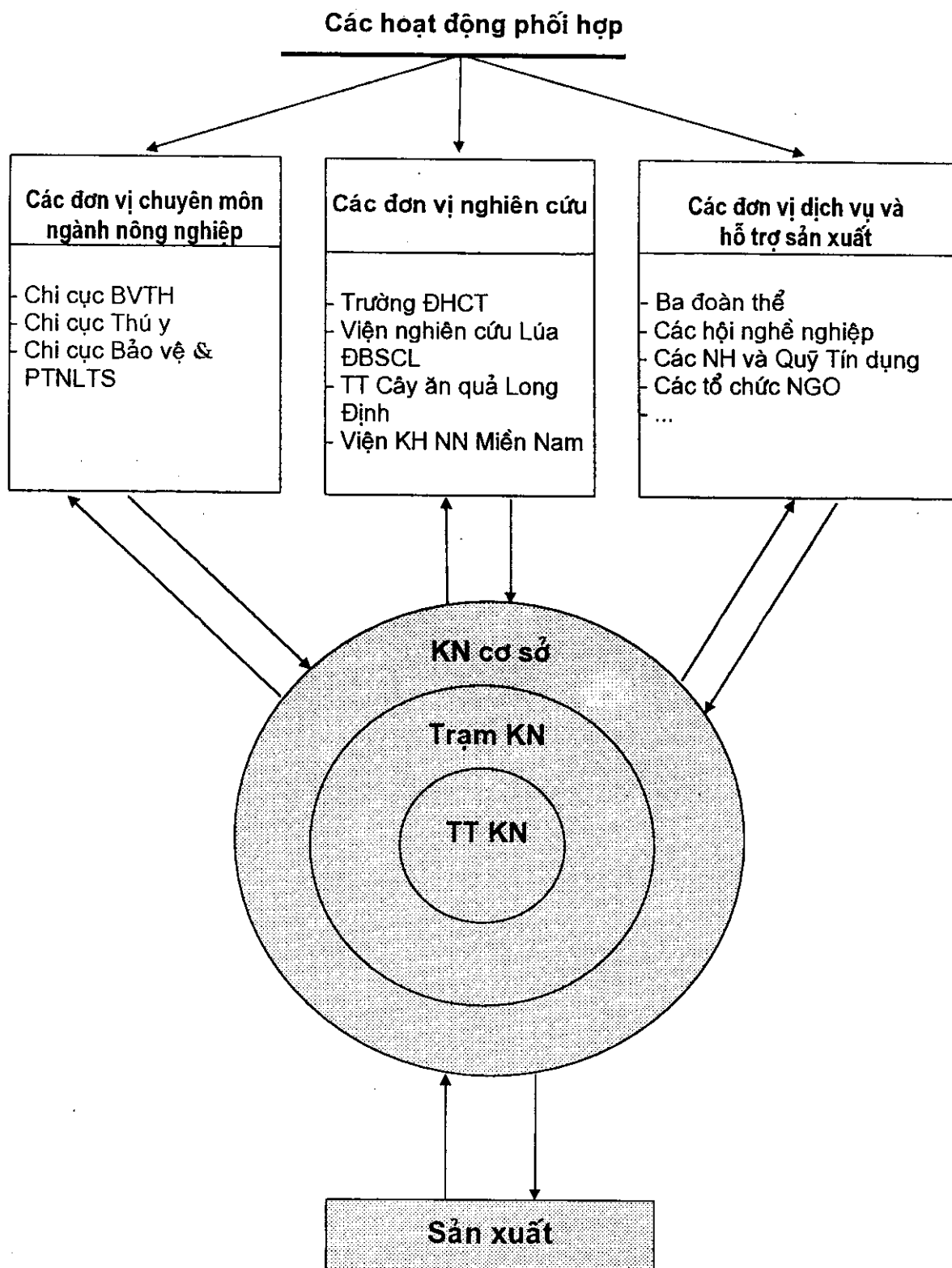
SƠ ĐỒ 1. TỔ CHỨC HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG TỈNH CẦN THƠ



SƠ ĐỒ 2. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ KHUYẾN NÔNG CẦN THƠ



SƠ ĐỒ 3. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CẦN THƠ
(tổng quát)



BÁO CÁO VỀ TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM TỈNH THÁI NGUYÊN (1991 -1997)

*Trung tâm Khuyến nông, Giống và
Kỹ thuật NLN Thái Nguyên*

Giới thiệu

Hệ thống khuyến nông tỉnh Bắc Thái nay là tỉnh Thái Nguyên được thành lập và hoạt động từ tháng 11/1991. Lúc đầu là trung tâm nằm trong văn phòng Sở Nông nghiệp do Giám đốc Sở Nông nghiệp trực tiếp kiêm giám đốc Trung tâm.

- Ở các huyện thành lập các Ban khuyến nông do Đ/C Phó chủ tịch phụ trách kinh tế làm trưởng Ban, trưởng phòng Nông nghiệp làm phó Ban thường trực, 2 trạm trưởng Thú y và BVTV làm uỷ viên, có 1 cán bộ khuyến nông làm điều phối viên khuyến nông giúp Ban xây dựng kế hoạch, điều phối các chương trình, dự án Khuyến nông trên địa bàn huyện, kiểm tra giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các chương trình Khuyến nông của huyện.
- Ở cấp xã thành lập các cụm KN liên xã (3-5 xã thành 1 cụm). Cụm KN liên xã có từ 3-4 CBKN được hưởng lương sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh cấp. Cơ cấu CBKN cụm gồm: 1 kỹ sư trồng trọt, 1 KS chăn nuôi thú y, 1 KS lâm nghiệp hoặc thuỷ sản tùy theo điều kiện cụ thể của cụm đó để bố trí cán bộ cho phù hợp. CB cụm KN sẽ cử ra 1 cụm trưởng chịu trách nhiệm quản lý chung các chương trình, dự án KN có trong phạm vi cụm phụ trách và chịu trách nhiệm về kỹ thuật thuộc chuyên môn của mình được đào tạo, xây dựng kế hoạch hoạt động của cụm và báo cáo kết quả hoạt động KNKL của mình, duy trì sinh hoạt cụm định kỳ...
- Ở cấp thôn bản: thông qua phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của nông dân, xác định khó khăn thuận lợi và nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp của dân để xây dựng các nhóm nông dân tự nguyện có cùng sở thích theo các lĩnh vực kỹ thuật giống nhau (nhóm trồng lúa, nhóm trồng cây ăn quả, nhóm nuôi lợn, nhóm nuôi gà...) thông qua nhu cầu, sở thích của nông dân CBKN cùng bàn bạc với nông dân, hướng dẫn kỹ thuật để nông dân thực hiện được sở thích và nguyện vọng của họ.

Ngay sau khi hệ thống KN được thành lập, Trung tâm đã xây dựng và trình tỉnh phê duyệt 6 chương trình KN: Chương trình cấp I hoá giống lúa; chương trình bò lai sind; Chương trình chè; Chương trình cây ăn quả;... được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 475 QĐ/UB trong giai đoạn 92 - 95 và giao cho Trung tâm KN thực hiện. Từng chương trình đều có mục tiêu và các giải pháp thực hiện, mục tiêu từng năm và được tỉnh cấp kinh phí để thực hiện.

Tháng 3/93 Chính phủ ban hành Nghị định 13/CP, tỉnh đã rà soát lại và đối chiếu với Nghị định của Chính phủ, thấy không có gì sai khác lớn với các thông tư hướng dẫn liên bộ đồng thời đây cũng là mô hình mới nên tỉnh đã quyết định

không thay đổi gì về tổ chức mà chỉ quyết định tách Trung tâm Khuyến nông ra thành đơn vị độc lập trực thuộc Sở có con dấu riêng, tài khoản riêng, có đủ tư cách pháp nhân để hoạt động (quyết định 145 QĐ/UB).

Nhiệm vụ chính của Trung tâm là thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại thông tư 02 liên bộ, hàng năm Trung tâm có đánh giá và tổng kết các chương trình Khuyến nông trên cơ sở các nhiệm vụ được giao và từ năm 92 - 95 Trung tâm đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao góp phần làm tăng sản lượng lương thực của tỉnh bình quân mỗi năm 1 vạn tấn.

Kết thúc giai đoạn 1992 - 1995 kiểm điểm đánh giá lại chương trình Khuyến nông của tỉnh và các chương trình Khuyến nông của Cục, và các tổ chức Quốc tế tài trợ, hệ thống tổ chức Khuyến nông của tỉnh tổ ra có bước trưởng thành cả về lực lượng cán bộ Khuyến nông và phương pháp Khuyến nông được Tỉnh đánh giá cao.

Để chuẩn bị cho giai đoạn 1996 - 2000 Trung tâm đã xây dựng và đề xuất 12 chương trình Khuyến nông cho giai đoạn này và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định 140 QĐ/UB, hàng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và được UBND tỉnh giao chỉ tiêu Ngân sách để thực hiện.

Đến tháng 6/1996, thực hiện chủ trương của Nhà nước 3 ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi được sát nhập thành Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 3 Trung tâm Khuyến nông, khuyến lâm, giống và kỹ thuật chăn nuôi cũng được sát nhập thành Trung tâm Khuyến nông - Giống và kỹ thuật NLN trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT. Trung tâm được giao thêm quản lý và chỉ đạo 6 trạm trại giống kỹ thuật NLN trực thuộc. Như vậy Trung tâm làm thêm chức năng quản lý và sản xuất giống gốc một số cây con chính của ngành.

Trong quá trình thực hiện Trung tâm tự nhận thấy mặt mạnh có nhiều như: Hình thành một hệ thống tổ chức Khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở đủ mạnh để giúp nông dân phát triển sản xuất, có được phương pháp Khuyến nông mới phù hợp với các đối tượng nông dân đặc biệt là nông dân nghèo miền núi, xác định rõ cơ chế hoạt động gắn chức năng nhiệm vụ của Trung tâm với cơ sở, tạo ra được sức mạnh tổng hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng.

Tuy vậy trong quá trình hoạt động Khuyến nông cũng còn bộc lộ một số hạn chế: Năng lực của CB Khuyến nông chưa đồng đều, ở cấp huyện còn lẫn lộn giữa quản lý Nhà nước về Nông nghiệp với sự nghiệp Khuyến nông dẫn đến một số huyện vai trò Khuyến nông đến nông dân chưa thật hiệu quả.

Vì vậy cần rà soát lại tổ chức Khuyến nông, phát hiện điểm mạnh, điểm yếu, tìm nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến hiện trạng này. Từ đó có đề xuất kết cấu tổ chức, mạng lưới Khuyến nông cho phù hợp với điều kiện của tỉnh về kinh tế, xã hội, dân trí, phong tục tập quán của nhân dân địa phương.

Phân tích hiện trạng và những đề xuất

Hàng năm, hệ thống Khuyến nông của tỉnh được Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Thủy sản, UBND tỉnh giao thực hiện các chương trình kinh tế kỹ thuật nông lâm nghiệp, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của tổ chức Khuyến nông tỉnh với

các dự án, các chương trình phát triển khác có liên quan đến công tác Khuyến nông trên địa bàn. Năm 1997, UBND tỉnh và ngành nông nghiệp đã giao cho KN tỉnh thực hiện 9 chương trình KTKT nông nghiệp do Cục KN - KL đầu tư, Bộ Thủy sản giao thực hiện 2 chương trình ở 2 huyện. Đồng thời dự án CIDSE, dự án SNV được triển khai thực hiện đồng bộ với các chương trình KTKT tỉnh giao.

Trong các hoạt động KN, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến người nông dân được xác định là hoạt động quan trọng nhất, việc chọn các tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và khả năng tiếp thu của từng đối tượng nông dân để đảm bảo xây dựng một nền nông nghiệp bền vững là cực kỳ quan trọng.

Chương trình Khuyến nông của tỉnh hiện nay bao gồm

- Chương trình KN của nội bộ nông dân: Do cấp xã, thôn bản xây dựng và tổ chức thực hiện.
- Chương trình KN của huyện, thị do UBND huyện, thị quyết định và tổ chức thực hiện.
- Chương trình KN của tỉnh: UBND tỉnh quyết định và giao ngành nông nghiệp và Trung tâm KN - Giống và kỹ thuật NLN tổ chức thực hiện.
- Chương trình KN của các cơ quan Trung ương (Bộ NN&PTNT, Bộ Thủy sản...) và chương trình KN khác do các tổ chức Quốc tế tài trợ: Ngành nông nghiệp và Trung tâm KN - Giống và kỹ thuật NLN phối hợp thực hiện.

Các chương trình KN trên đều cần có sự tham gia và giữ vai trò chủ lực của lực lượng KN Nhà nước. Hệ thống tổ chức và nhiệm vụ của từng cấp trong hệ thống được thể hiện trong sơ đồ 1.

Trung tâm Khuyến nông - Giống và kỹ thuật NLN tỉnh Thái Nguyên

Nhân lực

34 người ở văn phòng Trung tâm tỉnh. Trong đó: Trình độ trên Đại học và đại học - 26, Trung học - 3, Phục vụ - 5. CBKN thuộc các cụm xã, hưởng lương sự nghiệp - 132. Và 155 người hưởng lương từ sản xuất sản phẩm, thuộc các Trạm, Trại kỹ thuật trực thuộc Trung tâm. Toàn bộ cán bộ thực hiện chương trình đều được tham gia các khóa tập huấn về phương pháp Khuyến nông và chuyên môn kỹ thuật, có khả năng phổ cập đến người nông dân.

Mối quan hệ

- Trung tâm Khuyến nông-Giống và kỹ thuật NLN chịu sự lãnh đạo toàn diện của Sở Nông nghiệp & PTNT và chịu sự lãnh đạo về chuyên môn nghiệp vụ Khuyến nông của Cục KN - KL thuộc Bộ. Trung tâm tiếp nhận các thông tin KHKT từ Cục, Vụ, Viện, Trường... và phối hợp triển khai các chương trình dự án Khuyến nông.

- Với các tổ chức Khuyến nông huyện và cụm Khuyến nông xã: Trung tâm phối hợp chặt chẽ với phòng NN & PTNT huyện để triển khai các chương trình. Trung tâm quản lý các chương trình, hướng dẫn, kiểm tra và nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình.

- Với các tổ chức Khuyến nông tỉnh bạn: Luôn có thông tin trao đổi, tổ chức thăm quan Khuyến nông tỉnh bạn hoặc đón tiếp Khuyến nông tỉnh bạn tới thăm quan nhằm tăng cường hiểu biết và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

. Hệ thống tiếp nhận và phản hồi của cấp dưới và liên hệ với cấp cao hơn được thiết lập bằng việc giám sát kế hoạch các chương trình từ trên xuống, báo cáo tiến độ thực hiện từ dưới lên.

. Nguồn tài chính cho hoạt động tổ chức Khuyến nông: Một phần do ngân sách nhà nước cấp (để thực hiện công tác Khuyến nông), một phần do sản xuất sản phẩm tạo ra (để thực hiện việc triển khai khoa học công nghệ).

. Cơ chế điều hành: Sở Nông nghiệp & PTNT có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác Khuyến nông, Trung tâm Khuyến nông-Giống và kỹ thuật NLN xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các hoạt động, quản lý các chương trình dự án, chương trình KHKT.

. Các vấn đề khác: Trung tâm có hệ thống trạm trại là cơ sở sự nghiệp hoạt động KHKT và chuyển giao công nghệ. Các trạm trại thực hiện việc khảo nghiệm, thực nghiệm, nhân giống, chọn lọc, kiểm nghiệm giống, xây dựng các ô mẫu trình diễn về khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo; kết hợp với CBKN cơ sở thực hiện việc tập huấn kỹ thuật, khuyến cáo cho nông dân; dịch vụ giống và vật tư chuyên dùng cho các chương trình dự án đến các nhóm nông dân và các hộ gia đình.

Ban Khuyến nông huyện, cụm KN - KL xã

Ban khuyến nông huyện thường do Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách kinh tế làm trưởng ban, trưởng phòng NN & PTNT làm phó ban và 1 CB điều phối chương trình, Trạm trưởng trạm BVTV và Trạm Thú y làm uỷ viên. Trừ 1 điều phối viên là cán bộ chuyên trách còn lại cán bộ của Ban đều là kiêm nhiệm.

Căn cứ vào các đặc điểm: Địa bàn, dân cư, dân tộc, tập quán sản xuất..., Ban Khuyến nông thành lập các cụm Khuyến nông khuyến lâm xã. Mỗi cụm có 1 cụm trưởng kiêm nhiệm và từ 2 - 3 thành viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (trồng trọt, chăn nuôi thú y, lâm nghiệp hoặc thủy sản; tùy điều kiện thực tế để bố trí cán bộ). Như vậy, trưởng phó ban vừa điều hành quản lý nhà nước về sản xuất vừa điều hành các hoạt động Khuyến nông và hưởng lương quản lý nhà nước, còn lại một điều phối viên và toàn bộ CBKN ở các cụm xã hưởng lương sự nghiệp.

Người điều phối giữ vai trò quan trọng vì phải điều tiết và nắm tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động của các chương trình, dự án Khuyến nông. Song hoạt động ở cụm lại quyết định hiệu quả công tác Khuyến nông. CBKN cụm xã là người làm trực tiếp với nhóm và hộ nông dân, chuyển tải thông tin về chính sách của nhà nước, về kiến thức KHKT đến nông dân.

CBKN cụm giúp nông dân suy nghĩ định hướng kế hoạch sản xuất phù hợp và có hiệu quả, giúp về KHKT, về dịch vụ vật tư và giúp nông dân có địa chỉ tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời cũng là người tổ chức được mạng lưới Khuyến nông viên thôn bản, thu nhận ý kiến, tâm tư nguyện vọng của người dân để phản ánh lên cấp cao hơn. Như vậy, chỉ khi CBKN cụm hoạt động tốt thì các hoạt động của hệ thống Khuyến nông mới đạt hiệu quả.

Số lượng CBKN chuyên trách ở Ban KN huyện và cụm KN- KL xã toàn tỉnh là 188 người (khi chưa tách tỉnh), 132 người (khi đã tách tỉnh).

Số cụm KNKL xã: 60 cụm (Khi chưa tách tỉnh), 41 cụm (sau khi tách tỉnh).

- *Cơ chế quản lý*: Phòng NN & PTNT huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, Trung tâm Khuyến nông - Giống và kỹ thuật NLN quản lý, điều phối các chương trình chuyên môn kỹ thuật về Khuyến nông.

- *Mối quan hệ*: Ban KNKL và cụm xã luôn phối hợp chặt chẽ với các trạm thú y, trạm BVTV và các trạm trại thực nghiệm thực hiện các chương trình phòng trừ dịch bệnh tổng hợp cho vật nuôi cây trồng.

Hệ thống Khuyến nông khuyến lâm viên cơ sở

Phối hợp với các chương trình dự án, hệ thống Khuyến nông từ tỉnh xuống huyện đã xây dựng được một số làng Khuyến nông, khuyến lâm tự quản (23 làng khuyến nông tự quản, 10 làng khuyến lâm tự quản). Mỗi làng đều chọn được Ban tự quản (Ban phát triển làng) và mạng lưới Khuyến nông, khuyến lâm viên tự nguyện đại diện cho các tổ chức đoàn thể tham gia. Trong làng thành lập nhóm hộ sở thích từng loại cây, loại con.

Hoạt động của hệ thống KNKL viên cơ sở theo kế hoạch do Ban tự quản xây dựng có sự đóng góp của cán bộ khuyến nông cụm, CB dự án. Kinh phí hoạt động của hệ thống KNKL viên cơ sở do quỹ thôn bản và kinh phí hỗ trợ của các chương trình dự án chi.

Đánh giá hệ thống Khuyến nông - Khuyến lâm của tỉnh hiện tại

Với hệ thống tổ chức hiện nay, KNKL của tỉnh phát huy được sức mạnh tổng hợp (nhất là cấp huyện) giữa quản lý chính quyền với quản lý sự nghiệp và đã có tác dụng rõ rệt trong các việc:

- Đưa được các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông thôn vào với người dân.
- Nâng cao dân trí, giúp dân biết cách suy nghĩ, định hướng cho sản xuất để nâng cao đời sống. Đưa được các chương trình KTKT vào từng hộ nông dân.
- Giúp nông dân tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Bên cạnh đó vẫn còn có nhược điểm: Chức năng quản lý nhà nước về sản xuất và chức năng thực hiện các hoạt động Khuyến nông còn bị lẫn lộn (ở cấp huyện). Nhiều khi chức năng quản lý nhà nước đã che lấp hoạt động Khuyến nông nên hoạt động Khuyến nông lúc lên lúc xuống, hạn chế hiệu quả công tác. Đồng thời chế độ tài chính cho CBKN cụm xã chưa rõ, chưa được khuyến khích nên hoạt động Khuyến nông cơ sở chưa đều, một số vùng hoạt động Khuyến nông chưa tới nơi.

Đề xuất hệ thống Khuyến nông Khuyến lâm từ tỉnh xuống thôn bản (Xem sơ đồ 2)

Về kết cấu cơ bản vẫn như hệ thống hiện nay, nhưng để phát huy được những ưu điểm, đề xuất hệ thống Khuyến nông khuyến lâm mới của tỉnh là thay Ban KN

huyện thành Trạm KNKL trực thuộc UBND huyện. Trạm thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban KNKL hiện tại. Biên chế trạm gồm: 1 trạm trưởng: Phụ trách chung kết hợp điều phối chương trình (Tổng hợp, kế hoạch, báo cáo); 1 kế toán, 1 thủ quỹ, thủ kho và đánh máy hành chính. Như vậy so với hệ thống hiện tại, hệ thống mới sẽ tăng biên chế ở mỗi trạm lên 2 người (không phải kiêm nhiệm với nhiệm vụ bên quản lý nhà nước).

Nhưng sẽ có thuận lợi:

- Vẫn có được sự ủng hộ của chính quyền, nhưng sẽ tránh được sự lẫn lộn giữa quản lý nhà nước về sản xuất và chức năng hoạt động Khuyến nông.
- Kinh phí cho tổ chức hoạt động Khuyến nông riêng, tạo điều kiện cho trạm chủ động hơn trong việc thực hiện kế hoạch chương trình.
- Trạm lúc này chỉ còn một nhiệm vụ duy nhất là thực hiện các chương trình Khuyến nông nên việc thực hiện sẽ được tập trung và toàn diện hơn.
- Việc thanh quyết toán các chương trình dự án đúng tiến độ yêu cầu (hiện nay khâu thanh quyết toán ở cấp huyện rất chậm).
- Chủ động mở rộng quan hệ và phối hợp với các trạm, trại, các tổ chức quần chúng khác.

Công tác tín dụng trong hoạt động Khuyến nông khuyến lâm

Hiện nay, ở Thái Nguyên, để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cùng với công tác Khuyến nông khuyến lâm thì hàng loạt các chương trình KTKT nông nghiệp khác cũng được thực hiện như chương trình cây lương thực, chương trình bò lai Sind, chương trình lợn nạc, chương trình thủy nông... Đồng thời các chương trình dự án của CIDSE, FAO, SNV, của các Viện, Bộ... cũng được triển khai.

- Các hoạt động tín dụng phục vụ công tác Khuyến nông khuyến lâm của địa phương cũng có từ nhiều nguồn, bên cạnh phần kinh phí được hỗ trợ nông dân còn được vay tiền của các chương trình dự án, của chương trình 327, của nguồn vốn theo quyết định 120...
- Các hình thức tín dụng hiện đang sử dụng: Vay bằng hình thức thế chấp, tín chấp, dự án sản xuất nhỏ...
- Nhờ có các hình thức tín dụng được sử dụng rộng rãi, thuận tiện nên người nông dân đã có được vốn để mở rộng sản xuất, có điều kiện thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp, tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật, đầu tư thâm canh tăng năng suất.

Sự phối hợp của tổ chức Khuyến nông nhà nước với các dự án

Trong những năm qua, tổ chức Khuyến nông nhà nước của tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các dự án, đặc biệt là dự án CIDSE. Khuyến nông nhà nước luôn gắn hoạt động thực hiện các chương trình KTKT về nông nghiệp với hoạt động của dự án. Đồng thời các dự án đã cung cấp kiến thức về công tác Khuyến nông, hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho Khuyến nông. Nếu không có hệ thống Khuyến nông thì các chương trình dự án phát triển nông nghiệp sẽ vào dân rất khó khăn. Vì thế giữa tổ chức Khuyến nông nhà nước với các dự án cần phối hợp thật chặt chẽ thì sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nhau, cuốn hút nhau hoạt động đạt hiệu quả.

huyện thành Trạm KNKL trực thuộc UBND huyện. Trạm thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban KNKL hiện tại. Biên chế trạm gồm: 1 trạm trưởng: Phụ trách chung kết hợp điều phối chương trình (Tổng hợp, kế hoạch, báo cáo); 1 kế toán, 1 thủ quỹ, thủ kho và đánh máy hành chính. Như vậy so với hệ thống hiện tại, hệ thống mới sẽ tăng biên chế ở mỗi trạm lên 2 người (không phải kiêm nhiệm với nhiệm vụ bên quản lý nhà nước).

Nhưng sẽ có thuận lợi:

- Vẫn có được sự ủng hộ của chính quyền, nhưng sẽ tránh được sự lẫn lộn giữa quản lý nhà nước về sản xuất và chức năng hoạt động Khuyến nông.
- Kinh phí cho tổ chức hoạt động Khuyến nông riêng, tạo điều kiện cho trạm chủ động hơn trong việc thực hiện kế hoạch chương trình.
- Trạm lúc này chỉ còn một nhiệm vụ duy nhất là thực hiện các chương trình Khuyến nông nên việc thực hiện sẽ được tập trung và toàn diện hơn.
- Việc thanh quyết toán các chương trình dự án đúng tiến độ yêu cầu (hiện nay khâu thanh quyết toán ở cấp huyện rất chậm).
- Chủ động mở rộng quan hệ và phối hợp với các trạm, trại, các tổ chức quần chúng khác.

Công tác tín dụng trong hoạt động Khuyến nông khuyến lâm

Hiện nay, ở Thái Nguyên, để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cùng với công tác Khuyến nông khuyến lâm thì hàng loạt các chương trình KTKT nông nghiệp khác cũng được thực hiện như chương trình cây lương thực, chương trình bò lai sind, chương trình lợn nạc, chương trình thủy nông... Đồng thời các chương trình dự án của CIDSE, FAO, SNV, của các Viện, Bộ... cũng được triển khai.

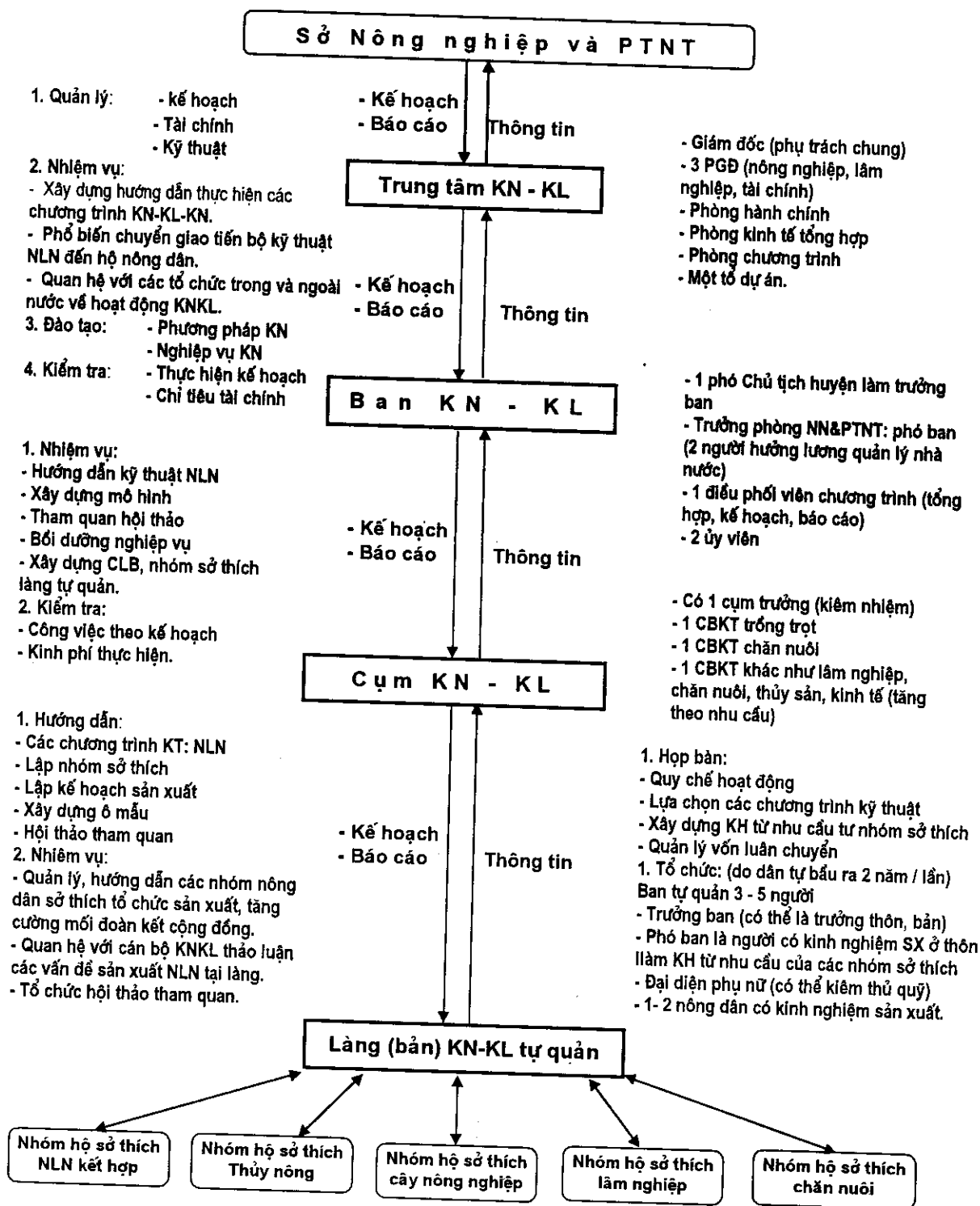
- Các hoạt động tín dụng phục vụ công tác Khuyến nông khuyến lâm của địa phương cũng có từ nhiều nguồn, bên cạnh phần kinh phí được hỗ trợ nông dân còn được vay tiền của các chương trình dự án, của chương trình 327, của nguồn vốn theo quyết định 120...
- Các hình thức tín dụng hiện đang sử dụng: Vay bằng hình thức thế chấp, tín chấp, dự án sản xuất nhỏ...
- Nhờ có các hình thức tín dụng được sử dụng rộng rãi, thuận tiện nên người nông dân đã có được vốn để mở rộng sản xuất, có điều kiện thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp, tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật, đầu tư thâm canh tăng năng suất.

Sự phối hợp của tổ chức Khuyến nông nhà nước với các dự án

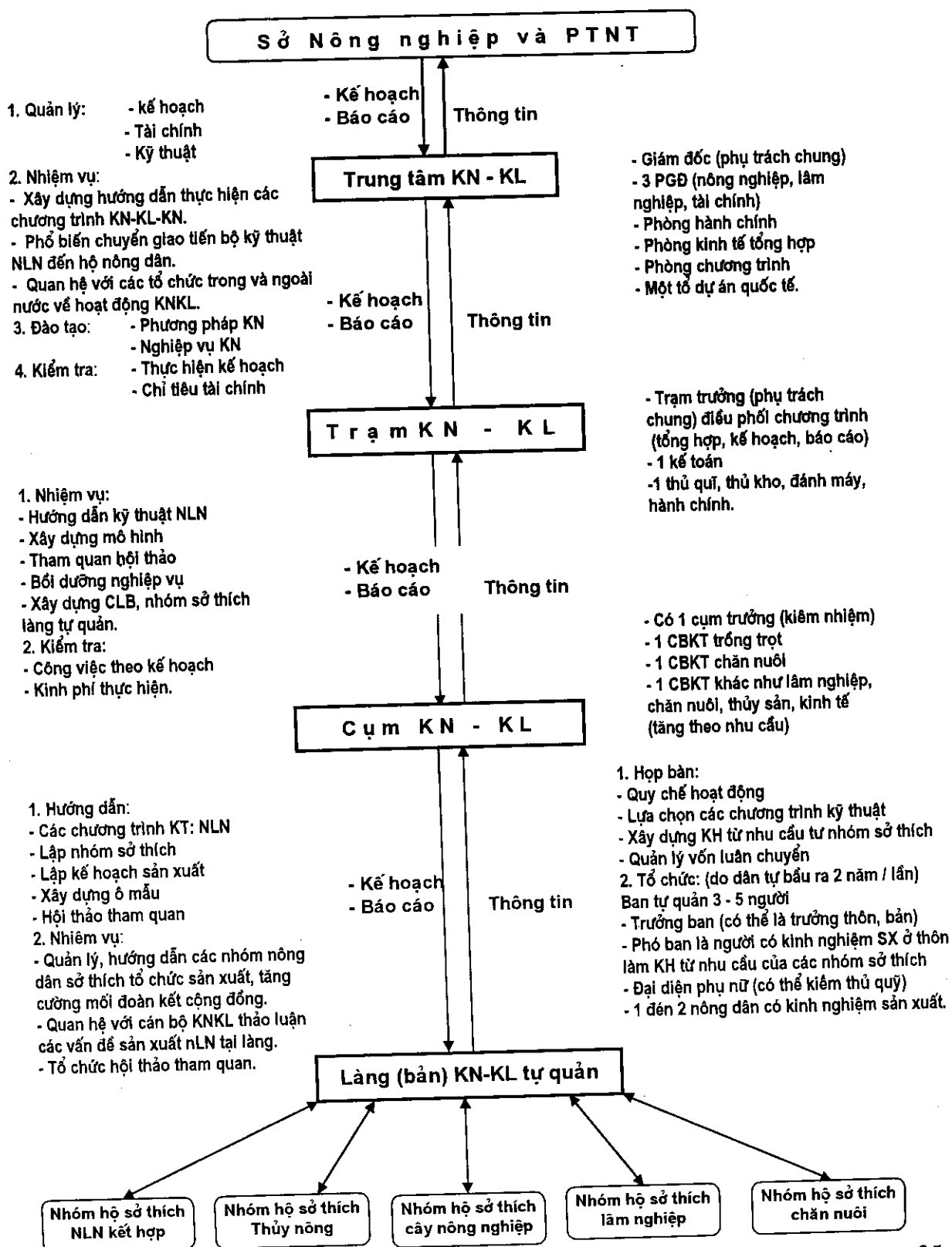
Trong những năm qua, tổ chức Khuyến nông nhà nước của tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các dự án, đặc biệt là dự án CIDSE. Khuyến nông nhà nước luôn gắn hoạt động thực hiện các chương trình KTKT về nông nghiệp với hoạt động của dự án. Đồng thời các dự án đã cung cấp kiến thức về công tác Khuyến nông, hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho Khuyến nông. Nếu không có hệ thống Khuyến nông thì các chương trình dự án phát triển nông nghiệp sẽ vào dân rất khó khăn. Vì thế giữa tổ chức Khuyến nông nhà nước với các dự án cần phối hợp thật chặt chẽ thì sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nhau, cuốn hút nhau hoạt động đạt hiệu quả.

Trên đây là bản báo cáo tham luận của Trung tâm Khuyến nông - Giống và kỹ thuật NLN Thái nguyên về tổ chức hệ thống Khuyến nông khuyến lâm của tỉnh Thái nguyên. Chúng tôi hy vọng qua hội thảo sẽ có những điểm bổ sung mới nhằm giúp công tác tổ chức và hệ thống Khuyến nông khuyến lâm của tỉnh chúng tôi được hoàn thiện hơn, hoạt động có hiệu quả cao hơn.

SƠ ĐỒ 1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC KN-KL THÁI NGUYÊN HIỆN NAY



SƠ ĐỒ 2. ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG TỔ CHỨC KN-KL THÁI NGUYÊN MỚI



BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG TỈNH LONG AN

Trung tâm Khuyến nông Long An

Hiện trạng hệ thống tổ chức

Trung tâm Khuyến nông Long An được thành lập từ tháng 9 năm 1991, là đơn vị hoạt động sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh. Nguồn nhân sự ban đầu được điều động từ Phòng Kỹ thuật và đội ngũ giáo viên trường Trung cấp KTNN Long An để xây dựng bộ khung cho khối văn phòng Trung tâm tỉnh và một số ít Trạm Khuyến nông huyện. Song song với tiến trình hoạt động, hệ thống tổ chức được mở rộng dần và đến năm 1995 đã có đủ 14 Trạm Khuyến nông trên tổng số 13 huyện và 1 thị xã của tỉnh. Tổng số nhân sự hiện thời là 75 người, phân theo trình độ chuyên môn như sau:

- Trình độ đại học: 54 người, gồm các chuyên ngành: trồng trọt 33 người, chăn nuôi thú y 11 người, sư phạm KTNN 3 người, thủy sản 5 người, kinh tế nông nghiệp 1 người, tài chính 1 người.
- Trình độ dưới đại học: 21 người gồm các chuyên ngành: trồng trọt 11, chăn nuôi 5 và số còn lại là sơ cấp và lao động phổ thông.

Tổ chức bộ máy

Trung tâm được tổ chức như sau:

- Ban giám đốc: gồm 1 giám đốc điều hành chung, 1 phó giám đốc phụ trách hành chánh, 1 phó giám đốc phụ trách kỹ thuật - nghiệp vụ khuyến nông.
- Phòng Nghiên cứu-ứng dụng: phụ trách công tác thu thập, nghiên cứu, xử lý chọn lọc các loại thông tin kỹ thuật nông nghiệp và tổ chức quảng bá bằng phương pháp trình diễn (7 người).
- Phòng thông tin-đại chúng: phụ trách công tác thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin kinh tế, kỹ thuật, thực hiện quảng bá qua các phương tiện truyền thông đại chúng: báo chí, truyền thanh, truyền hình, biên soạn phát hành tài liệu kỹ thuật, thiết kế xây dựng poster, panel cổ động và các loại trợ huấn cụ (5 người).
- Phòng hành chánh-tổ chức: phụ trách công tác tổ chức cán bộ, hành chánh và quản lý tài chánh (5 người).
- Các Trạm Khuyến nông huyện, thị: phụ trách theo địa bàn các nội dung khuyến nông được giao theo kế hoạch chung của Trung tâm (và tham gia vào các chương trình khuyến nông do UBND huyện tổ chức). Cán bộ khuyến nông cấp huyện công tác trực tiếp đến cơ sở xã, ấp với sự tăng cường, điều động nhân sự từ văn phòng Trung tâm hoặc từ các Trạm khác tùy theo nội dung công việc (tổng số 55 người/14 Trạm).

Trung tâm là đơn vị trực thuộc Sở NN & PTNT Long An, một Phó giám đốc Sở trực tiếp chỉ đạo các hoạt động. Chế độ báo cáo công tác được thực hiện định kỳ tháng. Đối với ngành dọc, Trung tâm đặt dưới sự lãnh đạo của Cục KN & KL - Bộ NN & PTNT.

Hệ thống khuyến nông được tổ chức theo ngành dọc từ tỉnh đến huyện, có cùng một nguồn tài chính được cấp theo kế hoạch chung hàng năm từ ngân sách tỉnh. Công tác quản lý chuyên môn, nhân sự và tài chính trên tất cả các đơn vị phòng, trạm trực thuộc được tiến hành theo kế hoạch thống nhất của Trung tâm. Chế độ điều hành dựa trên chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm và theo dõi tiến độ qua định kỳ họp giao ban tháng.

Tổ chức khuyến nông ở Long An đã sớm có kế hoạch hoạt động liên tịch với các tổ chức quần chúng là Hội NDVN, Hội LHPN, Đoàn TNCSHCM, Hội Làm vườn từ năm 1993. Hoạt động phối hợp này được thực hiện xuyên suốt từ cấp tỉnh đến huyện theo chủ trương "xã hội hoá hoạt động khuyến nông" đã được TƯ, UBND tỉnh chỉ đạo.

Thông qua sự lãnh đạo của sở NN & PTNT, từ văn phòng Trung tâm đến các Trạm huyện, thị đều thiết lập mối quan hệ nghiệp vụ với các đơn vị cùng ngành như các Chi cục: Bảo vệ Thực vật, Thú y; các công ty như: Chăn nuôi, Lương thực, Vật tư nông nghiệp...

Trung tâm đã tạo được mối quan hệ rộng rãi với các Viện Nghiên cứu khoa học (Viện NC lúa ĐBSCL, Viện KHNN Miền nam...), các trường đại học (ĐH. Nông lâm TP. HCM, ĐH Cần Thơ), các Trung tâm, Trạm về giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn Long An. Chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác là cơ sở quan trọng đã được xác định ngay từ đầu nhằm liên tục tạo được nguồn cung cấp những tiến bộ kỹ thuật mới, những chương trình hợp tác đào tạo, hợp tác thực hiện các dự án phát triển. Đồng thời phản hồi kịp thời những vấn đề nảy sinh ở địa phương để góp phần định hướng cho công tác nghiên cứu phục vụ sản xuất thực tế.

Qua quá trình hoạt động, Trung tâm ngày càng thiết lập được mối quan hệ rộng rãi với nông dân, từ đó hình thành một lực lượng cộng tác viên; dù không chính thức; đã góp phần rất lớn và hữu ích cho công tác tuyên truyền quảng bá ứng dụng kỹ thuật. Lực lượng cộng tác viên này thuộc nhiều đối tượng, là cán bộ cơ sở hội, đoàn quần chúng là nông dân, là các tổ chức liên kết sản xuất của nông dân và kể cả cán bộ kỹ thuật ngoài ngành. Chủ yếu sự tham gia của họ vì ham thích khoa học kỹ thuật và ý hướng tự nguyện góp phần cải thiện đời sống cộng đồng. Đối với Trung tâm, chưa có chế độ thù lao cho lực lượng này (hiện có trên 500 cộng tác viên ở cơ sở).

Mạng lưới Khuyến nông ở cơ sở

Trong thời gian từ thành lập đến nay, mạng lưới cán bộ khuyến nông của Trung Tâm Khuyến nông Long An chỉ mới tổ chức được từ tỉnh đến các Trạm huyện, chưa có tổ chức khuyến nông nhà nước ở cơ sở (xã, ấp). Vì thế, để triển khai được ngày càng nhiều hơn các hoạt động khuyến nông đến sâu rộng trong thôn, xóm. Trung tâm đã từng bước hình thành được một mạng lưới cộng tác viên khuyến nông ở cơ sở trên cơ sở *tự nguyện* hỗ trợ cho hệ thống Khuyến nông của Nhà nước. Đối với mạng lưới này, Trung tâm không có định biên hay hợp đồng lao động và cũng không có chế độ thù lao hàng tháng. Tuy nhiên, qua quá trình cộng tác, có thể khẳng định đây là lực lượng đã đóng góp công sức rất lớn để quảng bá mọi công việc của khuyến nông cần được triển khai đều khắp đến cơ sở.

Nhu cầu cần thiết phải có cộng tác viên ở cơ sở

Hiện nay, số cán bộ khuyến nông ở mỗi trạm còn rất ít (từ 2 - 4 người/trạm), địa bàn các huyện đều khá rộng và nhu cầu của nông dân ngày càng nhiều và đa dạng. Do vậy, không thể không có những cộng tác viên tại cơ sở để góp sức thực hiện nhanh chóng và có tính tiếp nối các hoạt động khuyến nông. Sự tham gia của cộng tác viên cụ thể như:

- * Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, tham quan tại đơn vị xã, ấp.
- * Trực tiếp thực hiện các mô hình trình diễn.
- * Tham gia quảng bá kết quả trình diễn tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.
- * Nắm và hiểu rõ nhu cầu, nguyện vọng của cư dân trong vùng nên phản hồi chính xác những thông tin cần thiết cho hệ thống khuyến nông huyện, tỉnh. Từ đó, có biện pháp xây dựng và điều chỉnh các nội dung khuyến nông phù hợp và thiết thực.

Các dạng cộng tác viên

Tuỳ theo vị trí, khả năng của cộng tác viên và tính chất của nội dung khuyến nông, có thể tạm phân loại các dạng cộng tác viên ở cơ sở như sau:

a) *Cộng tác viên là cán bộ các đoàn thể* (Hội Nông dân VN, Hội LHPN, Đoàn TNCSHCM, Hội Làm vườn). Là những người thường xuyên giao tiếp với nông dân, các cán bộ đoàn thể ở xã, ấp chủ yếu cộng tác với khuyến nông trong việc phối hợp tổ chức tập huấn, hội thảo đầu bờ, tham quan học tập. Trong các hoạt động này, nhiều vụ của cộng tác viên từ đoàn thể là giới thiệu và cùng cán bộ khuyến nông chọn địa điểm, chọn nông hộ, tập hợp nông dân đến tham dự các dịp sinh hoạt khuyến nông. Cần nói thêm, các hoạt động phối hợp đã được chỉ đạo xuyên suốt từ phía Trung tâm và các đoàn thể thông qua kế hoạch liên tịch phối hợp hoạt động được thực hiện hàng năm từ cấp tỉnh.

b) *Cộng tác viên là nông dân*. Trong thực tế, lực lượng này được hình thành và phát triển thông qua quá trình hoạt động, giao tiếp với hệ thống Khuyến nông. Đó là các nông dân thể hiện được các tiêu chuẩn:

- * Có uy tín và sẵn sàng góp sức cho việc cải thiện sản xuất và đời sống của cộng đồng nông thôn.
- * Bản thân ưa thích KHKT và thông thường là đối tượng tiên phong trong lĩnh vực thử nghiệm, trình diễn các tiến bộ KHKT mới tại địa phương.

Tuỳ theo tính chất, yêu cầu đòi hỏi của loại hình kỹ thuật và khả năng của cộng tác viên mà Trung tâm quyết định việc phân bổ, giao phó nội dung khuyến nông cụ thể. Có thể diễn giải tóm tắt như sau:

Đối với công tác khảo nghiệm giống mới (lúa, rau màu, cây công nghiệp, vật nuôi...) để xem xét đánh giá khả năng thích nghi khu vực đòi hỏi rất cao tính chính xác của kết quả thì phải chọn những nông dân có đủ điều kiện sản xuất đặc trưng của sinh thái vùng, có nhiều kinh nghiệm và khả năng nắm bắt các yêu cầu kỹ thuật và có được sự chịu khó, kỹ lưỡng. Thời gian qua, cộng tác viên tham gia công tác khảo nghiệm giống cùng với Trung tâm hàng vụ, hàng năm chỉ trên dưới 30 người nhưng khá ổn định và được tập huấn chuyên sâu về lĩnh vực này.

Đối với loại hình trình diễn các mô hình có yêu cầu kỹ thuật trung bình thì số lượng cộng tác viên chiếm số đông và có thể thay đổi theo vụ, theo năm, nhưng số ổn định thì trong khoảng 200 người.

Ngoài ra, một số cộng tác viên có thể không tham gia trực tiếp và đều đặn trong các hoạt động trình diễn nhưng vẫn sẵn sàng góp sức cho công tác tổ chức, sinh hoạt, quảng bá các thông tin KHKT ở địa phương, diện cộng tác viên này hầu hết là các đối tượng phụ trách các CLB nông dân, các tổ nhóm nông dân liên kết sản xuất.

Quyền lợi của cộng tác viên

Đối với loại hình tập huấn, hội thảo, tham quan

Các cộng tác viên tham gia chiêu sinh, tổ chức địa điểm sinh hoạt thì được nhận mức thù lao là 30.000 đồng/ lớp hoặc hội thảo, tham quan.

Đối với loại hình trình diễn có mức đầu tư thấp

Một số loại hình khảo nghiệm giống cây trồng, trình diễn giống lúa, rau màu, kỹ thuật sử dụng phân bón, các biện pháp mới trong canh tác, vệ sinh phòng bệnh... có mức đầu tư riêng cho nội dung kỹ thuật ứng dụng từ 100.000 - 400.000đ thì khoản vốn hỗ trợ bằng vật tư này cộng tác viên được hưởng không hoàn lại.

Tuy nhiên, họ phải đầu tư bổ sung đủ các khoản chi phí sản xuất khác theo đúng yêu cầu ứng dụng kỹ thuật và có trách nhiệm hướng dẫn, giải thích phương pháp ứng dụng trực tiếp với bà con nông dân khác có nhu cầu tìm hiểu trong suốt quá trình sản xuất, thu hoạch hay xuất bán sản phẩm cũng như báo cáo toàn bộ kết quả thực hiện trong hội thảo này.

Đối với loại hình trình diễn có mức đầu tư cao

Một số nội dung trình diễn như cải tạo vườn tạp, nuôi cá thâm canh, ương cá giống, mô hình sản xuất kết hợp VAC, nạc hoá đàn heo, ứng dụng trang thiết bị mới vào chăn nuôi, v.v... có mức đầu tư cho chuyên đề kỹ thuật trình diễn cần trên 400.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho mỗi điểm, cộng tác viên sẽ được nhận số vốn hỗ trợ thông qua hợp đồng trình diễn có giá trị thu hồi vốn 100% (không lãi suất) theo thời hạn thực hiện cụ thể. Các phần trách nhiệm thuộc cộng tác viên tương tự như yêu cầu chung cho tất cả các loại hình trình diễn.

Tóm lại, có thể thấy quyền lợi về mặt vật chất cụ thể dành cho cộng tác viên ở tất cả các dạng hoạt động đều không đáng kể và không cố định. Tuy nhiên, các cộng tác viên này hiểu rõ họ được hưởng một quyền lợi khác là ưu tiên được cung cấp các thông tin KHKT qua tham gia trực tiếp với công việc phối hợp, qua sự gắn bó với hệ thống Khuyến nông, qua tài liệu KHKT, tập san thông tin khuyến nông tháng được cấp miễn phí và còn có dịp học hỏi qua các chuyến tham quan trong và ngoài tỉnh do khuyến nông tổ chức.

Mối liên lạc giữa hệ thống khuyến nông - cộng tác viên và một vài nhận xét về mạng lưới cộng tác viên hiện có

Mối liên lạc giữa hệ thống khuyến nông Nhà nước và lực lượng cộng tác viên chủ yếu thông qua lịch công tác cụ thể trên nội dung được phối hợp hoạt động.

Ngoài ra, các cộng tác viên còn liên lạc với các Trạm huyện, thị hay văn phòng Trung tâm vào bất kỳ lúc nào qua thư từ, điện thoại hoặc gặp trực tiếp.

Mạng lưới cộng tác viên hiện có dù chưa được tổ chức chính quy, các đối tượng tham gia không phân biệt tuổi tác, giới tính, trình độ... mà chỉ dựa vào thiên hướng sẵn sàng tham gia công việc xã hội và ham thích KHKT. Do đó, công tác quản lý chưa được đặt nặng, ngân sách Nhà nước không phải chi trả lương. Đồng thời, còn thực hiện được tốt phương pháp khuyến nông "từ nông dân đến nông dân" và góp phần rất lớn để giải quyết khó khăn của hệ thống khuyến nông hiện nay còn ít và mỏng. Tuy nhiên, trong thời gian tới với yêu cầu công việc cao hơn và cần được xây dựng nền móng ở cơ sở ổn định, việc có chủ trương xây dựng mạng lưới chính thức với các tiêu chuẩn chọn lựa, sử dụng có tính lâu dài thì Trung tâm vẫn phải tính đến.

Một số đề nghị về công tác tổ chức Khuyến nông ở cơ sở

Kinh tế nông nghiệp trước mắt và cả trong tương lai vẫn giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong cơ cấu kinh tế chung, nhưng hiện nay việc đầu tư và đào tạo cán bộ ở cấp cơ sở còn rất thiếu, nhiều xã thiếu hoặc không có cán bộ chuyên trách về nông nghiệp. Do vậy, những thông tin về chính sách, chủ trương của Nhà nước hay các khuyến cáo ứng dụng kỹ thuật trong lĩnh vực khuyến nông không đến được đầy đủ với nông hộ, tế bào căn bản của sản xuất nông nghiệp. Vì thế, rất cần thiết củng cố vị trí cán bộ quản lý nông nghiệp ở cấp xã và xây dựng hệ thống khuyến nông cơ sở hướng tới tính chuyên nghiệp cho các giai đoạn sau.

Về phía khuyến nông, chúng tôi có quan điểm cán bộ khuyến nông ở cơ sở cần được đào tạo đầy đủ về kỹ năng và nghiệp vụ khuyến nông, cũng như một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật nông nghiệp. Đối tượng khuyến nông viên cơ sở nên xuất thân là nông dân hoặc con em nông dân cư ngụ trong vùng được lựa chọn theo tiêu chuẩn hàng đầu là tinh thần phục vụ cộng đồng.

Đồng thời, không nên bố trí khuyến nông viên cơ sở tham gia vào bộ máy chính quyền xã vừa có thể bị lệ thuộc thời hạn công tác theo nhiệm kỳ của chính quyền xã vừa có thể xa rời vào công tác như cán bộ hành chính (khác với cán bộ quản lý nông nghiệp xã).

Bộ NN & PTNT nên sớm có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng mạng lưới khuyến nông viên cơ sở trên các mặt tiêu chuẩn tuyển chọn, nhiệm vụ quyền hạn, chế độ đãi ngộ, định biên theo tỉ lệ số lượng nông hộ phụ trách,... để các địa phương có thể thực hiện thống nhất.

Nhận định hiện trạng

Những thế hiện tích cực

- Hệ thống khuyến nông được tổ chức theo ngành dọc đã phát huy được thế mạnh về mặt chỉ đạo thống nhất công tác quản lý và quảng bá có trọng tâm những giải pháp kỹ thuật kịp thời và phù hợp trên từng địa bàn. Đồng thời, tập hợp được lực lượng một cách chủ động để có thể tiếp ứng linh động đối với các yêu cầu.

- Trung tâm Khuyến nông Long An đã được sự quan tâm tạo nhiều điều kiện thuận lợi của TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về mọi mặt và sự lãnh đạo trực tiếp, theo dõi thường xuyên của Sở NN & PTNT. Do vậy, việc triển khai và cải thiện công việc được thực hiện suôn sẻ, thuận lợi.

- Chủ trương "xã hội hoá hoạt động khuyến nông" theo thời gian càng phát huy tác dụng rộng rãi trên cơ sở liên kết chặt chẽ và thường xuyên mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quần chúng và lực lượng cộng tác viên. Đây chính là những đơn vị, cá nhân đã góp phần quan trọng trong việc tham gia tổ chức thực hiện các nội dung khuyến nông ở cơ sở và tích cực thu thập luồng thông tin phản hồi cho hệ thống khuyến nông có cơ sở đánh giá và cải thiện công tác. Đặc biệt vai trò của cộng tác viên ở cơ sở càng ngày càng đóng góp nhiều hơn cho mục tiêu quảng bá thông tin.

- Mối quan hệ hợp tác rộng và được thiết lập từ sớm của hệ thống khuyến nông với các Viện, Trường... đã bảo đảm thực hiện được mục tiêu quan trọng là luôn luôn có nguồn cung cấp và yểm trợ thông tin khoa học kỹ thuật phổ cập.

- Kết quả đạt được trong thời gian vừa qua có thể được đánh giá là tích cực và rộng rãi từ chủ trương cân đối các hoạt động khuyến nông trực tiếp (tập huấn, hội thảo, tham quan, trình diễn...) với các hoạt động gián tiếp mang tính đại chúng (báo chí, truyền thanh, truyền hình, tài liệu kỹ thuật...).

- Một trong những công việc trọng tâm hàng đầu của Trung tâm trong suốt thời gian qua luôn quan tâm thực hiện là bồi dưỡng kỹ năng khuyến nông và kiến thức phổ cập chuyên ngành cho cán bộ khuyến nông và cả cho một số cộng tác viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác theo quan điểm khuyến nông viên phải là người có hiểu biết toàn diện và có khả năng thuyết phục, hướng dẫn nông dân tin tưởng làm theo những khuyến cáo của họ.

Những mặt tồn tại

- Lực lượng mỏng, ít có khả năng tăng nhân sự, một số cán bộ còn yếu về kỹ năng khuyến nông. Tỷ lệ về chuyên ngành không cân đối; trong đó chưa có cán bộ lâm nghiệp.

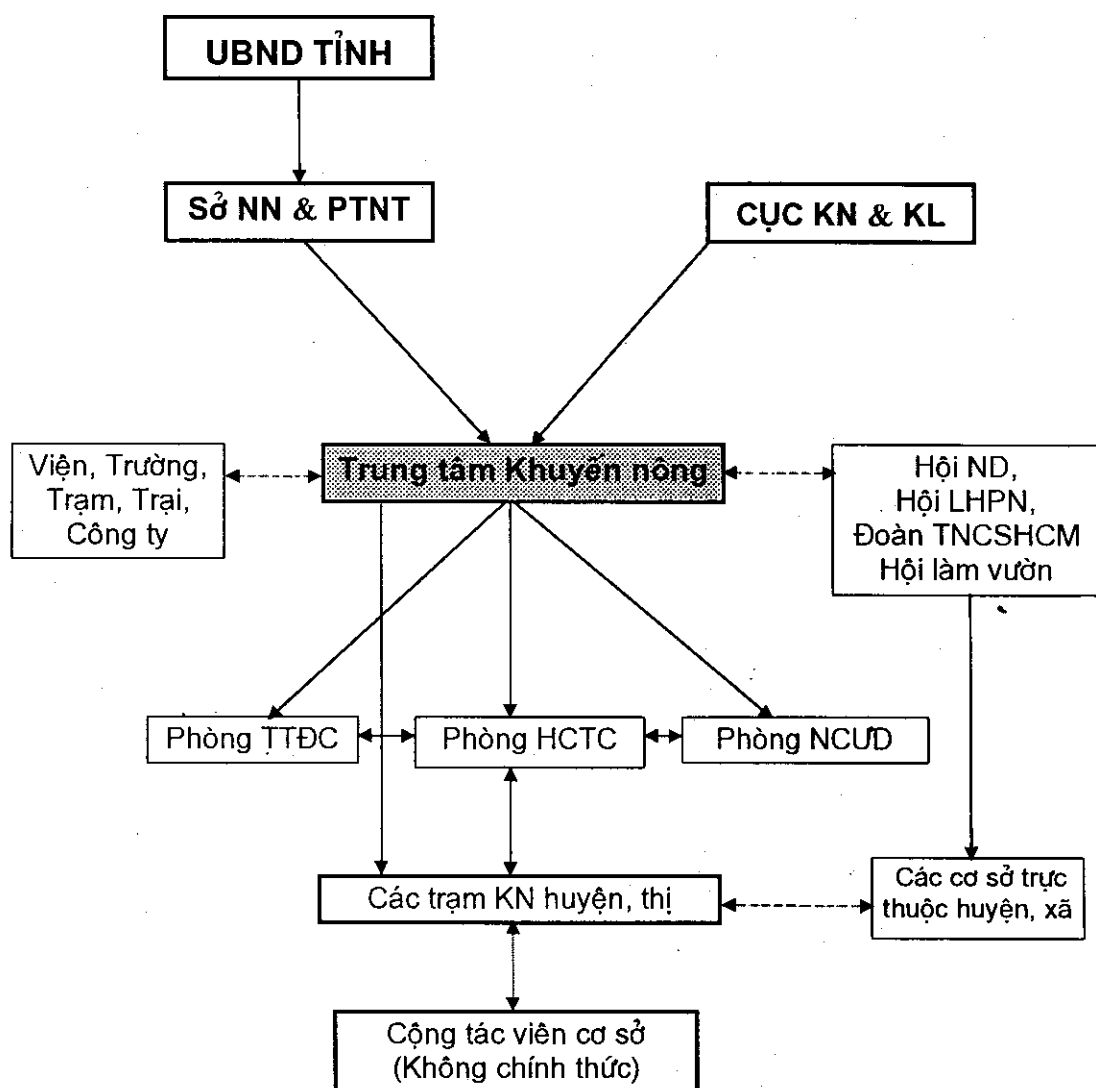
- Chưa có hệ thống khuyến nông viên chính thức ở cơ sở (xã, ấp).

- Chưa có phòng chuyên trách về công tác đào tạo, huấn luyện.

Những kiến nghị

- 1) Tăng cường đầu tư cho công tác bồi dưỡng kỹ năng và kiến thức chuyên môn, tổng hợp cho cán bộ khuyến nông một cách có hệ thống từ trung ương đến cơ sở.
- 2) Xem xét việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho hệ thống khuyến nông để cải thiện năng suất làm việc của cán bộ.
- 3) Có chủ trương cụ thể về định biên cán bộ cho hệ thống tổ chức khuyến nông với chức năng, chức danh cụ thể. Đồng thời có chỉ đạo cụ thể về định hướng xây dựng lực lượng khuyến nông viên ở cơ sở.
- 4) Xem xét về mặt chính sách cải thiện thu nhập cho cán bộ khuyến nông.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG LONG AN



Ghi chú:

————> Chỉ đạo trực tiếp

◄————> Quan hệ nghiệp vụ

◄-----> Quan hệ hợp tác

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG Ở CƠ SỞ TỈNH AN GIANG

Trung tâm KN An Giang

Tổ chức bộ máy hoạt động khuyến nông hiện nay của tỉnh

Hệ thống tổ chức

Cấp tỉnh: Trung tâm Khuyến nông

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang được thành lập ngày 1/4/1995. Hiện nay tổng số nhân sự của Trung tâm là 16 người theo cơ cấu tổ chức như sau:

- Ban Giám đốc: 2 người (1 Giám đốc và 1 Phó giám đốc. Phó giám đốc kiêm chức Trưởng Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ).
- Phòng Hành chính - Tài vụ: 5 người, gồm 1 Phó phòng, 1 Kế toán, 1 Thủ quỹ, 1 trung cấp vi tính và 1 lái xe.
- Phòng Kỹ thuật - Nghiệp vụ: 7 người, gồm 1 Phó phòng và 6 cán bộ khuyến nông.
- Phòng Thông tin - Quảng bá: 2 người, gồm 1 phó Phòng và 1 cán bộ.

Trong tổng số nhân sự trên đây thì có 13 người tốt nghiệp đại học (8 kỹ sư Trồng trọt + 3 kỹ sư Chăn nuôi. Trong đó có 1 kỹ sư Chăn nuôi có thêm bằng trung cấp vi tính + 1 kỹ sư Cơ khí + 1 kỹ sư Kinh tế) và 1 trung cấp Kế toán.

Cấp huyện, thị

Chưa thành lập Trạm KN (Khuyến nông) theo nội dung Nghị định 13/CP của Chính Phủ, mà vẫn hoạt động theo cơ chế cũ trước đây của ngành Nông nghiệp. Nghĩa là tại huyện, thị có Tổ Nông nghiệp, trực thuộc Tổ Nông nghiệp có 2 Trạm: Trạm Bảo vệ Thực vật và Trạm Thú y.

Tổ Nông nghiệp là đơn vị ngang dọc do Sở Nông nghiệp (và UBND huyện, thị) quản lý. Tuy nhiên, Tổ Nông nghiệp cũng có chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm KN cùng các đoàn thể tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn huyện, thị.

Số lượng nhân sự trong biên chế hiện nay của Tổ Nông nghiệp từ 3 - 5 người, tùy theo quy mô diện tích đất nông nghiệp và sự đa dạng của ngành nghề (hiện nay có một số Tổ Nông nghiệp chưa đủ biên chế). Đối với Trạm thì biên chế của mỗi Trạm là từ 5 - 7 người, ngoài ra nếu Trạm nào có tổ chức hoạt động thêm dịch vụ như: mua bán thuốc BVTV, giống, dịch vụ chăn nuôi thú y... thì có thể tuyển thêm người (hợp đồng), nhưng Trạm phải lấy nguồn thu từ dịch vụ để tự trả lương cho những đối tượng hợp đồng này.

Cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)

Cũng sử dụng theo hệ thống tổ chức cũ của ngành Nông nghiệp, tức là mạng lưới Kỹ thuật viên (KTV). Từ tháng 12/94 trở về trước thì mỗi phường, xã, thị trấn bố trí 3 KTV (nếu có đủ người), gồm 1 KTV về trồng trọt, 1 KTV chăn nuôi thú y, 1 KTV địa chính. Nhưng kể từ đầu năm 1995 đến nay, sau khi ngành Địa chính tách ra thì mỗi phường xã chỉ còn 2 KTV do ngành Nông nghiệp quản lý. Tổng số KTV

hiện có tại 137 phường xã, thị trấn của tỉnh là 233 người, trong đó có 38 người tốt nghiệp đại học, 64 người có trình độ trung cấp, 130 người có trình độ sơ cấp. Về cơ cấu ngành nghề thì có 84 KTV Trồng trọt, bảo vệ thực vật và 149 KTV Chăn nuôi thú y.

Các KTV có trình độ đại học tuy hoạt động tại cơ sở nhưng thuộc biên chế 1 trong 2 Trạm Huyện (Trạm BVTV hoặc Trạm Thú y, tùy theo ngành nghề) được tăng cường về cơ sở, do đó các KTV này được hưởng đầy đủ các tiêu chuẩn, chế độ của viên chức Chính phủ, còn những người khác có trình độ từ trung cấp trở xuống thì làm việc theo chế độ hợp đồng dài hạn (không thuộc biên chế) và hưởng phụ cấp hàng tháng theo định suất. Các KTV làm việc theo hình thức bán thời gian, chủ yếu là hoàn thành nhiệm vụ được giao chứ không theo quy định giờ giấc hành chính.

Phương thức hoạt động của mạng lưới KTV cấp cơ sở

Về hoạt động chuyên môn, thì lực lượng KTV được giao cho Tổ trưởng Tổ Nông nghiệp trực tiếp quản lý với sự hướng dẫn, hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông và các chuyên viên Sở Nông nghiệp. Công việc chủ yếu của các KTV tại cơ sở bao gồm các mặt sau đây:

- Nắm tình hình sản xuất nông nghiệp để báo cáo lên cấp trên và làm tham mưu cho Cấp uỷ, Uỷ ban trong việc quản lý và phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương.
- Tham gia vào các hoạt động khuyến nông các cấp hoặc trực tiếp tổ chức các hoạt động khuyến nông tại cơ sở như làm điểm trình diễn, tập huấn, tham quan, hội thảo, xây dựng đội ngũ nông dân giỏi.
- Trực tiếp giúp đỡ cho bà con nông dân địa phương về kỹ thuật, tổ chức, quản lý sản xuất.
- Cùng với các đoàn thể và chính quyền địa phương bình chọn Nông dân giỏi để đi dự Đại hội Nông dân giỏi cấp tỉnh hàng năm.
- Theo dõi, đôn đốc hoặc trực tiếp quản lý các Trạm Thông tin nông nghiệp, tổ chức các hoạt động khuyến nông tại Trạm và phân phát các tài liệu khuyến nông.

Ngoài những nhiệm vụ chủ yếu trên đây, nhiều anh chị em còn tham gia vào công tác chính quyền hoặc đoàn thể tại địa phương như công tác thuỷ lợi, nghĩa vụ quân sự, thu thuế nông nghiệp, là thành viên hay cán bộ lãnh đạo của Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... Với những công việc phụ này, anh chị em có thể được trả thêm một khoản phụ cấp hay không tùy thuộc vào địa phương. Về mặt quản lý chuyên ngành thì Sở Nông nghiệp không khuyến khích các anh chị em KTV đảm nhận thêm công việc tại cơ sở.

Riêng về công tác khuyến nông thì các KTV được tham gia vào việc xây dựng kế hoạch khuyến nông hàng năm của huyện. Sau khi xây dựng xong kế hoạch năm, Tổ Nông Nghiệp gửi lên Trung tâm Khuyến nông tỉnh để xin kinh phí. Khi nhận được kinh phí thì Tổ Nông nghiệp sẽ phối hợp với các KTV hoặc giao hẳn cho KTV và đứng ra tổ chức các hoạt động khuyến nông tại cơ sở. Sau khi kết thúc hoạt động khuyến nông thì KTV và Tổ Nông nghiệp lập thủ tục để quyết toán với Trung tâm Khuyến nông tỉnh.

Các Tổ nông nghiệp huyện, thị đều có lịch họp KTV định kỳ mỗi tháng 1 - 2 lần để nắm tình hình, triển khai công việc thời gian tới, phổ biến những thông tin mới, phân phối tài liệu và phát lương cho anh chị em.

CLB Khuyến nông

Hiện nay, trong tỉnh có 1 CLB Khuyến nông cấp huyện (An Phú) và 49 CLB Khuyến nông cấp cơ sở (tiền thân các CLB Khuyến nông cấp cơ sở là Câu lạc bộ IPM). CLB Khuyến nông huyện An Phú có 1 Ban Chủ nhiệm 3 người (1 Chủ nhiệm và 2 Phó Chủ nhiệm) là nông dân, do các hội viên bầu ra để quản lý CLB, và một mạng lưới gồm 6 CLB tại cơ sở. Theo điều lệ thành lập, các CLB tại cơ sở trực thuộc sự quản lý của CLB Huyện (Trung tâm đang chuẩn bị thành lập thêm một CLB Khuyến nông cấp huyện tại Châu Phú trong tháng 6/96).

Các CLB Khuyến nông ở cơ sở thường có từ 30 - 40 hội viên là nông dân cư ngụ trong phạm vi phường xã cũng có một Ban Chủ nhiệm gồm 2 người (1 Chủ nhiệm và 1 Phó chủ nhiệm) do các hội viên bầu ra.

Về mặt Nhà nước, các CLB Khuyến nông đặt dưới sự quản lý, giám sát và hỗ trợ của Hội Nông dân huyện, thị và Tổ Nông nghiệp. Nguồn kinh phí hoạt động của CLB do Trung tâm Khuyến nông và Chi cục BVTV tỉnh cấp. CLB cấp huyện tổ chức sinh hoạt mỗi tháng 1 lần, cấp cơ sở thì mỗi tháng từ 1 - 2 lần (không kể những lần đột xuất). Những hình thức hoạt động khuyến nông của CLB là: hội thảo, tập huấn, tham quan, làm điểm trình diễn, hội thi năng suất kỷ lục tập trung vào các nội dung như cây con, IPM, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thuốc thuốc bảo vệ thực vật...

Nhận xét ưu khuyết điểm của cơ cấu tổ chức và hoạt động hiện nay

Ưu điểm

- Tổ chức bộ máy gọn nhẹ từ tỉnh xuống cơ sở, hoạt động có hiệu quả tương đối khá.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông có năng lực, nhiệt tình, yêu nghề, có kinh nghiệm tương đối trong việc tổ chức các hoạt động khuyến nông.
- Nông dân An Giang đã tiếp thu hoạt động khuyến nông một thời gian lâu (8 năm) và nói chung, khá nhạy bén với kiến thức KHKT mới trong nền thị trường, nên giúp cho hoạt động khuyến nông được thuận lợi hơn.

Nhược điểm

- Tổ chức hệ thống khuyến nông như hiện nay chưa tách rời được hoạt động khuyến nông với công tác quản lý nhà nước, nên cán bộ viên chức trong ngành phải đảm đương một lúc 2 nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc và việc quy hoạch, đào tạo cán bộ.
- Hầu hết cán bộ đang hoạt động trong hệ thống khuyến nông của tỉnh chưa được đào tạo qua trường lớp khuyến nông, nhất là trường lớp chính quy, và nhiều trường hợp làm việc dưới dạng kiêm nhiệm nên hiệu quả của hoạt động khuyến nông còn bị hạn chế.

- Trong hoạt động khuyến nông - nhất là trong thời buổi văn minh hiện đại ngày nay, cần sử dụng các trợ huấn cụ như máy Overhead, máy chiếu Slide, băng hình video, các mô hình, bảng biểu, tiêu bản... để giúp nông dân dễ nhận thức, dễ nhớ lâu quên, nhưng nhìn chung các trợ huấn cụ này còn rất thiếu hoặc chất lượng chưa đạt yêu cầu.

- Mức lương trả theo định suất cho KTV ở cơ sở là còn quá thấp, không thể khuyến khích họ nỗ lực hơn nữa trong công việc.

- Khuyến nông là cầu nối giữa nông dân và nghiên cứu, nhưng công tác nghiên cứu hiện nay ở An Giang nói riêng và nhiều tỉnh khác nói chung rất nghèo nàn, nên làm cho hoạt động chuyển giao bị hụt hẫng, dậm chân tại chỗ, và đôi khi chính cán bộ khuyến nông lại bị thuyết phục bởi thực tế sản xuất của người nông dân, vì họ không có hoặc có không đầy đủ thông tin về vấn đề mà sản xuất đặt ra.

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh chưa có phương tiện đi lại (xe con và xe chuyên dùng cho hoạt động khuyến nông) nên ảnh hưởng đến công tác. Văn phòng làm việc của cơ quan cũng còn tạm bợ, chưa có văn phòng chính thức.

Phương hướng kiện toàn và nâng cao hiệu quả cơ cấu tổ chức khuyến nông và hoạt động khuyến nông cấp cơ sở

Trung tâm Khuyến nông tỉnh

Theo chủ trương chung của Chính phủ về việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực làm việc, thì theo quan điểm của An Giang, Trung tâm Khuyến nông tỉnh cần 3 Phòng chuyên môn sau đây:

Phòng Hành chính - Tài vụ, có chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý và thực hiện những công việc về tổ chức, nhân sự của cơ quan.
- Quản lý và thực hiện những công việc về thủ tục hành chính, quy chế làm việc của cơ quan.
- Quản lý, bảo vệ tài sản của cơ quan.
- Quản lý và thực hiện toàn bộ các hoạt động liên quan đến tài chính.
- Đề xuất ý kiến với lãnh đạo về các hoạt động hành chính - tài vụ của cơ quan.

Phòng Kỹ thuật - Nghiệp vụ, có chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia với lãnh đạo Trung tâm để xây dựng kế hoạch khuyến nông hàng năm của tỉnh và xét duyệt kế hoạch khuyến nông của các huyện thị, các cơ quan đoàn thể phối hợp.
- Trực tiếp hoặc phối hợp với các huyện thị, đoàn thể thực hiện các hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (kể cả các hợp đồng với các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị kinh doanh). Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động khuyến nông của các đơn vị phối hợp và tham gia trong việc quyết toán kinh phí khuyến nông.
- Biên soạn các tài liệu khuyến nông, xây dựng chương trình khuyến nông trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Tiếp thu các thông tin từ các cơ quan nghiên cứu, các thông tin có liên quan đến nghề nghiệp để nâng cao năng lực. Huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cấp dưới.
- Đề xuất với lãnh đạo về các mặt hoạt động có liên quan đến kỹ thuật - nghiệp vụ Khuyến nông.

Phòng Thông tin quảng bá, có chức năng, nhiệm vụ:

- Thu thập, tiếp nhận (trong khả năng có thể được) các tài liệu, các nguồn thông tin có liên quan đến khuyến nông để làm tư liệu cho cơ quan.
- Chịu trách nhiệm sản xuất và quản lý tất cả các loại trợ huấn cụ để phục vụ cho hoạt động khuyến nông như: máy móc, dụng cụ, phim ảnh, tài liệu, mẫu vật, tiêu bản...
- Cung cấp, phân phối các loại tài liệu ấn phẩm, các học cụ khuyến nông cần thiết cho các huyện thị, các Trạm Thông tin nông nghiệp và phối hợp với Phòng KTNV để quản lý hoạt động của Trạm Thông tin nông nghiệp.

Cấp huyện: Trạm Khuyến nông

Thống nhất theo nội dung Nghị định 13/CP và Thông tư liên bộ số 02/LB/TT ngày 2/8/93 của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp.

Cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)

Thống nhất theo nội dung Nghị định 13/CP và Thông tư liên bộ. Tuy nhiên, cần quy định cụ thể là mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí 1 - 2 cán bộ khuyến nông phù hợp với ngành nghề chủ yếu tại địa phương (ví dụ như: trồng trọt - BVTV, chăn nuôi - thú y...). Về mặt chính sách, thì nên cố gắng đưa các cán bộ khuyến nông ở cơ sở vào biên chế nhà nước để anh chị em yên tâm công tác, phục vụ tích cực hơn.

Trạm Thông tin Nông nghiệp

Tại mỗi xã, phường đặt 1 Trạm thông tin với các chức năng nhiệm vụ sau đây:

- Là nơi làm việc của cán bộ khuyến nông cơ sở.
- Là một thư viện nhỏ của nông dân tại địa phương (nông dân đến Trạm để xin hay đọc sách báo, tài liệu về nông nghiệp, thảo luận với cán bộ khuyến nông về những vấn đề quan tâm...). Sách báo, tài liệu khuyến nông được cung cấp thường xuyên cho Trạm để phục vụ chức năng này.
- Là nơi cán bộ khuyến nông có thể tổ chức các hoạt động khuyến nông qui mô nhỏ như toạ đàm, chiếu video.

Vấn đề hạn chế nhất đối với việc hình thành hệ thống Trạm TTNN ở cơ sở là kinh phí để xây dựng Trạm. Với thời giá hiện nay thì kinh phí để xây cất một Trạm TTNN (loại nhà cấp 4, diện tích 20 m²) là 16 triệu đồng, chưa kể đất (đất do chính quyền địa phương cấp).

Câu lạc bộ Khuyến nông

CLB là một tổ chức tập thể của nông dân, sinh hoạt chuyên đề về khuyến nông mang tính tự nguyện, do nông dân tự điều hành, quản lý, khi hoạt động khuyến nông đã được triển khai một thời gian nhất định và trình độ của nông dân

đã được nâng cao thì hình thức sinh hoạt CLB là phù hợp. Về hệ thống tổ chức thì có 2 cấp: CLB cấp huyện và CLB cấp cơ sở (phường, xã, thị trấn).

CLB cấp huyện: chủ yếu làm nhiệm vụ quản lý CLB cấp cơ sở. Đứng đầu CLB là một ban chủ nhiệm gồm 1 Chủ tịch và 2 Phó chủ tịch (trong đó Chủ nhiệm phụ trách chung, 1 Phó chủ nhiệm phụ trách về tổ chức - hành chính - tài vụ và 1 Phó chủ nhiệm phụ trách về kỹ thuật), và từ 3 - 4 uỷ viên là những nông dân giỏi tiêu biểu trong huyện, có trình độ và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, đời sống. Trong giai đoạn hiện nay, Ban Chủ nhiệm làm việc chủ yếu là do sự nhiệt tình đóng góp cho tập thể, chưa có chế độ thù lao.

Về mặt quản lý Nhà nước thì CLB Huyện và mạng lưới CLB cơ sở do Hội Nông dân huyện quản lý với sự hỗ trợ chuyên môn của các đơn vị có liên quan đến hoạt động khuyến nông như Nông nghiệp, Đoàn TN, Phụ nữ, Dân số KHHGĐ. CLB cấp huyện là đơn vị trung gian trong việc chuyển giao nội dung khuyến nông đến mạng lưới CLB cơ sở và bà con nông dân.

CLB cấp cơ sở có các chức năng, nhiệm vụ:

- Là nơi để nông dân sinh hoạt các chuyên đề về nông nghiệp, nông thôn, nông dân; Sinh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến 3 lĩnh vực trên.
- Là nơi để tổ chức các hình thức khuyến nông phù hợp như: hội thảo, tọa đàm, tập huấn, chiếu phim video và phân phát các tài liệu khuyến nông.
- Hỗ trợ ngành Nông nghiệp huyện, tỉnh và các cơ quan đoàn thể có liên quan trong các hoạt động sau đây:
 - . Hướng dẫn sản xuất, tham gia thực hiện các hình thức khuyến nông thích hợp như làm điểm trình diễn, mô hình mẫu ...
 - . Phát hiện và tổng kết các kỹ thuật, các mô hình sản xuất tiên bộ, có hiệu quả kinh tế để phổ biến cho các hội viên và bà con nông dân chung quanh.
 - . Xây dựng phong trào nông dân giỏi trong huyện và góp ý, bình chọn đối tượng Nông dân giỏi hàng năm.
 - . Tham gia một số công việc khác như phong trào sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nông thôn mới.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động khuyến nông do ngành chuyên môn triển khai.

Cơ cấu tổ chức và sắp xếp nhân sự cũng tương tự như cấp huyện. Về mặt quản lý Nhà nước, thì CLB chỉ sinh hoạt trên địa bàn cơ sở. CLB chịu sự quản lý, điều hành của CLB cấp huyện.

Nguồn kinh phí

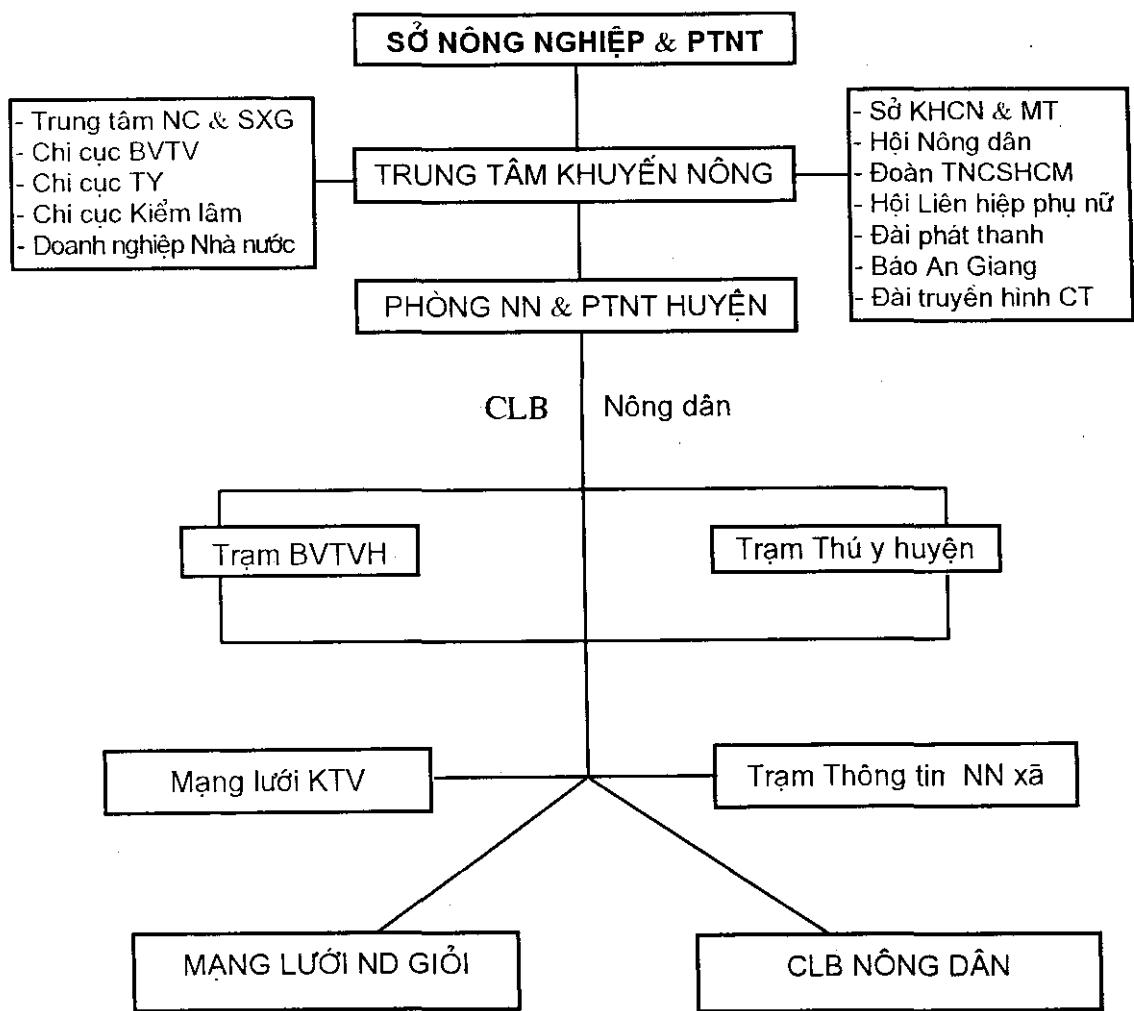
CLBKN hai cấp - xã và huyện - hoạt động dựa vào các nguồn kinh phí chính sau đây:

- Do Trung tâm Khuyến nông tỉnh cấp thông qua kế hoạch khuyến nông của Tổ Nông nghiệp huyện.
- Do sự đóng góp của hội viên.
- Phân trích từ các hoạt động dịch vụ của CLB.

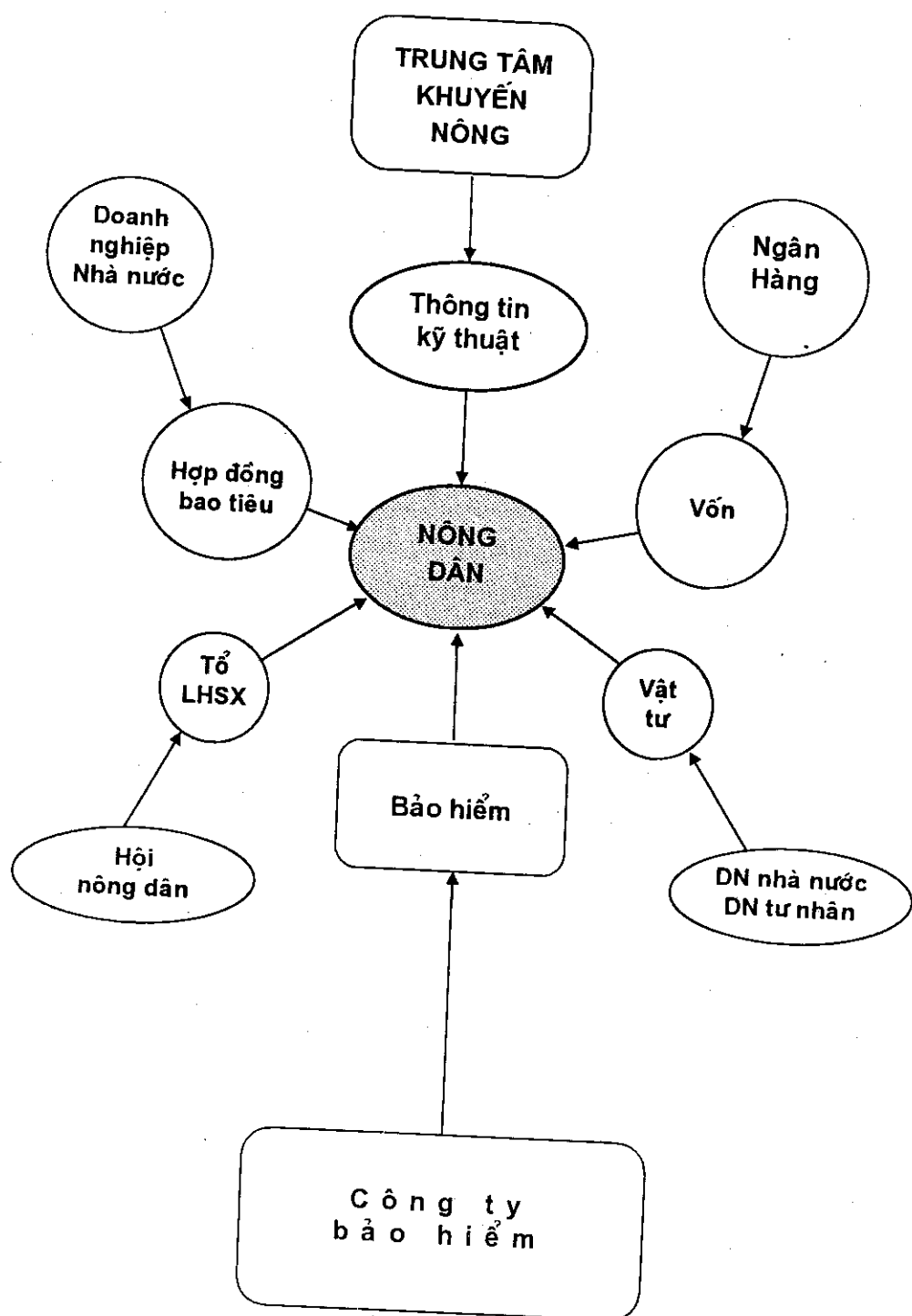
- Các nguồn tài trợ khác qua quan hệ, **giao dịch** với các cơ quan, đơn vị trong, ngoài huyện.

Về mặt hoạt động thì CLB huyện và cơ sở **cần có lịch sinh hoạt** mỗi tháng 2 lần (không kể những lần đột xuất và những hoạt động **khuyến nông phối hợp** với các cơ quan, đoàn thể). CLB Khuyến nông cơ sở là nền tảng **giúp cho việc chuyển** giao tiến bộ kỹ thuật được nhanh gọn, hiệu quả (có thể so sánh các CLB này cũng giống như các Tổ LKSX, HTX trong sản xuất nông nghiệp). Về hình thức khuyến nông, cần cải tiến thêm một bước là căn cứ vào yêu cầu của từng nhóm đối tượng để đưa kỹ thuật đến tận tay người nông dân bằng cách xây dựng các điểm trình diễn tại đất hoặc chuồng trại của nông dân rồi cán bộ khuyến nông đến điểm theo lịch đã định sẵn - từ lúc bắt đầu cho đến lúc thu hoạch sản phẩm, để hướng dẫn nông dân những kỹ thuật cần thiết. Mỗi lần sinh hoạt đều có sự tham dự của các nông dân trong nhóm, để họ cùng theo dõi từng khâu kỹ thuật, cùng thảo luận và ứng dụng vào điều kiện riêng của họ. Hình thức khuyến nông này sẽ giúp nông dân dễ tiếp thu và tiếp thu đầy đủ các khâu kỹ thuật từ đầu đến cuối.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG AN GIANG



PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT THỰC HIỆN
một chương trình khuyến nông ở An Giang



TÌNH HÌNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG Ở LÀO CAI

Trung tâm KN Lào Cai

Tình hình Chung

Lào Cai là một tỉnh miền núi vùng cao, bao gồm 8 huyện và 2 thị xã có 180 xã, phường với 1.418 thôn bản, 27 dân tộc khác nhau sinh sống trong tỉnh. Toàn tỉnh hiện có khoảng 600 ngàn người bao gồm 100 ngàn hộ gia đình. Trong đó có 77 ngàn hộ sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp.

Đất đai ở Lào Cai tuy rộng khoảng 800 ngàn ha, nhưng chủ yếu là đất dốc, đồi núi, đất giành cho sản xuất nông nghiệp chỉ có 71 ngàn ha. Nhìn chung Lào Cai là một tỉnh nghèo, kết cấu hạ tầng cơ sở yếu kém, kinh tế chậm phát triển, đồng bào các dân tộc cần cù chịu khó nhưng trình độ dân trí lạc hậu không theo kịp các yêu cầu của xã hội hiện đại, các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng nhưng phần lớn chưa được sử dụng hợp lý bằng các phương pháp và công nghệ mới, dẫn đến mất cân bằng về môi trường sinh thái nghiêm trọng. Đất đai bị xói mòn, thực trạng nghèo đói vẫn còn phổ biến ở vùng cao.

Trong vài năm gần đây (sau khi tái lập tỉnh 01/10/1991) đã tạo cho Lào Cai có bước chuyển mình mạnh mẽ về chăm lo cải thiện đời sống cho nông dân, phát triển kinh tế, giải quyết công ăn việc làm, hàn gắn các vết thương chiến tranh. Lào Cai tích cực phát triển kinh tế, phát triển sản xuất theo hướng đã được đề ra để xây dựng thành một tỉnh giàu đẹp trong tương lai không xa. Lào Cai có rất nhiều tiềm năng, song một vấn đề đặt ra là làm thế nào để khai thác sử dụng tốt những lợi thế so sánh với các tỉnh xung quanh. Đất đai còn màu mỡ, khí hậu đa dạng thích hợp với nhiều loại cây, con đặc sản, có tiềm năng lớn về công nghiệp khai khoáng, du lịch, có triển vọng mở mang giao thông thuận lợi để phát triển thương mại với các tỉnh và Quốc tế để tạo nên một sự phát triển bền vững ở một tỉnh vùng cao này.

Ngoài ra Lào Cai còn có một đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ, hăng hái, nhiệt tình gắn bó với đồng bào các dân tộc vùng cao.

Tình hình Tổ chức hệ thống khuyến nông ở Lào Cai

Sau khi cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp thay đổi, mỗi hộ nông dân được xác định là đơn vị kinh tế độc lập tự chủ, người dân có quyền quyết định hướng sản xuất mà họ thấy có lợi trên mảnh đất của họ, hình thức hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ không còn phát huy tác dụng. Từ sự thay đổi này dẫn đến việc ở cơ sở sản xuất không còn bộ phận quản lý trung gian (là các hợp tác xã kiểu cũ) để thực hiện nhiệm vụ quản lý và chuyển giao chủ trương, chính sách và các vấn đề về kỹ thuật cho nông dân. Lực lượng ở cơ sở giúp nông dân sản xuất hiện nay chủ yếu là hội viên của các đoàn thể quần chúng (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...). Tuy nhiên lực lượng này chưa thể đáp ứng được với yêu cầu của

việc giúp nông dân phát triển sản xuất bởi họ thiếu những kiến thức về kỹ thuật và phương pháp khuyến nông.

Từ trước đến nay chúng ta đã đầu tư, hỗ trợ cho nông dân về vốn, kỹ thuật, vật tư... bằng nhiều hình thức, qua nhiều tổ chức để góp phần tích cực vào việc thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên những hình thức hỗ trợ này chưa đi sâu vào giải quyết vấn đề mấu chốt là trang bị cho nông dân những kiến thức cơ bản cần thiết để giúp họ tự xác định được phương hướng sản xuất có hiệu quả lâu dài nên thông thường sản xuất được phát triển khi có sự hỗ trợ của nhà nước còn khi điều này chấm dứt thì việc sản xuất của người dân lại trở lại trạng thái ban đầu.

Chính phủ đã nghiên cứu nhiều hình thức, cách tổ chức để giúp nông dân sản xuất ở nhiều vùng, nhiều địa phương và tham khảo kinh nghiệm tổ chức vận động nông dân ở các nước có điều kiện tương tự như ở nước ta và đã rút ra kết luận là cần thiết phải có một tổ chức chuyên trách của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ này, từ đó Nghị định 13/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về công tác khuyến nông đã được ra đời.

Nghị định 13/CP qui định hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của hệ thống Khuyến nông từ Trung ương đến các địa phương cho đến nay tất cả các tỉnh thành trong cả nước đã thành lập tổ chức Khuyến nông của Nhà nước. Hoạt động của hệ thống Khuyến nông bước đầu đáp ứng được với yêu cầu của sản xuất.

Ở Lào Cai, Trung tâm Khuyến nông được ra đời ngày 30/4/1994 theo quyết định của UBND tỉnh Lào Cai. Sau một thời gian chuẩn bị đến tháng 7/1994 Trung tâm Khuyến nông đi vào hoạt động để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trung tâm Khuyến nông là đơn vị sự nghiệp khoa học kỹ thuật trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, nhiệm vụ được giao là giúp nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp với các hình thức là:

- Xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến nông, các dự án phát triển sản xuất.
- Xây dựng các mô hình trình diễn để nông dân chọn lựa và nhân rộng ra sản xuất.
- Tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình sản xuất giỏi từ thực tiễn.
- Đào tạo tập huấn cán bộ khuyến nông cơ sở cho nông dân.

Một trong những yêu cầu của công tác Khuyến nông là phải chuyển tải được những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những vấn đề kỹ thuật đến cho nông dân, thu thập những nguyện vọng, mong muốn của họ và cùng bàn bạc với người dân để giúp họ định hướng cho sự phát triển sản xuất.

Cùng với lực lượng Khuyến nông chuyên trách 3 năm qua được sự phối hợp tích cực của các cơ quan kỹ thuật trong và ngoài ngành, các tổ chức đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...) dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT nhìn chung hoạt động Khuyến nông của tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Xây dựng hệ thống Khuyến nông chuyên trách

Theo quyết định của UBND tỉnh hệ thống tổ chức Khuyến nông bao gồm:

- Ở tỉnh: Trung tâm Khuyến nông có 4 phòng chuyên môn là:
 - Phòng Kỹ thuật tuyên truyền
 - Phòng Tổ chức đào tạo
 - Phòng Kế hoạch vật tư
 - Phòng Hành chính tổng hợp

- Ở huyện: Có các Trạm Khuyến nông

Căn cứ vào biên chế của tỉnh bổ sung hàng năm đến nay Trung tâm đã xây dựng xong hệ thống tổ chức từ Văn phòng Trung tâm đến các Trạm huyện. Số lượng bổ sung như sau:

Năm	Biên chế qui định	Số trạm huyện, thị
1994.....	40	3
1995.....	58	9
1996.....	63	10
1997.....	70	10

Đến hết năm 1996 cơ bản hệ thống tổ chức Khuyến nông chuyên trách đã được xây dựng theo quyết định của tỉnh.

Xây dựng và phối hợp với lực lượng Khuyến nông không chuyên trách

Trong khuôn khổ của Dự án phát triển vùng cao Lào Cai thuộc Chương trình Phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển từ năm 1992 (giai đoạn I) và đến nay (giai đoạn II) đã tiến hành tổ chức xây dựng được 52 nhóm quản lý thôn bản. Sau khi Trung tâm Khuyến nông tỉnh được thành lập, các hoạt động phổ cập được giao cho Trung tâm thực hiện quản lý thì các nhóm quản lý thôn bản này do Trung tâm Khuyến nông thực hiện kế hoạch của Dự án để triển khai, quản lý, đào tạo. Cho đến nay tuy chưa xây dựng được nhiều nhóm quản lý thôn bản, song đây là những mô hình điểm để đúc rút kinh nghiệm triển khai ra diện rộng trong những năm tới khi mạng lưới Khuyến nông cơ sở được tỉnh cho phép xây dựng.

Hoạt động Khuyến nông là một phạm vi hết sức rộng lớn để giúp đỡ nông dân phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới vì vậy những hoạt động này không chỉ riêng lực lượng Khuyến nông chuyên trách của Nhà nước đảm nhiệm mà phải được xã hội hoá cao để phối hợp với nhiều ngành, các cơ quan kỹ thuật, các cấp chính quyền đặc biệt là vai trò của các đoàn thể quần chúng là rất lớn trong đó lực lượng Khuyến nông chuyên trách đóng vai trò nòng cốt.

Trong thời gian qua ngoài những chính sách khuyến nông chung của nhà nước thì các cơ quan chuyên ngành như: Trung tâm Giống, Bảo vệ thực vật, Thú y, Vật tư nông nghiệp cũng đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động theo từng lĩnh vực chuyên ngành được giao. Như chương trình IPM đã tổ chức được 104 lớp cho 3164 nông dân, xây dựng vùng an toàn dịch bệnh cho 13 xã ở 5 huyện. Ngoài các loại phân bón truyền thống được khuyến khích sử dụng nhiều hơn thì nhiều loại phân bón mới đưa vào sử dụng được nông dân chấp nhận. Các loại giống mới như các giống lúa thuần, ngô kỹ thuật sản xuất ở Lào Cai, cây ăn quả giống ngoại, giống cây ăn quả sản xuất bằng phương pháp cấy mô, các loại gia súc, gia cầm siêu

trúng, siêu thị đang được nghiên cứu, thử nghiệm. Nhiều loại đã được đưa ra sản xuất và được người dân chấp nhận sản xuất trên diện rộng.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... có vai trò rất lớn trong công tác KN. Trong 3 năm qua lực lượng KN chuyên trách của Nhà nước đã phối hợp với các tổ chức này mở nhiều lớp tập huấn, vận động nông dân sản xuất, xây dựng các mô hình sản xuất. Tuy nhiên sự phối hợp này chưa được thường xuyên và chưa có kế hoạch mang tính lâu dài.

Những tồn tại của hệ thống Khuyến nông Lào Cai hiện nay

- Năng lực nghiệp vụ của cán bộ khuyến nông nhất là ở huyện, cơ sở còn rất yếu. Cán bộ Khuyến nông làm việc chủ yếu theo phương pháp làm việc cũ nặng về hình thức “chỉ đạo sản xuất” mà chưa sử dụng nhiều hình thức “có người dân tham gia”.
- Hệ thống khuyến nông chưa tiếp cận được với yêu cầu đa dạng trong sản xuất của nông dân. Hiện đang thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, còn những vấn đề khác như định hướng sản xuất phù hợp để phát triển kinh tế, thông tin thị trường, chế biến tiêu thụ chưa làm được.
- Mạng lưới khuyến nông ở cơ sở chưa được xây dựng nên chưa kịp thời nắm bắt được yêu cầu của người dân. Các mô hình trình diễn có thành công song việc nhân rộng rất khó khăn.
- Mối quan hệ với các tổ chức làm Khuyến nông khác còn hạn chế mới chỉ là bước đầu, chưa có phương pháp để gắn kết hoạt động Khuyến nông chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện mà phổ biến hiện nay là “Việc của ai người đó làm”.

Phương hướng và xây dựng hệ thống tổ chức khuyến nông trong những năm tới ở Lào Cai

Mục tiêu

Xây dựng được một hệ thống KN (kể cả chuyên trách và tự nguyện) đủ mạnh từ tỉnh đến cơ sở để thực hiện có hiệu quả các chương trình KN giúp cho người dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước trong quá trình sản xuất, để từ đó người dân xác định hướng sản xuất có hiệu quả, nắm được kỹ thuật nuôi trồng các loại cây, con, phát huy ngành nghề truyền thống nhằm góp phần thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho nông dân ở vùng cao, phát triển kinh tế làm giàu của nông dân ở vùng thấp.

Phương hướng xây dựng

Hệ thống Khuyến nông chuyên trách của Nhà nước

Trong điều kiện là một tỉnh miền núi vùng cao, địa bàn rộng, giao thông đi lại rất khó khăn nên việc xây dựng Cụm xã là rất cần thiết để tổ chức quản lý, hướng dẫn và nắm bắt các nhu cầu của người dân qua cán bộ khuyến nông cơ sở.

Theo qui định của Chính phủ về tiêu chuẩn để xây dựng 1 cụm kinh tế xã hội vùng cao ngoài các điều kiện về xây dựng hạ tầng cơ sở còn có lực lượng khuyến nông tham gia.

Ở Lào Cai có 62 cụm kinh tế (Cụm xã) thì có khoảng 50 cụm xã ở vùng cao và nơi xa cơ quan Khuyến nông cấp huyện cần được xây dựng Khuyến nông cụm xã, mỗi cụm có 1 cán bộ Khuyến nông.

Để không tăng thêm quá nhiều biên chế, cần phải sắp xếp lại hệ thống khuyến nông ở tỉnh, huyện... lựa chọn cán bộ có đủ trình độ, năng lực quản lý về công tác để bố trí gọn nhẹ ở cơ quan khuyến nông tỉnh và huyện.

- Ở tỉnh: 20 người

- Ở huyện: 30 người

- Cụm xã: 50 người

Như vậy tổng số cán bộ KN nhà nước từ tỉnh đến cụm xã là 100 người.

Do biên chế sự nghiệp hàng năm của tỉnh ít nên có thể bố trí làm 2 cách:

Cách 1: Hoàn chỉnh hệ thống Khuyến nông ở tỉnh và huyện. Đối với khuyến nông cụm xã hàng năm tỉnh bổ sung biên chế để xây dựng dần. Trước mắt ưu tiên tập trung cho việc xây dựng khuyến nông cụm xã ở những nơi khó khăn nhất, kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ nghèo đói cao. Phấn đấu từ nay đến năm 2000 xây dựng hoàn chỉnh khuyến nông từ tỉnh đến cụm xã.

Cách 2: Khuyến nông Nhà nước (Cán bộ trong biên chế) như hiện nay từ tỉnh đến huyện. Lực lượng cán bộ khuyến nông cụm xã là cán bộ kỹ thuật hợp đồng dài hạn. Theo cách này thì tỉnh không phải bổ sung biên chế hàng năm mà chỉ trích một khoản ngân sách để trả lương cho đội ngũ cán bộ khuyến nông cụm xã.

Khuyến nông cơ sở

Lựa chọn nông dân hoặc cán bộ người tại cơ sở, có khả năng tiếp thu được khoa học kỹ thuật, nhiệt tình với công tác và có uy tín với nông dân ở trong vùng để xây dựng lực lượng khuyến nông cơ sở.

Ở Lào Cai có 180 xã, phường thì có khoảng 150 xã vùng cao, vùng xa kinh tế chậm phát triển, chọn những xã này để xây dựng KN ở xã. Mỗi xã có 1 người. Lực lượng này không nằm trong biên chế của nhà nước mà hàng tháng được cấp một khoản phụ cấp nhất định (khoảng 100.000đồng/người/tháng), được đào tạo tập huấn để nắm được phương pháp KN và kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp.

Khuyến nông ở thôn, bản: lấy lực lượng cán bộ là Trưởng thôn, Trưởng bản để đào tạo tập huấn và là điểm để xây dựng mô hình Khuyến nông. Với lực lượng này Nhà nước đã trả phụ cấp theo qui định.

Xây dựng mạng lưới Khuyến nông tự nguyện

- Ở các đoàn thể quần chúng: (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh) bàn bạc thống nhất với các tổ chức này để cử ra một số cán bộ chuyên làm công tác Khuyến nông đối với các hội viên của từng hội. Số cán bộ này được đào tạo về phương pháp khuyến nông và kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp. Thông qua số cán bộ này phối hợp với các tổ chức quần chúng để xây dựng các mô hình sản xuất, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đối với các hội viên.

- Đối với các đơn vị trong và ngoài ngành có nhiệm vụ giúp nông dân phát triển sản xuất: Bàn bạc phối hợp để xây dựng lực lượng cán bộ Khuyến nông chuyên ngành (Thú y, Bảo vệ thực vật, vật tư, giống và những tiến bộ khoa học kỹ thuật khác) theo nhiệm vụ của các đơn vị trên cơ sở đó Trung tâm Khuyến nông tỉnh có kế hoạch đào tạo, tập huấn về phương pháp Khuyến nông và phối hợp với các cán bộ khuyến nông ở các đơn vị thực hiện tốt các chương trình Khuyến nông.

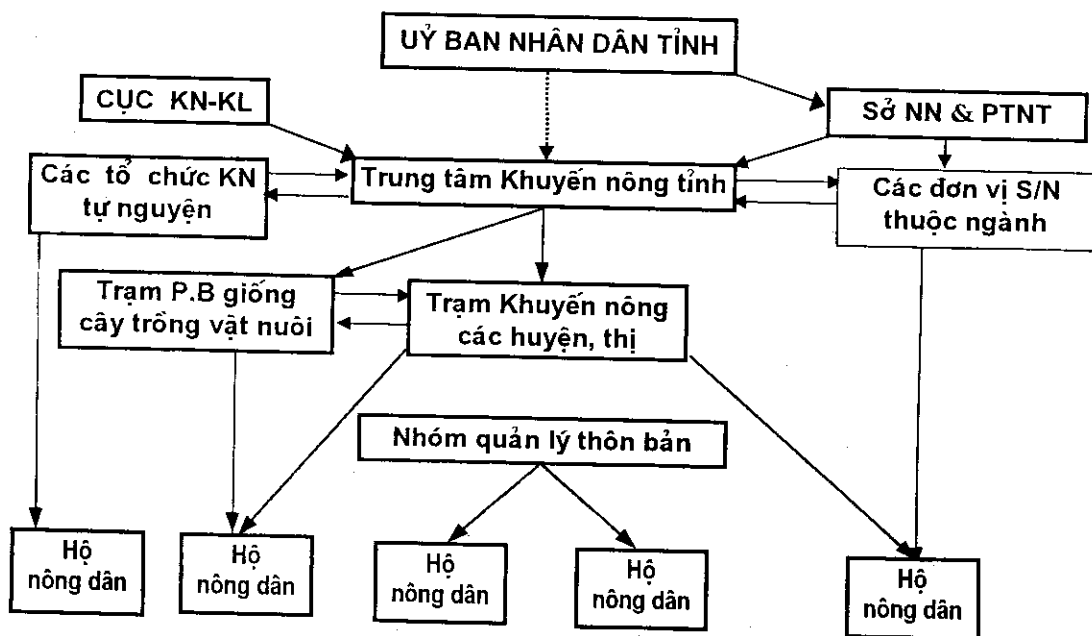
Đề nghị

Công tác Khuyến nông (bao gồm Khuyến nông, Khuyến lâm và Khuyến ngư) là những hoạt động trên một phạm vi hết sức rộng lớn nhằm giúp nông dân phát triển sản xuất với mục tiêu là xoá đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Để cho hoạt động Khuyến nông thực sự có hiệu quả, thực hiện được mục tiêu đã đề ra thì cần phải xây dựng một hệ thống KN đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức xã hội để phát triển mạng lưới KN tự nguyện.

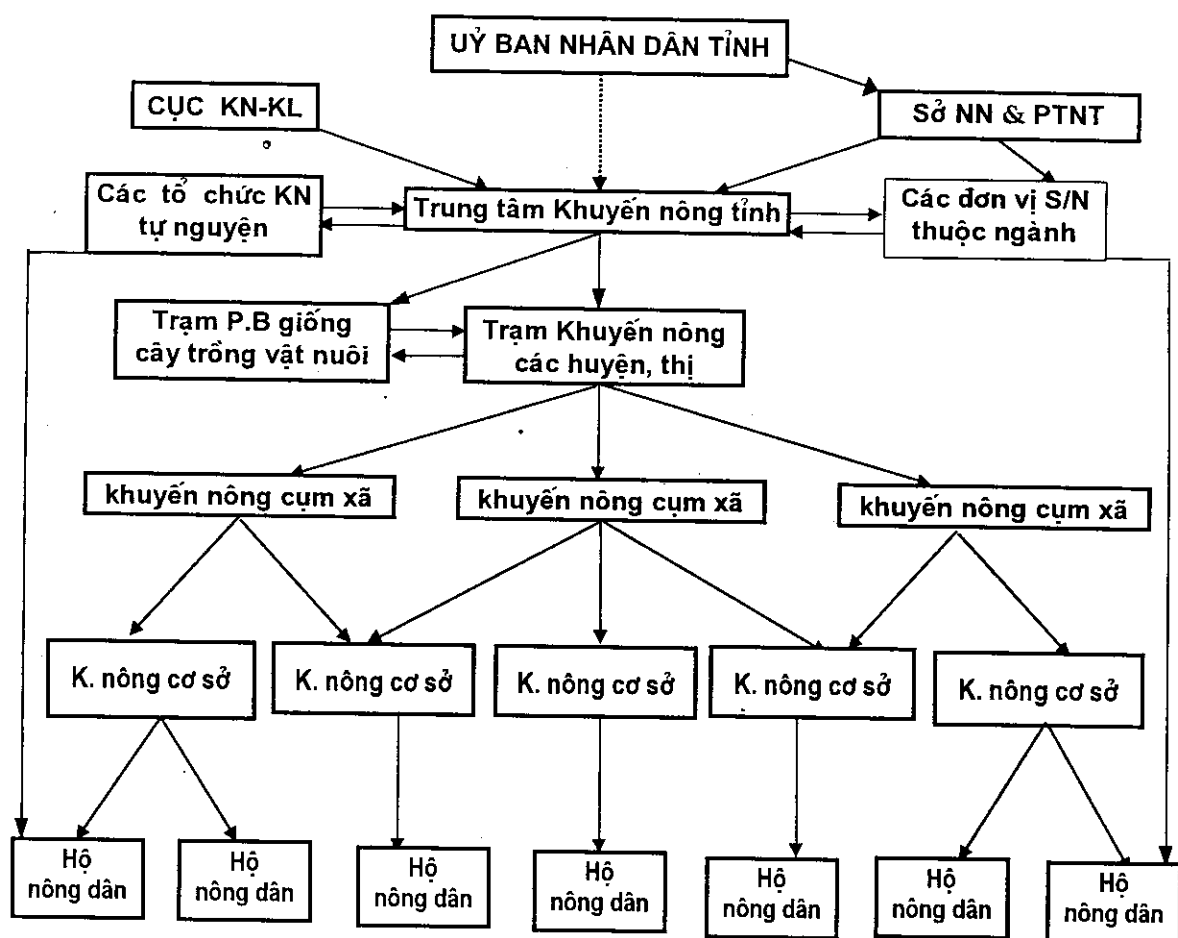
Nhằm thực hiện được những yêu cầu trên thì hệ thống KN rất cần được sự quan tâm của nhà nước, của tỉnh để bổ sung thêm biên chế, cấp thêm kinh phí cho các hoạt động KN nói chung và việc xây dựng hệ thống tổ chức nói riêng.

Nhận thức đầy đủ về vai trò của công tác Khuyến nông, được sự quan tâm của tỉnh, sự ủng hộ của các cấp các ngành, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, các tổ chức xã hội nhất định lực lượng Khuyến nông sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG HIỆN TẠI



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG ĐỀ XUẤT



HỆ THỐNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG - KHUYẾN LÂM CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trung tâm KN Hải Phòng

Sự ra đời và kết quả hoạt động của đoàn cán bộ khuyến nông tăng cường cho cơ sở (theo quyết định 660/QĐUB của UBND thành phố ngày 27/5/1991)

Những năm cuối của thập kỷ 80, sản xuất lúa của Hải Phòng phát triển kém, năng suất thấp hơn nhiều so với các tỉnh lân cận, thậm chí có chiều hướng giảm sút. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là công tác kỹ thuật chưa được chú ý thỏa đáng, nhất là công tác nâng cao chất lượng phẩm cấp giống lúa và BVTV chưa được coi trọng. Những năm trước đây, khi HTX nông nghiệp còn điều hành sản xuất thì công tác chuyển giao các TBKT do HTX đảm nhiệm. Sau đó, khi chuyển sang cơ chế khoán gọn rồi chuyển sang khoán trắng, thì việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật không ai làm, các hộ nông dân rất thiếu kiến thức trong sản xuất và thâm canh cây lúa.

Trước tình hình thực tế trên, Sở Nông lâm nghiệp (nay là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đề xuất và được Thành ủy, UBND Thành phố chấp nhận đã ban hành quyết định 660/QĐUB ngày 27/5/1991 cho phép đầu tư kinh phí để tổ chức và trưng dụng 1 đoàn cán bộ kỹ thuật trồng trọt (cả kỹ sư và trung cấp lâu năm gồm 156 người (*bình quân mỗi xã 1 người*)) đi tăng cường cho cơ sở gọi tắt là đoàn cán bộ khuyến nông, giúp các xã tập huấn, hướng dẫn nông dân những TBKT trong thâm canh lúa, xây dựng các điểm trình diễn về kỹ thuật thâm canh, trình diễn bộ giống lúa có phẩm cấp, chất lượng cao để nông dân tham quan và học tập làm theo.

Sau 3 năm hoạt động (*từ năm 1991 đến tháng 5/1994*), dưới sự quản lý trực tiếp của Sở Nông lâm nghiệp, đoàn cán bộ khuyến nông đi tăng cường cơ sở đã hoàn thành tốt một số mặt công tác:

- 1) Góp phần quan trọng để hoàn thành chương trình nâng cấp chất lượng giống lúa: Mỗi vụ tổ chức sản xuất được 1500-2000ha giống lúa cấp 2 và 80-120ha giống lúa cấp 1 để cung cấp cho sản xuất đại trà 5000-6000 tấn giống có phẩm cấp từ cấp 2 trở lên, nâng cao độ thuần của giống trong sản xuất đại trà, góp phần tăng năng suất lúa (*tốc độ tăng bình quân 34,7% so với bình quân 5 năm cuối thập kỷ 80*).
- 2) Thông qua các cuộc tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật theo nhiều hình thức, đã tập huấn được gần 16 vạn lượt lao động nông nghiệp về kỹ thuật gieo trồng, thâm canh và phòng trừ sâu bệnh các loại cây trồng chính.
- 3) Thực hiện được hơn 1500ha ruộng trình diễn kỹ thuật làm mô hình để nông dân tham quan học tập và thực hiện.

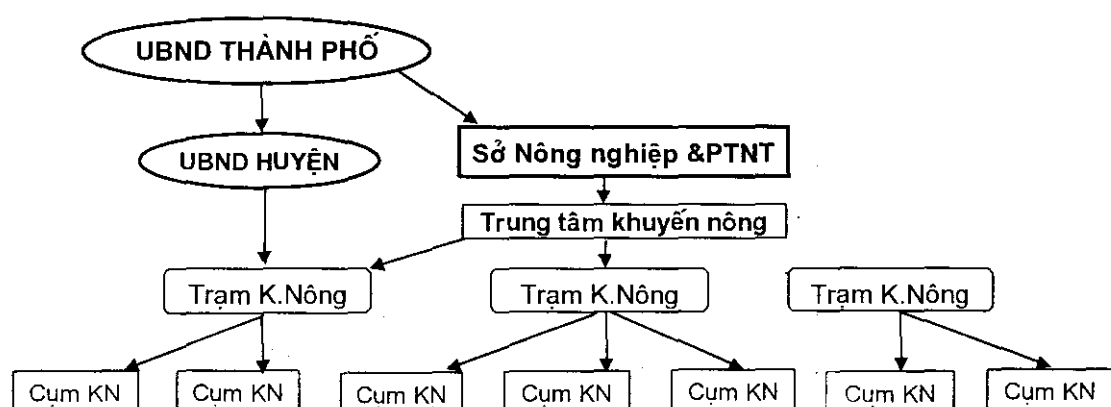
- 4) Hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa những giống lúa, giống cây có giá trị kinh tế cao và gieo cấy để tăng thu nhập trên diện tích gieo trồng.

Tuy nhiên, việc tổ chức đoàn cán bộ khuyến nông đi tăng cường cho cơ sở mới chỉ tập trung vào chỉ đạo, chuyển giao TBKT về cây lúa là chính, các cây trồng khác và nhất là lĩnh vực chăn nuôi thú y còn chưa được chú ý đến. Mặt khác công tác quản lý cán bộ cũng chưa được chặt chẽ (ở Sở là bộ phận thường trực có 2 cán bộ; ở huyện, giao cho phòng nông nghiệp quản lý điều hành, do đó sử dụng đội ngũ cán bộ khuyến nông nhiều lúc chưa đúng nhiệm vụ được giao...).

Quá trình thành lập và hệ thống tổ chức của Trung tâm khuyến nông

Để hạn chế những tồn tại trên, vào đầu năm 1994 thi hành Nghị định 13/CP của Chính phủ về công tác khuyến nông, ngày 31/5/1994 UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định số 408/QĐ-TCCQ về việc thành lập Trung tâm khuyến nông thành phố trực thuộc Sở Nông lâm nghiệp (nay là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn).

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Hệ thống tổ chức của Trung tâm khuyến nông thành phố Hải Phòng có cơ cấu tổ chức như sau:

- 1) *Ở thành phố:* Thành lập Trung tâm khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 2) *Ở cấp huyện:* Thành lập mỗi huyện 1 trạm trực thuộc Trung tâm khuyến nông (ở 6/8 huyện có nhiều diện tích đất đai và dân số nông nghiệp). Mỗi trạm có từ 3-4 cán bộ là kỹ sư các ngành: Trồng trọt-lâm nghiệp, chăn nuôi-thú y. Trạm trưởng là do trưởng phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn kiêm nhiệm và người trực tiếp điều hành công việc hàng ngày là trạm phó - do giám đốc Trung tâm khuyến nông bổ nhiệm. Các trạm khuyến nông huyện chịu sự quản lý Nhà nước về lãnh thổ của UBND các huyện.
- 3) *Ở các xã phường:* Thành lập các cụm khuyến nông liên xã (cứ 3-5 xã 1 cụm) với thành phần các khuyến nông viên là kỹ sư hoặc trung cấp lâu năm (các ngành

trồng trọt-lâm nghiệp, chăn nuôi thú y, quản lý kinh tế...) thực hiện chế độ hợp đồng hàng năm do Trung tâm khuyến nông trả lương và giao cho trạm khuyến nông huyện quản lý và điều hành công việc.

Kết quả hoạt động khuyến nông sau 3 năm và những vấn đề còn tồn tại

Về nhân sự

Ngay sau khi có quyết định thành lập, trên cơ sở nguồn cán bộ từ cơ quan Sở chuyển sang, từ số cán bộ của đoàn khuyến nông tăng cường theo quyết định 660 của UBND thành phố và tuyển dụng thêm các cán bộ chăn nuôi, bác sĩ thú y, kĩ sư lâm sinh, kĩ sư kinh tế..., Trung tâm khuyến nông đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động. Tính đến 30/6/1997 số nhân sự toàn trung tâm như sau :

Văn phòng trung tâm: 16 CBCNV; trong đó:

- Trong biên chế: 10 (có 8 kĩ sư các ngành kĩ thuật)
 - Hợp đồng: 6 (có 2 kĩ sư chuyên môn làm việc ở phòng Thông tin tuyên truyền)
- Cơ cấu tổ chức như sau :

Lãnh đạo trung tâm

- 1 giám đốc (do phó giám đốc Sở kiêm nhiệm không thuộc biên chế của Trung tâm)
- 2 phó giám đốc phụ trách các mặt công tác.

Các phòng nghiệp vụ

- Phòng chuyển giao TBKT: 4 kĩ sư thuộc các ngành: Trồng trọt, lâm sinh, chăn nuôi-thú y.
- Phòng thông tin tuyên truyền: 3 kĩ sư chuyên ngành (trong đó có 2 đang thực hiện chế độ hợp đồng).
- Phòng Hành chính-tổ chức: 7 (có 1 kĩ sư kinh tế), thực hiện chế độ hợp đồng : 4.

Trạm khuyến nông các huyện trực thuộc Trung tâm

Tổng số trạm huyện: 6 ; tổng số cán bộ: 19 người đều có trình độ đại học; trong đó:

- | | | | |
|---------------------------------|----------|--------------------|---------|
| - Kĩ sư trồng trọt: | 10 người | - Kĩ sư chăn nuôi: | 3 người |
| - Kĩ sư lâm sinh: | 2 người | - Kĩ sư thú y: | 2 người |
| - Kĩ sư kinh tế và ngành khác : | | | 2 người |

Cán bộ khuyến nông cơ sở (Tại các cụm xã)

Tổng số: 140 người (đến 30/6/1997) 168 xã, phường toàn thành phố có nông nghiệp (83,3% số xã phường); trong đó:

Trình độ đại học	= 73	Trung cấp	= 67
------------------	------	-----------	------

Số cán bộ KN cơ sở đa số là những kỹ sư hoặc trung cấp có khả năng thực hiện các nhiệm vụ như: xây dựng mô hình, tổ chức huấn luyện và chỉ đạo sản xuất.

Chức năng nhiệm vụ chủ yếu

Trung tâm khuyến nông là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có các chức năng nhiệm vụ được qui định tại quyết định thành lập như sau:

- 1) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án về khuyến nông và khuyến lâm, hướng dẫn các tổ chức khuyến nông khác thực hiện chương trình, dự án khuyến nông được duyệt, tổng kết đánh giá việc thực hiện các chương trình dự án đó.
- 2) Phổ biến & chuyển giao TBKT về Nông lâm nghiệp, các qui trình sản xuất thâm canh cây trồng, vật nuôi và chế biến nông sản cho nông dân.
- 3) Bồi dưỡng kiến thức kĩ thuật, quản lý kinh tế và rèn tay nghề cho cán bộ KN cơ sở, cung cấp thông tin giá cả thị trường Nông-lâm sản cho nông dân.
- 4) Quan hệ với các tổ chức khác để thu hút nguồn vốn hoặc tham gia trực tiếp vào các hoạt động khuyến nông tại địa phương.

Từ chức năng, nhiệm vụ chủ yếu đã được xác định cho nên từ khi thành lập đến nay Trung tâm khuyến nông Hải Phòng đã góp phần đáng kể vào kết quả sản xuất nông lâm nghiệp của thành phố.

Đánh giá hiện trạng hệ thống tổ chức khuyến nông hiện nay

Đối với Trung tâm khuyến nông

- Số lượng cán bộ công nhân viên như hiện tại ở văn phòng Trung tâm khuyến nông có thể đảm đương được việc quản lý điều hành và thực hiện các nhiệm vụ. Tuy nhiên về trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế nhất là trình độ tổng hợp và phương pháp quản lý chương trình, quản lý mô hình.

- Về nguồn tài chính, đã thực hiện tốt việc hỗ trợ nông dân để triển khai các mô hình trình diễn, tuy nhiên nguồn kinh phí hỗ trợ còn quá hạn hẹp mà số mô hình trình diễn lại nhiều do đó việc phân bổ còn manh mún, tính thuyết phục ở một số mô hình còn yếu.

Đối với các trạm khuyến nông cấp huyện

- Về số lượng cán bộ: Với qui mô mỗi trạm 3-4 người như hiện nay (*trong đó có cả cán bộ kỹ thuật kiêm quản lý*), có các kỹ sư chuyên ngành trồng trọt - chăn nuôi - thú y là còn hơi mỏng, nhất là các ngành có tiềm năng kinh tế như cây ăn quả - cây hoa - cây cảnh... còn chưa đáp ứng kịp nhu cầu. Mối quan hệ với cấp huyện của các trạm nói chung có những thuận lợi (*vì đóng trên địa bàn huyện mà các trạm lại phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của huyện cho nên được lãnh đạo cấp xã - huyện rất ủng hộ*). Tuy nhiên, do chưa có sự thống nhất chung trong toàn quốc về cơ chế quản lý cho nên việc kiêm nhiệm của Trưởng phòng nông nghiệp làm Trạm trưởng cũng làm cho công tác quản lý, ứng dụng tiến bộ kĩ thuật chưa thuận lợi (*ví dụ có huyện Trưởng phòng nông nghiệp đưa một số tiến bộ kĩ thuật chưa được kết luận giao cho trạm khuyến nông thực hiện, đến lúc không thành công thì trách nhiệm lại thuộc về trạm khuyến nông trong khi đó chưa có chủ trương từ trên Trung tâm xuống đến trạm*).
- Về mặt tài chính: Vì trạm huyện là đơn vị cấu thành trực thuộc Trung tâm, không có tư cách pháp nhân trong giao dịch, cho nên tất cả mọi vấn đề chi tiêu tài chính (*lương và chi phí thường xuyên*) đều do Trung tâm cấp theo mức khoán. Phần kinh phí sự nghiệp xây dựng mô hình: có khi Trung tâm quyết

toán cùng với trạm hoặc ủy nhiệm cho trạm huyện thanh toán quyết toán chương trình, do vậy đôi lúc còn chưa kịp thời.

- Với các huyện đồng bằng ven biển như Hải Phòng, việc tổ chức các trạm khuyến nông ở từng huyện là hợp lý cả về quy mô và địa bàn hoạt động.
- Cứ thứ 3 tuần thứ 2 và tuần thứ 4 hàng tháng, các trạm về giao ban với Trung tâm đã giúp cho Trung tâm nắm bắt được tình hình kịp thời.

Khuyến nông viên ở cơ sở xã, phường

Được Thành phố cho phép, trong cơ cấu tổ chức khuyến nông ở Hải Phòng có hệ thống khuyến nông viên tại các xã, phường do Trung tâm khuyến nông trả lương và thực hiện chế độ hợp đồng hàng năm theo hợp đồng lao động ký kết giữa giám đốc Trung tâm và cá nhân khuyến nông viên.

Trong thực tế, đến nay có 140 cán bộ kỹ thuật nói trên (*khuyến nông viên*) với các ngành nghề: trồng trọt - chăn nuôi, lâm nghiệp, thú y và quản lý kinh tế.

Trong số đó có 73 người có trình độ đại học (*cả trồng trọt - lâm nghiệp, chăn nuôi và bác sĩ thú y*) và 67 người có trình độ trung cấp kỹ thuật (*đã kinh qua công tác chuyên môn ở các cơ sở sản xuất từ 5-6 năm trở lên*).

Với đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở trên được tổ chức thành các cụm khuyến nông do trạm khuyến nông huyện quản lý và điều hành công việc, đây là điều kiện rất thuận lợi cho công tác tuyên truyền huấn luyện và tiếp cận với nông dân, là cầu nối hữu hiệu giữa nông dân với tiến bộ kỹ thuật mới. Thông qua đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở đã giúp cho trạm, và Trung tâm nắm bắt được nhu cầu đòi hỏi của nông dân về những tiến bộ kỹ thuật mà họ cần để tập hợp họ lại thành nhóm nông dân cùng sở thích, thông qua đó để đưa tiến bộ kỹ thuật đến với họ. Mặt khác, cũng nhờ đội ngũ cán bộ khuyến nông này đã làm tham mưu giúp cho các xã, HTX nắm bắt tình hình để có chủ trương kịp thời trong chỉ đạo kỹ thuật, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, con vật nuôi.

Kết luận

Sau Nghị định 13/CP của Chính phủ và thông tư hướng dẫn Liên bộ 02/TTLB, hệ thống khuyến nông ở Hải Phòng cũng được thành lập từ thành phố tới cơ sở theo 3 cấp thống nhất từ Trung tâm xuống trạm huyện và cụm khuyến nông cơ sở. Trong quá trình hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao, hệ thống khuyến nông đã thực hiện tốt một số mặt công tác. Bên cạnh những kết quả đó cũng còn một số vấn đề cần phải đặt ra tiếp :

Về hệ thống tổ chức

So với thông tư hướng dẫn, hệ thống khuyến nông của Hải Phòng đã được tổ chức đúng tinh thần của thông tư: thống nhất từ Trung tâm khuyến nông thành phố đến các cụm khuyến nông liên xã, tuy nhiên mới thể hiện chức năng của khuyến nông Nhà nước, việc xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông tự nguyện còn ít, hoạt động chưa thường xuyên chưa chặt chẽ. Về cơ chế quản lý: việc kiêm nhiệm

của Trưởng phòng nông nghiệp làm trưởng trạm khuyến nông đã dẫn đến việc quản lý, điều hành công việc ở trạm chưa thuận lợi.

Vai trò và tác dụng của hệ thống khuyến nông hiện tại

- Đã thiết lập thành một hệ thống thống nhất từ thành phố đến cơ sở, bước đầu đã thực sự là cầu nối giữa nông dân với Nhà nước, là người bạn tin cậy của nhà nông.
- Trong quá trình hoạt động hệ thống khuyến nông đã làm tốt vai trò làm tham mưu cho lãnh đạo các cấp để nắm chắc diễn biến tình hình sản xuất như thực hiện lịch thời vụ, triển khai chủ trương chỉ đạo các chiến dịch phòng trừ sâu hại, bệnh hại cây trồng và con vật nuôi.
- Thực hiện việc chuyển giao TBKT thông qua các mô hình trình diễn đã giúp anh chị em chắc hơn về tay nghề, trau dồi thêm kiến thức để hướng dẫn nông dân làm theo.
- Thông qua hoạt động của hệ thống khuyến nông từ thành phố tới cơ sở, từng bước làm thay đổi tập quán, nếp nghĩ của nông dân là sau khi vai trò của các HTX được chuyển đổi thì cán bộ khuyến nông là người giúp nông dân trong việc tiếp nhận, chuyển giao TBKT.

Tuy nhiên hoạt động của hệ thống khuyến nông cũng mới chỉ trong khuôn khổ vận động, thuyết phục của cán bộ khuyến nông, còn vai trò của nông dân tham gia làm khuyến nông chưa được nhiều, vì vậy tổ chức chưa được nhiều câu lạc bộ khuyến nông tự nguyện để làm nòng cốt cho việc chuyển giao TBKT.

Một số đề xuất

Từ những vấn đề trên, Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng xin đề xuất những vấn đề sau :

Về hệ thống tổ chức khuyến nông Nhà nước

Theo 3 cấp tỉnh - huyện - cụm xã thống nhất như hiện tại của Hải phòng là phù hợp với tình hình thực trạng hiện nay, tuy nhiên hệ thống khuyến nông cũng không nên có sự kiêm nhiệm của hệ thống quản lý Nhà nước. Về phía tổ chức, theo chúng tôi, sau khi tham khảo hệ thống tổ chức của các tỉnh, Cục khuyến nông & khuyến lâm nên hướng dẫn cụ thể thông tư liên bộ để hình thành một hệ thống thống nhất trong cả nước.

Về khuyến nông cơ sở, thôn, bản

Trước đây khi còn vai trò quản lý điều hành của HTX, mỗi HTX có một đội KHKT, đội KHKT này chính là người trực tiếp làm khuyến nông thông qua việc tổ chức, hướng dẫn xã viên nông dân ứng dụng KHKT. Trong cơ chế quản lý mới hiện nay, nên chăng có sự hướng dẫn thống nhất chung trong cả nước về thành lập tổ khuyến nông xã mà qui mô mỗi thôn nên có 1 người có trình độ tối thiểu là sơ cấp chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong việc tập hợp nông dân tiếp thu tiến bộ kĩ thuật. Nếu tổ chức được thì thù lao của số khuyến nông viên trên được trả phụ cấp trong nguồn thu từ quỹ đất công ích do từng địa phương qui định.

Về phối hợp hoạt động

Các tổ chức khác như Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh... những năm qua đã bước đầu có sự phối hợp hoạt động với hệ thống khuyến nông, nhưng để có sự phối hợp chặt chẽ hơn, hàng năm, cơ quan Trung ương của các hội cần bàn bạc với Cục Khuyến nông & khuyến lâm để có các Nghị quyết cụ thể hoá việc phối hợp đến các tỉnh, huyện theo từng năm đồng thời cần phải phân bổ thêm phần kinh phí của Nhà nước dành cho các hội để cùng với nguồn của hệ thống khuyến nông tham gia xây dựng các mô hình.

Về chính sách và tài chính

- Khi phân bổ nguồn tài chính, cơ quan quản lý chương trình, dự án nên có sự cân nhắc, tính toán đến hiệu quả và khả năng thực thi của từng địa phương để phân bổ đồng thời qui mô cũng nên phân bổ lớn và tập trung hơn.
- Mỗi khi trước năm tài chính, cơ quan phân bổ chương trình nên họp rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện năm trước và kí kết chương trình năm sau kịp thời vụ để các chương trình được thực hiện đúng kĩ thuật.

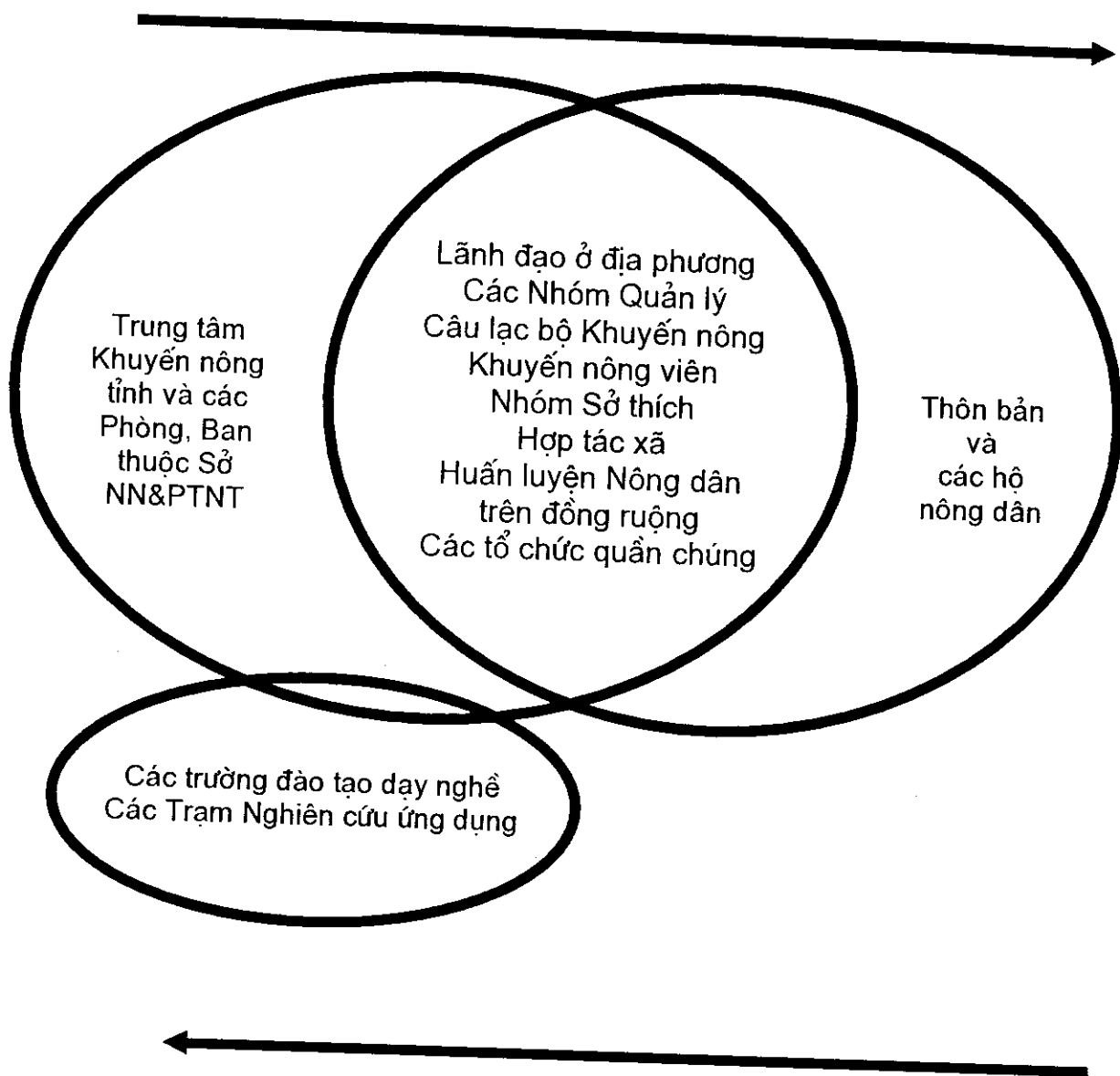
Cuối cùng một đề xuất chung nhất đó là: Nhà nước nên có một hướng dẫn thống nhất và tổ chức hệ thống trong cả nước về khuyến nông để các tỉnh vận dụng thực hiện cả về tổ chức, tài chính và định hướng theo vùng kinh tế.

CÁC BÁO CÁO TỔNG HỢP

Tóm tắt kinh nghiệm liên kết khuyến nông nhà nước với các tổ chức địa phương

Nhóm Chuẩn bị Hội thảo

Cơ cấu hỗ trợ



Cơ cấu yêu cầu

Giới thiệu

Trong thời gian chuẩn bị cho hội thảo quốc gia này, Nhóm chuẩn bị Hội thảo đã đi thăm một số tỉnh ở nhiều vùng khác nhau của đất nước để có thể đánh giá lại các khía cạnh tổ chức của Khuyến Nông nhà nước cùng với cán bộ của các Trung tâm Khuyến nông tỉnh và một số huyện. Các tỉnh mà đoàn đã đến thăm bao gồm Cần Thơ, Đồng Nai, Cà Mau, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Hà Tây, Hải Phòng, Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang và Tuyên Quang.

Mục đích của báo cáo này là để tóm tắt lại một số kinh nghiệm về tổ chức khuyến nông khắp cả nước. Chúng tôi xin nhấn mạnh ngay từ đầu là những gì chúng tôi phát hiện và tóm tắt ở đây chưa thể đại diện cho khắp các vùng của đất nước. Và chúng tôi cũng không đưa ra nhận định cho rằng mô hình tổ chức này thì tốt hơn mô hình tổ chức khác. Mục đích của chúng tôi chỉ đơn giản là thực hiện phép so sánh và đối lập các phương pháp tổ chức khuyến nông khác nhau hiện đang được thử nghiệm ở nhiều tỉnh khác nhau dưới các điều kiện khác nhau.

Trong các cuộc thảo luận của chúng tôi tại các tỉnh, một thực tế trở nên rõ ràng là một trong những vấn đề quan trọng nhất hiện nay là tổ chức khuyến nông cấp cơ sở. Hơn thế nữa, chúng ta có thể nói rằng, điểm mấu chốt trong bất kỳ hệ thống khuyến nông nào cũng chính là điểm mà tại đó cán bộ của dịch vụ nhà nước có mối quan hệ thường xuyên và trực tiếp với người nông dân. Sự thành công của khuyến nông sẽ luôn phụ thuộc vào các mối liên hệ tổ chức, các hệ thống lập kế hoạch và theo dõi, và quan trọng hơn cả là mối quan hệ của con người với nhau và lòng tin vào nhau được thiết lập giữa cán bộ chính quyền địa phương và nông dân ở điểm gặp gỡ quan trọng này. Do đó cần chú ý đặc biệt tới các mối liên hệ đã được thiết lập giữa hệ thống khuyến nông nhà nước (ở cấp tỉnh và cấp huyện) với nông dân thông qua con đường của các khuyến nông viên được lựa chọn và làm theo hợp đồng ở địa phương, các hình thức nhóm nông dân tình nguyện khác nhau, các tổ chức quần chúng và các tổ chức khác.

Dựa trên những kinh nghiệm này, báo cáo xin được nêu bật một số các vấn đề và câu hỏi quan trọng liên quan tới sự phát triển trong tương lai của tổ chức khuyến nông cơ sở. Một lần nữa, chúng tôi không dám đưa ra một giải pháp và câu trả lời nào đối với những câu hỏi sẽ nêu ra sau đây, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng rằng khi nêu ra các câu hỏi đó chúng sẽ kích thích được mối quan tâm và thảo luận trong hội thảo.

Tổng quát về các Mô hình tổ chức của Khuyến Nông Lâm nhà nước

Thực tế hiện tại và kinh nghiệm	Các vấn đề và câu hỏi quan trọng
Qua hơn 4 năm thực hiện Nghị định 13, các Trung tâm Khuyến Nông tỉnh (có quy mô khác nhau từ 12 cho tới 35 cán bộ chuyển trách) và các Trạm (hay Ban) Khuyến nông cấp huyện đã được thành lập trên toàn quốc. Tuy nhiên, hệ thống khuyến nông của các tỉnh khác nhau rất nhiều, đặc biệt là ở cấp huyện và các cấp thấp hơn. Sự đa dạng này xuất phát từ một số các yếu tố bao gồm các tổ chức đã tồn tại trước đó, điều kiện cơ sở hạ tầng địa phương và mức độ nguồn lực mà các cấp chính quyền tỉnh cấp cho hệ thống KN. Chúng ta có thể phân biệt ít nhất bốn mô hình tổ chức lớn khác nhau đang được phát triển, dựa chủ yếu vào số người hiện đang công tác trong hệ thống, cơ cấu cán bộ và loại hình liên kết được thiết lập ở cấp cơ sở. 1. Một số tỉnh đã lập ra một mạng lưới khuyến nông viên cơ sở rất rộng (cấp xã và thôn) trên cơ sở các hợp đồng ký với Trung Tâm hay Trạm khuyến nông. Các tỉnh này bao gồm Tuyên Quang (với tổng số cán bộ cả biên chế và hợp đồng ở địa phương là 1160 người) và Cần Thơ (với khoảng 750 cán bộ biên chế và hợp đồng địa phương). Trong cả hai tỉnh này KN viên cơ sở được liên kết với các Câu Lạc Bộ KN tự nguyện (Cần Thơ) hay các Nhóm Sở thích của Nông dân và Nhóm Quản lý thôn bản (ở Tuyên Quang), do đó, con số thực tế của những người tham gia vào hệ thống còn lớn hơn rất nhiều.	1. Trên thực tế, ở nhiều tỉnh, có rất nhiều phương pháp khuyến nông khác nhau được tiến hành song song mà ít có sự phối hợp hay trao đổi kinh nghiệm: - Khuyến nông (sử dụng phương pháp chuyển giao kỹ thuật và mô hình trình diễn) - Bảo vệ Thực vật (sử dụng phương pháp huấn luyện nông dân trên đồng ruộng IPM) - Các dự án của các tổ chức tài trợ/Phi Chính phủ (NGO) (thường khuyến khích các phương pháp khuyến nông do nông dân tiến hành và tham gia như PRA và khuyến nông từ nông dân đến nông dân). Chỉ mới có vài tỉnh bắt đầu xây dựng được một chiến lược và phương pháp khuyến nông thống nhất hơn để có thể liên kết các chương trình, phương pháp và cách tiếp cận cũng như các đơn vị khác nhau trực thuộc Sở NN&PTNT. 2. Chưa phải tất cả các tỉnh đều đã có một chiến lược phát triển tổ chức khuyến nông với mục tiêu dài hạn rõ ràng. Một chiến lược như vậy cần bắt đầu bằng việc xác định <i>mục đích của khuyến nông và các nguồn nhân lực sẵn có</i> để có thể xây dựng một kế hoạch hành động tăng cường khả năng dài hạn và phương pháp luận khuyến nông. Ở các tỉnh đã có một viễn cảnh rõ ràng về những gì hệ thống khuyến nông nên làm thì tổ chức ở đó phát triển nhanh và mạnh hơn. 3. Một trong những vấn đề chính nổi lên ở thời điểm này là làm thế nào để cung cấp tài chính cho tổ chức khuyến nông cơ sở. Ở các

2. Một số các tỉnh khác thì áp dụng một cơ cấu mang tính gọn nhẹ hơn với không nhiều cán bộ hay/và các cấp tham gia, nhưng tuy thế vẫn có các mối liên kết mạnh với các tổ chức khuyến nông tự nguyện ở cấp thôn bản. Đó là các tỉnh Hải Phòng và Thái Nguyên. Để có thể có được hệ thống như hiện nay, Hải Phòng, và ở cấp độ thấp hơn một chút là Thái Nguyên, đã tập trung các nguồn nhân lực có kỹ năng vào cấp huyện và cụm xã.

3. Một mô hình phổ biến thứ ba là cơ cấu hay tổ chức khuyến nông không được thành lập ở các cấp dưới huyện, nhưng hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước hoạt động thông qua hay làm đối tác với các các tổ chức tự nguyện và các tổ chức quần chúng khác. Ví dụ như ở Sóc Trăng, có một chiến lược rõ ràng được đưa ra là hoạt động khuyến nông thông qua sự hợp tác chặt chẽ với Hội Nông dân và Hội Liên Hiệp Phụ nữ ở tất cả các cấp.

4. Cuối cùng, có một số tỉnh vẫn chưa thành lập được tổ chức khuyến nông dưới cấp huyện, cơ bản là vì thiếu vốn và nguồn nhân lực. ở những tỉnh này, hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước hoạt động thông qua một loạt các đối tác và tổ chức địa phương.

Do vậy, có một khoảng cách khá lớn trong cơ cấu cán bộ trong hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước từ dưới 60 cán bộ chuyên trách (như ở Bạc Liêu, Hà Giang và Sóc Trăng) lên tới hơn 1000 cán bộ chuyên trách và hợp đồng và cả cán bộ khuyến nông tự nguyện ở Tuyên Quang.

tỉnh đã thiết lập được một mạng lưới rộng lớn các khuyến nông viên hợp đồng thì đã nảy sinh những vấn đề cố hữu là tính bền vững của hệ thống. Còn ở các tỉnh không đủ nguồn lực để ký hợp đồng với các khuyến nông viên thì khả năng vươn xa của hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước bị hạn chế rất lớn.

4. Trong khuôn khổ chính sách của chính phủ về cơ cấu khuyến nông, một điều rõ ràng là cần phải biến đổi tổ chức khuyến nông sao cho phù hợp với các điều kiện khác nhau ở các vùng khác nhau, và đặc biệt là ở các vùng núi cao và hẻo lánh. Ở đây có một số vấn đề đáng quan tâm, bao gồm:

- Thứ nhất, rõ ràng là cần có nhiều loại hình liên kết tổ chức và hệ thống thông tin khác nhau để tiếp cận đến người nông dân ở các huyện vùng núi xa xôi (như Mèo Vạc ở Hà Giang) nếu so với các huyện vùng đồng bằng và đất thấp (như huyện Quốc Oai ở Hà Tây).

- Thứ hai, một diện tích lớn đất rừng ở vùng cao (ví dụ trên 70 % diện tích của nhiều huyện và xã tham gia chương trình MRDP) đều cần có sự đa dạng trong cả nội dung khuyến nông lẫn các tổ chức hỗ trợ. Ví dụ, hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước cần hợp tác chặt chẽ với các Lâm Trường và Kiểm Lâm ở các vùng đó.

5. Sau các chuyến đi tới nhiều tỉnh khác nhau, chúng tôi có cảm giác là mối liên kết giữa hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước với hệ thống nghiên cứu (Trạm nghiên cứu ứng dụng của tỉnh, hay các Viện Nghiên cứu quốc gia) và với hệ thống đào tạo (các trường Kỹ thuật/Dạy nghề) còn rất yếu và hạn chế.

Hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước ở cấp huyện

Thực tế hiện tại và kinh nghiệm	Các vấn đề và câu hỏi quan trọng
Theo hướng dẫn của Thông tư 02 liên Bộ về việc thực hiện Nghị định 13, Trung tâm khuyến nông tỉnh được quyền thành lập các trạm khuyến nông ở cấp huyện, liên huyện hay cấp cụm liên xã. Nhiều tỉnh đã thành lập hệ thống Trạm khuyến nông cấp huyện với khoảng từ 4 -7 cán bộ với các chuyên ngành khác nhau. Các tỉnh khác đã chọn cách thành lập Các Ban khuyến nông hoặc nằm trong Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ví dụ, ở Tuyên Quang và An Giang) hoặc dưới sự chỉ đạo trực tiếp hơn của Ủy Ban Nhân Dân huyện (ví dụ, ở Thái Nguyên). Một vài tỉnh có những cách tổ chức linh hoạt hơn ở cấp huyện theo kiểu các "Nhóm Khuyến Nông" được thành lập với cán bộ từ nhiều đơn vị và tổ chức quần chúng khác nhau ở huyện (ví dụ, ở Bạc Liêu, một tỉnh mới được tách ra và một số huyện ở Cao Bằng).	1. Xét từ nhiều khía cạnh khác nhau, cấp huyện là cấp quan trọng nhất trong hệ thống. Đó là bởi vì chính ở tại cấp huyện các nguồn vốn khác nhau (từ các chương trình khuyến nông quốc gia và tỉnh, các dự án tài trợ về khuyến nông, các Chương trình khác của Chính Phủ như 06, 327...) cần được khớp nối vào với nhau trong các kế hoạch hoạt động hợp lý. Các phương pháp khác nhau được sử dụng ở nhiều chương trình khác nhau gây khó khăn để có thể đạt được sự phối hợp này. Ví dụ, nguồn vốn hoạt động cho Khuyến Nông Lâm nhà nước từ ngân sách chính phủ được gắn chặt với các chương trình khuyến khích một số loại cây trồng cụ thể. Khuyến Nông Lâm nhà nước không có phần vốn nào khác để có thể sử dụng một cách hợp lý theo yêu cầu và ưu tiên của cơ sở. Trong khi đó, các dự án tài trợ đang khuyến khích và phát triển các phương pháp linh hoạt hơn đối với việc lập kế hoạch khuyến nông cơ sở. 2. Cấp huyện cũng là cấp mà ở đó các hoạt động của các đơn vị khác nhau trực thuộc Sở NN&PTNT (Khuyến nông, Bảo vệ thực vật, Thú y, Vật tư sản xuất) cần phải được phối hợp để cung cấp các dịch vụ có hiệu quả và hữu ích cho nông dân. Sự phối hợp này dễ thành công nhất trong các trường hợp mà các đơn vị này có vị thế tương đương trong mối quan hệ, một mặt với chính quyền huyện, và mặt khác với Sở NN&PTNT. 3. Nhìn chung, Nhóm Chuẩn bị Hội thảo đã quan sát thấy rằng ở các huyện xa xôi (đặc biệt ở các vùng núi), nơi mà nguồn nhân lực cũng rất hạn

	chế, một điều rất cần làm là đưa tất cả các đơn vị khác nhau với nhiều chức năng vào sự quản lý điều phối chung của chính quyền cấp huyện. 4. Một số người cũng đề xuất rằng nên có một sự phân biệt rõ ràng giữa các khía cạnh quản lý nhà nước về sử dụng đất (như dưới sự chỉ đạo của Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của Ủy ban Nhân dân huyện) và các khía cạnh cung cấp dịch vụ của khuyến nông (như đào tạo, tăng cường năng lực, vật tư sản xuất v.v...) vốn vẫn là trách nhiệm của Khuyến Nông Lâm nhà nước và các công ty vật tư.
--	---

Cán bộ khuyến nông cơ sở

Thực tế hiện tại và kinh nghiệm	Các vấn đề và câu hỏi quan trọng
Theo hướng dẫn về Nghị định 13 có nói: <i>"Các xã, hợp tác xã, đội sản xuất, hay các cụm thôn hình thành các mạng lưới khuyến nông viên cơ sở. Cán bộ khuyến nông cơ sở không thuộc vào sổ cán bộ do chính phủ trả lương, họ làm việc theo hợp đồng, ngắn hạn hay dài hạn."</i> Rất nhiều sự kết hợp và phương pháp khác nhau để thuê và chi phí cho khuyến nông viên cơ sở (EWs) đang được thử nghiệm: 1. Khuyến nông viên cơ sở cụm xã làm theo hợp đồng hay chuyên trách với Trung tâm khuyến nông (HP, TQ, TN) 2. Khuyến nông viên chuyên trách cấp xã (TQ) hay theo hợp đồng hàng năm (CT) hoặc hợp đồng bán thời gian (DN) với Trung tâm/Trạm KN. 3. Cán bộ khuyến nông thôn nhận trợ cấp từ quỹ của xã (HP) 4. Cán bộ khuyến nông thôn làm hợp đồng ngắn hạn với Trạm khuyến nông (CT). 5. Các Nhóm Phát triển và Quản lý thôn bản có hoặc không có trợ cấp (TQ, TN) 6. Các hộ xây dựng mô hình trình diễn được lấy luôn làm khuyến nông viên thôn (DN, HG) 7. Trưởng thôn và các cán bộ của hợp tác xã cũ làm người liên kết. Trong khi cơ chế cung cấp tài chính thì rất khác nhau, có một sự thống nhất chung phổ biến về chất lượng và trình độ yêu cầu đối với khuyến nông viên cơ sở: – họ phải là người địa phương – do chính quyền xã giới thiệu – có quan hệ tốt với các hộ khác – tối thiểu là phải có trình độ văn hoá tiểu học	1. Rất nhiều ý kiến cho rằng cần phải trả lương cho cán bộ khuyến nông cấp xã (hay/và cấp thôn bản). Vấn đề ở đây là làm thế nào để có đủ tài chính để thực hiện việc này? Nguồn vốn bổ sung của chính phủ thì lúc nào cũng cần. Tuy nhiên điều này khó có thể thực hiện được ở các tỉnh nghèo, do vậy cần xem xét các giải pháp khác nhau. 2. Khuyến nông viên cấp xã hay cụm xã có thể thiết lập được dễ dàng ở các huyện đồng bằng và trung du với các điều kiện cơ sở hạ tầng thông tin và giao thông tốt. Tuy nhiên ở các huyện vùng núi cao, kinh nghiệm cho thấy tốt nhất là có khuyến nông viên cấp thôn bản. Một số xã miền núi có diện tích lớn tới mức mà một hay hai cán bộ khuyến nông bán chuyên trách thì không thể hoàn thành nhiệm vụ. 3. Đào tạo có lẽ là nhu cầu cấp bách nhất hiện nay để nâng sức mạnh và năng lực cho các tổ chức khuyến nông địa phương. Trong khi các trường dạy nghề ở tỉnh hầu hết chỉ đào tạo tốt các chủ đề mang tính kỹ thuật, còn đào tạo các kỹ năng thông tin và phương pháp lập kế hoạch khuyến nông thì còn yếu và chưa hợp lý.

- nông dân có kinh nghiệm
- có thời gian để làm đào tạo và tham gia các lớp đào tạo

Một số tỉnh có chính sách ưu tiên đưa các khuyến nông viên cơ sở tới các xã xa xôi (DN) hay các thôn bản vùng cao (TQ). Một số tỉnh sử dụng khuyến nông viên hợp đồng ngắn hạn hay theo mùa vụ, có hiệu quả chi phí hơn so với sử dụng cán bộ chuyên trách (CT).

Khái niệm Nhóm quản lý thôn bản hay Ban phát triển thôn bản đã được đưa vào thông qua các dự án tài trợ (ví dụ MRDP và một dự án IFAD ở TQ) và các dự án Phi chính phủ (ví dụ, Dự án CIDSE ở TN).

Ghi chú: HP=Hải Phòng; TQ=Tuyên Quang; CT=Cần Thơ; TN=Thái Nguyên; DN=Đồng Nai; HG=Hà Giang.

Các tổ chức Nông dân tình nguyện

Thực tế hiện tại và kinh nghiệm	Các vấn đề và câu hỏi quan trọng
Nhiều kinh nghiệm từ khắp nơi trong nước đã chỉ ra rằng cần phải đi xuống dưới cấp xã để có thể tạo ra một mạng lưới khuyến nông hiệu quả mà có thể tiếp cận được mọi người dân. ở nhiều nơi, một cán bộ khuyến nông cấp xã không thể nào cung cấp các dịch vụ khuyến nông cho tất cả nông dân, ở tất cả các thôn và giải quyết tất cả các vấn đề của khuyến nông. Một điều đặc biệt quan trọng là phải vươn các hoạt động tới những hộ nghèo nhất những người có ít khả năng để có thể tự liên hệ với các tổ chức bên ngoài. Ở đây, lại có một sự đa dạng của nhiều loại hình nhóm nông dân tự nguyện hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông. Một số các nhóm nông dân đó được thành lập do chính bản thân các hộ nông dân với nhau và các tổ chức như vậy rất không chính thức. Các kiểu tổ chức khác thì được thành lập theo hướng dẫn của các đoàn thể quần chúng, hệ thống Khuyến Nông Lâm nhà nước hay các dự án. Các <u>Câu lạc bộ Khuyến nông của nông dân</u> (từ 30 đến 50 thành viên) rất phổ biến và đông đảo ở các tỉnh Miền Nam. Có ba loại câu lạc bộ chính: - Câu lạc bộ thuộc Hội Nông dân - Câu lạc bộ do chính nông dân lập lên - CLB thành lập với hỗ trợ của KN nhà nước Các câu lạc bộ hoạt động và tồn tại dựa vào các thành viên tự nguyện. Họ thường huy động được nguồn vốn từ các thành viên và lựa chọn một đại diện để tham gia các lớp tập huấn và làm người liên lạc cho CLB. Ở Sóc Trăng, hệ thống Khuyến Nông nhà nước hỗ trợ một số vốn cho hoạt động của các CLB. Ở Cần Thơ, phần lớn các CLB là không chính thức, trong khi một số khác thì đã phát triển thành hợp tác xã chính thức.	1. Một trong những vấn đề quan trọng nhất cần phải được thảo luận là làm thế nào để liên kết "chiều dọc" (hệ thống khuyến nông chính thức của nhà nước) với "chiều ngang" (hệ thống khuyến nông không chính thức từ nông dân đến nông dân, từ gia đình đến gia đình, từ thôn đến thôn) trên cơ sở của sự liên kết về thông tin, trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau. <pre> graph TD A((Tổ chức dịch vụ)) B1[Nông dân] B2[Nông dân] B3[Nông dân] A --> B1 A --> B2 B1 <--> B2 B2 <--> B3 B1 <--> B3 </pre> 2. Điều này yêu cầu có sự hiểu biết về cách thức mà theo đó nhiều hộ nông dân đang hoạt động với sáng kiến của riêng họ để có thể liên kết với các dịch vụ bên ngoài và các nông dân khác. Làm thế nào để hệ thống Khuyến Nông nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương này? 3. Kinh nghiệm cho thấy rằng trong khi một số các hoạt động khuyến nông do các khuyến nông viên tiến hành, thì có một số khía cạnh nhất định về quản lý đất đai luôn cần có sự phối hợp hành động và trách nhiệm giữa nông dân với nhau (ví dụ quản lý hệ thống nước và bãi chăn thả)

CÁC PHƯƠNG ÁN KHÁC NHAU VỀ GIẢI PHÁP CẤP VỐN CHO CÁC TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG

Nhóm chuẩn bị Hội thảo

Những thuận lợi và khó khăn đối với các giải pháp cung cấp tài chính cho các dịch vụ khuyến nông và các tổ chức khuyến nông ở cơ sở			
Cơ chế cung cấp vốn	Một số ví dụ	Những thuận lợi	Những khó khăn
1) Ký hợp đồng tuyển dụng cán bộ khuyến nông địa phương (liên xã) dài hạn của các Trạm KN hay Trung tâm KN.	- ở Hải Phòng có các nhóm khuyến nông liên xã, cán bộ của các nhóm này ký hợp đồng hàng năm với Trung tâm KN. - ở Cần Thơ có các cán bộ khuyến nông ở tất cả các xã. Chi phí lương tùy thuộc vào trình độ của cán bộ (từ 150.000 đến 200.000/tháng) và phụ cấp chi phí đi lại công tác.	- Dễ quản lý. - Dễ điều hành - Dễ xây dựng năng lực kỹ thuật và trình độ cho cán bộ KN qua thời gian.	- Là gánh nặng đối với ngân sách nhà nước. - Các tỉnh nghèo hơn thì khó có thể chịu được KN hoặc bản thân KN có tính bền vững thấp. - Khó khăn duy trì các mối liên lạc thường xuyên với các cán bộ KN ở vùng sâu, vùng xa.
2) Hợp đồng cán bộ khuyến nông cho cấp thôn, xã theo mùa vụ hoặc ngắn hạn của các Trung tâm KN hay Trạm KN.	- ở Đồng Nai có 82 cán bộ KN cấp xã ở hầu hết các xã vùng xa. - ở Cần Thơ có các cán bộ KN cấp ấp, làm việc ngắn hạn có mức trợ cấp tạm thời hàng tháng là 30.000 đồng/tháng. - Một số dự án MRDP trả phụ cấp cho cán bộ KN thôn bản do người dân bầu ra: 10 công/tháng, mỗi công 5.000đ, vị chi 50.000đ/người/tháng.	- Bố trí cán bộ KN ở các cấp có thể áp dụng hình thức theo mùa vụ hoặc dựa vào nhu cầu của địa phương để có trợ giúp về khuyến nông mạnh mẽ hơn. - Đối với người tham gia công tác KN thì làm việc ngắn hạn theo mùa vụ dễ dàng hơn làm việc chuyên trách dài hạn, nhất là những người cũng có đồng ruộng.	- Khó khăn trong việc ký hợp đồng ngắn hạn với cán bộ KN theo mùa vụ, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. - Cơ hội xây dựng kỹ năng KN cho cán bộ KN rất ít. - ở các tỉnh nghèo thì thiếu vốn.

Cơ chế cung cấp vốn	Một số ví dụ	Những thuận lợi	Những khó khăn
3) Sử dụng các quỹ của xã, các khoản thu thuế hoặc các nguồn thu khác để trả cho cán bộ KN.	- ở huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang trước đây nông dân đóng góp 2% sản lượng lúa thu hoạch được để trả cho cán bộ HTX. Nay huyện đã có kế hoạch mới: nông dân đóng góp 0,5% sản lượng thu hoạch để trả cho cán bộ KN thôn bản. - Một số xã ở Phú Thọ chi phí cho cán bộ KN hợp đồng ngắn hạn được trích từ số thu thuế nông nghiệp của xã.	- Sử dụng một cách có hiệu quả người dân địa phương có kinh nghiệm và kỹ thuật. - Tạo điều kiện cho sự hoạt động tích cực của họ. - Cán bộ KN sẽ có trách nhiệm hơn đối với nông dân và chính quyền địa phương. - Có thể sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực ở địa phương với kỹ năng quản lý và kỹ thuật tốt (chẳng hạn các cán bộ của HTX trước đây). - Phù hợp với định hướng phát triển lâu dài nếu người dân địa phương có thể trả tiền cho dịch vụ KN mà họ nhận được.	Nếu có các cán bộ KN có tinh thần và có trình độ thì người dân địa phương sẽ chấp nhận khuyến nông.
4) Trợ giúp cho nông dân và cán bộ KN tham gia vào các hoạt động cung cấp dịch vụ KN và vật tư nông nghiệp cho những người nông dân khác trên nguyên tắc có nhận dịch vụ có trả tiền.	Chẳng hạn: - Các nhà ươm cây giống; - Các bác sỹ thú y ở thôn, ấp. - Các hình thức cung cấp dịch vụ khác.	- Chất lượng (chẳng hạn cây giống) có khả năng được nâng cao nếu người nông dân đầu tư thời gian và tiền bạc vào quá trình sản xuất. - Hỗ trợ công cuộc đa dạng hoá các hoạt động sản xuất cho nền kinh tế địa phương.	- Trên khía cạnh khác chất lượng dịch vụ có thể bị suy giảm (ví dụ việc kiểm soát sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hoá học) - Có nhiều khó khăn trong việc cung cấp đào tạo và xây dựng kỹ năng KN.

Cơ chế cung cấp vốn	Một số ví dụ	Những thuận lợi	Những khó khăn
5) Sử dụng lãi của các hoạt động tín dụng và tiết kiệm để trang trải chi phí phụ cấp cho cán bộ KN địa phương.	Trong Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi, một phần của lãi thu được trong các hoạt động cho vay được sử dụng để trang trải chi phí phụ cấp cho Ban quản lý thôn bản và cán bộ KN thôn bản.		- Người nông dân sẽ chỉ trả tiền cho các dịch vụ mà họ nhận nếu như cán bộ KN thực sự có dịch vụ cung cấp cho họ. - Một số khía cạnh quan trọng của KN không thể thực hiện được thông qua các cá nhân (chẳng hạn quản lý các nguồn lợi công cộng như nguồn nước và sử dụng đất rừng). - Có thể có tác động trở lại tính vững bền của các hoạt động tín dụng và tiết kiệm. - Những thành viên trong nhóm TD&TK không phải là nông dân có thể không nhất trí với cơ chế như trên. - Việc sử dụng tín dụng lại có thể bị gắn với các hoạt động sản xuất được phổ cập khuyến nông.
6) Hợp tác với các tổ chức và hội ở cơ sở đã có cán bộ ở cơ sở.	Chẳng hạn: - Hội phụ nữ; - Hội nông dân ; - Thôn trưởng, xóm trưởng, già làng;	Tận dụng tốt mạng lưới liên lạc và nhân viên hiện có ở nông thôn.	- Các cán bộ của các tổ chức này thiếu các kỹ năng khuyến nông có thể dẫn tới giảm hiệu quả chi phí. - Phối hợp các hoạt động giữa các tổ chức và cơ quan sẽ có khó khăn.

Cơ chế cung cấp vốn	Một số ví dụ	Những thuận lợi	Những khó khăn
7) Các nhóm nông dân huy động các nguồn lực của họ để trả cho các dịch vụ KN.	Các công ty cung cấp dịch vụ, các chủ cửa hàng bán lẻ hàng hoá phục vụ nông nghiệp.		Khó khăn trong việc cung cấp đào tạo một cách hệ thống cho người nông dân.
	ở Cần Thơ, thành viên của các câu lạc bộ khuyến nông phải đóng góp kinh phí, kinh phí này được sử dụng để trang trải các chi phí hoạt động chung.	- Mối quan hệ cung và cầu rất rõ ràng. - Các đại diện của các nhóm nông dân sẽ có trách nhiệm hơn đối với thành viên của nhóm mình.	- ở vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển thì vẫn để lại có nhiều khó khăn hơn. - Người nông dân chỉ chấp nhận giải pháp này nếu có đủ cán bộ KN nhiệt tình và có năng lực.
8) Nông dân trả các dịch vụ khuyến nông cung cấp bởi các công ty nhà nước và tư nhân.	Các công ty cung ứng giống cây trồng.	- Mối quan hệ cung và cầu rõ ràng. - Có hệ thống phân phối hiệu quả. - Việc kiểm soát chất lượng tùy thuộc vào thiện chí của nông dân trả cho dịch vụ KN.	- ở vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển thì vẫn để lại có nhiều khó khăn hơn. - Các dịch vụ khuyến nông sẽ ít ỏi, bị lệ thuộc vào công nghệ và mùa vụ có khả năng đảm bảo tính thương mại của các công ty này. - Một số khía cạnh quan trọng của KN không thể thực hiện được thông qua các cá nhân (chẳng hạn quản lý các nguồn lợi công cộng như nguồn nước và sử dụng đất rừng).

DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG NHÀ NƯỚC
CÓ CẦN SUY NGHĨ LẠI MỤC TIÊU VÀ XÁC ĐỊNH LẠI NHIỆM VỤ ?
MỘT VÀI Ý TƯỞNG DỰA TRÊN CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

Marit Werner, MRDP

Giới thiệu về phát triển tổ chức

Định hướng theo kết quả bắt đầu từ người dân

Phát triển tổ chức có nghĩa là một sự thay đổi mong muốn được bắt đầu bởi sự tham gia của mọi người làm việc trong tổ chức hơn là bởi các dự án hay các chuyên gia bên ngoài. Vai trò của người tư vấn về phát triển tổ chức là hỗ trợ quá trình tự phát triển và sự học hỏi của những ai trong tổ chức chịu sự tác động trực tiếp bởi sự thay đổi.

Trong phát triển tổ chức, khái niệm một tổ chức được hiểu như một “hệ thống mở”. Để tồn tại trong môi trường thay đổi nhanh và phát triển bền vững, con người làm việc trong tổ chức này cần phải hiểu được rằng tại sao tổ chức mình lại tồn tại? phải hiểu rõ các mục tiêu của nó. Cần có khả năng xác định các bước để cải thiện tình hình thực tế.

Các cơ hội cho một quá trình thay đổi mong muốn tích cực xảy ra là vốn có trong mỗi người, mỗi nhóm hay mỗi tổ chức. Điều này còn có ngụ ý rằng những cá nhân, nhóm hoặc tổ chức cần phải được khuyến khích và tự chịu trách nhiệm lớn đối với sự thay đổi.

Quá trình thay đổi và phát triển được xây dựng trên cơ sở “Học thông qua làm việc” hay “Học tập thử nghiệm”.

Ai sẽ là đối tượng mà tổ chức khuyến nông tác động tới? Khuyến nông lâm tác động đến hai đối tượng sau:

- 1) Nông dân nông thôn và sự tham gia của họ chính là người làm cho quá trình thay đổi xảy ra tại các cộng đồng nông thôn của họ như xã, làng bản, gia đình và cá nhân. Họ là người kiểm soát cuộc sống và đất đai của họ. Họ có các ưu tiên bị ảnh hưởng bởi nhiều hiện trạng thực tế về mặt xã hội và kinh tế, và họ có khả năng và muốn tự xác định loại hình phát triển nào cho gia đình, thôn bản và cho chính họ.
- 2) Cán bộ làm việc tại các tổ chức khuyến nông nhà nước - sự tham gia và hoạt động của họ trong quá trình hình thành các dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả cho người dân nông thôn.

Điều cơ bản là nhìn thấy và hiểu được hai nhóm đối tượng này có sự khác nhau và là hai nhóm riêng biệt. Họ thuộc “các tổng thể” khác nhau (con người và các nguồn lực của họ bao gồm cả đất đai) và họ có thể đạt được những thay đổi và hiệu quả mong muốn; đó là cơ bản hiểu được “tổng thể” mà chúng ta đang có quan hệ với.

Định nghĩa về “tổng thể”

Chương trình MRDP đang cố gắng giới thiệu một triển vọng chính thể luận về Phát triển nông thôn. Triển vọng chính thể luận (holism) là cách nhìn nhận thế giới được hiểu rằng thế giới chỉ hoạt động trong “các tổng thể” hơn là “các phần gắn liền với nhau”.

Hiển nhiên, có ít nhất hai “tổng thể” tham gia vào hệ thống khuyến nông, và điều quan trọng là phân biệt hai nhóm với nhau:

- 1. Cộng đồng nông thôn hoặc hộ nông dân.
- 2. Tổ chức khuyến nông - Khuyến nông lâm.

Người dân nông thôn (1) là khách hàng hoặc đối tượng phục vụ của tổ chức khuyến nông (2). Trong nền kinh tế thị trường, người nông dân là khách hàng và cán bộ khuyến nông là người bán và cung cấp các dịch vụ phát triển nông thôn.

Vai trò của những người dân nông thôn và các tổ chức địa phương	Vai trò của Khuyến nông lâm
Là người thực hiện và chịu trách nhiệm đối với sự phát triển của chính họ	Giúp đỡ và hỗ trợ phát triển nông thôn. Chịu trách nhiệm cung cấp hỗ trợ phù hợp với mục tiêu chung của tổ chức KN đồng thời đáp ứng với nhu cầu cần thiết mà người dân yêu cầu .

Phần tiếp theo sẽ tập trung đề cập đến tổ chức Khuyến nông lâm

Xác định mục tiêu

Giá trị to lớn của một tổ chức là mọi người có thể tập hợp lại cùng nhau và thực hiện được nhiệm vụ mà từng cá nhân riêng lẻ không làm được. (1+1=3).

Một tổ chức đòi hỏi sự phối hợp nhiều hoạt động. Cái gì gắn bó các hoạt động này lại với nhau? Thông thường đó là do một nguyên nhân hoặc mục tiêu chung. Mục tiêu đích thực là câu trả lời cho các câu hỏi như: “Tại sao tổ chức này tồn tại? sẽ ra sao nếu không có nó” ?. Thực tế chúng ta ít khi nói về mục tiêu đích thực của một tổ chức. Tuy vậy, khi chúng ta bàn luận về tổ chức này có thể sẽ là gì? những giá trị của cuộc sống mà cán bộ trong tổ chức đó mong muốn, và những tham vọng của họ đối với tổ chức.

Không có sự hiểu biết rõ ràng về mục tiêu của một tổ chức, chúng ta không thể quyết định được các hoạt động của nó, bởi vì làm sao mà chúng ta có thể làm khi không có một mục tiêu cụ thể hoặc điều đó không được cho là quan trọng? tất nhiên chúng ta sẽ chọn những công việc quan trọng làm trước. Chúng ta nên làm những gì gọi là công việc hơn là những gì không được coi là công việc.

Mục đích của khuyến Nông Lâm là gì? Điều gì khác có thể xảy ra nếu tổ chức KNL không tồn tại?

Xác định các chiến lược và nhiệm vụ để đạt được mục tiêu

Làm cách nào chúng ta xây dựng tổ chức theo mục đích?

Chúng ta chọn chiến lược và phương pháp làm việc gì để đạt được mục tiêu?

Tổ chức tự tạo khả năng và sức mạnh như thế nào?

Tổ chức sẽ lấy vốn ở đâu để hoạt động?

Mục tiêu của tổ chức Khuyến nông lâm đã được đặt ra, vậy các chiến lược và nhiệm vụ chính là gì?

Xác định làm cách nào để công việc được thực hiện.

Khi các chiến lược và nhiệm vụ chính đã được xác định rõ ràng, bước tiếp theo là công việc sẽ được tiến hành như thế nào thông qua sử dụng có hiệu quả và phối hợp các nguồn lực khác nhau sẵn có trong tổ chức.

Nói cách khác, đây chính là xây dựng một chiến lược quản lý. Chiến lược quản lý là công tác xây dựng “cơ sở” để thực hiện các nhiệm vụ chính, và bố trí các nguồn lực cần thiết có sẵn để người dân thực hiện những nhiệm vụ chính này. Chiến lược quản lý bao gồm:

- Các hệ thống thông tin lập kế hoạch và quản lý.
- Cơ cấu tổ chức.
- Công tác lãnh đạo, phân cấp quyết định...
- Hệ thống thông tin/truyền thông
- Hệ thống và các chương trình phát triển nguồn nhân lực.
- Hệ thống thù lao - thưởng/khuyến khích và tuyển dụng cán bộ.

Để cung cấp “cơ sở” cần thiết để nhiệm vụ chính được thực hiện có hiệu quả, chiến lược quản lý của Khuyến Nông Lâm sẽ như thế nào?

Phát triển Nông thôn và Khuyến Nông Lâm

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ lòng khát khao của Người như sau: “Tổ quốc ta cần phải được độc lập hoàn toàn, mọi người dân chúng ta phải có cơm ăn, áo mặc và được học hành”. Nhưng Chủ tịch cũng chỉ rõ rằng “Đánh thắng chủ nghĩa Đế quốc và Phong kiến thì dễ, nhưng công tác xoá đói nghèo, lạc hậu là công việc khó hơn nhiều”.

Ngày nay, Việt Nam đã được độc lập nhưng vẫn còn nhiều người, đặc biệt là những vùng sâu vùng xa, sống trong tình trạng đói và nghèo.

Học thuyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh dựa trên giá trị của con người, đó là sự tin tưởng vào người dân, dựa vào dân, xây dựng dựa trên sức mạnh của dân và phát huy tối đa khả năng của dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng rằng “Khi người dân thức tỉnh, họ sẽ chứng tỏ được sự thông minh và khả năng sáng tạo còn tiềm ẩn trong họ”. Những học thuyết này tương ứng với các nguyên lý của một quá trình phát triển tổ chức.

Một số thành tựu của quá trình đổi mới đã được đánh giá tại Đại hội VIII năm 1996, và một trong những chương trình kinh tế xã hội chính cho những năm 1996-2000, kế hoạch 5 năm là “Xoá đói và giảm nghèo từ tỷ lệ 20-25% như hiện nay xuống 10% đến năm 2000”.

Những mục tiêu đặt ra cho quá trình phát triển nông thôn được thể hiện trong nhiều cách khác nhau, ví dụ: “Một vùng nông thôn sinh động với nền nông nghiệp và lâm nghiệp phát triển cao, tạo việc làm”.

Nếu không, mối quan hệ giữa người quyết định cung cấp những dịch vụ này và những người sử dụng dịch vụ này là gì?

Nếu “khách hàng” không sử dụng dịch vụ do khuyến nông lâm cung cấp - có chăng họ sẽ:

- Sử dụng dịch vụ từ một tổ chức khác?
- Không có dịch vụ nào khác?
- Cố gắng tìm kiếm một loại hình dịch vụ khác để thực hiện một chức năng tương đương.

Có sự tương xứng thực sự giữa những dịch vụ khuyến nông lâm cung cấp và những gì người nông dân muốn không?

Nghị định 13 năm 1993

Trong Nghị định 13/CP năm 1993 về công tác khuyến nông, tư tưởng chỉ đạo được xác định cho tổ chức khuyến nông là: “Để ... giúp nông dân mở rộng sản xuất, tăng sản lượng nông nghiệp, và phát triển tình hình kinh tế xã hội ở các vùng nông thôn”.

1. “Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, cùng với các ngành có liên quan khác... hàng năm phát triển một chương trình khuyến nông cho từng vùng sinh thái...”

2. “Khuyến nông bao gồm những hoạt động sau:

- Phổ biến tiến bộ kỹ thuật... đồng thời cả những biện pháp kết quả đạt được trong các đơn vị sản xuất thành công.
- củng cố các kỹ năng và kiến thức...
- Cung cấp cho nông dân thông tin về thị trường và giá cả nông sản.

3. Tài chính có 3 nguồn vốn

- Ngân sách do Nhà nước cấp
- Các Nguồn vốn từ bên ngoài, đối tác và cá nhân nước ngoài.
- Đóng góp của nông dân khi công tác khuyến nông có kết quả tăng năng suất.

Mục tiêu và các chiến lược. Các ví dụ từ 5 tỉnh:

Mục tiêu của tổ chức khuyến nông được nhấn mạnh như sau

- “Giúp nông dân”
- “Giúp nông dân bằng cách giới thiệu - mục đích nâng cao nhận thức của nông dân”
- Thức tỉnh kiến thức và khả năng của nông dân - Bây giờ có sự thay đổi hướng tới “tự làm” - trước đây do tổ chức khuyến nông làm.
- “Sự bền vững, mức sống của các hộ cao và không còn hộ du canh”
- “Giúp đỡ các hộ nông dân cải thiện điều kiện kinh tế cho họ”
- Tất cả mọi người sống trong điều kiện tốt - Những ý tưởng của Đảng - và cũng là mong muốn từ dân”

- Tăng cường năng lực và các điều kiện sống tốt đẹp”

Năm tỉnh của Chương trình MRDP có tất cả thể hiện tương tự với Nghị định 13. Họ đang tập trung tất cả các hoạt động khuyến nông của họ vào các chương trình do Cục Khuyến nông khuyến lâm của Bộ NN& PTNT hoặc tỉnh quyết định:

- Xây dựng mô hình (liên quan đến kết quả đạt được tại các điểm sản xuất thành công). Hỗ trợ vật tư hoặc tín dụng để bắt đầu sản xuất mới hay phát triển sản xuất.
- Các khoá tập huấn đào tạo.
- Tiếp xúc với phương tiện thông tin đại chúng.

Xây dựng mô hình được coi là phần cốt lõi trong công tác khuyến nông tại 5 tỉnh. Có một câu ngạn ngữ của Việt Nam là “trăm lần nghe không bằng một lần thấy”. Giả sử rằng nếu mô hình thành công tốt thì tự động được lan rộng đến những nông dân khác. Bởi vậy, phải có nhiều mô hình để mỗi hộ nông dân có thể làm theo (Ví dụ mô hình hộ nông dân trung bình, nghèo và rất nghèo) cũng nên có các mô hình cho các vùng địa lý khác nhau (vì nông dân không thể đến thăm quan mô hình được).

- Tất cả mọi người đã gặp được thuyết phục rằng xây dựng mô hình là cách quan trọng nhất để tiến hành khuyến nông. Chỉ có một trở ngại là nguồn kinh phí cho xây dựng mô hình bị hạn chế.
- “Những mô hình được xây dựng cho nông dân cơ hội được tận mắt nhìn thấy các kết quả thực tế”. “Đây là một lời mời làm thử”, “Mỗi hộ nông dân nên có một mô hình”.
- “Trước tiên chúng ta cần vận động để mọi người hiểu và khi họ hiểu, chúng ta sẽ tổ chức các khoá tập huấn”
- “Chúng ta cần xác định cơ cấu cây trồng để sử dụng tối đa tiềm năng đất và tăng vụ. Tình hình trở nên phức tạp từ khi hệ thống hợp tác xã không còn hoạt động.
- “Chuyển giao kỹ thuật không linh hoạt (có quá nhiều mô hình và chương trình bị áp đặt từ trên xuống. Chúng tôi cố gắng chuyển đổi, chúng tôi cố gắng thu thập những ý kiến từ nông dân, nhưng chúng tôi có quá ít...”.

Tuy nhiên, hiện trạng thực tế là

- Xây dựng mô hình là một hình thức rất tốn kém của khuyến nông.
- Khái niệm cổ điển của việc tuyên truyền sản xuất nông nghiệp thành công được thay thế bằng việc thiết kế các mô hình.
- Nhiều “mô hình” không bao giờ được đánh giá và đôi khi có nhiều khó khăn để thuyết phục những nông dân cá thể làm theo “mô hình”
- Nhiều khi mô hình được sử dụng trong các dự án, như chương trình MRDP, như một cơ để cấp trợ cấp.
- Trong nhiều trường hợp “những mô hình” tốt thực sự không phải xuất phát từ các ý tưởng hoặc sự hỗ trợ của tổ chức khuyến nông, nhưng lại chính là từ những nông dân cá thể.
- Nông dân đang không ngừng thay đổi hệ thống cây trồng của họ để phù hợp với các điều kiện thay đổi và họ là người quen với những thay đổi hơn ai hết.

- Người nghèo và nông dân vùng xa vùng sâu dễ bị nguy hiểm khi gặp rủi ro và đầu tư ...

- Các chương trình khuyến nông thường là định hướng sản xuất; các quyết định áp đặt “từ trên xuống” về việc nên trồng cái gì và thử nghiệm những mô hình gì. Trong các chương trình cấp tỉnh, dễ dàng hơn cho cấp huyện tác động đến việc vận động và thử nghiệm sản xuất cái gì.

- Có một giả định được lan truyền rộng rãi rằng nông dân các vùng sâu vùng xa không thể tự quyết định việc sử dụng đất đai của họ, trồng cái gì và trồng bao nhiêu và kinh tế liên quan đến điều này. “Họ không có kinh nghiệm về việc lập kế hoạch sử dụng đất của họ. Họ phụ thuộc vào trợ cấp và hỗ trợ từ nhà nước và các dịch vụ. Nhưng khi nông dân có kiến thức sẽ có một hệ thống khác”.

- Một trong những vấn đề nguy cấp là việc cung cấp vốn của các dịch vụ khuyến nông. Nhà nước có nguồn ngân sách riêng cho khuyến nông. Ngân sách cho các Trung tâm Khuyến nông được cấp từ Ủy ban nhân dân và Bộ NN & TPNT (Cục Khuyến Nông). “Chúng tôi chỉ có thể ngồi đợi việc phân bổ tiền - biết làm cách nào khác?”. Hàng năm các trung tâm Khuyến nông nhận được từ 10-50% số tiền yêu cầu được cấp.

Làm sao để công việc được thực hiện - các chiến lược quản lý

Thế nào là định hướng theo nhu cầu?

Thay đổi đối với một tổ chức định hướng theo nhu cầu liên quan tới một sự thay đổi toàn bộ quan điểm. Định hướng theo nhu cầu liên quan đến khách hàng. Người cung ứng dịch vụ cung cấp cho khách hàng những gì mà khách hàng muốn. Điều này có nghĩa là khách hàng có quyền tự do lựa chọn và chấp nhận hay từ chối những dịch vụ được cấp. Trong một tổ chức khuyến nông định hướng theo nhu cầu thì nông dân là khách hàng. Cách định hướng theo nhu cầu là cung cấp những dịch vụ mà nông dân yêu cầu.

Thế nào là phân cấp?

Phân cấp là giao các quyền quyết định và trách nhiệm càng gần với người dân chịu ảnh hưởng bởi quyết định càng tốt. Điều này có nghĩa rằng cán bộ là người gần nhất với khách hàng, và dựa theo “sản xuất” hoặc “dịch vụ” cũng nên lập kế hoạch và chịu trách nhiệm đối với công việc. Điều này cũng có nghĩa rằng tổ chức được xây dựng trên giá trị mà mọi người có thể chịu trách nhiệm cho công việc của chính họ, tin tưởng vào năng lực của cán bộ, lĩnh hội ý kiến phản hồi và hỏi để hoàn thành nhiệm vụ của họ.

Vai trò của một tổ chức phân cấp

Vai trò và trách nhiệm trong một tổ chức phân cấp có thể xác định theo cách sau:

1) Xác định người thực hiện

- Những cá nhân trực tiếp thực hiện công việc và các quyết định có liên quan
- Người giám sát/điều hành việc thực hiện công việc này
- Quản lý (Ban giám đốc, các tổ dự án)

- Người dân ở ngoài tổ chức (Các tổ chức phi chính phủ, các nhà tư vấn, ngân hàng...

2) *Xác định ai sẽ là người chịu trách nhiệm để công việc được thực hiện, ai sẽ là người phê chuẩn, ai sẽ tài trợ, ai sẽ là người nắm thông tin và tư vấn trước khi các hoạt động được thực hiện.*

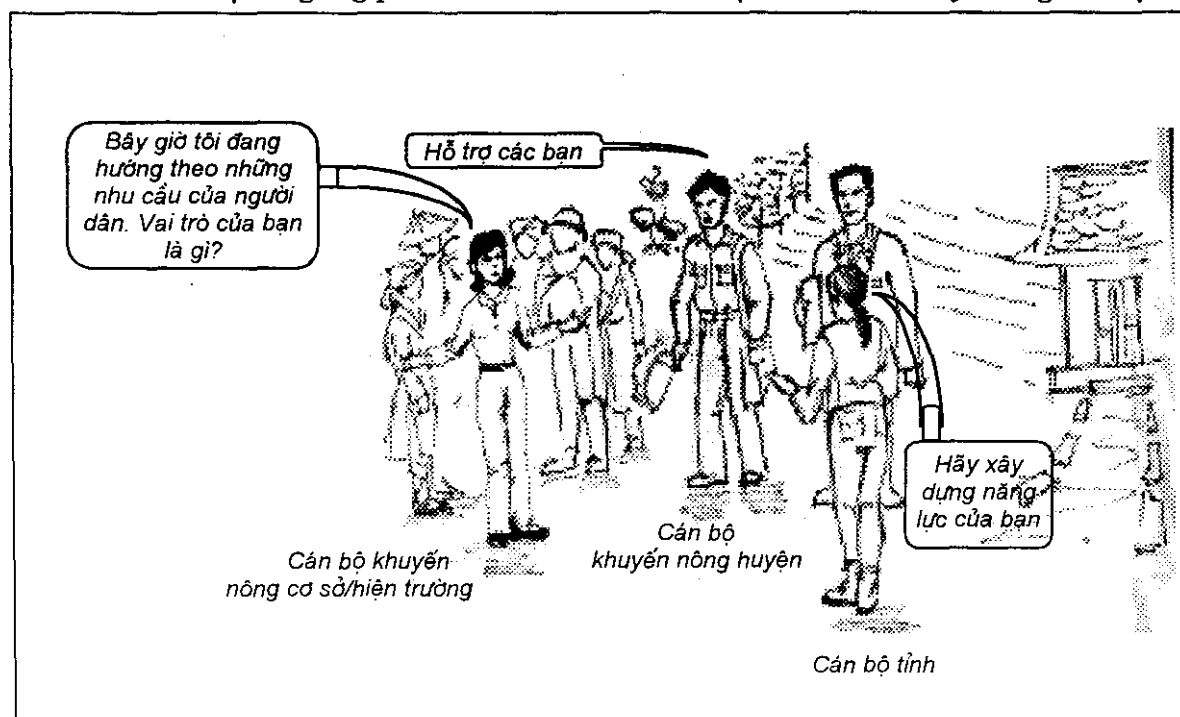
Quyền điều hành được phân cấp cho địa phương, nhưng thành công của công việc sẽ phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ và tạo điều kiện của các cấp trên. Hầu như mọi người tin rằng cơ cấu của một tổ chức đồng nghĩa với sơ đồ tổ chức. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức liên quan nhiều hơn đến việc phân bổ cán bộ trong các phòng ban và đơn vị (theo vùng địa lý hoặc tính chất sản xuất hoặc kết hợp cả hai).

Một tổ chức có cơ cấu tốt thường có nguyên tắc theo một chủ đề thống nhất (đó là phương hướng hoặc mục tiêu) nguyên tắc này sẽ tăng cường sức mạnh trong tổ chức. Việc xây dựng cơ cấu tổ chức tốt sẽ gắn bó các bộ phận khác nhau của tổ chức lại với nhau nhằm củng cố nguyên tắc thống nhất.

Hệ thống thông tin quản lý và lập kế hoạch

Một trong những “cơ sở” cho các hoạt động được thực hiện đó là hệ thống lập kế hoạch. Hệ thống lập kế hoạch cần có liên quan và hướng vào các mục tiêu tổng thể và các kết quả cuối cùng của tổ chức. Những kết quả tổng thể này hướng dẫn cho “nông dân” - cán bộ cách xác định những kết quả mong muốn cuối cùng của họ.

Hình 1. Một cố gắng phác thảo "toàn cảnh - Việt Nam" và các ý tưởng chỉ đạo



Ví dụ minh họa: Bà/cô... Trích từ "Con người và đất đai của họ", PTC II, Lesotho

Thay đổi từ lập kế hoạch hóa tập trung sang lập kế hoạch phân cấp sẽ có những ảnh hưởng đến vai trò và chức năng của việc quản lý tài chính. Điều quan trọng là thông tin về tài chính được quản lý gần với nguồn, và mạng lưới hoạt động được thành lập đồng thời nguồn thông tin có sẵn tại các cấp.

Với sự quản lý tài chính phân cấp, vai trò của các cấp quản lý trung ương cần được xác định lại. Họ nên theo dõi và giám sát cái gì?

Trong một tổ chức phân quyền, cán bộ cần phải được tiếp cận với thông tin có liên quan để ra được những quyết định đúng và tốt. Điều này dẫn đến trách nhiệm của quản lý cấp cao là hình thành một hệ thống quản lý thông tin để đảm bảo có thông tin hợp lý tại tất cả các cấp. Tầm quan trọng của thông tin là cần thiết cho việc quản lý chiến lược, chứ không phải cho quản lý kỹ thuật. Các nhà quản lý kỹ thuật của các bộ phận, một mặt, cần phải khuyến khích trao đổi thông tin qua lại giữa cán bộ chuyên gia của họ, và đồng thời giúp họ duy trì và phát triển khả năng chuyên môn của họ.

Làm cách nào để công việc được thực hiện. Một vài ví dụ từ 5 tỉnh:

Định hướng theo nhu cầu và tổ chức phân cấp:

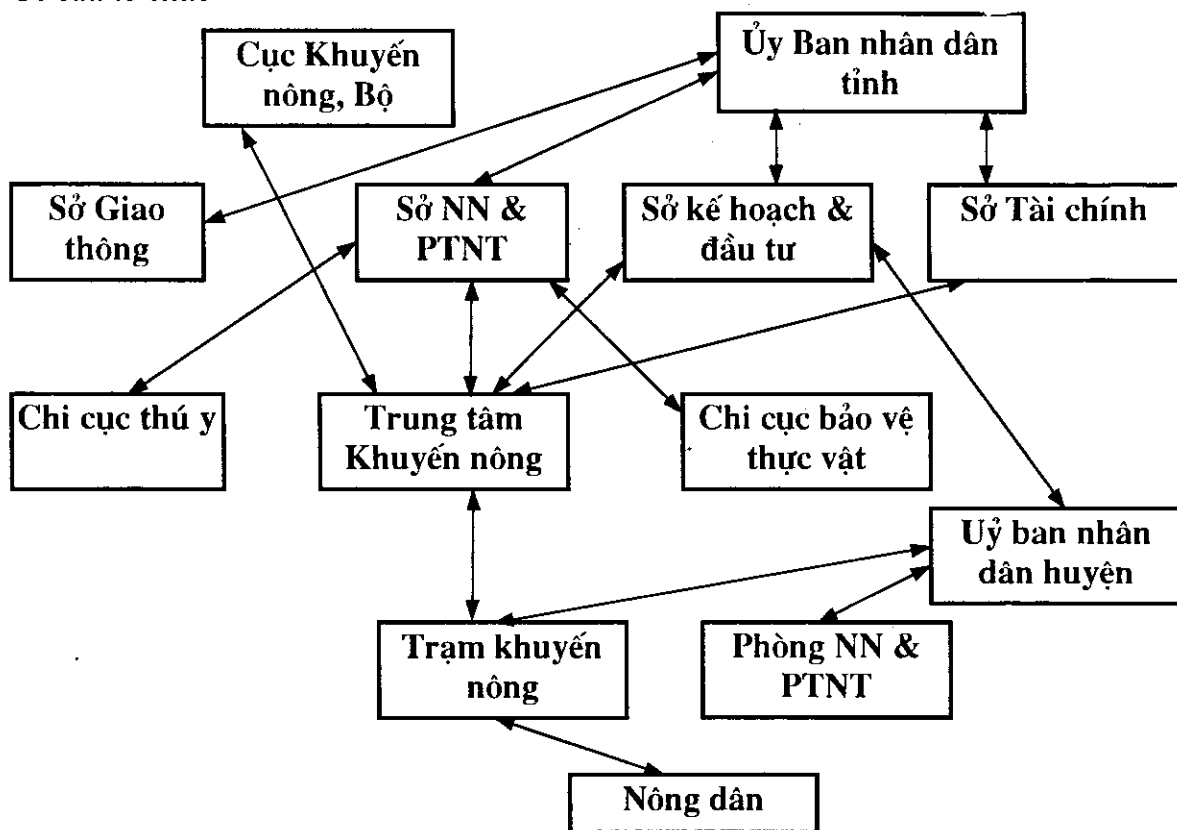
- Từ khi 5 tỉnh được giới thiệu hệ thống lập kế hoạch trên cơ sở PRA thôn bản - đánh giá nông thôn có sự tham gia, có nhiều kinh nghiệm về phương pháp tiếp cận từ dưới lên. Từ trước đến nay, PRA được cho rằng cần quá nhiều cán bộ và quá tốn kém để thực hiện trong công tác khuyến nông “phổ thông”.
- Các tỉnh cho rằng đó là cách quan trọng nhất để nắm được nhu cầu từ nông dân, thông qua các cuộc họp và lập kế hoạch theo PRA. “Sự điều tra - sau nhiều năm làm việc chúng tôi hiểu được những gì họ muốn - nhưng để có kiến thức đầy đủ đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ. Tuy nhiên, trong vùng không có dự án (Chương trình MRDP hoặc các dự án khác), nông dân không có kinh phí để lập kế hoạch hoạt động.
- Một vấn đề khi các nhu cầu đã được xác định là sự hợp tác giữa các ban ngành trong công tác phát triển nông thôn chưa tốt (Khuyến nông/giáo dục/chăm sóc sức khỏe...).
- “Tất cả phụ thuộc vào tài chính - công tác ngân sách quá tập trung”
- Hầu như cán bộ làm công tác khuyến nông tham gia quá nhiều vào việc thực hiện “kế hoạch sản xuất chung”. Các hoạt động khuyến nông được thực hiện theo nhiều cách khác nhau tại các tỉnh trong toàn quốc. Một vài tỉnh xem kế hoạch này như một sự tham khảo hoặc hướng dẫn của nhà nước, trong khi một số tỉnh khác thì lại coi như đây là kế hoạch cần phải triển khai.
- Khi đề cập đến việc phân cấp, không có sự phân biệt rõ ràng giữa tổ chức khuyến nông và nông dân. Cả hai nhóm đều thuộc cùng một “Tổng thể” hay cơ cấu. Thực tế là, sản xuất và kế hoạch sản xuất thuần túy của nông dân được xem như là một bộ phận trong các kế hoạch của tổ chức khuyến nông.
- Cơ cấu thuần túy của Nhà nước vẫn còn áp đặt và tập trung từ trên xuống, bao gồm cả tổ chức khuyến nông, và nhiều nhà quản lý trong cơ cấu này mong có một hệ thống hoạt động dễ dàng hơn.

- Hệ thống hiện nay là định hướng theo sản xuất với các mục tiêu trọng tâm được phân bổ từ các cấp trên xuống các cấp dưới.

Các hệ thống thông tin và lập kế hoạch

- Một kế hoạch hoạt động hàng năm (APO) được lập chi tiết và được Hội đồng nhân dân tỉnh duyệt. Nộp kế hoạch chi tiết hàng quý và chuẩn bị các báo cáo hàng tháng. Tại một tỉnh có sự giải thích như sau: “Trung tâm khuyến nông sẽ phân bổ kế hoạch cho các huyện vì nếu chúng tôi để các huyện tự lập kế hoạch thì họ sẽ đề nghị quá nhiều. Chúng tôi sẽ chia đều cho các huyện”. Tuy nhiên, cũng xảy ra giống như đối với tỉnh khi yêu cầu Cục khuyến nông cấp vốn. “Chúng tôi đề nghị một loại sản xuất này nhưng hầu như chúng tôi luôn luôn nhận được cái gì đó khác nữa”.
- Tất cả các tỉnh phát triển tốt mối liên hệ với các phương tiện thông tin đại chúng, và mỗi năm có một nguồn ngân sách cho việc tuyên truyền và tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng.

Cơ cấu tổ chức



Hình 2. Vai trò và cơ cấu tổ chức liên quan đến KNL
- các tỉnh của Chương trình MRDP

- Từ một quan điểm chung tổ chức khuyến nông hiện nay có một cơ cấu tổ chức rất khó khăn và phức tạp. Các giám đốc Trung tâm khuyến nông có nhiều cấp trên (Bộ NN & PTNT - Cục Khuyến nông, Giám đốc Sở NN & PTNT, Hội đồng

nhân dân, Vụ tài chính). Phần này của cơ cấu dường như rất quan liêu và kém hiệu quả.

- Liên quan đến cấp thấp hơn của cơ cấu tổ chức, thực hiện ngoài đồng, có một cuộc tìm kiếm rất tích cực cách thực hiện công việc có hiệu quả tốt và ít tốn kém nhất. Phát triển trong lĩnh vực này rất gây ấn tượng mặc dù hầu như các tỉnh đều cảm thấy khó khăn để hình thành một mạng lưới hoạt động ở cơ sở. (phần lớn đều do thiếu nguồn vốn).

Có nhiều giải pháp về làm cách nào thực hiện công tác khuyến nông cơ sở và tiếp tục thử nghiệm những ý tưởng mới. Trong nhiều trường hợp có những sự tiếp xúc với những nông dân tốt có kinh nghiệm, thậm chí cả những cuộc tiếp xúc theo thời vụ đối với một công việc cụ thể. Có thể tổ chức các cuộc tiếp xúc với những nhóm nông dân (các nhóm sở thích, các tổ chức quần chúng...). Vẫn còn một câu hỏi đó là tính khả thi để mở rộng toàn bộ tổ chức khuyến nông đến cấp xã. Một số tỉnh đang tập trung vào cấp xã, hoặc cấp liên xã và một số tỉnh đang bàn về khuyến nông cấp thôn bản.

Những câu hỏi được tranh luận nhiều nhất có liên quan đến tổ chức khuyến nông cơ sở như:

- Cán bộ có được biên chế nhà nước hay không?
- Trợ cấp và thù lao của nhà nước ra sao?
- Cấp xã, cấp liên xã hay cấp thôn bản?
- Các nhóm quản lý thôn bản (Chương trình MRDP), các nhóm sở thích, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quần chúng.
- Mối quan hệ đối với nhóm thích hợp. Loại mạng lưới hoạt động gì, hợp đồng và những vai trò và các trách nhiệm.

Các hệ thống hỗ trợ công tác lãnh đạo và quản lý

Công tác lãnh đạo

Công tác lãnh đạo rõ ràng là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong bất kỳ tổ chức nào. Trong đó, tổ chức có thể tập trung mọi cố gắng hướng tới một phương hướng chung, liên kết các hoạt động tập thể, và học hỏi điều chỉnh.

Kết quả của công tác lãnh đạo thực sự trong một tổ chức cần phải minh bạch rõ ràng. Mọi người hiểu những gì họ làm và tại sao họ làm. Họ cũng muốn hỗ trợ mục tiêu của tổ chức và định giá bằng cách đưa họ vào hành động. Họ tham dự và họ quan tâm. Sự minh bạch rõ ràng không tự xảy ra với một tổ chức. Điều này được tạo ra một cách có ý thức và cần trọng bởi người lãnh đạo bắt đầu bằng sự minh bạch rõ ràng của chính cá nhân người đó. Cần có sự minh bạch rõ ràng của mục tiêu, nhưng sự minh bạch rõ ràng của hiện trạng cũng không kém phần quan trọng.

Làm cách nào một lãnh đạo có thể ủng hộ mục tiêu và hướng đi của một tổ chức trong khi có nhiều áp lực bắt họ phải làm khác đi?. Họ được yêu cầu thay mặt cho tổ chức trong việc lựa chọn quyết định, chính sách, và cách mà họ đã xây dựng nên tổ chức.

Lãnh đạo phải có những quyết định ủng hộ phương hướng và toàn bộ các kết quả cuối cùng của tổ chức. Nếu có nhiều mục tiêu phải so sánh thì lãnh đạo cần phải xác định mục tiêu nào là quan trọng nhất và ủng hộ nó nhiều hơn cái khác. Nếu không thì sẽ không có mục tiêu nào đạt được.

Vai trò của lãnh đạo cũng còn ở chỗ truyền lòng hăng hái cho tổ chức để đạt được những mục tiêu của nó đồng thời khuyến khích sự đóng góp có hiệu quả để đạt được mục tiêu đề ra. Tinh thần, phương hướng, mục tiêu và cơ cấu rõ ràng bắt đầu từ những người lãnh đạo sẽ là những bài học tốt. Nếu lãnh đạo không là một tấm gương tốt thì sẽ là một khó khăn cho người khác của tổ chức noi theo.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Nếu một tổ chức mong muốn thu hút mọi người theo mục tiêu của nó phải có 2 yếu tố:

- Tổ chức phải được thúc đẩy bằng cách tạo ra một mục tiêu rõ ràng.
- Tổ chức phải khuyến khích các thành viên của mình chuyển từ tập trung vào đầu tư sang tập trung vào kết quả mong đợi cuối cùng của tổ chức đó.

Việc xác định các kết quả có ý nghĩa quan trọng để cán bộ chuyên tâm học hỏi là một mục tiêu đề ra. Việc phát triển tài năng của nguồn nhân lực và việc học hỏi là tự nó tạo nên bởi vì con người mong muốn có các kỹ năng, các nguyên tắc,... để giúp họ đạt được các mục đích của họ. Họ cũng muốn học hỏi và biết nhiều hơn về hiện trạng thực tế.

Tập huấn đào tạo là một công cụ hữu hiệu để thay đổi và mở rộng năng lực.

Trong một tổ chức phân cấp “các cuộc trao đổi thảo luận về kỹ năng” là một trong những hoạt động quan trọng nhất để phát triển nguồn nhân lực. Dựa trên mục tiêu tổng thể và các kết quả cuối cùng, những yêu cầu về kỹ năng mong muốn trong tương lai đối với cán bộ được xác định. Trong những cuộc thảo luận cá nhân, cán bộ quản lý ở các cấp khác nhau sẽ bàn bạc với mỗi cán bộ về những hoạt động và đào tạo cần thiết cần làm cho họ. Các kế hoạch phát triển cá nhân sẽ mô tả những kết quả mong muốn trong thời gian ngắn (1 năm) hoặc dài (trên 3 năm) và những hoạt động phát triển. Học tập qua công việc kể cả học lẫn nhau là trọng tâm trong phát triển kỹ năng.

Động viên khen thưởng

Tại sao người ta làm việc này? động cơ của họ là gì? Nếu không nhận thức rõ ý nghĩa của việc này, dễ dẫn đến tình trạng việc thưởng phạt, động viên không giúp ích để đạt được những gì mong đợi. Một khi mục tiêu mong muốn đã rõ ràng, một phần quan trọng trong cơ cấu là các hệ thống thưởng phạt và cơ chế phân phối nguồn gồm cả cơ hội tiếp cận thông tin hợp lý. Làm cách nào để có được các hệ thống thưởng phạt và cơ chế phân phối nguồn phục vụ cho mục tiêu?

Trong các tổ chức khi mà động cơ của tổ chức và của cá nhân trùng hợp, việc xây dựng chế độ thưởng phạt là để củng cố sự phù hợp với động cơ này. Nếu những tổ chức xây dựng chế độ thưởng phạt làm tăng các giá trị và mong muốn của tổ chức, và nếu loại trừ những thưởng phạt mâu thuẫn với những yếu tố trên, thì họ có thể củng cố tốt hơn những gì họ muốn.

Các hệ thống hỗ trợ quản lý và lãnh đạo. Những ví dụ từ 5 tỉnh

Công tác lãnh đạo

Có sự lãnh đạo vững vàng ở cấp cao và các tỉnh sẽ có lợi thế khi có sự quan tâm của Ủy ban nhân dân. "Đó là một sự ủng hộ trực tiếp và mọi khó khăn đều được giải quyết"

Phát triển nguồn nhân lực

Điều quan trọng nhất đối với cán bộ trong công tác khuyến nông:

- Tác phong làm việc và ngôn ngữ
- Sự hiểu biết về kinh tế xã hội
- Sự am hiểu về miền núi
- Phương pháp tốt và biết cách làm việc

"Điều này có nghĩa là cán bộ phải nâng cao kỹ năng giao tiếp với nông dân và học những thổ ngữ chính trong vùng mình làm việc". Điều này đã được nêu ra ở một tỉnh và các tỉnh khác cũng nhấn mạnh như vậy. "Hiện nay thường nhấn mạnh hơn về việc lắng nghe nông dân và hiểu người nghèo và phụ nữ". Chúng ta cần phải học tập điều này.

Khen thưởng và thù lao

- Dường như khen thưởng thường gắn với các mô hình. Người ta có thể thưởng cho những người nông dân làm mô hình, hay những cán bộ khuyến nông đã vận động "mô hình thành công". Phần thưởng sẽ là giấy khen hoặc một số tiền nhỏ (nhiều nhất là 200.000đồng).
- Tiêu chuẩn khen thưởng như sau:
 1. Kế hoạch được thực thi ở cơ sở
 2. Hoạt động có hiệu quả được xác nhận của nông dân cũng như của huyện.
 3. Thưởng cá nhân:
 - Tiếp xúc với nông dân
 - Đảm bảo thời gian
 - Công tác có hiệu quả; mô hình tốt.
- Do Ủy ban nhân dân (tỉnh hoặc huyện) hoặc Sở NN & PTNT tổ chức khen thưởng.
- Một "công việc được đánh giá là tốt" dựa trên báo cáo từ thôn bản và xã.
- Vì lương của nhà nước rất thấp, nhu cầu phải có thu nhập thêm để đảm bảo đời sống cho chính bản thân và gia đình cán bộ. Sẽ rất khó khăn cho việc đi công tác đến các vùng xa xôi hẻo lánh nếu không có thêm phụ cấp cho cán bộ. Do chỉ có một số dự án đặc biệt có thể có phụ cấp nên không tổ chức nhiều đợt thực địa và thăm quan đồng ruộng. Nhu cầu cấp bách đặt ra là tăng lương cho cán bộ nhà nước, nhưng "chúng tôi cần phải chịu đựng như vậy cho tới khi tình trạng kinh tế khá hơn".

Các hệ thống hỗ trợ làm việc

- Nhìn chung, hầu hết cán bộ cảm thấy rất khó phải đi đến những vùng miền núi. Hầu hết họ không được trang bị các phương tiện để ngủ và làm việc tại các vùng này. Phương tiện đi lại cũng nghèo nàn. Các tỉnh có những chính sách khác nhau về việc mua xe máy.
- Có sự khác biệt lớn giữa điều kiện làm việc của chương trình MRDP và điều kiện chung của cán bộ. Trong vùng dự án MRDP, cán bộ khuyến nông được đào tạo và có ngân sách hoạt động. Đôi khi, mẫu điều tra về nhu cầu đào tạo được gửi xuống thôn bản hoặc các hộ nông dân.
- Có nhiều vấn đề về vốn trong vùng dự án MRDP. Một vài ví dụ như:
 - ☆ Nếu các thôn bản xây dựng những nhóm quản lý thôn bản (VMGs) họ cần có dự án và họ có thể có thù lao
 - ☆ “Nhu cầu phải có một dự án tại thôn, nếu không thì nông dân không có gì để làm”
 - ☆ “Nhiều nông dân không đến nếu họ không được trả thù lao. Họ không cố gắng nếu thiếu sự động viên khuyến khích”.

Kết luận và các kiến nghị

Ý nghĩa của phát triển tổ chức và chu trình đào tạo sâu như là một công cụ cho phát triển nông thôn bền vững và cho phát triển liên tục của KNL là gì?

Điều này có nghĩa là những tổ chức hữu quan sẽ tạo ra những kết quả gây ấn tượng mạnh mẽ.

Liệu những kết quả bao gồm thời gian, lợi ích, chất lượng, sáng kiến mới nên được đánh giá hay không. “Chúng ta đã xác định được các kết quả mong muốn cuối cùng chưa?” chúng ta tạo ra những kết quả phản ánh giá trị thực và mong muốn của chúng ta không?.

- Tất cả các mục tiêu được nhấn mạnh trong quá trình cải cách, cần được làm rõ và sử dụng như mục tiêu tổng thể và được thể hiện trong quá trình phát triển tổ chức của khuyến nông. Liên quan đến vấn đề này, mục tiêu của khuyến nông cũng được thể hiện rõ ràng hơn.
- Các chương trình khuyến nông nhà nước hiện nay đều được triển khai theo cơ cấu từ trên xuống, tập trung và ấn định ngân sách; không có nhiều chỗ cho các hoạt động linh hoạt ở cấp cơ sở. Trong phát triển tổ chức kết quả mong muốn cuối cùng phải được xác định rõ và phải phát hiện là những người thực hiện ở địa phương và tìm ra cách tốt nhất để đạt được mục tiêu. Nhiệm vụ của khuyến nông cần được xây dựng lại và đặt ngang hàng với mục tiêu tổng thể và mục đích của khuyến nông, đồng thời phản ánh những giá trị quan trọng - tin tưởng và dựa vào dân; rằng nhân dân có thể đảm nhiệm trách nhiệm cho sự phát triển của chính họ nếu họ có các cơ hội thuận lợi.
- Công việc được quản lý bởi những mục tiêu chi tiết và hệ thống kế hoạch quản lý tập trung, mà quyền thuộc các cơ quan Trung ương và tỉnh. Dựa trên các

nguyên lý về phát triển tổ chức, công việc nên chuyển sang “lãnh đạo theo mục tiêu”, và sự phân cấp lập kế hoạch và ra quyết định, ở đó các cơ quan cấp trên ủng hộ và tạo điều kiện cho công việc. Phân cấp lập kế hoạch cũng có nghĩa là cần có nhu cầu thay đổi từ phương pháp tiếp cận thông tin một chiều ít cởi mở sang phương pháp tiếp cận thông tin hai chiều.

- “Suy nghĩ về mô hình” được xây dựng dựa trên ý tưởng rằng bạn hãy tạo một sự thay đổi “bên ngoài” và sau đó nông hộ/thôn bản... sẽ làm giống hoặc tương tự như vậy trên đất đai hoặc trong nền kinh tế của họ khi họ nhìn thấy nó. Phát triển tổ chức được xây dựng trên sự thay đổi đó được coi như “ở trong”. Xuất phát điểm trong khuyến nông đó là thông tin về kỹ thuật và xuất phát điểm trong phát triển tổ chức là con người. Con người là quan trọng và là những mô hình cố định thay đổi theo những quá trình linh hoạt.
- Công tác khuyến nông bị giới hạn vào phạm vi nông nghiệp và lâm nghiệp rất nhiều, với sự nhấn mạnh tập trung nhiều trong nông nghiệp và chăn nuôi. Tới nay, khuyến nông vẫn còn rất khó khăn trong việc tìm cách hợp tác với các ban ngành khác. Phát triển tổ chức với ngụ ý là một sự thay đổi đáng kể đến một sự “phối hợp chéo” với các ngành khác và chuyển từ đặc thù sang sự liên kết. Điều này cũng có nghĩa là sự tập trung là rộng lớn, từ chỉ nhìn vào các yếu tố kỹ thuật, sinh học và vật lý, nay bao gồm cả yếu tố văn hoá, kinh tế và xã hội.
- Đào tạo, thông tin và truyền thông đại chúng, cũng tập trung vào công tác chuyển giao kỹ thuật, kết quả và kỹ thuật mới. Trong phát triển tổ chức, đào tạo và thông tin ngang hàng với mục tiêu tổng thể và phải được xây dựng trên một khái niệm có nhu cầu- thị trợ giúp. Cán bộ cần các khoá đào tạo nào và loại trợ giúp gì để thực hiện được nhiệm vụ của họ? Nông dân yêu cầu loại thông tin gì để tăng cường khả năng và phát triển sản xuất của họ? Điều này có nghĩa là chuyển từ việc phân phát các tờ rơi khuyến nông đã được chuẩn bị trước sang nghe và đáp ứng các nhu cầu.

CÁC TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG CƠ SỞ

CÂU LẠC BỘ KHUYẾN NÔNG PHÚ LỢI, TỈNH CẦN THƠ

Quá trình thành lập, tổ chức, hoạt động

Nguyễn Thanh Long
Ban Chủ nhiệm CLBKN Phú Lợi

Vị trí, đặc điểm và quá trình thành lập

Câu lạc bộ Khuyến nông Phú Lợi nằm dọc theo quốc lộ 1, cách thị trấn Cái Răng, huyện Châu Thành 6 km về hướng Nam, thuộc xã Tân Phú Thanh, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ, có vị trí rất thuận lợi (tiền quốc lộ 1, hậu sông), thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá. Cửa ngõ ra vào thành phố Cần Thơ; gần với các viện, trường, trạm, trại - rất dễ nhận được các lượng thông tin và tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Do gần thành phố, đất rất ít, người đông, kinh tế hộ rất đa dạng. Ngoài nghề vườn, từng hộ còn có những nghề phụ khác nhau.

Câu lạc bộ có địa điểm giao dịch và sinh hoạt tại số 31 ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thanh, huyện Châu Thành, Cần Thơ - điện thoại số 071-848256

Từ sau 1985, khi các hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ không còn tác dụng; tình hình đất đai biến động, một số cán bộ hưu trí và dân ở thành phố về đây mua đất định cư, lập nghiệp. Nội bộ nông dân tại chỗ có những phân hóa rõ nét. Người có điều kiện đất đai, vốn và kỹ thuật khá lên rõ nét, một ít hộ khác lại sa sút, đất đai phải sang bán. Khoảng cách giữa các hộ khá và hộ nghèo càng ngày càng xa.

Các tổ chức chính trị và kinh tế không chuyển kịp tình hình làm người dân cảm thấy bơ vơ. Nhưng rồi dần dần các tổ chức hoạt động có hiệu quả. Năm 1993 được sự hướng dẫn của tổ chức Khuyến nông, chúng tôi đã tiến hành thành lập một câu lạc bộ lấy tên là "Câu lạc bộ Thủy sản", với mục đích tận dụng mặt nước ao mương bị bỏ quên phát triển chăn nuôi cá để tạo thêm thu nhập cho gia đình.

Câu lạc bộ được thành lập vào tháng 7/1993, có 11 thành viên tham gia. Sau một năm hoạt động, câu lạc bộ đã phát huy được hiệu năng của mình. Nhờ được hướng dẫn kỹ thuật và cho mượn tiền mua cá giống, nhiều hộ đã đạt kết quả cao. Có hộ lãi trên 6 triệu đồng/ năm (với 1 ao 100 m² nuôi cá trê lai).

Đến tháng 7/1994, câu lạc bộ đã có 22 thành viên. Các cuộc sinh hoạt hàng tháng cho thấy: câu lạc bộ không thể chỉ dừng ở lĩnh vực chăn nuôi cá mà phải phát triển toàn diện để đáp ứng yêu cầu bức xúc của cuộc sống.

Tháng 8/1994, câu lạc bộ đã tổ chức đại hội và bầu ra Ban Chủ nhiệm, đổi tên "Câu lạc bộ Thủy sản" thành "Câu lạc bộ Khuyến nông". Câu lạc bộ Khuyến nông hoạt động từ tháng 8/1994 cho đến hôm nay và đã có 63 thành viên tham dự.

Tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ

Câu lạc bộ có Ban Chủ nhiệm gồm: 1 Chủ nhiệm, 2 Phó chủ nhiệm và 1 Kế toán.

Câu lạc bộ chia thành 3 bộ phận:

- Bộ phận trồng trọt: do Chủ nhiệm phụ trách.
- Bộ phận chăn nuôi gia súc, gia cầm: do 1 Phó chủ nhiệm phụ trách.
- Bộ phận thủy sản: 1 Phó chủ nhiệm phụ trách.

Câu lạc bộ sinh hoạt thường lệ vào ngày 27 hàng tháng: đi sâu vào trồng trọt. Bộ phận chăn nuôi gia súc, gia cầm họp vào ngày 15 và 30 hàng tháng để được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi. Bộ phận thủy sản họp vào ngày 17 hàng tháng.

Trên cơ sở tổ chức đã có, nhiệm vụ chính của câu lạc bộ là:

- 1) Xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện các chương trình khuyến nông theo sự hướng dẫn của các ngành chuyên môn.
- 2) Đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nhằm khai thác tiềm năng, tăng thu nhập kinh tế gia đình theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- 3) Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến và hiệu quả. Đồng thời tuyên truyền nhân rộng mô hình ra bà con nhân dân để thực hiện, cải thiện đời sống kinh tế gia đình.
- 4) Thông qua các nhiệm vụ trên mà xây dựng được tình làng nghĩa xóm, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần xây dựng nông thôn mới.
- 5) Căn cứ vào nhiệm vụ trên, câu lạc bộ đã chọn mô hình sản xuất chính của câu lạc bộ là mô hình V.A.C.B. Từng bộ phận trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phải kết hợp và phát huy tối đa hiệu quả của mô hình.

Câu lạc bộ đã đạt những kết quả sau đây

Đối với vườn

Trước tình hình cây có múi đang bị dịch bệnh hoành hành, diện tích vườn của câu lạc bộ hầu như phải trồng lại, câu lạc bộ đã bàn bạc và trao đổi đi đến thống nhất: Phải cải tạo lại vườn theo hướng đa dạng hoá. Từng bước biến thành vườn du lịch quanh năm, bốn mùa có hoa trái.

Trước mắt phải làm:

- Vườn rau bằng cách trồng xen để tạo thu nhập ngay.
- Một vườn rau nhỏ để phục vụ cho chăn nuôi và bữa ăn hàng ngày.
- Khẩn trương thành lập một tổ nhân giống cây ăn quả để chọn lọc được giống, có giống rẽ, giống tốt phục vụ lại việc cải tạo vườn và bán ra thị trường bên ngoài, tạo thu nhập cho các thành viên.

Câu lạc bộ đã tổ chức được 1 tổ gồm 08 thành viên, 03 kỹ thuật viên và 05 thợ ghép. Đồng thời hợp tác với các thành viên không chuyên khác trong việc chiết cành. Đưa đi học ở Trung tâm cây ăn quả Long Định 01 người và tập huấn tại chỗ để nâng cao kiến thức và tay nghề.

Đến nay, các vườn bị thiệt hại nặng đã được thay thế bằng các cây mới nhờ cách hoán đổi giống, mua trả chậm hoặc bán trợ giá.

Để phát huy tốt, tổ nhân giống câu lạc bộ đã đưa hạt giống cho các hộ ương để làm gốc ghép. Sau đó có thể bán gốc ghép cho câu lạc bộ theo giá thỏa thuận hoặc

làm thành phẩm đưa về câu lạc bộ bán. Câu lạc bộ đương nhiên hình thành một dịch vụ cây giống.

Hàng năm, câu lạc bộ đã sản xuất từ 30-40 ngàn cây giống các loại, đem lại thu nhập cho các thành viên hàng trăm triệu đồng. Có những hộ làm nhiều lãi đến 30 triệu đồng/năm. Trợ giúp mỗi tháng bình quân 700.000-1.000.000 đồng. Đội ghép cây ngoài việc ghép tại chỗ còn đi ghép vườn cho các khu vực lân cận.

Câu lạc bộ luôn luôn tìm các giống mới, năng suất cao, phẩm chất tốt, kiện toàn phương pháp ghép theo yêu cầu. Ngoài cây giống, câu lạc bộ đã và đang vận động các hộ có người cao tuổi làm cây kiểng, tiến đến việc thành lập hội hoa kiểng của câu lạc bộ.

Đối với ao mương

Câu lạc bộ chia ao mương thành 3 loại:

- Ao cá thịt nuôi ghép ở mật độ dày 5-7 con/m², cho ăn bằng chất thải biogas.
- Ao cá thịt thả lang trong mương vườn, mật độ thưa 1-2 con/m², cho ăn phụ thêm rau, bèo.
- Ao ương cá giống.

Câu lạc bộ có bộ phận kỹ thuật 03 người chuyên sản xuất cá bột và cá giống, bộ phận này chịu trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật ương giống và nuôi cá thịt cho từng hộ. Cung cấp cá bột cho các hộ thành viên ương thành cá giống hoặc cá giống nâng lên lứa. Sau đó hoàn đổi để nuôi cá thịt còn thừa bán ra thị trường bên ngoài.

Số lượng cá thịt hộ nào cũng nuôi trung bình mỗi năm được 100.000 con các loại và sản xuất mua bán 1-2 triệu con giống. Chủ lực các năm trước đây là trê lai, tai tượng, cá khác như chép, rô phi, hường.

Năm nay có thêm cá sặc rằn.

- Nhiều hộ làm giống thu nhập được 10-15 triệu đồng/năm.
- Số hộ nuôi cá thịt được 1 tấn khá phổ biến, còn lại ít ao mương thì có cá cải thiện bữa ăn.
- Có hộ nuôi đến 20.000 con, đặc biệt có nhiều hộ thả lang cá tai tượng trong mương vườn đạt kết quả cao.

Đối với chăn nuôi

- Trước khi có câu lạc bộ chăn nuôi heo hạn chế ở mức năm, bảy hộ. Đến nay thì hộ nào cũng có. Đàn nái của câu lạc bộ lên đến 50 con, có đực giống tốt, đàn heo thịt được nạc hoá. Có hộ vừa nuôi heo, vừa nuôi 200-500 gà công nghiệp hoặc 200-300 vịt xiêm đẻ.

Để giữ vững được mức chăn nuôi có lãi, câu lạc bộ đã xây dựng khẩu phần thức ăn cho từng loại con để các hộ tự trộn, như vậy giá thành sẽ thấp, tổ chức một dịch vụ thức ăn gia súc nhằm hạn chế sự bóc lột của tư nhân trong lúc các thành viên gặp khó khăn.

- Những năm đầu, cán bộ kỹ thuật phải chịu khâu thú y cho từng hộ. Dần dần mỗi tháng học 2 lần nên các hộ đều nắm được kỹ thuật và tự làm được.

- Trong điều kiện giá cả thị trường biến động, câu lạc bộ đã khẩn trương vay mượn 200 triệu đồng để làm 12 hầm ủ Biogas kiên cố và 16 túi Biogas và cấp con giống cho các hộ. Nhờ có Biogas, các hộ sẽ thu nhập thêm từ chất thải.
- Nuôi cá từ 150-700 kg/năm tùy theo ao lớn nhỏ và lượng heo nuôi.
- Phân để tưới cây.
- Tiết kiệm được chất đốt từ 800.000-1.500.000đ/năm.
- Giảm bớt sự nặng nhọc của phụ nữ và một điều vô giá là giữ được vệ sinh môi trường.

Nhờ có Biogas, đàn gia súc, gia cầm của câu lạc bộ được ổn định.

Song song với việc xây dựng mô hình, câu lạc bộ luôn quan tâm đến văn hoá-xã hội.

- Mở 2 lớp đêm (lớp 9 và lớp 12) để dạy thêm toán và ngoại ngữ cho 25 em. Câu lạc bộ còn có tủ sách, báo.
- Tham gia hội phụ huynh học sinh. Trong 3 năm đã vận động được gần 200 triệu đồng để xây dựng trường sở.
- Hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đi đầu trong việc xây dựng nông thôn mới: Làm giao thông cầu đường, kiện toàn cuộc sống gia đình một cách văn minh.

Một số nhận xét và kiến nghị

Trong mọi hoàn cảnh xã hội muốn có được phong trào đó, phải có con người đó, thời đại hiện nay là thời đại khoa học kỹ thuật, cá nhân nào, hộ nào nếu sáng suốt nhận định được cùng tập thể ứng dụng khoa học kỹ thuật thì cuộc sống sẽ khá lên. Ngược lại, sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Mô hình sản xuất nên chọn toàn diện, khép kín, Không nên đơn điệu trong một ngành nào để tránh phá sản lúc giá cả biến động trong điều kiện cơ chế thị trường hiện nay.
- Tranh thủ được chất xám và đầu tư vốn từ mọi hướng.
- Tổ chức thực hiện phải cụ thể, rõ ràng; kế hoạch phải phù hợp với điều kiện hiện có.
- Ngoài ra, chúng tôi cũng xin kiến nghị có sự giúp đỡ và tài trợ của các cơ quan chuyên môn về kỹ thuật, giúp đỡ vốn của Nhà nước bằng cách cho vay dài hạn, cho vay theo kế hoạch, không cào bằng định mức.
- Hướng dẫn, mở rộng các dịch vụ, nhất là các dịch vụ chế biến nông sản.
- Tạo ra nông sản cho bà con nông dân, kiểm tra chất lượng các loại vật tư và thức ăn gia súc để bảo đảm chất lượng, hạ giá thành bằng nhiều biện pháp.

HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT LÀNG KHUYẾN NÔNG TỰ QUẢN: LÀNG TAM THÁI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thái
Ban Phát triển làng Tam Thái

Kính thưa các vị Đại biểu

Thưa hội thảo

Để đạt được kết quả như ngày hôm nay, là một thành viên của Ban phát triển làng Khuyến nông tự quản tôi cảm thấy đây là một niềm vinh dự được nông dân giao trách nhiệm và gửi gắm những tình cảm chân thành tới toàn thể hội nghị toàn quốc ngày hôm nay. Trước hết cho phép tôi xin được chúc sức khỏe các vị đại biểu và toàn hội nghị, chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

Làng chúng tôi là một làng người dân tộc Sán diu phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp, canh tác thuần nông chỉ độc canh cây lúa do vậy năng suất lương thực rất thấp, tình trạng thiếu ăn triển miên trẻ em nhiều nhà phải bỏ học dở chừng vì không có tiền đóng góp. Từ đó các tổ chức đoàn thể của làng dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng rất trần trở tìm cách để khắc phục tình trạng nghèo đói và trẻ em được học hành. Đó là một khó khăn cần tìm ra giải pháp khắc phục.

Tình hình hoạt động kinh tế - xã hội của làng Khuyến nông tự quản trước khi thực hiện dự án (Trước năm 1994)

Tình hình cơ bản

Tổng số hộ:	50
khẩu:	266
Lao động chính:	136 (Nam: 113, Nữ: 153)
Dân tộc: Sán diu:	47 hộ, kinh: 3 hộ
Diện tích canh tác:	49 mẫu 6 sào bắc bộ.
Tổng diện tích:	2 lúa: 16 mẫu. 1 lúa: 21 mẫu. Đất màu: 12 mẫu 6 sào.
Đàn trâu:	40 con.
lợn:	216 con (trong đó 3 - 4 con nái).
Gà:	3015 con
Số nhà ngói:	31
Số hộ Khá là	12 hộ chiếm 24%.
TB là	17 hộ chiếm 34%.
Nghèo là	17 hộ chiếm 34 %.
Rất nghèo là	4 hộ chiếm 8%.
Bình quân lương thực trên đầu người từ 12 - 18kg/tháng.	
Diện thiếu ăn	50%.

Hoạt động của các đoàn thể gồm có:

- Chi bộ Đảng.
- Hội phụ nữ.
- Đoàn thanh niên.

Hoạt động kinh tế

Cơ cấu cây trồng

Ngoài cây lúa là cây lương thực chính ra, nông dân ở đây còn trồng thêm một số cây màu khác như đỗ, lạc, khoai lang và một số ít ngô địa phương nhưng năng suất đạt thấp, vì chưa biết cách áp dụng KHKT vào sản xuất và cũng chưa biết chọn giống gì có năng suất cao để làm.

Ví dụ như lúa chỉ đạt từ: 70 - 100kg/sào; màu: 30 - 50kg/sào.

Vật nuôi

Ngoài con trâu để kéo cày, lấy phân có nuôi thêm lợn, gà, vịt, thả cá nhưng năng suất cũng rất kém, nhất là lợn nái ở những năm trước cả làng chỉ có 3-4 con nái, không phát triển được.

Kết quả hoạt động của làng khi có dự án

Quá trình tiến hành. Được sự giúp đỡ của: Trung tâm Khuyến nông, Phòng nông nghiệp huyện, Tổ chức Quốc tế CIDSE - Việt Nam, làng được tham gia dự án.

Bước 1. Điều tra PRA (Điều tra nông thôn có sự tham gia của nông dân) qua 1 tuần làm việc đã tìm ra những khó khăn cơ bản của nông dân :

- Thiếu KHKT.
- Thiếu lương thực.
- Thiếu vốn sản xuất và chăn nuôi.

Từ đó đã xác định được nhu cầu của nông dân trong làng.

Bước 2. củng cố hệ thống tổ chức của làng:

* **Thành lập Ban phát triển làng gồm 5 người.**

- Trưởng làng (trưởng ban): Phụ trách chung.
- Thư ký: Lập kế hoạch.
- Thủ quỹ: Giám sát sử dụng vốn.
- Ủy viên: Theo dõi hoạt động của nhóm sở thích nuôi lợn, gà, ong và cây ăn quả.
- Ủy viên: Theo dõi hoạt động của nhóm tăng vụ, nhóm sử dụng đạm vi sinh.

Ban phát triển làng có lịch sinh hoạt định kỳ vào ngày mùng 5 hàng tháng (Có thể họp đột xuất nếu có các công việc cần phải bàn bạc trong ban phát triển làng).

* **Thành lập các nhóm sở thích:**

Khi điều tra nhu cầu tháng 3/95 đã lập 4 nhóm nông dân sở thích đó là:

- Nhóm nuôi lợn nái.

- Nhóm nuôi gà kiêm dụng trứng, thịt.
- Nhóm trồng cây ăn quả (Cải tạo vườn tạp)
- Nhóm tăng vụ, sử dụng phân đạm vi sinh trên đất bỏ hoá vụ xuân.

** Hoạt động của nhóm sở thích:*

- Nông dân cử ra nhóm trưởng để duy trì hoạt động của nhóm. Bình xét hộ được nhận làm ô mẫu và theo dõi luân chuyển vốn cùng với cán bộ Khuyến nông và Ban phát triển làng tổ chức hội thảo đầu bờ để mở rộng diện tích, xây dựng kế hoạch của nhóm dựa vào yêu cầu của nông dân.

Kết quả đạt được

Tiếp thu KIIKT

Hàng năm nông dân được CBKN tập huấn cho 2 - 3 lần, cử người đi học lớp IPM về phòng trừ dịch hại tổng hợp. Từ đó nông dân đã biết cách chọn lọc các giống lúa thuần, ngắn ngày năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt.

Về ngô cũng biết chọn các giống ngô lai năng suất cao để đưa vào sản xuất.

Về chăn nuôi: Biết chọn các con giống tốt phù hợp với địa phương để nuôi, biết cách chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng thức ăn hợp lý cho nên thời gian nuôi rút ngắn, trọng lượng xuất chuồng tăng và biết cách phòng và chữa bệnh cho gia súc, gia cầm, từ đó sản xuất của các hộ nông dân nghèo dần dần đã được cải thiện.

Sự ảnh hưởng và tác động của Ban phát triển làng

- Ban phát triển làng được CBKN hướng dẫn lập kế hoạch, sau đó tự lập kế hoạch của làng căn cứ vào nhu cầu của các nhóm hộ sở thích, hàng quý có kế hoạch phát triển sản xuất gửi lên phòng Nông nghiệp và Ban Khuyến nông huyện.
- Ban phát triển làng lập sổ theo dõi tiến độ vay vốn, lãi suất, luân chuyển vốn. Ban có 3 sổ cùng nhau theo dõi, riêng thủ quỹ có 2 sổ: 1 sổ thu, 1 sổ chi.

Phân lãi suất 1%: nộp lên phòng 0,5% còn lại 0,5% để tại làng. Mục đích để chi hợp hành, giấy tờ, tiếp khách, ngoài ra Ban làm việc không có lương vì tinh thần tự nguyện là chính để phục vụ bà con trong làng.

- Hoạt động của nhóm sở thích năm thứ 1:

Xây dựng được các nhóm:

- 1) Nhóm sử dụng phân vi sinh có 10 hộ vụ đầu tham gia. Sau đó do có sự ảnh hưởng tới nhiều hộ khác, vụ thứ 2 có 30 hộ tham gia.
- 2) Nhóm lợn nái: 18 hộ tham gia.
- 3) Nhóm gà: 13 hộ tham gia.
- 4) Nhóm cây ăn quả: 13 hộ tham gia.

Sau 2 năm thực hiện dự án, kết quả của các nhóm phát triển rõ rệt đó là:

- 1) Nhóm vi sinh mới: 30 hộ tới nay 50 hộ.
- 2) Nhóm lợn nái mới: 18 hộ nay 25 hộ.
- 3) Nhóm gà giống mới: 13 hộ nay 18 hộ.
- 4) Nhóm cây ăn qua giống mới: 13 hộ nay 15 hộ.

Và tiếp tục phát triển được thêm các nhóm sở thích như là:

- 1) Nhóm ong mật: 16 hộ
- 2) Nhóm cá: 15 hộ.
- 3) Nhóm nuôi ngan: 9 hộ.

Như vậy cho đến nay tăng lên được 7 nhóm sở thích với 100% số hộ tham gia, có hộ tham gia tới 3 nhóm.

Kết quả về cây trồng và vật nuôi trước dự án và sau khi có dự án năm thứ nhất

Trước dự án		Sau khi có dự án	
Lúa:	2 vụ	Tăng thêm	1 vụ ngô đông
Trâu:	40 con	Tăng thêm	47 con
Gà:	3015 con	Tăng lên	4500 con
Lợn:	216 con	Tăng lên	450 con
Lợn nái:	4 con	Tăng lên	12 con

Sử dụng và luân chuyển vốn

* Vốn ban đầu là: 5.155.000 đ

Trong đó:

Lợn nái có 7 ô x 300.000 đ = 2.100.000 đ

Gà có: 3 ô x 220.000 đ = 660.000 đ

Cây ăn quả: 5 ô x 175.000 đ = 875.000 đ

Tăng vụ: 10 ô x 27.000 đ = 270.000 đ

Lợn thịt: 5 ô x 250.000 đ = 1.250.000 đ

30 ô

5.155.000 đ

Sau khi hết thời hạn vay vốn theo hợp đồng của từng loại ô mẫu, chúng tôi đã thu hồi và luân chuyển tiếp cho hộ khác. Cụ thể số ô mẫu được tăng lên:

Lợn nái 16 ô = 4.800.000 đ đã quay vòng 2 lượt

Gà: 14 ô = 3.080.000 đ „ 2,8 „

Cây 10 ô = 1.750.000 đ „ 2 „

Tăng vụ: 26 ô = 702.000 đ „ 2,6 „

Phát triển mới:

Cá: 8 ô = 1.600.000 đ

Ngan: 3 ô = 750.000 đ

Ong mật 16 ô = 2.400.000 đ

Lợn thịt: 5 ô = 1.250.000 đ

85 ô = 16.332.000 đ

Kính thưa hội nghị.

Ở đây chúng tôi muốn đề cập tới cách quản lý vốn của làng là đối với các hộ được nhận vốn dự án đã được thông qua cuộc họp của nhóm bình xét sát thực với nhu cầu, thời hạn vay theo từng loại hình ô mẫu.

Nông dân được học tập trao đổi kinh nghiệm tại các hội nghị, hội thảo đầu bờ thông qua các lớp tập huấn của CBKN và tại cả các chuồng chăn nuôi.

- Ban phát triển làng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và đột xuất kiểm tra, nếu như hộ nào thực hiện sai mục đích thì bị thu hồi vốn đó. Sau một tuần kể từ ngày kiểm tra phát hiện gia đình phải đem nộp vốn cho Ban phát triển làng, thủ quỹ sẽ thu và chuyển cho hộ khác.

- Hạch toán: Ví dụ 1 lợn nái:

+ Vốn vay dự án: thời hạn 18 tháng, lãi suất 1%: 300.000 đ

+ Vốn tự có: Cám, ngô, cám gạo, rau lang

gia đình tăng gia được tính giá: 1.500.000 đ.

+ Thức ăn bổ sung: 200.000 đ.

+ Tiền lãi của 10 tháng: 30.000 đ.

+ KHKT được CBKN giúp

Cộng: 2.030.000 đ

Sau 10 tháng lợn nái đẻ lứa đầu: Bình quân 10 con/lứa, xuất chuồng mỗi con 15kg thì được: $150\text{kg} \times 17.000 \text{ đ} = 2.550.000 \text{ đồng}$. Trừ chi phí 2.030.000 đồng, tổng lãi là 520.000 đồng của 1 con nái.

Nếu tính cả làng là 16 con nái $\times 520.000 \text{ đ} = 8.320.000 \text{ đ}$. Như vậy riêng lợn nái của làng đã có lãi là "Tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng" chưa kể các loại lãi khác. Như vậy vay vốn nuôi lợn nái xuất chuồng sẽ được 2 lứa lợn con mới phải trả vốn.

- Các nhóm khác cũng có lãi nhưng chưa lãi cao bằng lợn nái.

- Riêng nhóm cây ăn quả, hiệu quả đạt chưa cao vì do ảnh hưởng đất cằn cỗi, nước tưới khó khăn về mùa khô nên rất ảnh hưởng tới hiệu quả phát triển.

Kết quả kinh tế đạt được sau 2 năm thực hiện dự án:

So sánh:	Năm 1995	Năm 1997
* Hộ khá	12 hộ chiếm 24%	14 hộ chiếm 28%
Trung bình	17 hộ chiếm 34%	22 hộ chiếm 44%.
Nghèo	17 hộ chiếm 34%	12 hộ chiếm 24%
Rất nghèo	4 hộ chiếm <u>8%</u>	2 hộ chiếm <u>4%</u>
	100%	100%

* - Trâu: có 47 con.

- Lợn: 450 con lợn thịt, 24 con lợn nái, trong đó 16 con lợn nái do vốn dự án hỗ trợ, nông dân tự mua thêm 8 con.

- Gà từ 5000 - 6000 con các loại gà ta, Gôn lai, Tam hoàng.

- Nhà ngói: có 35.

- Năng suất lúa đạt từ 120 - 180kg/sào.

- Năng suất ngô đạt từ 100 - 140kg/sào.

- Bình quân lương thực 28kg/khẩu/tháng.

- Ong mật có 16 tổ.
- Hệ số quay vòng của đất: 3 lần/ năm.

Kết luận

Sau 2 năm thực hiện dự án Khuyến nông chúng tôi tự nhận thấy như sau:

Điểm mạnh

- 1) Thay đổi cách làm ăn của nông dân rất rõ rệt, biết tiếp thu các tiến bộ KHKT mới và kế thừa các kỹ thuật truyền thống của nông dân.
- 2) Thể hiện tình cảm, tình đoàn kết xóm làng, thể hiện tính cộng đồng cao.
- 3) Phong trào văn hoá - xã hội được thay đổi rất nhiều. 90% có ti vi, đài, tuy loại ít tiền nhưng cũng là phương tiện để nông dân nắm bắt được mọi vấn đề trong xã hội. Tệ nạn cờ bạc, nghiện hút không có, phong trào kế hoạch hoá gia đình rất tốt. Trẻ em được học hành tốt, chấp hành các đường lối chính sách của nhà nước tốt.
- 4) Kinh tế gia đình ngày một được nâng lên, tăng hộ khá, giảm hộ nghèo. Năm 1996 làng đạt được 60% gia đình văn hoá mới.

Điểm yếu

Tuy nhiên còn một số tồn tại là các đoàn thể hoạt động chưa được đều. Tổ chức chỉ đạo chưa đi sâu đi sát thực tế với nông dân, một số hộ chấp hành các mặt còn kém, còn ỉ lại cho cán bộ, nhiều hộ còn nghĩ rằng đó là cán bộ phải lo cho dân...

- 1) Về thuỷ lợi phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng kịp thời.
- 2) Giao thông nông thôn, đi lại còn gặp khó khăn và chưa mở rộng nâng cấp được.
- 3) Nước sinh hoạt rất khó khăn, mùa khô phải gánh nước ăn từ 3 - 5 tháng.
- 4) Các cháu ở lứa tuổi mẫu giáo, làng chưa có lớp học nên còn phải sang làng khác học nhờ.

Đề nghị

- 1) Nhà nước tiếp tục quan tâm giúp đỡ và đầu tư cho tỉnh Thái Nguyên, huyện Đồng Hỷ và làng Tam Thái về tinh thần cũng như vật chất để xây dựng làng ngày càng toàn diện hơn nhằm thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo.
- 2) Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Tổ chức CIDSE tiếp tục giúp đỡ vốn dự án lớn hơn, CBKN giúp KHKT nhiều hơn nữa.
- 3) Chính phủ và tỉnh Thái Nguyên giúp cho làng Tam Thái 2 - 3 giếng khoan (vốn cho không).

Trên đây là toàn bộ báo cáo về quá trình hình thành phát triển của làng sau 2 năm thực hiện chương trình dự án khuyến nông và một số kết quả rất nhỏ bé của làng. Song đó cũng là một niềm vinh dự được báo cáo trước hội nghị ngày hôm nay.

Cuối cùng tôi xin kính chúc các vị Đại biểu, chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn.

CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG-LÂM, CÁC DỊCH VỤ VÀ CÔNG TÁC ĐỔI MỚI HTX NÔNG NGHIỆP PHƯƠNG HẢI, TỈNH QUẢNG TRỊ

Giới thiệu

Các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Quảng Trị nói chung và huyện Hải Lăng nói riêng đóng một vai trò tích cực và quan trọng trong quá trình phát triển sản xuất và đời sống ở các vùng nông thôn. Các HTX nông nghiệp đang dần dần tự chuyển đổi để đáp ứng các nhu cầu hiện nay của nông dân như là một phần của chiến lược phát triển của huyện. Với sự ra đời của Luật mới về HTX thì quá trình chuyển đổi đang diễn ra mạnh mẽ. Tất cả các HTX ở huyện Hải Lăng đều tham gia vào tập huấn và thảo luận dẫn đến các Đại hội HTX thường kéo dài vài ngày với sự tham gia đông đảo của xã viên. Tại những kỳ Đại hội này, các quy định đối với một HTX đã được đổi mới thường được đưa ra thảo luận và quyết định và bầu ra một ban quản lý. HTX được đổi mới như thế thường có tư cách pháp nhân như một thực thể kinh tế, với các xã viên của mình là những người sở hữu chung về vốn của HTX và quyết định các hoạt động của HTX.

Có nhiều loại hình HTX được đổi mới. Những nhóm người có các hoạt động kinh tế giống nhau cùng liên kết lại như cơ khí, thợ mộc, ngư dân. Một số HTX được thành lập vì những mục đích đặc biệt chẳng hạn như HTX tín dụng. Phổ biến nhất là các HTX nông nghiệp lớn hơn liên kết các nông dân có cùng mối quan tâm về sản xuất. Phương Hải là một HTX nông nghiệp. Các hoạt động của HTX sau đây do ông Vũ Đại Phong là chủ nhiệm HTX trình bày.

Hợp tác xã Phương Hải

Hợp tác xã nông nghiệp Phương Hải thuộc xã Hải Ba, huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị. HTX được thành lập từ năm 1976, ban đầu với 10 tập đoàn sản xuất hợp nhất thành HTX nông nghiệp. Là một HTX có quy mô toàn thôn với diện tích đất tự nhiên là 449 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 199 ha và 250 ha đất lâm nghiệp/đất cát.

Hợp tác xã có 530 hộ với 2630 nhân khẩu, lao động là 1610 người. HTX có một ban quản lý do xã viên bầu ra. Ban quản lý gồm có 01 chủ nhiệm là người phụ trách chung, 01 phó chủ nhiệm phụ trách về kỹ thuật khuyến nông, 01 ủy viên ban quản trị phụ trách ngành nghề và dịch vụ và hai cán bộ giúp việc đó là kế toán và kho quỹ.

Quá trình phát triển của HTX

Trong gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, HTXNN Phương Hải luôn thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước. HTX đã tiến hành xây dựng mô hình mới qua nhiều cơ chế quản lý kinh tế khác nhau. Vì vậy HTX đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, khẳng định vị trí không thể thay thế được của HTXNN trong nông thôn Phương Hải.

Trong những năm gần đây, thực hiện nghị quyết 5 của BCH TW Đảng về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn, cùng với mục tiêu phát triển nông nghiệp một cách toàn diện theo hướng sản xuất nông nghiệp thâm canh và tiếp đến sản xuất hàng hóa phù hợp kinh tế địa phương. Từ khi có Nghị định 13/CP của Chính phủ và cơ cấu tổ chức cũng như chức năng của Khuyến nông - khuyến lâm và việc hình thành mạng lưới khuyến nông từ tỉnh đến huyện, xã, HTXNN Phương Hải đã nhanh chóng tiếp cận và nắm bắt thông tin và áp dụng vào sản xuất. Nhờ vậy, HTX có những bước phát triển vượt bậc, giá trị sản lượng ngày càng tăng.

Từ các yếu tố trên cùng với sự năng động của BQL HTX trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh mới nên HTX ngày càng đứng vững và có vai trò rất lớn trong sản xuất hiện nay.

Đến nay, HTX cơ bản đã xóa hết hộ đói nghèo, hộ giàu tăng lên, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc. Tuy nhiên HTX vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là việc gieo cấy trong những năm qua do điều kiện thời tiết khó khăn.

Trong điều kiện đất nước chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, bản thân HTX cũng gặp không ít khó khăn như nhận thức của đội ngũ cán bộ và xã viên HTX Phương Hải và nội dung hoạt động chưa phù hợp, trình độ cán bộ chưa đáp ứng với cơ chế thị trường, còn hạn chế trong kinh doanh, số cán bộ qua trường lớp và có trình độ còn ít. Hiện HTX còn thiếu vốn để làm dịch vụ. Thời hạn vay ngân hàng ngắn, thủ tục rườm rà, xã viên dây dưa nợ, buông lỏng nội quy HTX và ít chú ý đến quyền lợi tập thể.

Công tác tổ chức các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm

Trong quá trình phát triển, công tác khuyến nông cần phải đề cập đến vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, biến nông thôn thành thị trường đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, HTX luôn xác định ý nghĩa khuyến nông không chỉ gói gọn sản xuất mà còn bao hàm nhiều vấn đề kinh tế xã hội.

Công tác khuyến nông nhằm mục tiêu chuyển giao kiến thức về kỹ thuật canh nông mới đến với nông dân, trang bị cho họ kiến thức về quản lý kinh tế và đầy đủ kiến thức để chủ động sản xuất. Để đạt được những mục tiêu này, thì mạng lưới dịch vụ khuyến nông cần phải toàn diện và hỗ trợ nông dân bằng nhiều mặt.

Với quan điểm HTX tồn tại trước hết là vì mục tiêu và yêu cầu phát triển kinh tế của mỗi xã viên, HTX xác định vai trò của mình trong công tác khuyến nông. HTX là một cơ sở, một đầu mối cho mọi hoạt động khuyến nông từ cấp tỉnh đến huyện. Thời gian qua (1993 - 1997) hoạt động khuyến nông tập trung vào mấy nội dung chính sau:

Các hoạt động của HTX trong việc chuyển giao kiến thức

- Tìm hiểu quan hệ thị trường để tổ chức cho hộ nông dân sản xuất cây con có giá trị kinh tế;
- Phổ biến thời vụ, quy trình sản xuất của cây trồng vào đầu vụ qua hệ thống loa truyền thanh của HTX và bằng các tờ bướm cho các tổ xóm sản xuất;

- Mời cán bộ kỹ thuật giảng trực tiếp cho nông dân về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. Có một số lớp phải qua một số cán bộ HTX là những người sau đó về mở lớp cho nông dân;
- Tổ chức thử nghiệm và hội nghị đầu bờ các giống mới về cây lúa, cây vừng, cây đậu xanh lai trong HTX cho nông dân xem;
- Tổ chức cho một số nông dân đi tham quan về giống mới ở các HTX lân cận;
- Tổ chức sơ kết cuối vụ để rút ra kết luận mô hình nào thích hợp và có hiệu quả cao cần được duy trì. Các kết luận dựa vào ý kiến và thảo luận của nông dân;
- Trong thực nghiệm HTX có chính sách bảo hiểm để khuyến khích nông dân mạnh dạn;
- Tổ chức các nhóm trao đổi kinh nghiệm sản xuất.

Các hoạt động của HTX trong việc tổ chức các dịch vụ

Giống cây trồng và vật nuôi

- Tổ chức sản xuất
- Mua và cung ứng giống cho nông dân bằng tín dụng và trả lại sau khi thu hoạch
- Giới thiệu các khâu nối để nông dân mua giống

Thủy lợi tưới tiêu

- Hợp đồng với công ty thủy nông
- Quản lý các máy bơm lẻ của tư nhân
- Khai thác và sử dụng các nguồn nước tự chảy để tưới tiêu

Làm đất

- Quản lý việc sử dụng máy kéo tư nhân để phân phối địa bàn theo lối cuốn chiếu

Phân bón

- Hợp đồng với Công ty vật tư nông nghiệp hoặc Công ty lương thực để cung ứng vật tư nông nghiệp cho nông dân bằng phương thức trả chậm đến vụ.

Bảo vệ cây trồng và con nuôi

- Phát hiện sâu bệnh
- Hướng dẫn phòng trừ
- Tổ chức tiêm phòng gia súc
- Mua thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật theo hình thức bảo lãnh tín dụng, trả sau khi thu hoạch.

HTX nhận được sự hỗ trợ trong các hoạt động này từ các tổ chức cấp tỉnh đến huyện, chứ không chỉ có Trung tâm khuyến nông và khuyến lâm mà thôi.

Các tổ chức cấp tỉnh và huyện có hỗ trợ cho HTX

Phòng nông nghiệp

- Hỗ trợ liên quan đến việc đổi mới HTX
- Hỗ trợ tổ chức các mô hình trình diễn
- Hỗ trợ tham gia các chương trình khuyến nông do vốn sự nghiệp kinh tế của huyện hỗ trợ

- Được hướng dẫn về quy hoạch sản xuất và các thông tin về thời vụ, giống cây con mới
- Chương trình đào tạo quản lý cho cán bộ HTX
- Cung cấp giống mới

Trạm khuyến nông

- Tiếp nhận các thông tin KHKT trong sản xuất
- Mở các lớp đào tạo hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân

Trạm bảo vệ thực vật

- Thông tin về dự báo dự tính công tác phòng trừ sâu bệnh
- Hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật
- Mở các lớp huấn luyện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)
- Được cung ứng thuốc kịp thời khi dịch bệnh xảy ra

Trạm thú y

- Tổ chức công tác tiêm phòng gia súc
- Hướng dẫn công tác chăn nuôi thú y bằng mở các lớp tập huấn
- Được cung ứng thuốc khi dịch xảy ra một cách kịp thời

Trung tâm khuyến nông tỉnh

- Cung ứng giống
- Hỗ trợ tập huấn

Vốn hỗ trợ cho các hoạt động và dịch vụ khuyến nông

Các hoạt động dịch vụ thường mang lại một khoản lãi nhỏ hàng năm khoảng 15 triệu đồng. HTX có một số ngành nghề quy mô nhỏ, chủ yếu là sản xuất gạch mang lại nguồn lãi hàng năm từ 12 - 15 triệu đồng.

Việc phân phối các quỹ này như sau:

Trả thù lao khoảng:	25%
Trả lãi cho nông dân cho HTX vay vốn:	15%
Trả lãi vốn góp:	20%
Quỹ phát triển sản xuất và thử nghiệm:	15%
Khuyến nông:	10%
Tập huấn:	10%
Phúc lợi:	5%

Những thành quả đạt được và một số hoạt động cụ thể

Những năm gần đây, tổng sản lượng lương thực hàng năm ước tính tăng gấp đôi so với năm 1980. Nhờ làm tốt vai trò HTX trong tổ chức hoạt động khuyến nông dịch vụ, HTX được nhân dân đồng tình, vốn HTX được bảo toàn, mối quan hệ giữa xã viên với HTX ngày càng gắn bó.

Nhân các loại giống mới có năng suất cao

Sản xuất tăng lên đáng kể do thâm canh sản xuất các loại giống lúa có năng suất cao.

- Năm 1993, HTX đã chọn ra 50 nông dân trực tiếp sản xuất dưới sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông huyện.

- Năm 1994, HTX chọn ra 20 hộ xã viên tham gia sản xuất lúa lai Trung Quốc với diện tích 0,5 ha. Tất cả các hộ xã viên đều được hướng dẫn 1 cách cụ thể về thời vụ, mật độ gieo cấy và các biện pháp kỹ thuật đều được áp dụng một cách nghiêm ngặt. Vụ đông - xuân năm 1994 - 1995 các giống mới đưa vào sản xuất cho năng suất cao.
- Năm 1995, HTX chọn 10 hộ là những đội trưởng sản xuất đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở một số địa phương đã sản xuất các giống lúa nói trên, tổ chức các buổi tập huấn về kỹ thuật gieo trồng các giống lúa mới do cán bộ Trạm khuyến nông phụ trách. Vụ ĐX năm 1995 - 1996 bước đầu đã sản xuất với diện tích 1 ha ở các hộ đã được chọn trên. Qua các kinh nghiệm thu được của một số hộ và với mô hình sử dụng các giống có năng suất cao trong các đội thử nghiệm nên vụ HT 1997 đã sử dụng giống tiến bộ, chiếm 40% tổng diện tích gieo cấy trên địa bàn của HTX.
- Ngoài các giống lúa, HTX cũng vận động bà con trồng thử các giống ngô lai Bioseed. HTX tổ chức tập huấn 4 buổi về kỹ thuật trồng ngô lai cho 4 đội phối hợp với cán bộ khuyến nông trực tiếp chỉ đạo và xem đây là mô hình trình diễn của huyện. Ngoài ra, HTX đã in ấn 200 tờ tài liệu giới thiệu các giống ngô có năng suất cao. Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ nên năng suất ngô đạt 50-55 tạ/ha, có nơi lên tới 70-80 tạ/ha. Riêng vụ ĐX năm 1997, HTX gieo 15 ha cho năng suất 55-60 tạ/ha. Đến nay, ngô lai Bioseed đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được đối với nông dân Phương Hải.
- HTX được huyện quan tâm cho sản xuất một giống dưa hấu trên chân đất ở vùng cát. Để sản xuất thử nghiệm có hiệu quả, HTX đã cử cán bộ tham quan cùng với Hội phụ nữ và Hội nông dân, vận động bà con trồng thử. Qua 3 năm trồng dưa hấu trên đất cát, đến nay có nhiều hộ đã giàu trên vùng đất mà lâu nay chỉ trồng một số cây không có hiệu quả kinh tế.

Tập huấn về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

Công tác tập huấn được thực hiện tốt nhất là các lớp về chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) cho các xã viên làm. Được sự giúp đỡ của Chi cục BVTV tỉnh, Trạm BVTV huyện về kinh phí và trực tiếp giảng dạy, HTX đã chọn ra 30 học viên là những nông dân sản xuất giỏi và là những người say mê với khoa học. Trong số 30 học viên trên phần lớn là những người giữ vai trò chủ chốt trong BQLHTX, Hội nông dân, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên. HTX đã tổ chức phòng học, ruộng thí nghiệm và một số vật liệu khác phục vụ cho tập huấn. Để khuyến khích học viên học tốt, HTX đã trích một số kinh phí bồi dưỡng thêm cho học viên và trích thưởng cho những học viên đạt kết quả xuất sắc.

Mỗi nông dân tham gia khóa học đã vận động 3-4 nông dân khác cùng làm theo bằng cách trao đổi kinh nghiệm thực tế. Vụ hè thu 1995 HTX mở thêm 2 lớp cho 60 học viên tham gia. Mọi chi phí do HTX trang trải. Giảng viên đứng lớp là các học viên tham gia khóa trước. Bằng phương pháp đào tạo thực tế và trao đổi kiến thức trên đồng ruộng, đến nay toàn HTX có 70% hộ đã được đào tạo và áp dụng IPM một cách có hiệu quả. Việc sử dụng thuốc sâu giảm 60-70% và năng suất cây trồng tăng.

Dịch vụ thú y

HTX tổ chức mời cán bộ thú y về tập huấn cho xã viên về kỹ thuật phòng trừ dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm từ 10-15 lần và những lúc có dịch bệnh xảy ra. Đàn gia súc gia cầm cũng được tổ chức tiêm phòng theo đúng kế hoạch của huyện

Dịch vụ giống vật nuôi mới

HTX hợp đồng với Trạm khuyến nông huyện cung ứng giống bò mới. HTX tổ chức tập huấn cho 100 hộ tham gia nuôi với mục đích giúp nông dân thấy được cần phải tăng cường tiềm năng sản xuất chăn nuôi của hộ qua công tác chuyển giao về giống gia súc, thức ăn. Các hộ có bê lai đã trao đổi kinh nghiệm cho mọi người cùng làm. HTX có kế hoạch để phát triển chương trình nhanh hơn và tăng tổng đàn ngày một nhiều hơn.

HTX đã đăng ký với Trạm khuyến nông huyện thử nghiệm hơn 200 con gà tam hoàng và một số vịt siêu trứng. HTX đã giao giống này cho 1 số hộ có tinh thần trách nhiệm và có kiến thức về chăn nuôi. Đến nay, các giống gia cầm trên phát triển tốt. Mô hình trình diễn này có thể sẽ được phát triển rộng khắp trên toàn địa bàn trong thời gian tới.

Dịch vụ BVTV

HTX đã vận động xã viên đóng góp thóc tính trên đầu sào để hợp đồng cán bộ Trạm BVTV huyện làm công tác dự tính dự báo hợp đồng theo vụ.

Nhờ vậy, hàng năm thiệt hại do sâu bệnh gây ra không đáng kể, nông dân rất đồng tình với dịch vụ này.

Dịch vụ vật tư nông nghiệp

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất của nông dân, HTX đứng ra làm đại lý điều phối việc mua vật tư nông nghiệp để sản xuất và phân bổ cho nông dân bằng tín dụng. Điều này giúp cho các hộ nghèo hơn vẫn có khả năng đầu tư một lượng phân bón thích hợp và các vật tư khác mặc dù họ thiếu tiền mặt vào đầu vụ. HTX hợp đồng với Công ty vật tư nông nghiệp hoặc công ty lương thực để thực hiện tín dụng này. Đối với Công ty lương thực thì tín dụng được trả trực tiếp bằng lúa cho Công ty.

Các dịch vụ tín dụng

HTX hoạt động như một đại lý trung gian cho ngân hàng giải quyết các thủ tục hồ sơ cho nông dân. HTX nhận vốn từ Ngân hàng và phát thẳng đến hộ nông dân vay, hàng tháng thu lãi vay và thu vốn gốc trả cho ngân hàng. HTX đứng ra bảo lãnh các món vay cho phép đặc biệt các nông dân nghèo hơn vay được vốn ngân hàng. Các thủ tục ngân hàng rườm rà được xem là một khó khăn mà nông dân thấy rõ cần có sự hỗ trợ của HTX để họ khắc phục được.

Bài học kinh nghiệm

- Diện tích đất của các hộ manh mún, đan xen. Điều này đòi hỏi sự điều phối và hợp tác trong các nhu cầu chung về dịch vụ, tính thống nhất trong cơ cấu mùa vụ và đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất nhanh hơn

- **Đổi mới HTX là đổi mới nội dung hoạt động.** HTX nên tập trung vào những khâu cần thiết, từ đó chất lượng dịch vụ cao hơn, tổ chức có hiệu quả, tăng niềm tin của nông dân đối với HTX.
- **Mục tiêu của HTX vừa là kinh tế, vừa xã hội.** Thực tế cho thấy Phương Hải nhờ có HTX làm chỗ dựa cho những hộ thiếu vốn, thiếu trình độ sản xuất. HTX có thể tổ chức cho các hộ nghèo ứng trước giống và tín dụng vật tư nông nghiệp. Chúng tôi tin rằng, nhờ có tác động của HTX nên trên đồng ruộng không còn biểu hiện sự khác nhau giữa hộ nghèo và hộ giàu.

Những khó khăn vướng mắc hiện nay

HTX phải cạnh tranh trong cơ chế thị trường hết sức gay gắt, cơ chế khoán vốn gặp nhiều khó khăn, cho vay ứng trước đối với xã viên khi thu hồi khó khăn.

Vấn đề tự chủ trong kinh tế: HTX là một tổ chức kinh tế độc lập nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý nhà nước của UBND xã. Các khoản chi phí phi mục đích kinh tế vẫn phát sinh.

Phương hướng phát triển của HTX trong thời gian tới

Nhằm phát huy những thành quả đạt được và tiếp tục phát triển, khẳng định vị trí quan trọng đối với nông thôn, HTX Phương Hải sẽ:

- Tiếp tục giải phóng sức sản xuất, tạo nên động lực mới trong sản xuất NN và nông thôn.
- Giải quyết mối quan hệ đúng đắn giữa lợi ích Nhà nước, HTX và hộ xã viên, trong đó lợi ích xã viên là quan trọng.
- Phát huy dân chủ trong nội bộ HTX
- Không ngừng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh dịch vụ theo hướng CNH - HĐH trên cơ sở bảo đảm năng suất, chất lượng hiệu quả và khai thác tiềm năng sẵn có.
- Xác định vai trò HTX trong tổ chức hoạt động khuyến nông, phối hợp chặt chẽ với cán bộ khuyến nông.

Một số kiến nghị

Hiện nay Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc phát triển HTX nhất là HTXNN. Là những người trực tiếp chỉ đạo tại cơ sở, chúng tôi kiến nghị như sau:

- Đảng và Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ cho xã viên như trợ giá để thu mua lúa, trợ giá vật tư nông nghiệp, nhưng thực tế không đến được hoặc đến nhưng chưa trực tiếp với nông dân. Đề nghị nhà nước nên có chính sách đầu tư bằng giá trị hoặc vật tư đến tận đơn vị nông dân.
- Hiện nay HTXNN là người đại diện cho nông dân tổ chức thực hiện dịch vụ. Các loại dịch vụ đó mang tính phục vụ, không thể tính lãi cho xã viên.
- Bổ sung cán bộ khuyến nông đầy đủ cho nhu cầu của nông dân và có chính sách phối hợp với lực lượng khuyến nông viên cơ sở.
- Hỗ trợ giá thóc cho nông dân, phát triển các dịch vụ thu mua nông sản xuất khẩu.

TỔ CHỨC KHUYẾN NÔNG THÔN BẢN Ở TUYÊN QUANG

(Đầu đề bộ phim)

*Dự án phát triển nông thôn
miền núi Tuyên Quang*

Lời bình mở đầu bộ phim

Bộ phim này sẽ nói về công việc của các tổ chức khuyến nông lâm cấp làng bản ở tỉnh Tuyên Quang. Công việc khuyến nông lâm được mở đầu bằng 3 ngày đánh giá ở thôn bản để tìm ra những nhu cầu và cơ hội sản xuất của nông dân ở trong bản. Chương trình đánh giá này được đặt tên là: Người dân tham gia đánh giá nông thôn. Sau đó sẽ đưa các nhu cầu của người dân vào kế hoạch phát triển làng bản. Kế hoạch này là nền tảng để thực hiện trong công tác phổ cập.

Sau khi thảo xong kế hoạch phát triển làng bản, nông dân sẽ lập ra một tổ chức của riêng mình để thực hiện kế hoạch đó. Tổ chức này sẽ gồm một nhóm quản lý thôn bản hay còn gọi là ban phát triển nông thôn. Ban này sẽ có trách nhiệm quản lý toàn bộ chương trình và theo dõi sát sao tất cả các hoạt động. Các thành viên của ban này có trách nhiệm hướng dẫn và giúp đỡ nông dân, đồng thời phải giữ liên lạc đều đặn với Trạm khuyến nông lâm huyện. Tại thôn bản cũng lập ra các nhóm nông dân cùng sở thích, trong các nhóm này, nông dân có thể trao đổi thông tin và kinh nghiệm dựa trên các hình thức sản xuất khác nhau.

Bộ phim này đề cập đến công việc của một nhóm quản lý thôn bản và các nhóm nông dân cùng sở thích ở làng Ngòi, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn. Chúng tôi hy vọng, từ kinh nghiệm của xã Mỹ Bằng, các làng bản khác của tỉnh Tuyên Quang và các vùng trên toàn Việt Nam sẽ xây dựng được các nhóm khuyến nông lâm cho riêng mình.

LÀNG NGÒI, XÃ MỸ BẰNG

Tiêu đề phần 1

PHẦN 1

TRÁCH NHIỆM CỦA NHÓM QUẢN LÝ THÔN BẢN

Phỏng vấn ông Hồng

Năm 1991, được dự án cấp trang trại tỉnh Tuyên Quang chọn xóm Ngòi là một điểm để tiến hành phổ cập. Chúng tôi, về phía xóm có hợp trong lãnh đạo xóm cũng như thông báo cho toàn thể nhân dân để tiến hành quá trình PRA. Sau khi quá trình tiến hành trong vòng hơn một tuần thì đã đánh giá toàn bộ tình hình của thôn bản và xây dựng hệ thống tổ chức để tiếp cận dự án của tỉnh. Hệ thống tổ chức này trên cơ sở là những người trong thôn bản của chúng tôi trực tiếp quản lý những nguồn của dự án đã hỗ trợ đồng thời hướng dẫn cho bà con nhân

dân ở trong xóm thực thi dự án. Về tổ chức thì chúng tôi tiến hành bằng cách cho nhân dân bầu.

Cảnh quay toàn bộ ngôi làng

Phỏng vấn ông Quyết

Thứ nhất chúng tôi muốn nói về tổ chức hoạt động của dự án. Đây là một công tác mới hoàn toàn do dân tự chủ và người ta lựa chọn ra những người đại diện cho họ. Cho nên nguyên tắc đầu tiên chúng tôi quán triệt đó là do dân bầu, dân làm.

Chính vì vậy mà trong quá trình thực hiện công tác phổ cập tới thôn bản anh em chúng tôi phải xác định mình đến với họ như một người nông dân, một người bạn đến với những người bạn. Thứ hai chúng tôi xác định là người nông dân chính là những người có nhiều kinh nghiệm nhất và người ta đang cần cái gì thì mình phải tìm hiểu và giúp họ đưa ra được những cái mà họ cần.

Cảnh quay vườn bắp cải

Phỏng vấn ông Hồng

Trước sự tín nhiệm của nhân dân, trong tổ của chúng tôi bầu được ba người vào tổ quản lý phổ cập, làm công tác quản lý phổ cập trong xóm. Hoạt động của tổ phổ cập của chúng tôi có sự phân công phân nhiệm, có trách nhiệm cho từng thành viên một, tức là cho từng phổ cập viên. Tôi làm chức năng là tổ trưởng phụ trách chung, đồng thời trực tiếp theo dõi mảng cây lâm nghiệp và cây ăn quả.

Thảo luận: Kinh nghiệm là mình tĩa cái cành này sát bằng cái dao này. Đòi hỏi cái dao này phải sắc. Không chặt xuôi, chặt xuôi là nó bị vỡ cành.

Phỏng vấn ông Quyết:

Về việc hình thành nhóm quản lý phổ cập xóm đó là một tổ chức mới nó không phải mang tính chất tổ chức của nhà nước, mà mang tính chất của dân bầu, dân cử và các công việc đều thực hiện theo tính chất tự nguyện.

Chính vì suy nghĩ đó, chúng tôi muốn gắn liền cái tổ chức này trở thành một bộ phận của cộng đồng bao gồm các tổ chức khác cùng tham gia. Ví dụ như tổ chức chính quyền của thôn thường là đồng chí trưởng thôn nắm vai trò tổ trưởng hoặc là tổ viên chính của nhóm phổ cập này. Thứ hai là các tổ chức khác như phụ nữ, thanh niên, hoặc là hợp tác xã, đoàn thanh niên đều được bà con tín nhiệm cấu thành trong tổ chức này. Chính vì vậy tuy mang tính chất tự nguyện, dân bầu nhưng tổ chức của chúng tôi lại được bà con rất tín nhiệm.

Cảnh vườn cây, cuốc đất

Giới thiệu anh Sơn

Anh Sơn là phổ cập viên trực tiếp làm thủ quỹ đồng thời trực tiếp theo dõi xây dựng các mô hình ví dụ như mô hình canh tác trên đất dốc, mô hình vườn cây ăn quả hoặc là mô hình chăn nuôi.

Phỏng vấn anh Sơn

Với chức năng là trưởng thôn, khi dự án mở ra ở xóm thì tôi đã vận động bà con trước hết là tham gia vào dự án này. Tức là ngoài nhiệm vụ chính là thủ quỹ trong nhóm của tổ quản lý tôi còn được phân công theo dõi và xây dựng các mô hình điểm: có mô hình canh tác đất dốc rồi mô hình về cây ăn quả và chăn nuôi. Qua các đợt được đi tập huấn và tham gia ở những nơi dự án bố trí thì sau khi đi tham quan về tôi có tổ chức cho họp dân, họp cộng đồng phổ biến trao đổi lại đồng thời đi xuống những hộ chọn làm điểm để giúp người dân bố trí cũng như tạo nguồn vốn cho họ đầu tư vào để phát triển mô hình theo đúng những điểm tham quan mà mình đã học tập được.

Hình ảnh người dân cùng đi vào ngôi nhà họp cộng đồng

Giới thiệu chị Thuý

Còn cô Thuý là chi hội trưởng phụ nữ của xóm đồng thời đảm nhiệm công tác kế hoạch hoá gia đình, cũng là rất tốt trong việc tham gia vào tổ phổ cập, rất tốt trong mối quan hệ và vận động nhân dân trong quá trình thực hiện kế hoạch của dự án đồng thời trực tiếp theo dõi toàn bộ mảng về trồng cây lúa, thâm canh lúa và chăn nuôi gia súc và gia cầm.

Phỏng vấn chị Thuý

Tôi được phụ trách bên tín dụng thì vụ vừa rồi được bà con mới bầu được mấy tháng, về đào tạo lên trên thì chưa có, nhưng về hướng dẫn tín dụng thì tôi cũng có tham gia và nói chung là có nắm bắt được nội dung của vay tín dụng và cũng phổ biến cho bà con là vay như thế nào? thủ tục vay như thế nào? và làm đơn để vay, nói chung là gọn nhẹ, không có gì phức tạp cả, đồng tiền đến tay bà con là thoả đáng.

Ngoài tín dụng trong tổ phổ cập thì từ trước tôi cũng tham gia hợp tác xã là kỹ thuật viên về trồng rừng. Sau đó, được bà con tín nhiệm tôi chuyển sang làm bên hội phụ nữ xóm. Ngoài ra tôi cũng phụ trách về ban dân số kế hoạch hoá gia đình. Công việc thì cũng nhẹ nhàng thôi, không có gì vất vả cả. Cái đó được cộng đồng bà con tín nhiệm đối với tôi, tôi thấy mình có khả năng, trách nhiệm được giao làm sao cho nó trọn vẹn, để đáp ứng lòng bà con người ta tín nhiệm mình.

Phỏng vấn ông Hồng

Mối quan hệ giữa chúng tôi với phổ cập của xã, phổ cập của huyện thuộc dự án tỉnh, là một quan hệ thường xuyên. Nhất là phổ cập của xã, phổ cập của xã có anh Bùi Hùng là chủ tịch xã đồng thời là điều phối viên của xã thường xuyên gặp gỡ chúng tôi kiểm tra giám sát quá trình thực thi dự án, cũng như là hỗ trợ chúng tôi về mặt hành chính, mặt nhà nước trong công tác giao đất, giao rừng hoặc là bảo tồn vốn cho dự án.

Phỏng vấn ông Bùi Hùng

Khi dự án vào tôi hoàn toàn nhất trí với chương trình dự án này, về điều kiện giúp đỡ dự án này, tôi đã trực tiếp làm điều phối viên của xã giúp cho công tác của

tổ. Cụ thể là giúp họ về công tác tổ chức kiện toàn ban đầu. Thứ hai là cùng họ xây dựng kế hoạch phát triển đến hộ gia đình hoặc là xây dựng những mô hình trình diễn của xóm để bà con nhân dân học tập. Sau đó để cho nó phát triển hơn nữa trong quá trình tổ chức dự án này.

Điều kiện để cho mở rộng thành công, trước hết tôi thấy tự nguyện của người dân là mong muốn được vào phổ cập, tiếp nhận dự án này. Thứ hai là chính quyền các cấp và đoàn thể các cấp xóm và xã phải hoàn toàn nhiệt tình ủng hộ và nhận thức đây là một dự án rất ưu ái đối với những người nông dân nghèo đang còn thiếu kiến thức làm ăn, cái đó mới đạt đến thành công.

Hình ảnh trâu cày ruộng.

HẾT PHẦN MỘT

Tiêu đề phần 2:

PHẦN 2

THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THÔN BẢN

Phỏng vấn ông Hồng

Kế hoạch hàng năm thì chúng tôi xây dựng vào tháng 8 hàng năm, chúng tôi tiến hành đánh giá tổng kết lại toàn bộ tình hình hoạt động trong một năm vừa qua, gọi là PRA. Trong qui trình của dự án thì như vậy. Sau khi đánh giá có sự tham gia của người dân tức là họp toàn bộ thôn bản của mình đánh giá lại toàn bộ những hoạt động của mình, những kết quả đạt được, rút ra những kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, tổ phổ cập của chúng tôi cùng với các trưởng nhóm bàn và phác thảo ra một kế hoạch - kế hoạch phát triển thôn bản. Sau đó toàn bộ kế hoạch này chúng tôi trình bày lại trước dân để cho dân tham gia, trở thành kế hoạch của thôn bản rồi gửi lên cấp huyện.

Sau một thời gian nghiên cứu và tổng hợp được cán bộ phổ cập cấp huyện thẩm định kế hoạch này. Kế hoạch này thẩm định trên cơ sở với huyện sau đó xuống trực tiếp với thôn bản và có thể trực tiếp một số các hộ nông dân ở trong xóm để thẩm định lại, xác định lại tính khả thi của nó. Sau đó chúng tôi tiến hành phổ cập tới tất cả các tổ bắt đầu tiến hành hoạt động. Đồng thời kết hợp với những việc hỗ trợ của dự án như vốn, vật tư kỹ thuật, hoặc là tiến hành chuyển giao khoa học kỹ thuật. Đối với các nhóm hộ kinh tế ở trong xóm chúng tôi đã phân ra 3 nhóm là hộ khá, hộ trung bình, hộ nghèo.

Đối với chúng tôi thường tập trung vào hỗ trợ cho những hộ nghèo. Tất nhiên là không phải là nhiều hơn, không phải là quân bình chủ nghĩa, mà theo khả năng sản xuất của hộ đó. Khả năng ở đây muốn nói tiềm năng đất đai, khả năng lao động của họ.

Phỏng vấn ông Hồng

Về vấn đề hỗ trợ người nghèo thì tôi lấy một ví dụ như là gia đình anh Nguyễn Văn Lực, là một trong những hộ nghèo. Chúng tôi tìm hiểu nguyên nhân anh này còn khó khăn, nguyên nhân dẫn đến thu nhập chưa được cao thì cái chính là anh thiếu nhân lực và chưa biết cách qui hoạch xây dựng vườn hộ. Trong quá trình như vậy chúng tôi đến hộ gia đình đó, cùng với anh Lực xây dựng kế hoạch, qui hoạch vườn hộ của anh ấy ngay tại vườn của anh ấy.

Thứ hai là về phần hỗ trợ, chúng tôi trực tiếp cấp, tức là cấp cho không một số vật tư như là phân bón, phân NPK. Trong quá trình chúng tôi cũng trực tiếp cùng với anh ấy bàn bạc thực hiện cách bón phân như thế nào cho tốt. Anh này do điều kiện nhân lực thiếu nên không làm được ở xa hoặc là trồng rừng anh này không có điều kiện. Mà anh ấy chủ yếu xây dựng vườn hộ, trồng cây ăn quả. Hiện nay anh ấy đã trồng trên 100 cây quýt, nói chung sự phát triển rất tốt.

Và thường xuyên chúng tôi đến để xem các hộ nông dân thực hiện kế hoạch. Ví dụ theo từng vụ gieo trồng như vào vụ trồng rừng tháng 3, tháng 4 thì tiến hành xây dựng vườn ươm từ tháng 10. Xây dựng vườn ươm xong rồi, cung cấp con giống cho các hộ có điều kiện trồng rừng, hoặc là tiếp nhận cây ăn quả thường vào 2 mùa: vụ xuân và vụ thu. Ở đây chúng tôi do địa hình khí hậu thời tiết, thường trồng cây vào vụ xuân là cơ bản, tức là sau khi ăn tết Nguyên đán xong chúng tôi tiến hành trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả.

Phỏng vấn ông Hoè

Sau một thời gian vào đây để xây dựng kinh tế rừng này, tôi cũng nghĩ ra là phải làm thế nào để có cây giống, không thể đi mua được. Và từ suy nghĩ ấy tôi đã tổ chức vườn ươm. Và vườn ươm này được chương trình của Việt Nam - Thụy Điển hỗ trợ nâng cấp thành vườn ươm để phục vụ cây giống cho cộng đồng thôn bản.

Đối với tôi trong vụ ký hợp đồng với chương trình, chúng tôi được chương trình hỗ trợ cho hạt giống, túi bầu và tiền công lao động. Và chúng tôi làm theo kế hoạch của chương trình và chương trình còn tạo điều kiện cho chúng tôi đi tham gia huấn luyện về các kỹ thuật ươm gieo cây giống. Nhóm phổ cập của làng luôn luôn cộng tác với tôi về các qui trình sản xuất và thời vụ gieo ươm để làm thế nào mình ươm cây giống ra lại đáp ứng đúng nhu cầu trồng rừng thời điểm. Luôn trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ tôi những lúc khó khăn về lao động. Về đào tạo một số bà con gieo ươm ở đây, trong cộng đồng những bà con có khả năng làm cây giống, chúng tôi cũng giúp đỡ họ về kỹ thuật và thời vụ gieo ươm như thế nào để người ta làm được cây giống như gia đình chúng tôi làm.

Phỏng vấn ông Hồng

Phương pháp phân phối các kỹ thuật vật tư này thường là trên cơ sở người dân đăng ký trước. Ví dụ họ đăng ký trồng bao nhiêu cây ăn quả, thâm canh mấy sào ruộng lúa lai chẳng hạn. Trên cơ sở dân đăng ký ở các nhóm, sau đó chúng tôi mời trực tiếp các hộ đã đăng ký lên trực tiếp nhận giống vật tư cây trồng này. Ví dụ chúng tôi có xây dựng một quầy dịch vụ, ngoài những việc cung cấp những hỗ

trợ của dự án có thể nhận thêm những vật tư của Công ty giống vật tư về bán theo những qui định của tỉnh đối với nhân dân.

Thế còn phân bón, thuốc trừ sâu, ở tỉnh Tuyên Quang có Công ty giống và vật tư cây trồng. Dự án là thông qua công ty này hỗ trợ để đảm bảo về giá cả ổn định theo qui định chung của tỉnh. Thứ hai là để đảm bảo về chất lượng, thuốc trừ sâu không bị dính những hàng giả đưa vào chẳng hạn. Quá trình thực hiện như vậy, chúng tôi tiếp thu những cái này trực tiếp của công ty vật tư cây trồng. Vốn là của dự án, về phân cung cấp này do công ty cung cấp để có đủ tin cậy đối với nhân dân để người ta đưa xuống sản xuất được tốt.

Phỏng vấn ông Hồng

Sau một năm thực hiện kế hoạch, thực thi của dự án ở thôn bản cộng với các hoạt động của các hộ nông dân và qua một thời gian giám sát, kiểm tra đánh giá tình hình thì tổ phổ cập của chúng tôi đã cùng với người dân đánh giá và xem xét mọi hoạt động của một năm. Sau đó trên cơ sở đánh giá đó thấy được những mặt mạnh, những mặt yếu, những cái đã làm được và những cái chưa làm được để có cơ sở xây dựng kế hoạch của những năm tiếp theo.

Thường là sau khi hoạt động của một năm như vậy, có một bước rà soát lại kế hoạch của năm cũ và trên cơ sở sự tham gia đóng góp của người dân, nhu cầu phát triển của người dân những năm sau thì xây dựng tiếp kế hoạch.

HẾT PHẦN HAI

Tiêu đề phần 3

PHẦN 3 THÀNH LẬP CÁC NHÓM NÔNG DÂN CÙNG SỞ THÍCH

Lời bình bắt đầu phần 3

Ở thôn bản đã lập được các nhóm sở thích. Mỗi nhóm có khoảng từ 10 đến 20 hộ gia đình, đây là những hộ có cùng mối quan tâm đến một hoạt động sản xuất giống nhau. Mục đích chủ yếu khi thiết lập nhóm sở thích này là để tạo ra môi trường cho nông dân trao đổi ý kiến, kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau. Các nhóm sở thích là một nguồn lý tưởng để hướng dẫn nông dân về kỹ thuật.

Ở một số nơi, các nhóm sở thích này cũng được xem như những nhóm tín dụng. Nhờ các nhóm sở thích có thể tham gia nhiều hoạt động khác nhau, tổ chức của họ cũng cần phải linh hoạt và phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Các thành viên của nhóm sở thích sẽ bầu lên một trưởng nhóm, vị trưởng nhóm có nhiệm vụ giữ liên lạc thường xuyên với nhóm quản lý thôn bản. Nhờ đó

thông tin hai chiều sẽ dễ dàng hơn và các nhóm phổ cập có thể đến được với tất cả các hộ trong thôn bản.

Phỏng vấn ông Hồng

Trong xóm của chúng tôi hình thành tổ phổ cập gồm có 3 thành viên là như vậy. Bên dưới trong xóm có hình thành 6 nhóm sở thích tức là quá trình sản xuất của người nông dân thường đa dạng có thể chăn nuôi kết hợp với trồng rừng hoặc là nuôi cá kết hợp với những vấn đề khác như nuôi cá giống, cá thịt chẳng hạn, hoặc là người ta trồng lúa kết hợp với trồng mầu, hoặc là chăn nuôi lợn. Sản xuất của người ta nó đa dạng, nhưng thường theo khu vực như vậy thì có những mục đích sản xuất tương đối tương đồng với nhau. Cho nên có thể gọi là nhóm sở thích thì cũng được.

Phỏng vấn chị Hạnh

Nhóm của tôi có 22 hộ gia đình thì đi sâu vào 3 hình thức: hình thức thứ nhất là phát triển kinh tế rừng canh tác trên đất dốc, thứ hai là đầu tư chăn nuôi chuồng trại và thả cá, thứ ba là đi sâu vào canh tác cây lúa, cây lương thực. Trong ba hình thức mà trong nhóm của em đã thực hiện thì nói chung là song song cả ba mặt. Về cây rừng canh tác trên đất dốc nó có khả năng phát triển chậm hơn vì thời gian của cây lâm nghiệp nó dài hơn. Còn về đầu tư vào cây lúa, chuồng trại thì nó hiệu quả hơn vì thời gian đầu tư ngắn hơn, hiệu quả nó quay vòng nhanh hơn. Quan hệ giữa nhóm của em quản lý với nhóm tổ hợp bên làng cũng thường xuyên có sự trao đổi hỗ trợ lẫn nhau trong vấn đề đôn đốc nhắc nhở hội viên thực hiện vấn đề tiền vốn chẳng hạn. Có hội viên nào còn chệch choạng, có hội viên nào còn thiếu vốn cần hỗ trợ thêm, chúng em ghi nhận lấy ý kiến nguyện vọng của hội viên, báo cáo lên ban quản lý của nhóm phổ cập để cùng nhau có hướng giải quyết kịp thời hỗ trợ cho họ. Cũng có trường hợp, nhóm em cũng có hội viên đã được vay vốn, do điều kiện theo dự án ban đầu của họ cần vay vốn để mở rộng chuồng trại để chăn nuôi và họ cũng phát triển làm ao. Thế trong quá trình thực hiện bị thiếu vốn, cùng với vốn tự có cộng hỗ trợ vẫn còn thiếu, cần có thêm hỗ trợ nữa, có kiến nghị và em cũng hướng dẫn cho họ làm đơn và báo cáo lên nhóm phổ cập và giải quyết kịp thời hỗ trợ cho bà con làm. Hoặc là có những trường hợp bà con gặp khó khăn trong vấn đề gieo trồng, chưa nắm được kỹ thuật gieo trồng và phòng trừ sâu bệnh, người ta có đến hỏi và em cũng tham khảo ý kiến của các đồng chí trong ban quản lý và đã truyền đạt lại hướng dẫn cho họ cụ thể họ làm.

Phỏng vấn ông Cấm

Chăn nuôi lợn nái lúc đầu về phía gia đình chưa có kỹ thuật về chăn nuôi. Sau khi được tổ phổ cập hướng dẫn về kỹ thuật chăn nuôi, gia đình tôi thấy rằng là làm ăn đạt được yêu cầu, giải quyết được những trục trặc khi chăn nuôi lợn nái đã giải quyết được, thì trong chăn nuôi thấy được rằng mỗi ngày một phát triển. Sau khi trừ chi đi rồi, vẫn còn có vốn tích lũy sau này. Hiện nay tôi có 3 con nái Móng Cái, một con nái ngoại mới mua. Như năm vừa rồi thì gia đình tôi xuất một lứa lợn 2 con Móng Cái được 24 con lợn con. Làm như cách của gia đình tôi, tôi thấy ở xóm này cũng đông, nhiều người nuôi lợn Móng Cái sinh sản nói chung là các gia đình trong tổ phổ cập. Hội viên trong tổ phổ cập thì các bác cũng thỉnh

thoảng đến thăm gia đình, đồng thời cũng trao đổi với nhau về kinh nghiệm chăn nuôi. Tôi chuyên nuôi lợn sinh sản thì những gia đình nuôi lợn nái người ta lại đến để chuyện trò đồng thời hỏi về cách chăn nuôi lợn sinh sản.

Hình ảnh hái táo

Phỏng vấn ông Trường

Cái thú nhất, nhóm của tôi thuộc về nhóm Làng Ngòi. Thường sinh hoạt nhóm anh em đến để thăm, đồng thời xem xét việc làm yêu cầu kỹ thuật của các loại cây của từng thành viên. Nhóm của tôi gồm có 12 thành viên, chia ra năm toàn bộ trong tuyến tức là khu vực tôi quản lý. Một năm là 3 - 4 lần tự đi thăm quan lẫn nhau tức là xem xét việc làm của nhau, xem là hiệu quả của cây đó tốt xấu ra làm sao.

Hình ảnh múc bùn vào vườn

Phỏng vấn anh Thắng

Em tham gia dự án phổ cập là vào nhóm 1. Là thành viên của nhóm, dự án giúp em về thú nhất là kỹ thuật. Nhóm của em là nhóm trồng rừng, trồng cây ăn quả, phổ biến những cách thức trồng cây lâu năm. Em vay tiền cùng với gia đình chủ yếu là chăn nuôi, ngoài chăn nuôi em làm hoa mầu như là cây ngô là chủ yếu. Vụ thu đông vừa rồi em cấy 5 sào ngô. Cây lúa là cây lương thực chủ yếu, ngô, khoai, sắn là phụ.

Hình ảnh chị Mai đang quét sân

Phỏng vấn chị Mai

Vào vụ Đông vừa rồi theo sự hướng dẫn của tổ phổ cập đã ưu tiên đưa giống ngô Bioseed về để đầu tư cho gia đình tôi. Gia đình tôi cũng là một thành viên vay vốn đó để trồng. Từng người với diện tích là 5 sào. Về phân bón, giống bên tổ cập là giúp vốn không lãi. Đến bây giờ ngô của gia đình tôi đã trổ cờ, ra hoa và rất là tốt.

Phỏng vấn ông Hổng

Đồng thời chúng tôi gặp gỡ thường xuyên các trưởng nhóm sở thích. Các trưởng nhóm này trước hết là đến nộp lãi hàng tháng chẳng hạn. Cũng là dịp chúng tôi ngồi lại để trao đổi rút kinh nghiệm trong một tháng hoạt động vừa rồi. Thực thi như thế nào, hoặc là nắm bắt tâm tư nguyện vọng của bà con, của nhân dân trong nhóm đó để phản ánh tình hình đó lên với dự án. Đề xuất với dự án có những mặt hỗ trợ nhất định về vật tư kỹ thuật hoặc là tổ chức các lớp tập huấn. Các lớp tập huấn ở đây nếu như những mảng nào chúng tôi nắm được có thể tổ phổ cập của chúng tôi cùng với các nhóm bàn bạc và chuyển giao trực tiếp đến hộ nông dân... Thế còn những cái mới, những cái phức tạp hơn chúng tôi phải đề xuất với dự án xin giáo viên của huyện, cán bộ kỹ thuật của sở, của dự án xuống trực tiếp giảng dạy.

HẾT PHẦN BA

PHẦN 4 CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ HƯỚNG DẪN NÔNG DÂN

Lời bình phần 4 - Cảnh quay bài giảng của chị Mỹ

Ở Tuyên Quang đào tạo khuyến nông lâm được thực hiện theo hình thức "Đào tạo tiểu giáo viên". Theo hình thức này, thành viên của nhóm quản lý thôn bản, lãnh đạo các nhóm sở thích và những nông dân có kinh nghiệm sẽ được chọn tham gia các lớp học do các cán bộ huyện và tỉnh giảng dạy. Sau đó các cán bộ khuyến nông lâm của làng sẽ trở lại hướng dẫn cho nông dân. Để hình thức này có hiệu quả, trước tiên phải có kế hoạch cẩn thận và theo dõi khoá học thật sát làm sao cho khoá học được diễn ra đúng thời điểm, nội dung khoá học thực sự phù hợp với nông dân. Bài học cũng sẽ hiệu quả hơn nếu biết kết hợp bài học trên lớp với thực hành.

Phỏng vấn ông Sơn

Nói chung là đều được đào tạo, đào tạo của từ cấp huyện lên tỉnh đều được tham gia. Dợt nào dự án tỉnh mở đều triệu tập chúng tôi. Chúng tôi cũng cố gắng để tham gia từ đầu đến cuối. Tức là tiếp thu các thông tin này. Sau khi được phổ cập từ xóm thì hàng năm, hàng kỳ ở trên dự án tỉnh có tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, rồi phổ cập về công tác quản lý, rồi là tập huấn về kỹ năng và các thông tin về các mô hình chăn nuôi, trồng trọt rồi thuỷ sản,... riêng bản thân tôi đã tham gia tập huấn và tham quan ở một số điểm.

Lời bình - Cảnh lớp học thú y của chị Lệ và mô hình nuôi cá

Hình thức đào tạo tiểu giáo viên cũng có thể tạo ra nhiều hình thức đào tạo khác nhau. Việc đào tạo cũng luôn liên quan đến phát triển mô hình sản xuất hộ gia đình. Những mô hình này được dùng để minh hoạ cho các kỹ thuật tiến bộ mới trong nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc. Các mô hình này phải bao gồm cả những hộ gia đình giàu và nghèo trong thôn bản, điều này giúp đảm bảo cho kỹ thuật mới được thử nghiệm dưới nhiều điều kiện khác nhau.

Các mô hình này cũng là những địa điểm tốt để tổ chức các khoá đào tạo thực tế trên hiện trường.

Phỏng vấn ông Sơn

Ở làng Ngòi bây giờ có 3 dạng mô hình, một là mô hình chăn nuôi, hai là mô hình thâm canh cây lúa và mô hình thứ 3 là canh tác trên đất dốc. Các mô hình này chúng tôi đã đến các hộ được chọn làm mô hình điểm, phổ biến kỹ thuật cũng như phương thức làm để bà con nắm được. Và qua một năm, riêng về canh tác đất dốc đã có chiều hướng phát triển tốt và đã có tác dụng lan rộng ra cho các hộ khác. Về mô hình chăn nuôi thì các hộ được chọn làm điểm cũng đã có phát triển rất tốt. Tăng trọng của con gia súc hay là con lợn hay trọng lượng xuất chuồng nói chung là so với trước phát triển rất là tốt. Điển hình như là hộ nhà anh Thắng, là những

hộ có thể nói là rất thành đạt trong mô hình chăn nuôi. Mô hình canh tác trên đất dốc có gia đình anh Hoàng Tú. Trong nhóm chúng tôi đã xuống tận hộ gia đình cùng tham gia kiến thiết và cải tạo mảnh vườn để làm canh tác đất dốc này.

HẾT PHẦN BỐN

Tiêu đề phần 5:

PHẦN 5 SAU ĐÓ PHỔ CẬP KHUYẾN NÔNG LÀM SẼ LAN SANG CÁC LÀNG KHÁC

Phỏng vấn ông Hồng

Xóm của chúng tôi đã được dự án vào hoạt động từ năm 91, sau một thời gian hoạt động trong vòng 4 năm thì cũng đạt được một số kết quả rất lớn. Trên cơ sở đó cũng đã gây được một ảnh hưởng đối với các xóm khác. Mà thực tế tức là các xóm trong xã chúng tôi đều là những người dân quen biết nhau thường xuyên, cho nên người ta thường đến chơi với chúng tôi hoặc là đến xem quá trình phát triển của chúng tôi. Nó gây ra một cái ảnh hưởng và tự dưng nó nảy sinh cái nhu cầu và người ta cũng muốn được phổ cập, và cũng muốn được tham gia dự án. Từ nhu cầu này của người dân, chúng tôi có đề xuất với dự án tiến hành phương pháp lan rộng. Tức là lấy sự ảnh hưởng của xóm chúng tôi và lan rộng sang các xóm khác. Thực tế trong năm vừa qua, chúng tôi đã tiến hành lan rộng sang xóm Đầu Núi.

Phỏng vấn chị Hương

Bước đầu đưa phổ cập về thì các anh trong Làng Ngòi cụ thể như là anh Vui, anh Sơn và anh Hồng đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều, và các anh ấy cũng rất nhiệt tình. Cụ thể là đã giúp đỡ chúng tôi về làm kế hoạch năm 95, Tổ phổ cập đã hướng dẫn bước đầu. Các anh tập trung chúng tôi đến nhà tổ trưởng để hướng dẫn kế hoạch, sau khi đã lên được kế hoạch cụ thể rồi các anh ấy giúp đỡ chúng tôi về khoa học kỹ thuật. Các anh ấy có giúp đỡ chúng tôi về hoạt động của tổ phổ cập như thế nào và hoạt động của nhóm sở thích như thế nào. Các anh ấy cũng nói rõ mục đích và yêu cầu của hoạt động của từng nhóm, từng tổ và tiếp theo là giúp đỡ chúng tôi về trách nhiệm của từng tổ viên làm những cái gì.

Phỏng vấn ông Bùi Hùng

Là cương vị chủ tịch phải điều hành cả xã và nhiều xóm do vậy khi nhân rộng về dự án này tôi thấy hoàn toàn nhất trí và đây là điều kiện để cho chúng tôi được nâng cao trình độ tổ chức quản lý, điều hành của cấp cơ sở. Để có bước thuận lợi trong việc mở rộng ở tại xã thì việc làm cụ thể của tôi trước hết là nắm một số thông tin cơ bản của xóm mình định mở rộng và nhu cầu. Trên cơ sở nhân dân nhất trí với quan điểm mong muốn của họ là muốn được mở rộng và sau đó xây dựng kế hoạch trình dự án và được dự án cho phép thì tổ chức mở rộng.

Phỏng vấn ông Hồng

Việc tiến hành PRA ở xóm mới theo phương pháp lan rộng này theo tôi nghĩ nó có những cái khác với tiến hành PRA theo phương pháp chính qui trước đây. Ví dụ như tiến hành trước đây ở xóm tôi lực lượng dự án của tỉnh cũng như là cán bộ của tỉnh, cán bộ của xã, cán bộ của thôn lực lượng quá đông. Thứ hai là chi phí vào việc ấy cũng lớn. Thứ ba nữa là đánh giá tình hình ở thôn bản nếu làm theo phương pháp cán bộ ở trên về thì thường là nắm bắt những thông tin ấy không được chính xác lắm bằng những người ở tại cơ sở của chúng tôi. Nếu làm theo phương pháp lan rộng này, thì vai trò của dự án sẽ đóng vai trò đào tạo cho cán bộ của chúng tôi, tổ chúng tôi rất kỹ. Chúng tôi nắm bắt được phương pháp tiến hành. Thứ hai nữa là cán bộ của huyện cũng như điều phối viên của xã cũng thường xuyên giám sát và hỗ trợ giúp đỡ chúng tôi những cái nào gặp khó khăn, thế còn chủ yếu là chúng tôi với lãnh đạo của thôn, cùng với các thông tin viên làm. Để làm cái việc này tôi nghĩ rằng nó nhanh hơn, gọn hơn và nắm bắt thông tin chính xác hơn, đồng thời cái cơ bản là kinh phí giảm đi.

Phỏng vấn ông Đạo

Kế hoạch của năm 95 vừa qua, chúng tôi đã xây dựng được trong kế hoạch của dự án cũng như là trong kế hoạch đã vạch ra trong thời gian hoạt động của dự án. Đã đưa xuống xóm những việc làm cụ thể là việc qui hoạch đất đai, trồng cây lâm nghiệp cũng như trồng cây nông nghiệp, chăn nuôi và qui hoạch lại các vườn hộ hiện nay chúng tôi đã đi vào làm cụ thể thì sang năm 1996 cũng chính thức đưa vào cụ thể hơn nữa.

Phỏng vấn ông Hồng

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ của nhóm tôi đối với nhóm mới thường có những cuộc trao đổi giữa chúng tôi và xóm mới. Nắm bắt những thông tin của người dân ở xóm đó giúp cho tổ đó thực hiện kế hoạch đã được xây dựng ở xóm mới và trên cơ sở đó có thể đánh giá rút kinh nghiệm sau một chu trình PRA năm sau thấy có những mặt nào đã làm được, mặt nào chưa làm được và thấy có thể kết thúc được sự hỗ trợ cũng là một cố gắng và còn mặt nào cần nữa chúng tôi vẫn tiếp tục phải xây dựng hỗ trợ thêm, nhưng cũng có thể hạn chế dần bởi phải phát huy tính độc lập, tính năng động của phổ cập cái xóm mới.

Tiêu đề kết thúc bộ phim

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn nhân dân xóm Đầu Núi và làng Ngòi đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi thực hiện bộ phim này. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn các bạn đã tham gia bộ phim này:

TÊN VÀ CHỨC VỤ NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

- Đỗ Xuân Hùng** - Trưởng nhóm quản lý làng Ngòi
Phạm Vũ Quyết - Cán bộ kế hoạch dự án Việt Nam - Thụy Điển
Nguyễn Hồng Sơn - Cán bộ quản lý làng Ngòi
Nguyễn Thị Thuỷ - Cán bộ quản lý làng Ngòi
Bùi Hùng - Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã Mỹ Bằng
Đồng Thị Mỹ - Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
Phạm thị Lệ - Nhóm khuyến nông lâm huyện Yên Sơn
Nguyễn Thị Hương - Cán bộ nhóm quản lý xóm Đầu Núi
Nguyễn Văn Đạo - Trưởng nhóm quản lý xóm Đầu Núi

MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LAN RỘNG Ở TỈNH TUYÊN QUANG

Phạm Vũ Quyết
Trung tâm KN Tuyên Quang

Mở đầu

Từ năm 1995, một số dự án tỉnh nằm trong chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển đã thử nghiệm một mô hình lan rộng các hoạt động khuyến nông mà cách làm này đã trở thành một khái niệm chung là **khuyến nông lan rộng**. Nội dung cơ bản của việc lan rộng thể hiện qua công tác khuyến nông được bắt đầu triển khai ở một số thôn điểm đã được lựa chọn kỹ lưỡng trong mỗi xã. Sau đó qua một thời gian khi mà năng lực của địa phương đã được củng cố, các hoạt động này sẽ được lan sang các thôn mới lân cận nhờ quá trình khuyến nông thôn nọ học tập thôn kia và người nông dân này học theo người nông dân khác.

Ý tưởng khuyến nông lan rộng được hình thành đầu tiên sau khi đã được thảo luận tại cuộc họp đánh giá giữa kỳ của Chương Trình Hợp Tác Lâm Nghiệp Việt Nam - Thụy Điển (FCP) năm 1994. Từ sau đó, FCP đã tiến hành PRA và thực thi các hoạt động khuyến nông tại khoảng gần 1% số thôn bản (trong tổng số 7500 thôn) của 5 tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang và Vĩnh Phú.

Vấn đề đã được nhận thấy rằng nếu như phương pháp đã thử nghiệm tại các thôn điểm mang lại kết quả rõ ràng và giữ được ảnh hưởng của nó trong việc mở rộng các hoạt động trong hệ thống mới của nhà nước thì việc tìm ra cách lan rộng và sử dụng PRA trên địa bàn lớn hơn được coi là rất cần thiết. Quan điểm này rõ ràng là đã được nêu lên trong cuộc họp đặc biệt của đại diện SIDA về đánh giá các hoạt động khuyến nông của FCP vào đầu năm 1994:

“Cho đến nay không thấy có những bằng chứng xác thực về cách tiến hành PRA ở qui mô điểm có thể được triển khai ở qui mô rộng hơn mà không cần có sự đầu tư của cán bộ dự án hay cơ quan nhà nước như là đã được đầu tư ở các thôn điểm”.

“Đoàn đánh giá nhận thấy, về phạm vi lâu dài, năng lực của cấp thôn bản cần phải được củng cố nâng cao đủ mạnh để xác định được những yêu cầu của chính thôn bản họ và phối hợp được với các cơ quan nhà nước hay tư nhân để đáp ứng được những yêu cầu đó. Mục tiêu lâu dài này đem lại giá trị về cả hai mặt nâng cao hiệu quả cho thôn bản và có thể đóng góp kinh phí cùng với nhà nước trong việc đầu tư cho thôn bản”.

"Hiện tại các hoạt động đã được thiết lập ở qui mô thôn điểm, nhưng dự án cần phải đề cập đến câu hỏi làm thế nào để đạt được tới mục tiêu lâu dài mà không đòi hỏi mức đầu tư cao không chấp nhận được từ cán bộ nhà nước trong phạm vi mục tiêu ngắn hạn và trung bình. Điều này cần phải làm để chống lại tình trạng đòi hỏi cao về tài chính đối với cơ quan nhà nước”.

Quan điểm này cũng đã được sự ủng hộ thêm như trong báo cáo sơ kết giữa kỳ của Chương Trình Hợp Tác Lâm Nghiệp tổ chức vào cuối năm 1994:

“Sử dụng PRA làm điểm khởi đầu cho công tác khuyến nông biểu lộ được sự ủng hộ nhiều của những người tham gia và lãnh đạo các cơ quan nhà nước. Điều quan trọng là với việc thành lập một tổ chức ở cấp thôn bản (Nhóm quản lý thôn) để tiếp tục hỗ trợ cho quá trình phát triển đã được xác định thông qua PRA thể hiện một nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững”.

Tuy nhiên, bản báo cáo cũng nhấn mạnh rằng chương trình cũng phải đương đầu với những vấn đề chính như tính bền vững, khả năng lặp lại cũng như tính hiệu quả kinh tế của phương pháp tiếp cận này. Một số hướng chiến lược nhằm mở rộng sự áp dụng đó cần phải được thử nghiệm bao gồm:

- Lựa chọn một cách hệ thống các thôn điểm để tiến hành PRA bước 1 trong mỗi khu vực được lựa chọn.
- Phát động quá trình mở rộng từ thôn này sang thôn khác
- Bổ sung kinh nghiệm lan rộng thông qua phương tiện thông tin hiện đại và kỹ năng giáo dục quần chúng.

Với cách này, một số lượng lớn các thôn “điểm mẫu” làm PRA có thể được xây dựng, để thông qua PRA gắn các hoạt động khuyến nông phù hợp với thực tế của thôn bản, tạo cho hoạt động khuyến nông không hoàn toàn phụ thuộc vào quá trình PRA.

Yêu cầu đề xuất ra được một giải pháp tích cực cho sự đòi hỏi này đã trở thành một nhân tố khuyến khích quan trọng cho sự phát triển liên tục hướng tiếp cận của khuyến nông từ năm 1994 đến nay. Bài trình bày này nêu lên những kinh nghiệm và phương pháp khuyến nông lan rộng đã thu được ở tỉnh Tuyên Quang nơi mà ý tưởng về khuyến nông lan rộng đã được hình thành đầu tiên.

Vì sao cần phải tiến hành phổ cập lan rộng?

- Hệ thống khuyến nông nhà nước chưa với tới được tất cả nông dân ở tất cả các thôn bản. Do vậy, việc huy động người dân và các tổ chức địa phương tham gia vào việc mở rộng công tác khuyến cáo và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp thông qua mạng lưới hoạt động ở địa phương là rất cần thiết.
- Hầu hết các dự án phát triển (Như là Chương Trình Phát Triển Nông Thôn Miền Núi) bắt đầu triển khai bằng việc thử nghiệm các hướng tiếp cận và phương pháp khuyến nông ở một vài điểm “mẫu”. Qua một thời gian, nếu như hướng tiếp cận đó có kết quả tốt thì việc tìm ra cách mở rộng ra những điểm mới khác một cách bền vững và có hiệu quả kinh tế là việc làm cần thiết.

Sự phát triển ban đầu của hướng tiếp cận khuyến nông trong Chương Trình MRDP

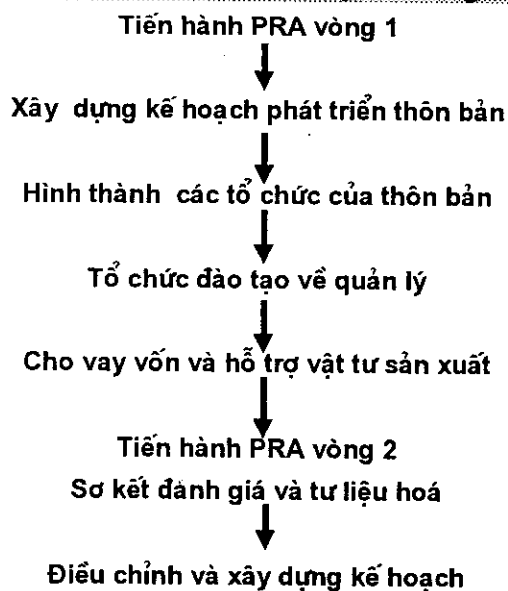
Trong hai năm đầu 1991-1993

- Một phương pháp khuyến nông mới (Dựa trên PRA) được thử nghiệm ở một số thôn điểm trong vùng cao, xa xôi hẻo lánh của các đồng bào dân tộc ít người.
- PRA được xem như là bước khởi đầu cho các hoạt động khuyến nông (nhưng các công cụ còn nghèo nàn về nội dung và phần lớn được trực tiếp tiến hành bởi cán bộ của tỉnh)
- Tiếp sau PRA là các hoạt động đào tạo và cung cấp các hỗ trợ về vật tư sản xuất chủ yếu cho việc trồng cây lâm nghiệp và cây ăn quả.
- Chưa có công tác theo dõi đánh giá và tư liệu hoá các hoạt động từ PRA.
- Giai đoạn này, dự án mới tiến hành các hoạt động trong phạm vi 4 thôn bản nằm trong 2 xã.

Giai đoạn từ 1994-1996

- Dự án đã được ổn định về cả hai mặt phương pháp tiến hành và tổ chức dự án
- Đến giữa năm 1996, các hoạt động khuyến nông đã được tiến hành ở 20 thôn điểm mới nằm trong 6 xã mới.
- PRA vẫn được coi là công cụ hữu hiệu nhờ đã được cải tiến và quá trình theo dõi quản lý mới đã được tổng kết tư liệu hoá.
- Hoạt động của dự án đã được mở rộng bao gồm: các loại cây trồng ngắn ngày, chăn nuôi, xây dựng mô hình và xây dựng cơ sở hạ tầng qui mô nhỏ ở thôn bản.
- Trách nhiệm tiến hành PRA dần dần đã được phi tập trung hoá bằng cách chuyển giao cho cấp huyện và thôn bản tiến hành.
- Nhu cầu về khuyến nông tăng lên trong các thôn mới. Các thôn cũ đã có khả năng và nhiệt tình trong việc hỗ trợ các thôn lân cận bằng các chuyến tham quan học tập lẫn nhau giữa thôn này và thôn khác, từ đó hình thành nên hình thức khuyến nông lan rộng.

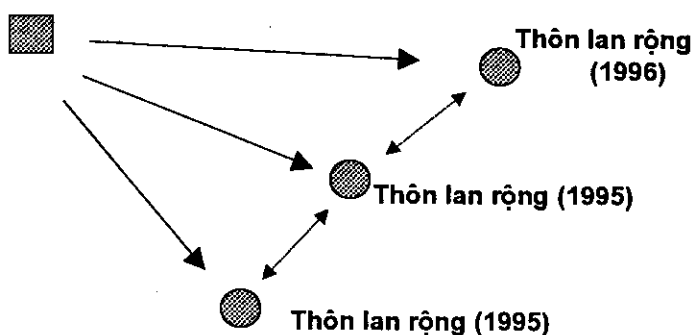
Trình tự các bước tổ chức khuyến nông thôn bản



Khái niệm về khuyến nông lan rộng

- Lan rộng là hình thức các nhóm quản lý thôn và các thôn cũ có kinh nghiệm hỗ trợ cho các thôn mới các phần việc như: Tiến hành PRA, đào tạo về quản lý và hỗ trợ một số vật tư SX.
- Dự án bắt đầu triển khai tại các thôn điểm đã được lựa chọn kỹ lưỡng. Khi các thôn điểm đã phát triển khả năng đủ mạnh chúng có thể giúp đỡ và hỗ trợ các thôn lân cận

Thôn điểm (1994)



- Tất cả các thôn mở rộng sẽ là thành viên của nhóm thôn bản (về mặt tổ chức, xây dựng kế hoạch và theo dõi giám sát). Nhóm quản lý thôn bản của thôn điểm là mối liên hệ chủ yếu để nhận sự giúp đỡ hỗ trợ.
- Bằng cách này, xã có thể sử dụng tốt lực lượng cán bộ của mình để xây dựng mạng lưới khuyến nông của xã với sự tham gia và có trách nhiệm của người dân.

Nhóm các thôn bản

Trong một xã có nhiều thôn khác nhau. Những thôn này có thể được phân chia theo các nhóm thôn dựa theo các tiêu chuẩn sau:

- Có cùng chung khu vực và vị trí địa lý
- Có chung hệ thống giao thông
- Cùng trong vùng kinh tế
- Cùng nhóm dân tộc
- Có mối quan hệ và sự hiểu biết lẫn nhau
- Được chính quyền xã và quần chúng trong thôn bản chấp nhận

Những thôn điểm

- Trong mỗi nhóm thôn chọn một thôn làm thôn điểm
- Thôn điểm này tiến hành đầy đủ các bước của PRA và nhận sự giúp đỡ của dự án
- Các thôn khác trong nhóm có thể tham quan học tập và nhận sự hỗ trợ của thôn điểm
- Xây dựng các mô hình trình diễn và thành lập tổ chức quản lý thôn tại thôn điểm
- Từ thôn điểm, dần dần mở rộng các hoạt động của dự án sang các thôn khác trong cùng nhóm thôn và sau cùng tiến hành PRA theo qui mô toàn xã.

Lựa chọn các thôn điểm

- Dự án bắt đầu triển khai tại các thôn điểm đã được lựa chọn kỹ lưỡng. Khi các thôn điểm đã phát triển khả năng đủ mạnh chúng có thể giúp đỡ và hỗ trợ
- Tình nguyện tham gia chương trình và được sự chấp nhận của chính quyền địa phương
- Đại diện cho nhóm dân tộc hoặc khu vực kinh tế của tỉnh
- Không có các dự án khác có cùng mục tiêu hoạt động trên địa bàn của xã

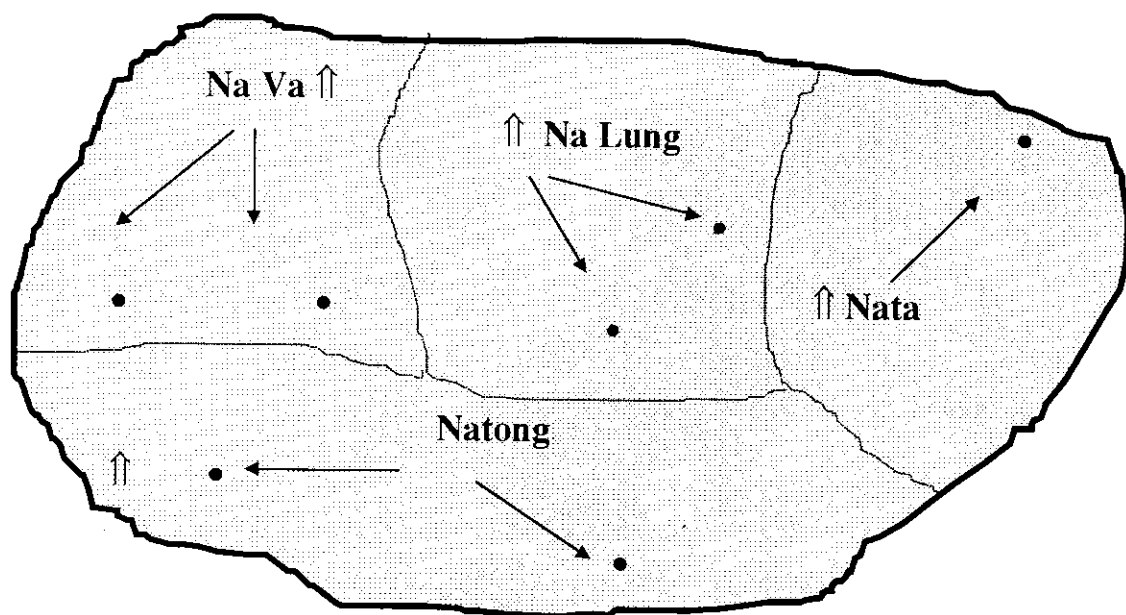
Thôn điểm trong nhóm thôn cần phải đạt được các yêu cầu sau:

- Có lực lượng lãnh đạo tốt mà có khả năng hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật tới các thôn khác
- Đại diện về mặt địa lý cũng như nhóm dân tộc trong mỗi nhóm thôn
- Có hệ thống giao thông và điều kiện đi lại dễ dàng tới các thôn khác
- Có kinh nghiệm trong sản xuất và cần phải có hệ thống sản xuất mang tính điển hình
- Có mong muốn và nhiệt tình trong việc hỗ trợ các thôn khác khi cần thiết
- Phải có tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động của mình, được sự nhất trí của nhân dân trong thôn và chấp nhận của chính quyền xã

Những điều kiện đối với các thôn lan rộng

- Việc lan rộng hoạt động khuyến nông sang các thôn khác cần đợi ít nhất sau một năm (sau một chu kỳ PRA ở các thôn điểm) để nhóm quản lý thôn điểm có khả năng tiến hành công tác lan rộng
- Những mô hình có hiệu quả trong thôn điểm đã bắt đầu có ảnh hưởng tới các hộ và các thôn khác trong nhóm thôn
- Các thôn mới trong nhóm thôn bắt đầu thấy sự cần thiết và mong muốn tham gia vào hoạt động dự án
- Thôn điểm bắt đầu hỗ trợ các thôn mới nhằm giúp đỡ họ tự quản các hoạt động trong thôn
- Không tổ chức các nhóm quản lý thôn ở các thôn lan rộng. Thường thường trưởng thôn của các thôn này được coi là một thành viên tham gia vào quản lý dự án cùng với nhóm quản lý thôn bản của thôn điểm
- Thôn điểm cần có khả năng quản lý và tự điều hành các hoạt động của dự án
- Chính quyền địa phương xã cần chú ý động viên được mọi nguồn lực để hỗ trợ cho hoạt động dự án ở trong thôn
- Nhóm quản lý thôn của các thôn cũ cần sẵn sàng hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm đối với các thôn lan rộng ít nhất trong thời gian một năm

**Ví dụ về khuyến nông lan rộng tại xã Thượng Lâm,
huyện Na Hang, Tuyên Quang**
(Toàn xã có 11 thôn được chia làm 4 nhóm thôn)



↑↑ Làng điểm

• Làng mở rộng

Các bước tiến hành phương pháp khuyến nông lan rộng

Bước 1:

- Phân chia các nhóm thôn trong xã theo các tiêu chuẩn đề ra
- Không hạn chế số lượng thôn trong mỗi nhóm thôn
- Có thể có từ 4-8 nhóm thôn trong mỗi xã

Bước 2:

- Lựa chọn thôn điểm trong mỗi nhóm thôn theo các tiêu chuẩn để chọn lựa thôn điểm

Bước 3:

- Tiến hành đầy đủ các bước PRA ở thôn điểm
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và kế hoạch phát triển thôn bản đến năm 2000
- Thiết lập hệ thống tổ chức quản lý dự án (Nhóm quản lý thôn, các nhóm sở thích...)

Bước 4:

- Tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện để chuyển giao kiến thức, kỹ thuật cho các nhóm quản lý thôn và nông dân
- Xây dựng các mô hình trình diễn về các tiến bộ kỹ thuật và phát triển kinh tế hộ gia đình
- Cung cấp vốn tín dụng cho nông dân phát triển sản xuất

Bước 5:

- Sơ kết và củng cố năng lực của các nhóm khuyến nông
- Xác định các kết quả và ảnh hưởng của dự án cũng như các nhu cầu của các thôn khác trong nhóm thôn mong muốn tham gia dự án như:
 - Kinh nghiệm, kỹ năng tổ chức quản lý cũng như năng lực trong việc chuyển giao kinh nghiệm của nhóm quản lý thôn điểm đã đạt yêu cầu chưa?
 - Các mô hình đã đủ sức thuyết phục chưa?
 - Các tổ chức nhóm có đủ sức mạnh và thống nhất chưa?
 - Các thôn lân cận có tự nguyện tham gia hay không?

Bước 6: Lan rộng ra các thôn khác trong cùng nhóm thôn

- Lập báo cáo gửi các cấp chính quyền xã, huyện. Xây dựng qui ước về việc cùng chia sẻ nguồn lực (Bao gồm: Cây giống, đào tạo, vốn tín dụng tiết kiệm...) giữa 2 thôn trong quá trình khuyến nông lan rộng. Chuyển giao kiến thức về mục tiêu của dự án và về tổ chức cho các thôn mới
- Tiến hành PRA ở thôn mới (do nhóm quản lý thôn của thôn điểm tiến hành)
- Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất mới của thôn
- Dựa vào trưởng thôn để theo dõi và giúp đỡ thôn mới trong việc động viên nguồn lực sẵn có của địa phương và sự hỗ trợ của dự án hay các tổ chức khác.
- Sơ kết và điều chỉnh sự hỗ trợ để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm. Tiếp tục hỗ trợ giúp đỡ các thôn khác trong nhóm thôn.

**Một số hình thức giúp đỡ của nhóm quản lý thôn điểm
cho các thôn mới (năm đầu tiên)**

- Giúp đỡ trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động một cách cụ thể và chi tiết.
- Giúp đỡ về mặt tổ chức:

☆ Vai trò và trách nhiệm của trưởng thôn

☆ Hình thành các nhóm sở thích và đề ra các hoạt động

- Trợ giúp một số hoạt động đào tạo
- Trợ giúp việc thành lập hệ thống tín dụng và tiết kiệm
- Giải thích các qui chế về mọi hoạt động của dự án
- Giúp đỡ trong việc theo dõi giám sát và viết báo cáo
- Giúp việc tổ chức sơ kết hàng năm và thực hiện xây dựng kế hoạch vòng 2.

**So sánh giữa cách làm PRA vòng 1
và làm PRA lan rộng**

PRA vòng 1 (đầy đủ các bước)	PRA lan rộng
• cần làm trong 4-5 ngày • Chi phí cao (4-5 triệu đồng cho mỗi thôn) • Cần nhiều sự giúp đỡ về mặt thời gian và nguồn lực của các cán bộ tỉnh, huyện. • Lãnh đạo làm PRA và xây dựng kế hoạch do các cán bộ khuyến nông đảm nhận	• Mất 3-5 ngày để tiến hành • Giảm được chi phí (1 triệu đồng cho một thôn nhờ có sự đóng góp của nông dân) • cán bộ thôn chịu trách nhiệm chính tiến hành hoạt động (cán bộ của huyện chỉ theo dõi và hỗ trợ khi cần thiết) • Giảm bớt sự tác động và hỗ trợ từ bên ngoài. Mở rộng các ý kiến đóng góp thảo luận • Nhanh chóng triển khai được các hoạt động của dự án • Thành lập các tổ chức địa phương dễ dàng hơn

Tổng kết kinh nghiệm và điều kiện để bảo đảm sự thành công

- Phương pháp khuyến nông lan rộng đã được thử nghiệm bởi Dự án Phát Triển Nông Thôn Miền Núi ở tỉnh Tuyên Quang từ năm 1995 với sự ủng hộ tích cực của chính quyền địa phương ở thôn bản và xã.
- Phương pháp khuyến nông lan rộng là cách dễ dàng mở rộng các hoạt động khuyến nông và các hoạt động của dự án tới tất cả các thôn trong một thời gian ngắn nhất vì nó tập trung vào việc xây dựng các mô hình trình diễn.
- Phương pháp là phù hợp vì tạo ra sự tận dụng tối đa nguồn lực tại chỗ và khả năng của thôn để mở rộng kết quả ra các thôn khác và các hộ nông dân khác trên cơ sở tự nguyện, bền vững và cách làm đơn giản.
- Thông qua cách tiến hành này, mạng lưới khuyến nông rộng rãi của xã từng bước được xây dựng, người dân địa phương đã có kỹ năng tốt thì họ có khả năng đảm đương trách nhiệm cung cấp sự hỗ trợ giúp đỡ cho người nông dân khác kể cả khi dự án đã kết thúc.
- Chi phí và thời gian của PRA lan rộng (từ thôn này sang thôn khác) được giảm xuống so với PRA đầy đủ và hiệu quả của PRA cũng cao hơn bởi vì nó được tiến hành bởi chính người dân địa phương
- Mặc dù vậy, cần phải tăng cường công tác đào tạo và có những sự hỗ trợ hữu hiệu cho các nhóm quản lý thôn. Đào tạo huấn luyện là khâu then chốt để bảo đảm thành công. Khuyến nông lan rộng cũng cần có sự hỗ trợ toàn diện của cấp chính quyền xã để bảo đảm cho sự thành công.
- Một số xã và thôn sẵn sàng có khả năng tiến hành khuyến nông lan rộng nhanh và dễ dàng hơn các thôn khác. Thậm chí có nơi có khả năng tiến hành rất nhanh. Do vậy yêu cầu về mức độ giúp đỡ từ bên ngoài cũng khác nhau tùy từng địa phương.
- Hệ thống tổ chức quản lý cần phải được xây dựng đủ mạnh nhưng cũng không nên quá cồng kềnh, phức tạp.
- Phương pháp khuyến nông lan rộng thực hiện ở vùng cao có nhiều khó khăn hơn vì các thôn bản ở xa nhau hơn.
- Đây là một phương pháp mới trong đó mang tính năng động, sáng tạo và linh hoạt. Tuy nhiên cần thiết phải tư liệu hoá, sơ kết, tổng kết để rút ra bài học kinh nghiệm để làm cho phương pháp này ngày càng mang lại hiệu quả cao hơn.

**PHÁT TRIỂN PHƯƠNG PHÁP
KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM**

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN (PRA) VÀ VIỆC ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

Phạm Nguyên Khôi - Helvetas Vietnam

Lời giới thiệu

Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA), đã được áp dụng từ những năm cuối của thập kỷ 80 tại nhiều nước đang phát triển, cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển trên cơ sở xác định các nhu cầu của các cộng đồng.

Cuối năm 1991, phương pháp này đã được Chương trình Hợp tác Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam - Thụy Điển đưa vào thử nghiệm, điều chỉnh và áp dụng ở năm tỉnh: Vĩnh Phú, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang và Hà Giang. Hiện nay phương pháp PRA đã được áp dụng trong nhiều chương trình, dự án phát triển nông thôn/thành thị, với nhiều chủ đề khác nhau ở các điều kiện khác nhau về kinh tế và văn hoá xã hội.

Với kinh nghiệm thực tế của 5 năm hoạt động trong chương trình SIDA và 2 năm làm việc tại tổ chức Hevetas - Hiệp hội của Thụy Sĩ cho hợp tác quốc tế. Cùng với các đồng nghiệp và người dân, bản thân đã tham gia vào việc vận dụng cải tiến phương pháp PRA trên nhiều địa bàn của các tỉnh vùng SIDA, tỉnh Cao Bằng, tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng. Trong khuôn khổ báo cáo này tôi xin nêu một số nội dung cơ bản về nguyên tắc của phương pháp PRA và những điều bản thân quan sát, học tập được thông qua hoạt động hiện trường.

Phương pháp có sự tham gia

Hiện nay trên thế giới có nhiều khái niệm khác nhau để chỉ các **phương pháp có sự tham gia** như: Đánh giá nhanh nông thôn (RRA), Đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA), Học tập có sự tham gia (PLM), Tham gia phát triển kỹ thuật công nghệ (PTD) và Tham gia học tập và hành động (PLA)... Mục tiêu chung của các phương pháp này là thu hút, tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân địa phương và các đối tượng có liên quan vào các hoạt động phát triển, trong suốt quá trình từ khởi đầu tới khi kết thúc.

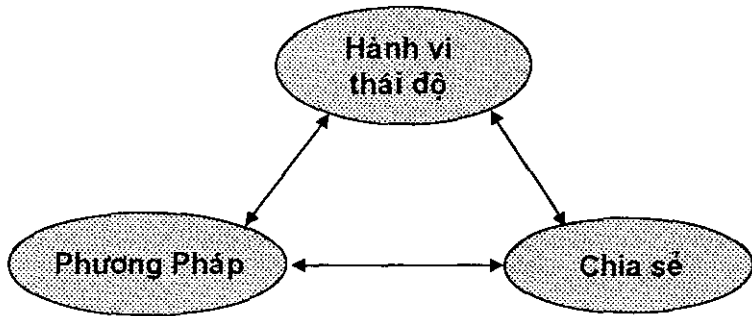
Tại Việt Nam trong cách mạng dân chủ nhân dân Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng phương sách **Ba cùng (Cùng ăn, Cùng ở, Cùng làm)**. Hiện nay trong công cuộc đổi mới Nhà nước, Quốc hội luôn nhấn mạnh phương châm (**Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra**). Do vậy PRA không phải là duy nhất cho **phương pháp có sự tham gia** và PRA nên được hiểu là **một quá trình** chứ không phải là **một sự kiện**.

Nguyên tắc của phương pháp PRA

Phương pháp PRA khác với RRA là nó chuyển từ việc khai thác, thu thập, phân tích các thông tin do người ngoài khởi xướng, chủ trì, sang việc trao quyền, tăng cường khả năng cho người dân địa phương làm công việc đó. Người ngoài chỉ đóng vai trò là người làm nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi (Làm xúc tác) cho người dân địa phương là người khởi xướng và chủ trì việc đánh giá các điều kiện của họ để xây dựng kế hoạch hành động. Nên ngoài các nguyên tắc của RRA, PRA còn có thêm các nguyên tắc (Chamber, R, 1997) mà người ngoài/ người xúc tác cần phải làm như sau:

- **Trao que (bút hoặc phấn):** Làm xúc tác cho quá trình điều tra, phân tích, trình bày và học tập lẫn nhau của nội bộ người dân địa phương, để họ tự tạo ra và làm chủ các kết quả. Điều này đòi hỏi sự tự tin rằng **"họ có thể làm được"**, người dân địa phương có khả năng làm bản đồ, sa bàn, xếp hạng, cho điểm, lập các biểu đồ, phân tích, lập kế hoạch và hành động. Người ngoài chỉ làm nhiệm vụ xúc tác, gợi ý các bước của công việc trình bày, phân tích sau đó họ lùi về phía sau và im lặng.
- **Tự giới hạn sự hiểu biết của bản thân.** Người làm xúc tác phải liên tục biết giới hạn các hành vi của bản thân bao gồm: Việc chấp nhận và đi theo cái sai như là một cơ hội để học tập, không sợ sai, luôn tìm hãm các hành vi bột phát bất lợi
- **Cá nhân chịu trách nhiệm:** Người làm PRA cần hướng tới chịu trách nhiệm cá nhân về cái gì đã xảy ra hơn là cậy, dựa vào quyền lực của các qui tắc khắt khe hoặc của sách vở (Peter, 1989)
- **Chia sẻ:** Chia sẻ các thông tin, các ý tưởng giữa người dân địa phương với nhau, giữa họ với người làm xúc tác và giữa các xúc tác viên với nhau.

Những nguyên tắc trên của PRA chủ yếu là yêu cầu về bản thân người làm xúc tác, để có thể làm việc với thái độ - hành vi và sự tự nhận biết đúng đắn. Mọi cố gắng của PRA là làm thế nào để người ngoài có thể hòa đồng và tác động qua lại với người dân địa phương. Trên thực tế phương pháp PRA dựa vào 3 nền tảng cơ bản là: Hành vi - Thái độ; Phương pháp; Sự chia sẻ (xem hình 1)



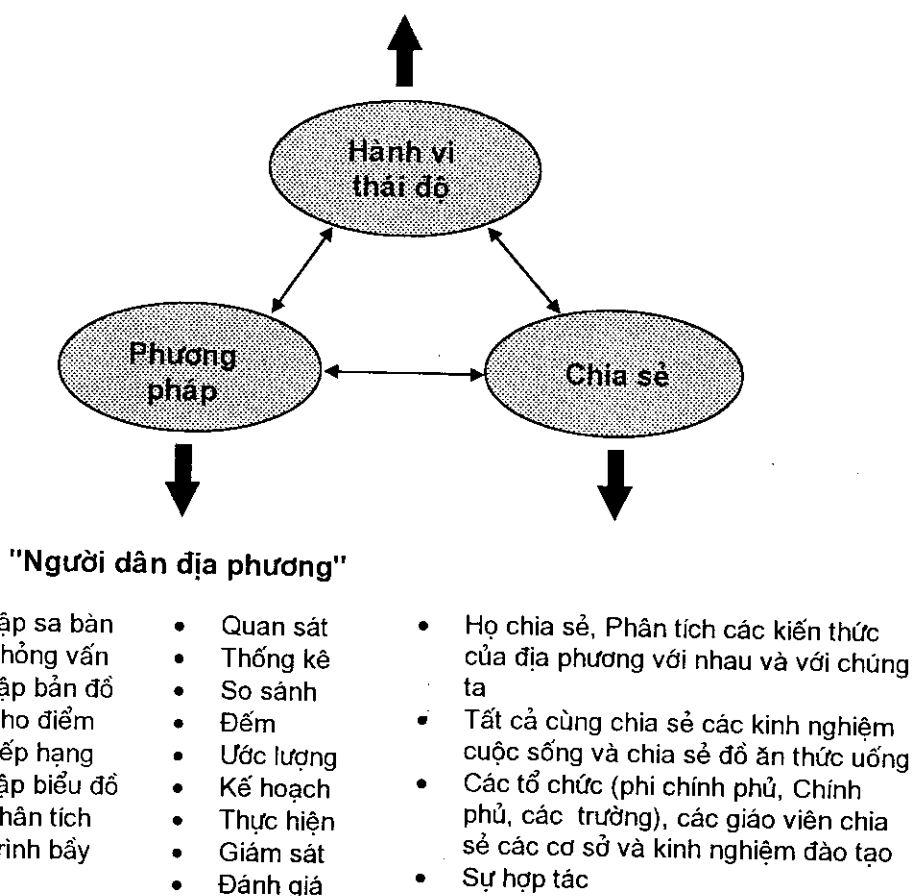
Hình 1. Ba nền tảng của PRA (Chamber.R, 1997)

Ba nền tảng cơ bản trên có quan hệ mật thiết với nhau, đóng vai trò quan trọng như nhau, không thể chỉ coi trọng phương pháp mà không cần thái độ và sự chia sẻ và ngược lại.

Phương pháp PRA được đứng vững trên một mục tiêu chung là **quá trình học tập lẫn nhau**, nên khi áp dụng phương pháp PRA, **kiến thức của người dân địa phương** được xác định là xuất phát điểm để những người ngoài (nhà kế hoạch, nhà quản lý/ hành chính) học tập người dân địa phương, thông qua việc sử dụng các phương pháp phù hợp, đã được địa phương hóa. Nhiệm vụ chính của người ngoài là học tập, gợi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình (Làm xúc tác) cho người dân địa phương có các khả năng: điều tra; chia sẻ, trao đổi kiến thức với người ngoài, phân tích, trình bày, lập kế hoạch và là người chủ thật sự của kế hoạch đó. Chính bởi vậy nên phương pháp này đã khích lệ những người không biết chữ trong cộng đồng (đa số người nghèo, người thiệt thòi) có thể tiến hành phân tích và hành động, như người Hmông, người Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc).

Chi tiết của nguyên tắc PRA: (xem hình 2)

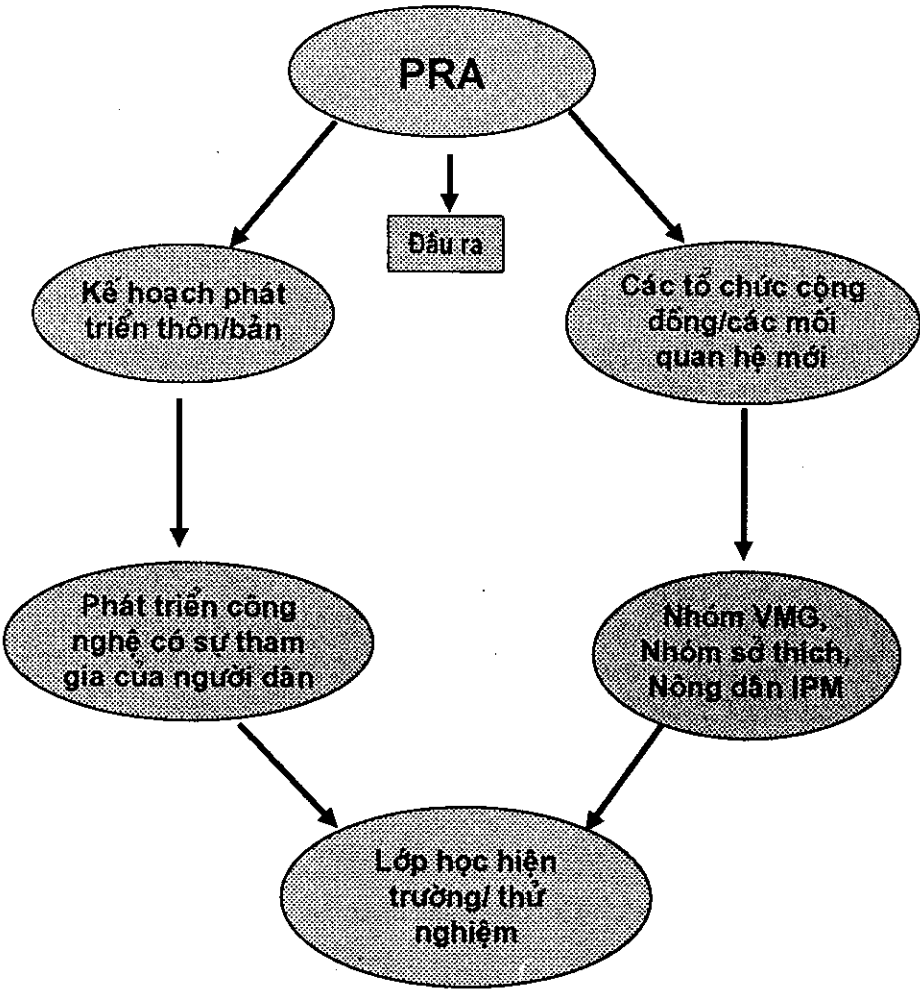
- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Trao gậy, bút / phấn • "Họ có thể làm được" • "Luôn phân xét về bản thân" • Ngồi xuống lắng nghe, kính nhường • Không học • Thư giãn | <ul style="list-style-type: none"> • Chấp nhận sai sót • Làm xúc tác • Không thúc dục • Luôn hỏi họ • Tạo sự vui nhộn • Gây thiện cảm với mọi người |
|---|---|



Hình 2. Chi tiết 3 nền tảng của PRA (theo Chambers, 1997)

Chi tiết về kết quả đầu ra của PRA ở Việt Nam

Hình dưới đây nêu kết quả của PRA, các kết quả này được nhiều tổ chức áp dụng tại Việt Nam (xem hình 3)



Hình 3. Đầu ra của PRA ở Việt Nam

Một số thí dụ minh họa việc áp dụng phương pháp PRA tại Việt Nam		
Lĩnh vực	Chương trình/ Dự án	Mục đích / Phạm vi ứng dụng
Lâm nghiệp / Vườn hộ / Sử dụng đất	* Phát triển nông thôn miền núi / SIDA (Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang)	Kế hoạch phát triển thôn/bản (cây trồng nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, tín dụng, Kế hoạch sử dụng đất cấp hộ, cấp cộng đồng) PRA vòng 2 / vòng 3 (Xây dựng kế hoạch hàng năm) PRA chuyên đề (Rừng phòng hộ, chăn nuôi thú y, giới, thị trường tiêu thụ sản phẩm)
	* Chương trình PAM (Hà Giang, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Bắc)	Kế hoạch phát triển lâm nghiệp cấp hộ, cấp cộng đồng (Lựa chọn loài cây, tạo cây, đào tạo kỹ thuật)
	* FAO/ Bỉ Quảng Ninh * Chương trình rừng phòng hộ Sông Đà / GTZ (Lai châu, Sơn la) * Carre quốc tế (Hà Bắc, Sơn La)	Xây dựng kế hoạch quản lý rừng phòng hộ Phát triển nông , lâm nghiệp cộng đồng Xây dựng kế hoạch sử dụng đất
	* Helvetas- Hỗ trợ LNXH ĐHLN Xuân Mai, Hỗ trợ sản xuất NLN Cao Bằng	Đào tạo lâm nghiệp xã hội / khuyến lâm Kế hoạch phát triển thôn/ bản (Cây trồng nông lâm nghiệp, chăn nuôi, thú y, thủy lợi nhỏ, nước sạch, IPM, Tín dụng)
	* Láng giếng thế giới * CISED / Bắc Thái	Phát triển nông lâm nghiệp cấp xã Đào tạo, xây dựng mạng lưới khuyến nông lâm, làng tự quản.
Giáo dục	* Phát triển giáo dục cơ sở cho đồng bào dân tộc miền núi Tiên Yên / Quĩ nhi đồng Anh	Xác định thực trạng và nhu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Tập huấn và đánh giá kết quả tập huấn
Y tế	* Chương trình sức khỏe cộng đồng Quảng Trị / Chữ thập đỏ / Hà Lan * Chương trình sức khỏe Long An , Thái Bình / Chữ thập đỏ Đan Mạch	Xác định nguyên nhân nghèo đói và mối quan hệ giữa nghèo đói với sức khỏe Xây dựng mạng lưới y tế cộng đồng Bảo vệ sức khỏe thông qua cải thiện điều kiện sống và môi trường
Thủy Lợi	* Chương trình phát triển nông thôn Quảng trị / Phần Lan * O xfam Anh	Thủy lợi và quản lý nguồn nước (Thủy lợi nhỏ, đề ngăn mặn...) Sự đóng góp của cộng đồng trong xây dựng và quản lý sử dụng các công trình.
Cơ sở hạ tầng nông thôn	* Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn QN-ĐN/ UNCDF	Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương (Xác định dự án, phân tích khả thi, thực thi và giám sát đánh giá dự án)

Những điều kiện cần thiết cho sự thành công của việc áp dụng PRA tại Việt Nam

Mặc dù phương pháp PRA có xuất xứ từ nước ngoài, song qua quá trình vận dụng sáng tạo ở Việt Nam nó đã được điều chỉnh phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội của ta trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển cộng đồng ở nông thôn / thành thị có sự tham gia của người dân địa phương. Trong những năm gần đây đã có rất nhiều các kinh nghiệm thực tế được đúc rút bởi các nhà kỹ thuật, các cán bộ hiện trường (bao gồm cả người dân địa phương) thuộc các ngành nghề và ở các vùng khác nhau trong cả nước. Dựa trên các kinh nghiệm thực tế của lĩnh vực này, cho thấy còn có một số hạn chế cần phải khắc phục, cũng như một số điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự thành công của việc áp dụng cách tiếp cận, phương pháp PRA tại Việt Nam trong tương lai, đó là:

Đào tạo và nâng cao năng lực

Đào tạo với chất lượng tốt là một trong các yếu tố cho sự thành công của việc sử dụng PRA. Nhu cầu đào tạo phải thực tế và dựa vào các kinh nghiệm trực tiếp, cụ thể, bởi vì không thể đào tạo các kỹ năng PRA chỉ bằng lý thuyết trên lớp học. Nó đòi hỏi sự thay đổi về hành vi, thái độ, nhận thức và kinh nghiệm thực tế. Nhất là khi phương pháp mới được giới thiệu và ứng dụng thì việc đào tạo cơ bản về các kỹ năng, kỹ xảo và quỹ thời gian là vô cùng cần thiết cho tất cả các thành viên tham gia để họ làm quen với các phương pháp và tự điều chỉnh lại các hành vi, thái độ phong cách làm việc cho phù hợp. Nếu không chú ý đào tạo cẩn thận, chu đáo cho người hướng dẫn và các cán bộ, nhân viên hiện trường, thì những người nông dân khi làm việc với họ sẽ không chấp nhận, hoặc không hiểu biết về cách tiếp cận, phương pháp PRA. Điều này sẽ làm giảm sự tham gia của dân về cả số, chất lượng và kết quả của PRA, của các kế hoạch phát triển sẽ không tốt, nghèo nàn. Xây dựng năng lực của các cơ quan làm công tác đào tạo đang là một nhu cầu được ưu tiên hiện nay. Với sự hỗ trợ của chính phủ Thụy Sĩ, ***Chương trình lâm nghiệp xã hội*** bao gồm trường đại học Lâm nghiệp Xuân Mai cùng bốn khoa Lâm nghiệp của các trường đại học khác trong cả nước, đã đưa PRA vào chương trình giảng dạy của các khoá học ngắn và dài hạn. Trong tương lai những sinh viên này sẽ là lực lượng nòng cốt trong khuyến lâm Việt Nam về phương pháp PRA.

PRA là một quá trình lâu dài

Một số cán bộ, nhân viên và một số tổ chức còn quan niệm rằng chỉ cần đánh giá có sự tham gia của người dân (PRA) một lần để xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng khi bắt đầu dự án, chương trình là đủ. Song trong thực tế thì những điều gì xảy ra sau khi bản kế hoạch ban đầu được xây dựng cũng đóng vai trò quan trọng không kém gì các vấn đề đã nêu ra. Ví dụ do sự thay đổi chính sách của địa phương, nhà nước về nhận thức của dân, về vấn đề tiêu thụ sản phẩm hoặc về điều kiện tự nhiên... dẫn đến sự thay đổi về nhu cầu của người dân cho phát triển. Do vậy PRA chỉ là một bước của cả chu trình của các hoạt động. Sự theo dõi có hiệu quả, công tác đào tạo cần phải được sắp xếp và hỗ trợ kịp thời, thoả đáng bởi các đơn vị tổ chức hữu quan. Ngoài ra theo kinh nghiệm của một số dự án đã sử dụng PRA nhiều năm liên tục, cho thấy các kỹ năng xây dựng kế hoạch tốt hơn và chất

lượng bản kế hoạch đạt cao hơn khi tiến hành PRA vòng 2, bởi tại vòng này PRA được sử dụng cho việc điều tra, đánh giá kết quả vòng 1, đồng thời xây dựng kế hoạch cho vòng 2. PRA chỉ có hiệu quả khi xác định nó là một quá trình học tập liên tục theo thời gian và không gian.

Sự theo dõi hỗ trợ trực tiếp cho PRA là cần thiết

Phương pháp PRA phải được điều chỉnh phù hợp với trình độ và khả năng của các cán bộ, nhân viên và người dân địa phương trong phạm vi khả năng sử dụng các nguồn lực để họ thực hiện các kế hoạch đề ra. Ví dụ không nên tiến hành PRA với lĩnh vực rộng quá (bao gồm nhiều chủ đề khác nhau như: trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy lợi...) khi dự án, tổ chức không thể theo dõi và hỗ trợ tiếp theo, bởi nó vượt quá khuôn khổ, phạm vi hỗ trợ của dự án, tổ chức. Điều này có nghĩa là các cán bộ khuyến nông khuyến lâm và người dân địa phương có thể chủ động tiến hành PRA theo khuôn khổ dự án hoặc do các nhu cầu công việc thường kỳ mà không phụ thuộc vào sự hỗ trợ của người ngoài. Do đó góp phần vào việc nâng cao khả năng áp dụng phương pháp PRA một cách bền vững của các cán bộ hiện trường và người dân địa phương trong việc lập kế hoạch phát triển cộng đồng khi mà không còn các dự án tài trợ.

Sự linh hoạt và tính thích ứng trong áp dụng phương pháp là cần thiết

Một số người quan niệm PRA là một cái gì đấy cố định, khuôn khổ, cứng nhắc, nên khi áp dụng nó thường máy móc, không linh hoạt. Trong các trường hợp này họ thường không quan tâm tới những nhu cầu thực tế của người dân địa phương, hoặc không quan tâm tới sự tham gia của người dân trong suốt quá trình. Trong sự đa dạng về các điều kiện kinh tế - văn hoá xã hội của cả nước, một vấn đề rất quan trọng là phương pháp phải được điều chỉnh để thích ứng với từng điều kiện cụ thể của địa phương nơi áp dụng. Muốn vậy phương pháp phải được chấp nhận, được điều chỉnh, bổ sung của người dân địa phương bởi sự tham gia của họ trong quá trình. Có như vậy mới khuyến khích người dân địa phương lựa chọn các công cụ phù hợp với điều kiện của họ, để họ xây dựng các kế hoạch thật sự xuất phát từ nhu cầu của chính họ cho các mục tiêu phát triển do họ đề ra.

Ví dụ sử dụng các công cụ có nhiều bảng biểu viết trên giấy, trên tường ở các cộng đồng có tỷ lệ người biết chữ cao, thường là các cộng đồng ở vùng trung du, đồng bằng. Trong khi đó các công cụ trực quan (bản đồ, sa bàn, biểu đồ...) lại được đánh giá cao, có hiệu quả hơn tại các cộng đồng có tỷ lệ người không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông cao, thường là các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Nên sử dụng PRA cho cả việc phát triển các tổ chức ở địa phương

PRA không chỉ là phương pháp tốt cho việc lập kế hoạch từ dưới lên có sự tham gia của người dân, mà còn hỗ trợ rất tích cực, hữu hiệu cho việc thiết lập, xây dựng và củng cố các mối quan hệ, các tổ chức có liên quan, nhất là các tổ chức của cộng đồng như: nhóm quản lý dự án thôn bản (VMG), nhóm khuyến nông lâm viên, nhóm sở thích, nông dân nông cốt (IPM, mô hình), nhóm tín chấp... là các tổ chức tự nguyện được dân chọn bầu, thay mặt dân quản lý dự án, quản lý các hoạt động

phát triển cộng đồng. Do vậy việc xây dựng kế hoạch và phát triển tổ chức phải luôn luôn đi với nhau trong cả quá trình phát triển của cộng đồng.

Tạo sự tham gia của các nhà kế hoạch và chính sách vào PRA

Phương pháp PRA đã được các nhà chuyên môn, các cán bộ hiện trường biết đến và áp dụng. Tuy nhiên PRA vẫn chưa thu hút được sự quan tâm, chú ý của các nhà kế hoạch và các nhà xây dựng chính sách. Sự thay đổi chính sách của nhà nước ta hiện nay đã làm cho kinh tế hộ gia đình và kinh tế cộng đồng chuyển hướng rõ nét và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước nhà và đưa nền kinh tế từ bao cấp tập trung sang kinh tế thị trường và đa dạng. Trong hoàn cảnh như vậy PRA đóng góp phần cải tiến năng lực của người dân địa phương trong việc lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực (nhân lực và tài nguyên thiên nhiên) của địa phương và tự họ tìm ra được cái gì thật sự đáp ứng với nhu cầu của họ cho phát triển bền vững.

Việc sử dụng PRA ở các cơ quan, tổ chức địa phương (chính quyền địa phương)

Hiện nay PRA mới được sử dụng chủ yếu trong các dự án phát triển do nước ngoài tài trợ (chương trình chính phủ, dự án phi chính phủ). Một trong thách thức chính trong tương lai là tìm ra các phương cách sử dụng PRA để cải tiến hệ thống lập kế hoạch tại các địa phương. Kết quả ban đầu của PRA, ví dụ như **kế hoạch phát triển thôn bản** phải được các cơ quan, tổ chức (khuyến nông lâm, phụ nữ, hội nông dân, ngân hàng cho người nghèo...) của các chương trình, dự án (327, xóa đói giảm nghèo, dự án nhân đạo...) tôn trọng và sử dụng cho việc hỗ trợ đồng bộ cho người dân địa phương trong quá trình phát triển. Các chương trình dự án nên có một nguồn vốn linh hoạt để hỗ trợ cho các hoạt động được người dân đề xuất sau khi họ tiến hành PRA, có thể các hoạt động này nằm ngoài ý định ban đầu của các chương trình dự án, song nó lại được dân quan tâm và ưu tiên làm ngay. Được như vậy sẽ đảm bảo chắc chắn cho sự thành công của dự án về mặt lâu dài.

Lịch tiến hành PRA

Để chính quyền địa phương sử dụng có hiệu quả PRA, lịch tiến hành PRA cần phải phù hợp với lịch lập kế hoạch của địa phương. Mặc dù nhiều khi thời gian và mùa vụ có ảnh hưởng rất lớn đến việc tiến hành cũng như kết quả của PRA (ví dụ như tránh tiến hành PRA khi người dân quá bận rộn trồng cấy hoặc thu hoạch mùa màng...) Điều này có thể không phù hợp với lịch trình lập kế hoạch hàng năm của tỉnh cũng như của địa phương.

Bố trí nguồn vốn linh hoạt để hỗ trợ sau PRA

Bởi các kết quả của PRA thường xuất phát từ các nhu cầu đa dạng của người dân địa phương, Các nhu cầu ấy đòi hỏi sự hỗ trợ rất khác nhau từ nhiều cơ quan, tổ chức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Do vậy cần thiết có một nguồn vốn linh hoạt để hỗ trợ cho các hoạt động của kế hoạch phát triển cộng đồng. Một trong trở ngại chính hiện nay trong việc sử dụng PRA của các tổ chức khuyến nông nhà nước là thường rất cố định về nội dung kỹ thuật và nguồn ngân sách.

Kết luận

Trong quá trình áp dụng ở Việt Nam, phương pháp PRA đã thể hiện rất rõ nét các ưu điểm bởi các nguyên tắc và phương pháp. Song để việc sử dụng có hiệu quả hơn trong công tác khuyến nông, khuyến lâm còn là một quá trình và phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bởi lẽ đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật đơn thuần mà còn bao gồm cả vấn đề về con người, và xã hội. Do vậy sự đóng góp ý kiến của các vị đại biểu trong hội thảo lần này là rất quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình trên. Trong khuôn khổ một báo cáo chuyên đề, hy vọng các nội dung đề cập trên sẽ góp phần nhỏ bé cho việc thảo luận của các thành viên trong nhóm chuyên đề về phương pháp.

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THÔN BẢN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA TRONG CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kinh nghiệm từ hoạt động của Chương trình Phát triển Nông thôn
Miền núi Việt Nam - Thụy Điển)

Bùi Đình Toái

Trưởng bộ phận kỹ thuật MRDP

Nhận thức chung

Phát triển nông thôn là phạm trù rộng và vô cùng quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta và được Nhà nước quan tâm đặc biệt từ trước tới nay. Tuy nhiên, làm thế nào để huy động được một cách mạnh mẽ hiệu quả mọi nguồn lực (của cả người dân và nhà nước) vào quá trình phát triển nông thôn đạt hiệu quả cao đang thực sự là một vấn đề cần được nghiên cứu, thảo luận và đề xuất.

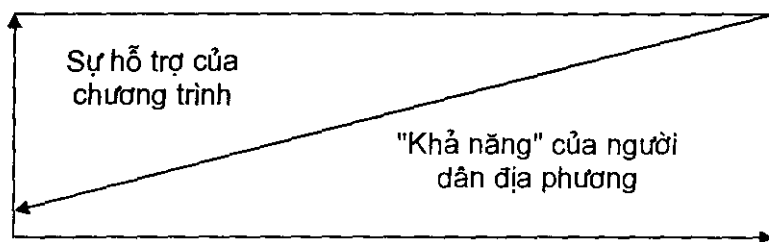
Chương trình phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP) là Chương trình Hợp tác phát triển giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ Thụy Điển. Chương trình được tài trợ bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển quốc tế (SIDA) của Chính phủ Thụy Điển, nhằm hỗ trợ việc phát triển nông thôn ở 5 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

MRDP được xây dựng trên những kinh nghiệm và thành quả của sự hợp tác phát triển lâu dài giữa Việt Nam - Thụy Điển trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Phát triển Nông thôn:

Từ năm 1991, trong hoạt động của Chương trình Hợp tác Phát triển Lâm nghiệp (FCP) và từ năm 1996, Chương trình Hợp tác Phát triển Nông thôn Miền núi (MRDP) với mục tiêu là tạo điều kiện giúp đỡ cộng đồng và các hộ nông dân Nghèo, hộ dân tộc ở nông thôn miền núi đạt được những kết quả mà họ mong muốn trong hoạt động Kinh tế - Xã hội góp phần xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông thôn miền núi, đã đưa vào thử nghiệm phương pháp có người dân tham gia trong mọi hoạt động của chương trình, trong quá trình xây dựng kế hoạch thôn, bản, để nhằm thực hiện ý tưởng của chương trình là: Người dân trong vùng thực sự mong muốn tham gia vào mọi hoạt động phát triển và thật sự nhận trách nhiệm về chính sự phát triển của họ.

Phát triển ở đây được xem là một quá trình mà qua đó, người dân địa phương học được cách điều khiển cuộc sống của mình và có khả năng giải quyết các vấn đề của riêng mình.

Quá trình học hỏi, khả năng điều khiển và khả năng giải quyết của người địa phương sẽ được chương trình và Nhà nước hỗ trợ tuân theo nguyên tắc giảm dần cùng với sự tăng dần khả năng trên của người dân:



Dựa vào ý tưởng trên, chương trình loại trừ hành vi "Ban phát" và "Làm thay" cho người dân vì ban phát và làm thay là những hành vi hoàn toàn trái với quan điểm phát triển của chương trình

Phương thức hoạt động phát triển nông thôn

Kinh nghiệm được đúc rút từ hoạt động của Chương trình Hợp tác Phát triển Lâm nghiệp và Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển từ năm 1991 đến nay cho thấy quá trình hoạt động phát triển nông thôn phải được thông qua 4 phương thức và thực hiện nó một cách tuần tự.

Phương thức xây dựng một cơ cấu về yêu cầu

Cơ cấu yêu cầu được xây dựng trên cơ sở quá trình lập kế hoạch phát triển thôn, bản và quá trình này phải được sự tham gia một cách tích cực và toàn diện của người dân, hay nói một cách khác đó là quá trình lập kế hoạch phát triển từ người dân (trái với phương pháp xây dựng kế hoạch phát triển nông thôn từ trên xuống) với mục tiêu của quá trình là phản ánh được toàn bộ yêu cầu của người dân một cách trung thực lên các cấp cao hơn, để sự hỗ trợ thiết thực, hiệu quả hơn cho quá trình phát triển thôn bản.

Người dân được sự hỗ trợ giúp đỡ của các cán bộ nhà nước (dự án) thực sự tham gia vào việc xây dựng một cơ cấu yêu cầu, thông qua lập kế hoạch phát triển thôn bản đây sẽ là điều kiện quan trọng để thực hiện khuyến nông theo phương thức từ người dân, hay khuyến nông theo yêu cầu của người dân nông thôn.

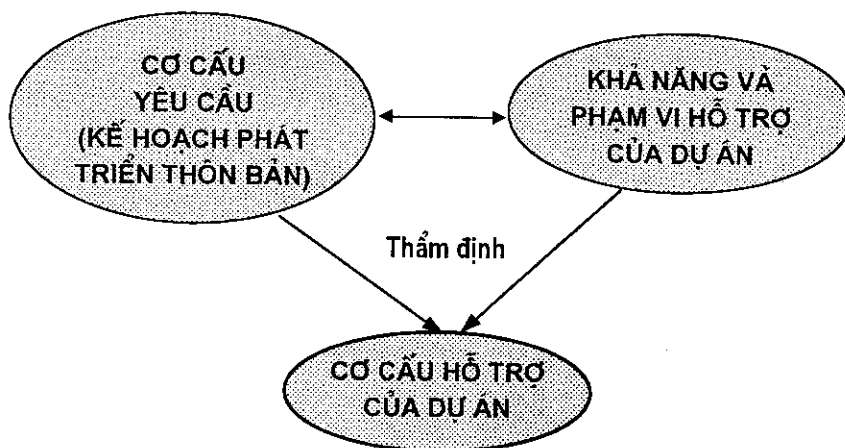
Phương thức xây dựng một cơ cấu hỗ trợ

Một cơ cấu hỗ trợ sẽ được xây dựng sau khi đã có một cơ cấu yêu cầu được xây dựng từ người dân thôn bản. Cơ cấu hỗ trợ là kết quả của một quá trình thẩm định trên cơ sở kết hợp giữa yêu cầu của người dân và khả năng phạm vi hỗ trợ của nhà nước hoặc của chương trình. Cơ cấu hỗ trợ của dự án phải được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc của quá trình phát triển:

- Phải trên cơ sở yêu cầu của người dân địa phương (yêu cầu được phản ánh trong kế hoạch phát triển thôn, bản do người dân đã xây dựng).
- Phải trên cơ sở khả năng và phạm vi hỗ trợ của dự án (thể hiện trên mục tiêu và thỏa thuận của nhà nước).

- Phải trên cơ sở chính sách hỗ trợ của dự án đã ban hành (công bằng nhưng có ưu tiên, không cho không, giảm dần theo khả năng phát triển của người dân và cộng đồng...).

- Hỗ trợ trên cơ sở phải có tổ chức tốt về quản lý, điều hành phân phối để sử dụng đúng chính sách và có hiệu quả.



Cơ cấu hỗ trợ cho mỗi thôn bản phải trả lời cho người dân mấy câu hỏi sau:

1) **Dự án cam kết hỗ trợ cái gì ?**

(Ví dụ: Chuyển giao các kỹ thuật sản xuất, đào tạo khuyến nông viên thôn bản, hạt giống, túi bầu, phân bón, cây con, cho vay tín dụng...).

2) **Hỗ trợ như thế nào ?**

Hỗ trợ bao nhiêu ? đối tượng nào được nhận hỗ trợ ? hỗ trợ theo phương thức nào ? (Hay nói một cách khác phải thể hiện rõ chính sách hay quy định đã được thống nhất).

Ví dụ: **Chính sách của chương trình:**

- Đối tượng nhận hỗ trợ là: các thành viên của cộng đồng nghèo đã được chọn tham gia dự án tuy nhiên ưu tiên hộ nghèo và hộ dân tộc.
- Gia đình nào tự làm được vườn ươm để tạo cây giống cho trồng rừng trên đất đã được giao thì dự án hỗ trợ hạt giống, túi bầu, phân bón và chuyển giao kỹ thuật làm vườn ươm.
- Gia đình nào có yêu cầu về cây con để trồng rừng, cây ăn quả để làm vườn, dự án sẽ hỗ trợ cây giống theo chính sách. Hỗ trợ 2/3 - Hộ gia đình phải trả lại cho dự án 1/3 tiền giá thành mỗi cây giống. Số tiền trả lại, với gia đình nghèo (loại 3-4) gia đình người dân tộc, được dự án ghi nợ như một hình thức cho vay tín dụng không lãi. Số tiền này trả lại cho dự án trong một thời điểm thích hợp do hai bên thỏa thuận. Với gia đình khá trở lên (loại 2-1) thì trả ngay để chi phí cho sản xuất giống.

3) Thời gian người dân có thể nhận hỗ trợ ?

Được xác định từ yêu cầu sản xuất của người dân (được thể hiện trong kế hoạch của cộng đồng).

Tóm lại: Mỗi dự án phải xây dựng cho mình một cơ cấu hỗ trợ thích hợp căn cứ: 1 - Yêu cầu của người dân, 2 - Mục tiêu phạm vi khả năng của chương trình.

Chính sách (quy định) hỗ trợ cần được đề xuất vì đó sẽ là điều kiện, góp phần không nhỏ vào việc thực hiện có hiệu quả và quyết định tính bền vững, tính công bằng của chương trình.

Phương thức xây dựng một cơ cấu giám sát, đánh giá và học hỏi

Đây là một cơ cấu thứ 3 có tầm quan trọng lớn trong quá trình thực hiện dự án hoặc chương trình. Cơ cấu này có tác dụng như người cầm lái điều chỉnh chương trình đi đúng mục tiêu đã được xác định.

MRDP xây dựng cơ cấu này và gọi là hệ thống thông tin quản lý và đánh giá (MILS): là hệ thống để lập kế hoạch, ghi chép, báo cáo, đánh giá, tài liệu hóa, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm... trong tất cả các hoạt động của Chương trình.

Tại sao cần có MILS ?

- MILS sẽ giúp nông dân và cán bộ dự án nhận biết họ có thực sự đạt được kết quả cuối cùng mà họ đã đặt ra từ đầu chương trình hay không ?
- MILS sẽ là cầu nối thông tin, chia sẻ kinh nghiệm giữa các cấp để điều chỉnh hoạt động cho có hiệu quả và đúng mục tiêu.
- MILS sẽ giúp các nhà quản lý chương trình, các nhà quản lý nhà nước hiểu cái gì đang diễn ra ở cấp thôn bản và những kinh nghiệm gì nông dân đã thu được để học có thể điều chỉnh hay xây dựng các chính sách hợp lý hơn.
- MILS còn bao gồm các phương pháp đánh giá, các hoạt động ở mỗi cấp và chuyển các ý tưởng mới lên cấp trên.

Nội dung cho cơ cấu thông tin đánh giá cần có 3 phần chủ yếu:

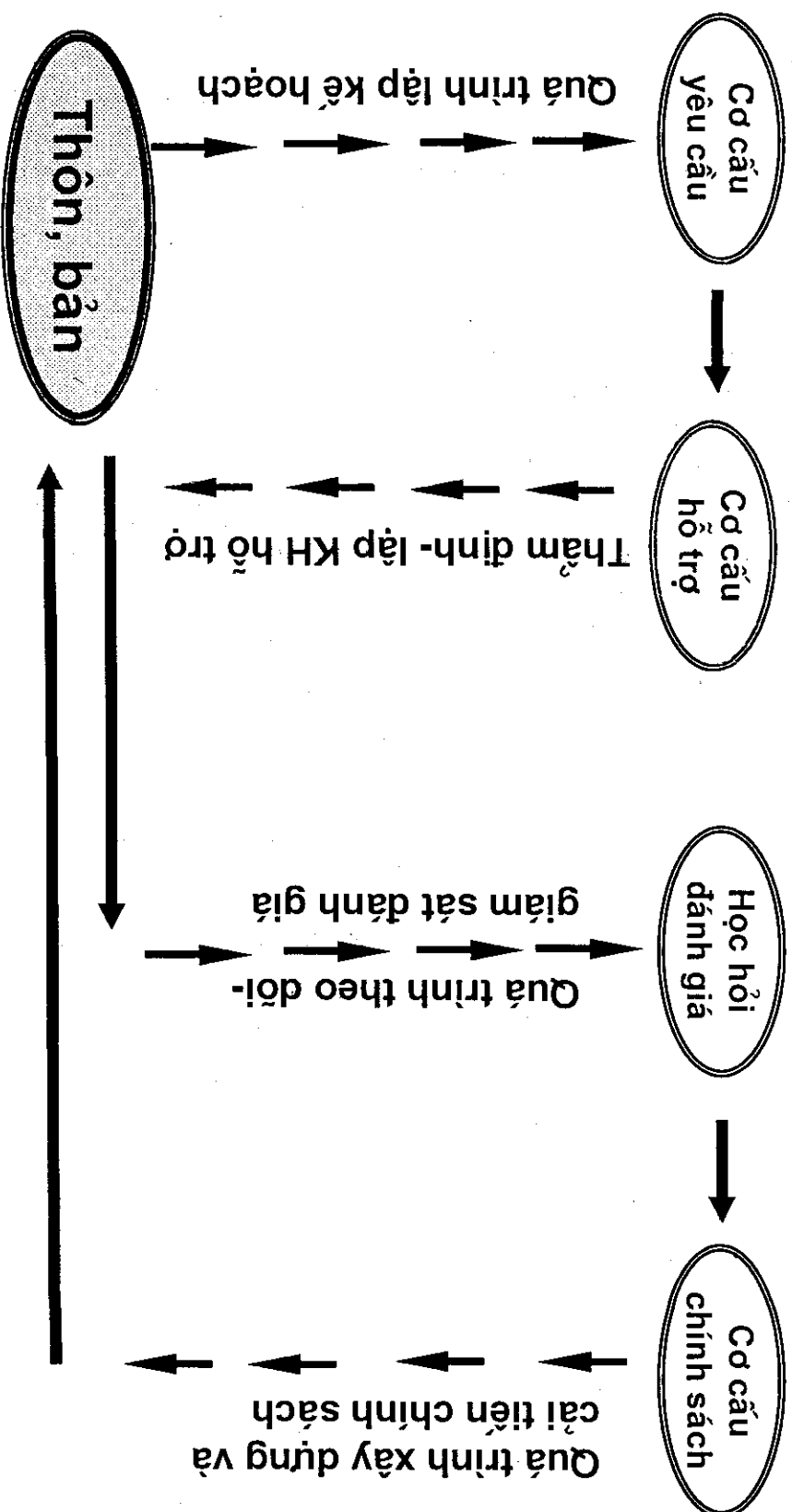
1) Theo dõi, giám sát (mang tính số lượng hoạt động), bao gồm:

- Các hoạt động ghi chép (các hoạt động ở thôn, bản, huyện, tỉnh...) như ghi chép về các hoạt động đào tạo, sản xuất, tín dụng, tài chính...
- Hệ thống báo cáo tiến độ hoạt động và tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm từ các cấp của dự án và chương trình.

2) Đánh giá (mang tính chất lượng hoạt động), bao gồm:

- Đánh giá định kỳ thường là hàng năm.
- Đánh giá chuyên đề (như đánh giá về khuyến nông, nghiên cứu ứng dụng, tín dụng...)
- Tổ chức các hội thảo để thảo luận và đề xuất các chiến lược, đánh giá các phương pháp (thường làm hàng năm) để điều chỉnh hoạt động, phát triển các phương pháp hoạt động của chương trình.

phương thức hoạt động phát triển nông thôn



- 3) **Tài liệu hóa:** là bước cuối cùng và vô cùng quan trọng nhằm tổng kết được tất cả những thông tin, những kết quả, những kinh nghiệm, những bài học trong quá trình thực hiện chương trình để giúp việc tuyên truyền, nhân rộng diện... Để làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà quản lý, các nhà chính sách nhằm cải tiến quản lý, cải tiến và xây dựng chính sách phù hợp, hợp lý cho phát triển nông thôn.

Phương thức xây dựng cơ cấu chính sách

Xây dựng một cơ cấu chính sách là nhiệm vụ của các nhà quản lý, các cơ quan chính sách nhà nước. Những kết quả, những bài học kinh nghiệm, những yêu cầu của người dân... thu nhận được trong quá trình thực hiện dự án là những tài liệu, những cơ sở quan trọng cho họ, cho nhà nước xây dựng cơ cấu này hoặc điều chỉnh cải tiến nó càng ngày càng hợp lý hơn.

Xây dựng cơ cấu chính sách hợp lý cho sự phát triển nông thôn cũng sẽ là nguồn hỗ trợ quan trọng cho người dân và là động lực cho phát triển nông thôn.

Xây dựng và cải tiến cơ cấu chính sách phát triển nông thôn, miền núi là một phần quan trọng trong hoạt động của MRDP và phần này được thiết kế trong nội dung hoạt động của dự án tăng cường khả năng tư vấn của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hiện tại các chính sách đang được nghiên cứu và đề xuất là:

Giao đất giao rừng, tổ chức lại hợp tác xã nông nghiệp, chính sách phát triển miền núi... Đây cũng chính là nguồn hỗ trợ lớn lao cho sự nghiệp phát triển nông thôn miền núi cùng với việc hỗ trợ về kỹ thuật, vật tư kỹ thuật, tín dụng nông thôn...

Sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển nông thôn

Do tầm quan trọng của sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển, và đầu tiên là tham gia vào quá trình lập kế hoạch phát triển cho nên: Sự tham gia của người dân nên hiểu là mọi người dân để toàn bộ tâm trí vào mọi khía cạnh của việc ra quyết định có liên quan đến lập kế hoạch về kinh tế - xã hội của chính họ. Những vấn đề đòi hỏi có sự tham gia của người dân bao gồm:

- Tham gia vào ra quyết định, trong việc xác định các khó khăn, các hoạt động xây dựng kế hoạch, phân phối nguồn lực.
- Tham gia vào thực hiện, trong việc tiến hành các hoạt động, các chương trình quản lý, cùng chia sẻ lợi ích hoặc các dịch vụ.
- Tham gia vào mọi lợi ích kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa và các lợi ích khác của cá nhân hay tập thể.
- Tham gia vào giám sát, đánh giá các hoạt động và kết quả của các hoạt động đó.

Sự tham gia của người dân là cần thiết để đảm bảo tính chất bền vững của dự án và là yếu tố quan trọng cho sự thành công của quá trình phát triển nông thôn.

Vì sự tham gia là sự trao trách nhiệm, trao quyền cho người dân; Xây dựng khả năng cho người hưởng lợi của sự phát triển, biểu hiện của sự tăng ảnh hưởng; Cải thiện được hiệu quả của quá trình và cuối cùng là có người dân tham gia sẽ chia sẻ được chi phí do có sự đóng góp nguồn lực cho dự án của người dân và cộng đồng.

Sự tham gia biểu hiện như thế nào ?

Sự tham gia có thể biểu hiện tích cực (hay mang tính chất xây dựng) cũng có thể biểu hiện khía cạnh không tích cực (hay không mang tính chất xây dựng).

Sự tham gia mang tính chất xây dựng đóng góp nhiều thuận lợi cho sự phát triển, vì lòng nhiệt tình, tính xây dựng của người dân sự đóng góp thực sự của họ là động lực quan trọng làm cho quá trình phát triển (phát triển nông thôn nói riêng) đảm bảo thành công và do đó cần thiết phải tìm mọi biện pháp phát huy mạnh mẽ sự tham gia có tính chất xây dựng của người dân trong hoạt động của dự án.

Sự tham gia không mang tính chất xây dựng cũng đã có biểu hiện trong một số người tham gia, những biểu hiện đó là chỉ làm theo người khác, thích sự ban phát (thậm chí cho không), đẩy trách nhiệm về người khác, không hoặc không muốn đóng góp tâm trí và nguồn lực của mình cho dự án, thích hưởng lợi hơn người khác... Đây là những biểu hiện của những người tham gia có tính chất không xây dựng, cần được hạn chế.

Việc phát huy sự tham gia có tính chất xây dựng và hạn chế sự tham gia không mang tính chất xây dựng là cần thiết, tuy nhiên không dễ dàng và đòi hỏi có thời gian. Thông qua thực tế, thấy được rằng, đó là một quá trình nâng cao nhận thức cho những người tham gia, quá trình đó diễn ra dần dần, từng bước cùng với nhận thức càng ngày càng được nâng cao.

Trong quá trình hoạt động của dự án Phát triển Nông thôn Miền núi có thể phân loại nông dân (những người tham gia dự án ở thôn, bản) làm 3 loại:

Loại một:

Những người tham gia tích cực ngay từ đầu (những người này là những người nông dân ham hiểu biết, thích cái mới, trong sản xuất họ biểu hiện: Nghe được là về làm thử ngay và đã có nhiều người hiện tại tự họ đã tạo ra mô hình sản xuất dù chưa có người hướng dẫn và người giúp đỡ, chưa tham gia vào dự án).

Loại hai:

Những người tham gia ngay từ đầu nhưng vẫn nghi ngại, họ nghe ngóng nhưng chưa nhìn thấy cụ thể nên chưa tham gia một cách tích cực (Thường gọi loại này là người chân trong chân ngoài). Tuy nhiên, sau một thời gian hoạt động dự án, họ đã tham gia một cách tích cực và trở thành những người loại 1, khi họ nhận thức được thực tế, có người trở thành những cốt cán trong hoạt động dự án, đóng góp một cách xây dựng cho hoạt động dự án. Tuy nhiên, phụ thuộc sự hoạt động của dự án, một số người trong số họ trở nên tiêu cực khi hoạt động của dự án gặp khó khăn và kém hiệu quả.

Loại ba:

Loại này tham gia vào dự án muộn hơn, vì họ tuy đã nghe, đã nhận thức được, đã nhìn nhận được những hoạt động của dự án nhưng họ chờ xem "kết quả ra sao?" và khi họ đã nhìn thấy được hiệu quả và những lợi ích thiết thực cho họ thì họ sẽ trở thành những người tham gia tích cực. Rất nhiều người trở thành những nhân tố, những thành viên quan trọng cho hoạt động dự án ở thôn, bản.

Để loại này nhanh chóng nhận thức được vai trò và tác dụng của dự án để lôi kéo họ tham gia cần thiết phải có những kết quả nhanh chóng đặc biệt là tạo ra mô hình có kết quả cụ thể.

Rõ ràng qua 3 loại người tham gia *mang tính chất xây dựng* phải được hình thành dần dần, nó phụ thuộc vào nhận thức của họ và điều kiện không kém phần quan trọng là hoạt động của dự án tại địa phương (thôn, bản) như thế nào?

Lập kế hoạch phát triển thôn, bản có sự tham gia của người dân

Lập kế hoạch phát triển thôn bản có sự tham gia của người dân là một phương pháp đã được MRDP xem là hoạt động cốt lõi của Chương trình nhằm để xây dựng cơ cấu yêu cầu từ dưới, từ người dân tham gia hoạt động dự án tại thôn bản.

Quá trình lập kế hoạch phát triển thôn bản có người dân tham gia được thực hiện thông qua 4 bước:

Bước 1: Bước chuẩn bị

Nội dung bước chuẩn bị bao gồm:

Chọn điểm

Điểm thực hiện dự án thường lấy đơn vị thôn, bản. Thôn, bản được chọn để lập kế hoạch phát triển thực thi dự án. Tiêu chuẩn chọn điểm được căn cứ vào chiến lược về vùng phân bố của dự án đã được xác định tùy theo mục tiêu của dự án.

Chuẩn bị về mặt xã hội và tổ chức cộng đồng

- Thu thập một số thông tin cơ bản về mặt kinh tế - xã hội cộng đồng
- Tìm hiểu xem xét về các tổ chức cơ sở của cộng đồng để phát huy vai trò của các tổ chức này trong quá trình lập kế hoạch.

Họp dân: Để thông báo cho toàn bộ người dân trong thôn bản biết về dự án, thảo luận đi đến thống nhất về thái độ, trách nhiệm tham gia dự án, bàn luận về kế hoạch hoạt động cho đợt tham gia lập kế hoạch phát triển thôn bản sắp tới và một vấn đề quan trọng là cử những người đại diện của thôn bản vào nhóm công tác lập kế hoạch.

Như vậy, là để cho bước chuẩn bị đạt được yêu cầu cần phải xác định vai trò của sự tham gia:

- Tham gia của các cấp chính quyền: để thảo luận và nhất trí về quan điểm "chọn điểm", hỗ trợ về chuyển giao những thông tin cần thiết đến hộ nông

dân và người nông dân, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận người dân của dự án.

- Tham gia của người dân: trong việc bày tỏ thái độ và trách nhiệm, đăng ký tham gia dự án, trong việc xây dựng kế hoạch, tiến hành lập kế hoạch phát triển thôn bản và tham gia vào việc chọn lựa những thành viên thay mặt mình tham gia vào nhóm công tác lập kế hoạch phát triển thôn bản.

Bước chuẩn bị được đánh giá là bước hết sức cần thiết và quan trọng trong quá trình lập kế hoạch phát triển thôn, bản trong hoạt động của MRDP.

Theo chiến lược về vùng phân bố các điểm hoạt động dự án của MRDP việc chọn lựa thôn bản tham gia dự án được căn cứ: là thôn nghèo trong xã nghèo và nằm trong huyện vùng cao đã được chọn (tiêu chuẩn vùng cao, xã nghèo, thôn nghèo là căn cứ vào tiêu chuẩn đã được xác định của nhà nước).

- Quá trình chọn phải được các cấp chính quyền tham gia, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã.
- Ngoài tiêu chuẩn là thôn bản nghèo, các tiêu chuẩn sau đây cũng được đề cập tới - là vùng đồng bào dân tộc, đã có quy hoạch sử dụng đất cấp xã, đã giao đất, có cấp chính quyền và các đoàn thể hoạt động khá mạnh ở cấp thôn bản và yếu tố cơ bản là người dân có khả năng và nguyện vọng phát triển sản xuất...
- Trong cuộc họp dân đầu tiên: cán bộ dự án tỉnh, huyện truyền đạt đến người dân các thông tin sau đây:

- Mục tiêu của dự án.
- Chính sách hỗ trợ người nông dân trong hoạt động dự án.
- Trách nhiệm của người dân tham gia dự án ở thôn bản.

Và thu nhận các thông tin phản hồi từ người dân:

- Sự đồng tình và nhất trí như thế nào về sự tham gia dự án ?
- Những yêu cầu của người dân đối với dự án/
- Chọn lựa ai vào công tác lập kế hoạch ?

(Mỗi thôn bản thường chọn 10-15 thành viên: những thành viên này thường có uy tín, có hiểu biết hơn, và nên có các thành phần: thanh niên, phụ nữ, cụ già, nông dân làm ăn giỏi, cán bộ thôn bản, đoàn thể...) và còn quan tâm đến tính tự nguyện.

Bước 2

Thực hiện quá trình lập kế hoạch phát triển thôn bản. Bước này là bước kế tiếp sau bước chuẩn bị được tiến hành tại thôn, bản đã được chọn trong thời gian 4 ngày. Tham gia bước này bên ngoài có: đại diện cấp xã huyện (có thể có cấp tỉnh): thôn bản có: nhóm thành viên nhân dân được người dân lựa chọn và người dân trong thôn bản.

Cách thức tiến hành như sau:

- 1) Cán bộ huyện (tỉnh) tổ chức chuyển giao kỹ thuật và kỹ năng (PRA) cho nhóm thành viên (chủ yếu những kỹ năng sử dụng của PRA)
 - 2) Thực hiện quá trình đánh giá thôn bản có người dân tham gia để xác định thực trạng của thôn bản.
- Bằng các công cụ PRA đánh giá thực trạng về tiềm năng (đất đai, lao động, kiến thức địa phương, cây trồng vật nuôi địa phương...)

- Bằng các công cụ PRA đánh giá thực trạng về kinh tế xã hội của thôn, bản (tình trạng giàu nghèo hoạt động sản xuất của hộ gia đình, giáo dục, y tế...)
- Bằng các công cụ PRA đánh giá nhu cầu của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế - xã hội.

Thực trạng của thôn bản là bức tranh toàn cảnh mô tả một cách chân thực về tiềm năng kinh tế, xã hội hiện tại của thôn bản. Đánh giá tuy mang tính chất định tính nhưng nếu yếu tố nào lượng hóa được càng cao càng có giá trị trong đánh giá, và có ý nghĩa cho bước sau khi lập kế hoạch phát triển (ví dụ như tiềm năng về đất đai; tổng diện tích, diện tích các loại đất đai khác nhau, tổng số nhân khẩu, số lao động... thu nhập bình quân, năng suất cây trồng, vật nuôi...).

Mô tả và thống nhất được điểm mạnh điểm yếu trong hoạt động sản xuất, kinh tế xã hội, trong nhận thức, trong giáo dục, y tế sức khỏe... là hết sức cần thiết làm đậm nét cho bức tranh thực tế địa phương, thực trạng cũng có thể nói là "chỗ đứng hiện tại" của cộng đồng và từ chỗ đứng của mình để có thể xác định sự hoạt động phát triển trong tương lai.

PRA đã được chương trình hợp tác phát triển LNVNTĐ đưa vào sử dụng để xây dựng kế hoạch phát triển thôn, bản trong phương thức phổ cập (khuyến nông) từ người dân từ năm 1991.

PRA Cũng là phương pháp chủ đạo để lập kế hoạch phát triển thôn bản hiện tại của Chương trình Phát triển Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP) tuy nhiên đã được cải tiến từng bước để cho công cụ này giúp đỡ một cách có hiệu quả hơn trong việc khuyến khích người dân tham gia vào đánh giá và lập kế hoạch phát triển thôn, bản.

Các công cụ PRA là phương tiện giao tiếp dùng để tiếp cận người dân, tạo điều kiện cho cán bộ nhận được nhiều thông tin phản hồi từ người dân.

- Để đánh giá được thực trạng về nguồn tài nguyên và sử dụng tài nguyên PRA thường dùng các công cụ: - Sa bàn, sơ đồ tài nguyên, khuynh hướng sử dụng tài nguyên, lát cắt, mùa vụ...
- Để đánh giá thực trạng về kinh tế xã hội PRA thường dùng các công cụ giao tiếp: Phân loại hộ giàu nghèo, phân tích kinh tế hộ, phỏng vấn bán chính thức, thống kê, phân tích, cho điểm...
- Để đánh giá, xác định nhu cầu người dân, PRA đã dùng các công cụ, đánh giá cho điểm các loài cây trồng, vật nuôi, vấn đề tín dụng nông thôn, đường sá, thủy lợi, nước sạch, y tế, giáo dục...

Xây dựng mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cho quá trình phát triển thôn, bản

- Bằng các công cụ PRA thảo luận và thu thập thông tin từ người dân về mong muốn của họ cho gia đình họ và cho cộng đồng.

Mong muốn của người dân sẽ được tập hợp lại thành 2 loại:

- Những mong muốn có tính chất dài hạn (thường là sau 5 năm hay cho tương lai xa hơn cho sự phát triển thôn bản).
- Những mong muốn có tính chất ngắn hạn (thường là sau 1 năm)

- Những mong muốn thu nhận được từ người dân tập hợp theo 2 loại trên sẽ được đưa ra thảo luận nhằm tìm ra sự nhất trí chung của toàn cộng đồng để xây dựng mục tiêu phấn đấu cho sự phát triển của cộng đồng và các mục tiêu này sẽ đưa vào kế hoạch phát triển cộng đồng, Mục tiêu cũng chính là đích cuối cùng mà cộng đồng phải ra sức phấn đấu trong quá trình phát triển để đạt tới.

Mục tiêu (hay kết quả cuối cùng) cần được thảo luận bàn bạc kỹ càng và nhất thiết phải được người dân tham gia vì đó là "Đích" mà họ hướng tới và phấn đấu đi tới và cũng để xác định được các giải pháp đúng đắn có hiệu quả cho quá trình phấn đấu phát triển, do vậy mục tiêu cần phải được xác định hết sức cụ thể.

Ví dụ: để phát triển lâm nghiệp của 1 thôn còn nhiều đất trống	
Mục tiêu dài hạn:	Phủ xanh toàn bộ đất trống của cộng đồng.
Mục tiêu cho 1 năm:	Trồng X ha rừng(mục tiêu hàng năm)

Tìm các giải pháp cho kế hoạch phát triển

Các giải pháp chính là các hoạt động cụ thể trên cơ sở thực trạng, thôn bản và mục tiêu đã được xác định.

Thông thường thì các hoạt động thường xây dựng cho từng nội dung hoạt động, cho nên trước khi xác định các hoạt động cụ thể, nhóm công tác lập kế hoạch (PVPG) phải tập hợp sau đó thảo luận để nhất trí đề xuất các nội dung. Đề xuất các nội dung hoạt động của cộng đồng nên căn cứ vào 4 điểm sau:

Thực trạng - Mục tiêu - Yêu cầu của người dân và khả năng hỗ trợ của dự án.

Các nội dung hoạt động cho sự phát triển thôn sau khi đề xuất cần tập hợp lại để xây dựng các phương thức hoạt động cụ thể và đưa ra cùng người dân cộng đồng thảo luận và đi đến nhất trí.

Lập kế hoạch phát triển thôn, bản sơ bộ

Lập kế hoạch sơ bộ sẽ được nhóm công tác đề xuất và sẽ được đem ra hội nghị cộng đồng thảo luận, bổ sung, sửa đổi và khi đã nhất trí thì nó sẽ trở thành kế hoạch sơ bộ của cộng đồng.

Trong hội nghị này ngoài nội dung chủ yếu trên, cộng đồng sẽ bầu ra 1 ban quản lý dự án(VMG) nhận trách nhiệm trước người dân về việc quản lý và điều hành việc thực hiện kế hoạch phát triển cộng đồng của thôn, bản.

Kế hoạch phát triển cộng đồng của 1 thôn bản cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: (kinh nghiệm từ MRDP)

1. Nội dung của từng hoạt động (ví dụ: phát triển lâm nghiệp, Phát triển lương thực, phát triển cây màu, cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, phát triển kinh doanh, xây dựng quỹ tín dụng, tiết kiệm nông thôn...
2. Các hoạt động cụ thể cho từng nội dung: ví dụ hoạt động cho nội dung phát triển lâm nghiệp có các hoạt động: Xây dựng vườn ươm cộng đồng(hay gia đình), trồng rừng, trồng cây phân tán...)
3. Khối lượng cho từng hoạt động: ví dụ: 50 ha trồng rừng mới, cần bao nhiêu cây giống cho từng loài...)
4. Xác định trách nhiệm (người dân, cộng đồng, nhà nước, dự án hỗ trợ theo cam

kết, theo chính sách...)

5. Xác định thời gian thực hiện.

6. Xây dựng hệ thống theo dõi , giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch sơ bộ phát triển cộng đồng sau khi đã được toàn bộ cộng đồng nhất trí được nhóm quản lý thôn, bản làm việc với từng hộ gia đình để bổ sung một cách chi tiết và cụ thể về khối lượng thực hiện và sau đó gửi cho dự án Huyện, Dự án huyện sẽ tổ chức thẩm định kế hoạch, để kế hoạch có giá trị thực thi cao: (khả năng thực thi hay tính khả thi cao) kế hoạch sơ bộ sau khi qua thẩm định sẽ trở thành kế hoạch chính thức về phát triển cộng đồng của thôn bản và được phê duyệt lúc đó mới có hiệu lực thực hiện.

Quá trình thẩm định sẽ được tiến hành như sau:

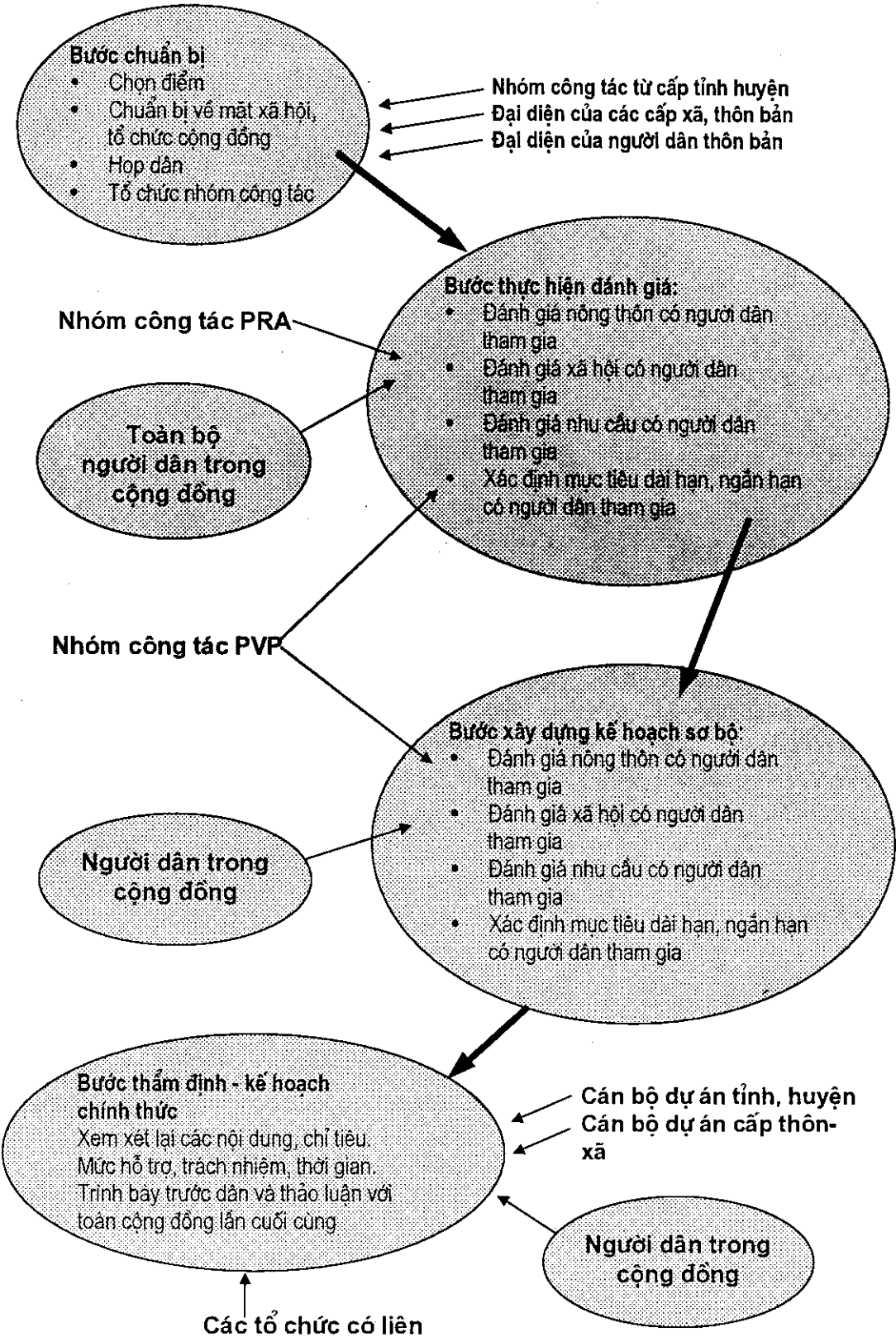
(Theo kinh nghiệm của MRDP)

Thành viên nhóm thẩm định: CB dự án huyện, cán bộ xã, nhóm quản lý thôn bản,

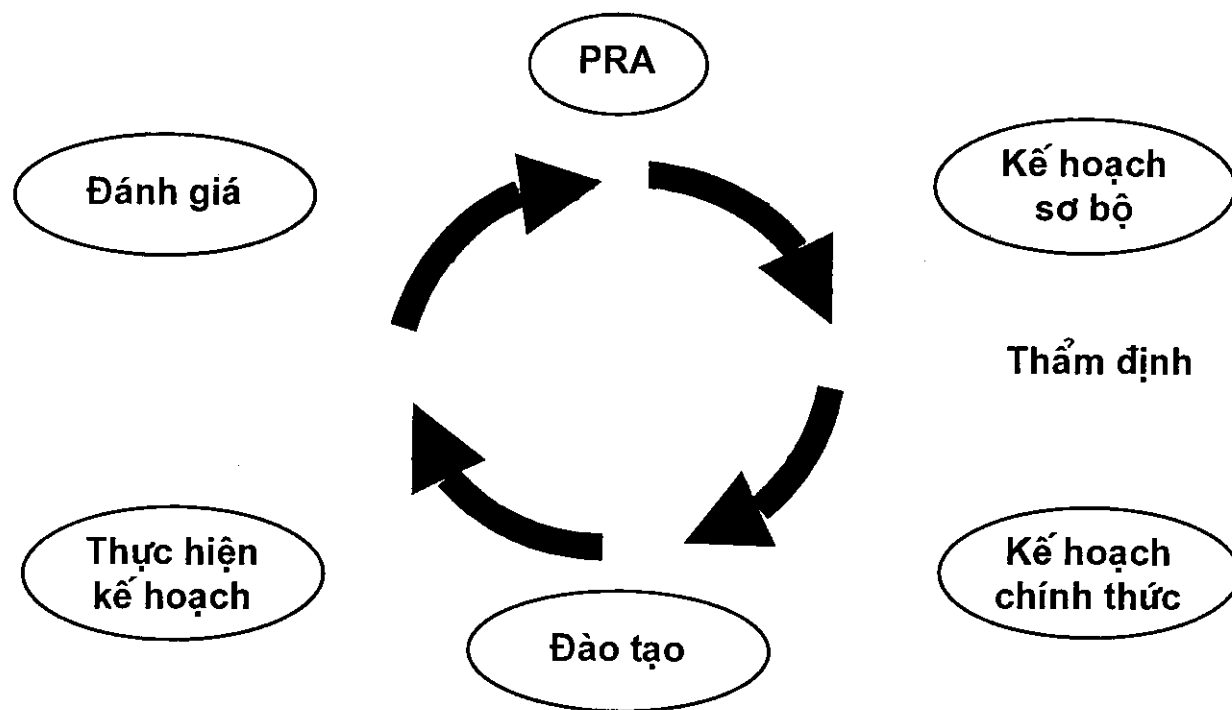
Nội dung thẩm định:

- Căn cứ vào kế hoạch sơ bộ, rà soát lại khả năng dự án, chính sách của dự án để điều chỉnh (giảm tăng sự hỗ trợ). Nêu rõ cam kết của dự án
- Đề xuất thêm các hoạt động, chủ yếu là những hoạt động từ bên ngoài để thúc đẩy sự phát triển thôn, bản.
- Xem xét lại các chỉ số , chỉ tiêu tính toán cho kế hoạch, xem xét lại phân bố thời gian
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nhóm quản lý thôn bản để nâng cao khả năng quản lý cho VMG sau thẩm định, họp dân để báo cáo và thống nhất với dân lần cuối..

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



**Chu trình thực hiện dự án phát triển thôn bản
có người dân tham gia**



Quá trình thực hiện kế hoạch phát triển thôn bản
(Theo chu kỳ hàng năm)

Năm thứ 4	Điều chỉnh Đánh giá Thực hiện Xây dựng kế hoạch	
năm thứ 3	Điều chỉnh Đánh giá Thực hiện Xây dựng kế hoạch	
năm thứ 2	Điều chỉnh Đánh giá Thực hiện Xây dựng kế hoạch	
năm thứ 1	Điều chỉnh Đánh giá Thực hiện Xây dựng kế hoạch	

Đánh giá hàng năm về các hoạt động dự án tại thôn bản, có người dân tham gia

Đánh giá hàng năm về các hoạt động dự án tại thôn, bản có người dân tham gia là hoạt động quan trọng trong chương trình sáu bước của thực hiện dự án tại thôn bản và đã được đưa vào hệ thống thông tin quản lý và đánh giá (MILS) như một công cụ để thực hiện việc đánh giá hiệu quả của chương trình tại hiện trường thôn, bản.

Mục đích

1. Giúp nông dân và các nhóm quản lý thôn bản đánh giá được tiến độ và thành quả của các hoạt động dự án trong thôn, bản của họ.
2. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển thôn, bản năm trước, thu thập yêu cầu của người dân và xác định các hoạt động cho kế hoạch phát triển năm sau.
3. Đánh giá hàng năm còn nhằm xem xét lại các thay đổi về tình hình kinh tế - xã hội, thay đổi về các hệ thống sử dụng đất và môi trường tại thôn, bản của họ sau thời gian hoạt động dự án.

Ngoài ra đây là một cơ hội tốt để thảo luận với nhau về hiệu quả và sự phát triển của các tổ chức quản lý dự án địa phương đồng thời tập hợp được các ý tưởng mới của nông dân để kết hợp vào việc điều chỉnh, sửa đổi một cách thường xuyên các hoạt động của dự án, góp phần cải tiến các chính sách hiện hành cho phù hợp.

Trình tự của hoạt động đánh giá hàng năm

(Xem sơ đồ: trang sau)

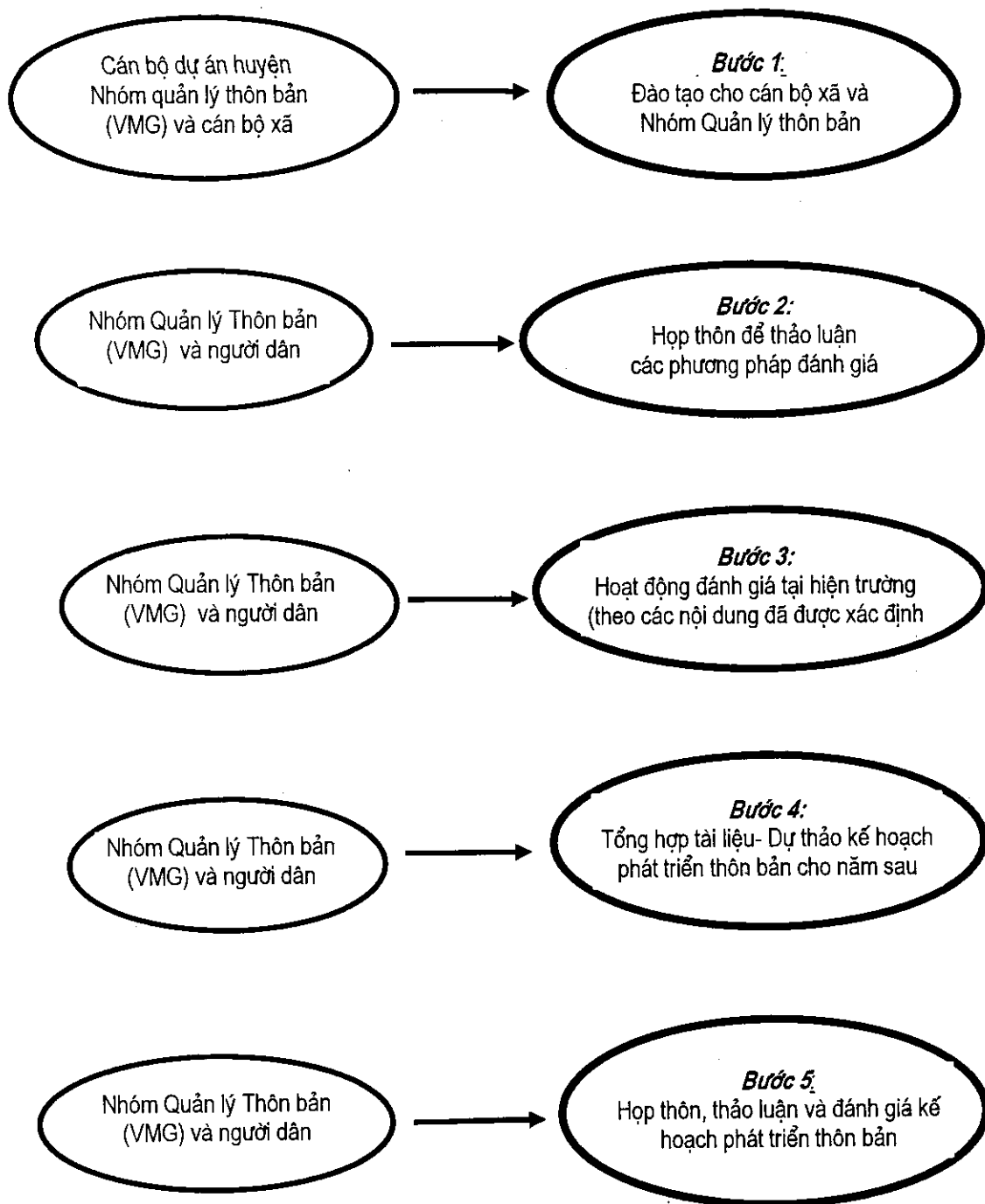
Các phương pháp dùng trong quá trình đánh giá

Yêu cầu: Phải linh hoạt và phù hợp với các yêu cầu và hoàn cảnh từng địa phương và từng nội dung đã xác định.

Thông thường trong quá trình đánh giá có người dân tham gia đã dùng các phương pháp sau:

- Phỏng vấn(cá nhân, nhóm...)
- Thảo luận trong nhóm (nhóm sở thích, nhóm tín chấp...)
- Họp dân
- Thông qua một số công cụ PRA (các bài tập điều tra, đánh giá cho điểm...)
- Phân tích và tổng hợp tài liệu.
- Bảng xây dựng bản đồ, biểu đồ, bảng ảnh, vi deo...

TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM
CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA Ở THÔN, BẢN



Nội dung cần phải đánh giá

- 1) Đánh giá về các tổ chức quản lý (VMG, IG, TG...)
- 2) Đánh giá về các thay đổi trong tình hình kinh tế - xã hội (phân loại kinh tế hộ, phân tích kinh tế hộ, phương thức sử dụng đất đai...)
- 3) Đánh giá các hoạt động quản lý đất đai.
- 4) Đánh giá các hoạt động đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.
- 5) Đánh giá về các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp, tín dụng nông thôn và một số nội dung khác
- 6) Đánh giá ứng dụng khoa học kỹ thuật, hoạt động xây dựng mô hình...

Ghi chú

Các chữ viết tắt trong báo cáo:

PRA : Đánh giá nông thôn có người dân tham gia

MRDP: Chương trình phát triển nông thôn miền núi

VMG : Nhóm quản lý thôn bản

IG : Nhóm sở thích (cùng sở thích về sản xuất)

TG : Nhóm tín chấp (nhóm vay vốn)

PVPG: Nhóm công tác lập kế hoạch Phát triển thôn bản có người dân tham gia.

QUẢN LÝ RỪNG ĐẦU NGUỒN CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN Ở HUYỆN HOÀNH BỒ TỈNH QUẢNG NINH

(Dự án GCP/VIE/019/BEL)

Cơ sở của dự án

Dự án GCP/VIE/019/BEL "Quản lý rừng đầu nguồn có sự tham gia của người dân ở huyện Hoàn Bồ" bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 10/1995. Mục tiêu chung của dự án là giúp Chính phủ Việt Nam (mà đại diện là Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh và UBND huyện Hoàn Bồ) thực hiện việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững ở khu vực bảo tồn rừng đầu nguồn quanh hồ Yên Lập.

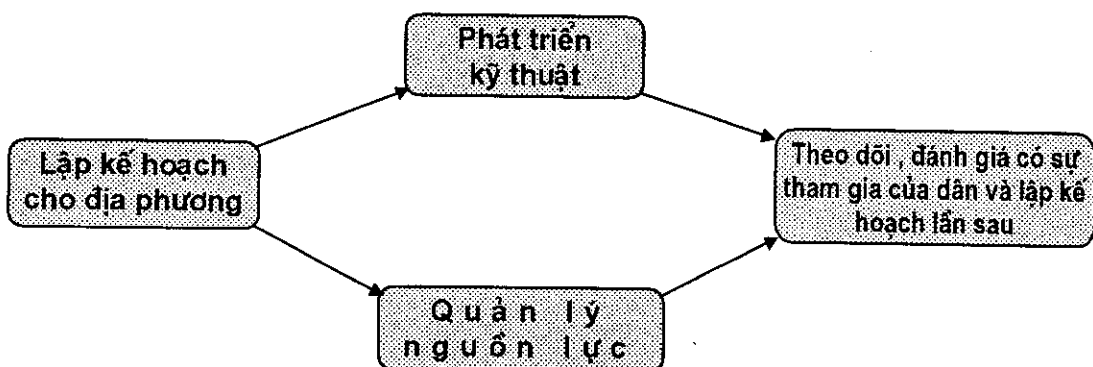
Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua

" Sự tham gia tích cực của cộng đồng dân địa phương và việc quản lý phát triển rừng đầu nguồn phù hợp với nhu cầu sản xuất và các hệ thống kinh tế xã hội của họ. Đặc biệt, cần phải quan tâm đến việc tăng cường khả năng cộng đồng và khả năng của nông dân trong việc quản lý, sử dụng và bảo vệ đất lâm nghiệp cũng như đảm bảo đẩy mạnh sản xuất và an ninh lương thực. Hiệu quả đạt được là cải thiện lâu dài thu nhập và mức sống chung, xây dựng các phương pháp thích hợp để lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động phát triển tại địa phương và tăng cường nỗ lực bản thân của nông dân trong việc quản lý và giữ gìn tài nguyên của họ. Công tác tập hợp tài liệu liên quan đến quá trình này cũng góp phần truyền bá kinh nghiệm và thông tin vào việc lập chính sách ở cấp Nhà nước".

Mô hình ban đầu của dự án là một dự án quản lý toàn diện tài nguyên thiên nhiên trong một xã duy nhất với mục tiêu là đưa vào thử nghiệm các phương pháp luận và kỹ thuật sau này sẽ được đem ứng dụng rộng rãi hơn. Thời gian đặt ra cho dự án là 36 tháng. Nhằm nâng cao tác dụng của việc dự án tạo ra nhiều kinh nghiệm, phạm vi của dự án đã được mở rộng sang 3 xã (bao gồm 11 thôn bản). Quy mô địa lý của dự án tăng lên kéo theo thời gian hoạt động của nó cũng tăng lên thêm một năm. Thay đổi này được thực hiện trong khuôn khổ kinh phí phân bổ hiện có.

Phương hướng tiếp cận có sự tham gia của người dân trong toàn bộ chu trình dự án

Sự tham gia của cộng đồng nhằm tăng cường sức mạnh và khả năng của dân cư địa phương trong việc quản lý rừng đầu nguồn đã được xác định là mục tiêu và đồng thời là phương tiện thực hiện dự án. Bắt đầu từ việc người dân tham gia vào công tác lập kế hoạch, thực hiện, rồi đến theo dõi và đánh giá dự án.



Sau giai đoạn lập kế hoạch ban đầu có sự tham gia của người dân, dự án đã trải qua hơn một năm thực hiện tại xã thứ nhất. Giữa năm 1997 đã hoàn thành việc lên kế hoạch chi tiết để triển khai các hoạt động của dự án tại các xã thêm sau này. Để phục vụ mục đích này, phương pháp luận của công tác lập kế hoạch đã được sửa đổi thành chi tiết hơn và hướng tới mục tiêu hơn. Việc lên kế hoạch cho tổng số 8 thôn được thực hiện theo 5 luồng song song phù hợp với các mảng hoạt động riêng biệt của dự án:

- Khôi phục thủy lợi và chuyển giao trách nhiệm quản lý.
- Quản lý vườn cây ăn quả và cây trồng mùa vụ.
- Quản lý công tác chăn nuôi và thú y.
- Quản lý và bảo vệ rừng.
- Tiết kiệm và tín dụng.

Dự án với đặc điểm là có sự tham gia của người dân nên phù hợp với việc người dân tham gia ngày càng nhiều vào công tác lập kế hoạch và cấp thiết đòi hỏi phía địa phương chia sẻ trách nhiệm thực hiện dự án. Điều này đúng với mọi phương diện của dự án, từ các hoạt động tổ chức và quản lý đến các đóng góp của phía địa phương về tài chính và bằng hiện vật (sức lao động).

Các cơ chế theo dõi và đánh giá có người dân tham gia lúc đầu có tính chất hình thức, nay đang dần dần trở thành một bộ phận của chu trình lên kế hoạch thường xuyên ở thôn bản, xã. Việc thực hiện các cơ chế theo dõi và đánh giá này đặc biệt giúp ích cho việc đưa ra và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động và quản lý.

Các điểm xuất phát cho công tác khuyến nông và khuyến lâm

Ngay từ khi bắt đầu đi vào hoạt động, dự án đã tìm kiếm các điểm xuất phát có khả năng sớm đem lại thành công và ảnh hưởng cho dự án. Ban đầu đã chọn mô hình kết hợp chăn nuôi/ tăng cường công tác thú y và đào tạo/ hình thành các tổ tín dụng và tiết kiệm ở địa phương. Chăn nuôi được chọn vì là trọng tâm của sản xuất định hướng thương mại và đem lại lãi ngắn hạn cho vốn đầu tư. Tiết kiệm và tín dụng được chọn vì có vai trò bổ sung cho mảng hoạt động thứ nhất của dự án và vì nhận thấy là một trong số những mảng hoạt động sớm nhất của dự án, sự hiện diện và ưu thế về khả năng tổ chức của Hội liên hiệp phụ nữ địa phương cũng đóng vai trò quan trọng.

Sau khi có những hoạt động ban đầu thuộc cả hai lĩnh vực trên, tất cả các mảng hoạt động khác như khôi phục thuỷ lợi và chuyển giao trách nhiệm quản lý, thử nghiệm và trình diễn công tác trồng cây mùa vụ, cũng như quản lý và bảo vệ rừng cũng dần đi vào giai đoạn thực hiện. Các hoạt động khuyến nông và khuyến lâm tạo nên bộ phận quan trọng của dự án liên quan đến sản xuất hộ gia đình. Cơ cấu tiết kiệm và tín dụng trong xã kết hợp với hình thức tín dụng hiện có và các hoạt động mới trên cơ sở quỹ bảo trợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp (VBARD) có tác dụng hỗ trợ cho quá trình thâm canh và đa dạng hoá nông nghiệp vốn là kết quả hoạt động Khuyến nông Khuyến lâm định hướng hộ gia đình.

***Vì vậy khái niệm Khuyến nông Khuyến lâm
của dự án có thể hiểu như sau:***

"Cung cấp thông tin trọn gói về các nhu cầu sản xuất dựa trên đánh giá của các hộ gia đình, lựa chọn các phương án kỹ thuật và mô hình thử nghiệm/trình diễn trên thực địa được các cơ quan chính quyền ủng hộ và cuối cùng là trợ giúp về mặt tổ chức việc nhân rộng - khuếch trương các phương án được lựa chọn. Toàn bộ quá trình khuyến nông khuyến lâm được xem là việc củng cố cách tiếp cận công tác thu thập và truyền bá thông tin và số liệu thu thập tại địa phương và có liên quan chặt chẽ với nhau. Việc này diễn ra trên cơ sở hai chiều dẫn tới việc lựa chọn cẩn thận, đưa vào áp dụng và đào tạo về thông tin kỹ thuật liên quan".

Sử dụng nhân lực địa phương

Dự án lấy huyện làm cơ sở và do đặc thù của nó, mong muốn dựa nhiều vào nguồn nhân lực kỹ thuật có sẵn ngay ở huyện hoặc ở cấp thấp hơn. Tập trung vào khả năng về nhân lực ở huyện rất quan trọng nếu xét theo khía cạnh muốn nhân rộng và phát triển lâu dài các hoạt động trong tương lai của dự án. Bằng cách ký hợp đồng với các cán bộ kỹ thuật của huyện để họ làm việc cho dự án, trách nhiệm thực hiện công tác Khuyến nông Khuyến lâm và đào tạo liên quan thuộc về tập thể cán bộ này.

Để mở rộng phạm vi áp dụng các phương án kỹ thuật, trợ giúp công tác xây dựng mô hình thử nghiệm, theo dõi và đánh giá kết quả thu được cũng như lập báo cáo, dự án dựa nhiều hơn nữa vào các hợp đồng trợ giúp kỹ thuật chuyên môn hoá được ký kết với các chuyên gia trong nước và các cơ sở trung ương như Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Các phương hướng phát triển kỹ thuật

Công tác khuyến nông ban đầu ở cấp thực địa do dự án trợ giúp chủ yếu dựa vào công tác đào tạo. Đã giải quyết các vấn đề từng được nhận định là quan trọng như cải thiện hệ thống dịch vụ thú y không chuyên thông qua công tác đào tạo lâu dài và cơ sở vật chất do cán bộ thú y huyện cung cấp. Các mô hình thử nghiệm trồng lúa và ngô cùng các lớp học về phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM) được thực hiện, bắt đầu cho các hoạt động Khuyến nông Khuyến lâm lấy cây trồng làm cơ sở.

Một trong những mục tiêu chủ yếu của dự án là xây dựng một số mô hình thử nghiệm và trình diễn ở nhiều lĩnh vực khác nhau được địa phương quan tâm

với mật độ lớn, tuy quy mô tương đối nhỏ nhưng dễ quan sát. Việc nông dân theo dõi thường xuyên các mô hình thử nghiệm được sự trợ giúp của cán bộ huyện và đảm bảo rằng các mô hình thử nghiệm và trình diễn trồng trọt là các hoạt động thu hoạch và cân đo được quan tâm theo dõi sát sao, tiếp sau là tính toán lợi thế so sánh giữa các chủng loại cây trồng các cách xử lý khác nhau.

Các mô hình thử nghiệm và trình diễn được thực hiện trên cơ sở vật tư hạn chế do dự án cung cấp (giống mới, phân bón và bảo hiểm mùa vụ). Nhờ có bảo hiểm này cho đến nay đã có 400m² diện tích canh tác hộ gia đình được đảm bảo không bị thất bát nếu sản xuất không hiệu quả. Ví dụ, các khóa đào tạo đặc biệt về cải thiện kinh tế vườn và quản lý hộ gia đình, trong đó bao gồm cả kỹ thuật nhân bội vườn ươm được tiếp nối bằng việc nông dân đầu tư hoàn toàn vào xây dựng vườn cây ăn quả có quy mô nhỏ.

Các vườn ươm giống cây lâm nghiệp quy mô nhỏ cũng được xây dựng theo hợp đồng. Ở lĩnh vực này dự án trợ giúp đào tạo kỹ thuật, cung cấp vật tư từng phần trên cơ sở chi phí có thể hoàn trả được và mua bảo hiểm cho một năm sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng. Gần đây cũng bắt đầu thử nghiệm trồng cây làm thức ăn cho gia súc tại 3 xã với tổng số hộ gia đình tham gia trồng là 18 hộ. Một lần nữa hoạt động này được bắt đầu bằng việc tiến hành đào tạo kỹ lưỡng (lần này do Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Ba Vì đảm nhiệm). Các mô hình thử nghiệm này cũng được thực hiện dưới các hợp đồng ký kết, gồm cả việc mua bảo hiểm cây giống hoặc sản phẩm thực vật với mức tối đa 100m² cho hộ gia đình tham gia thử nghiệm.

Phương hướng phát triển tổ chức Khuyến nông Khuyến lâm ở địa phương

Vào lúc bắt đầu hoạt động, dự án chủ định không ủng hộ việc xây dựng các tổ khuyến nông khuyến lâm địa phương hay một mạng lưới khuyến nông khuyến lâm trong thôn bản dưới dạng hợp đồng vì đã xác định là trước hết phải hình thành một mối quan hệ có sự hiểu biết lẫn nhau, thông tin qua lại và sự tin cậy giữa xã và dự án. Một mặt ban lãnh đạo xã và các thành viên cần làm quen với phương hướng tiếp cận hoạt động của dự án, mặt khác dự án cũng cần xác định được khả năng thực tế của xã. Hai điều kiện này là những yếu tố quan trọng để cuối cùng xây dựng nên các cơ cấu khuyến nông bền vững ở địa phương.

Sau khi kết thúc giai đoạn lập kế hoạch có sự tham gia của người dân, dự án đã giải quyết được các vấn đề kỹ thuật bằng việc đầu tư một cách sáng suốt vào công tác đào tạo và đảm bảo sự đồng đều về số lượng học viên giữa các xã của dự án. Việc đào tạo và các chuyến khảo sát đến từng học viên do cán bộ dự án tiến hành đã góp rất nhiều vào việc dần dần xác định các mối quan tâm và củng cố khả năng sẵn có của địa phương. Phải thừa nhận rằng vẫn chưa sử dụng hết đầu tư dành cho đào tạo do việc lựa chọn học viên chưa thật sự hoàn hảo và cũng do những nhược điểm vốn có về chất lượng của bản thân công tác đào tạo.

Mặc dù vậy đã có một tỷ lệ phần trăm vừa phải hộ gia đình vốn là mục tiêu của công tác đào tạo của các thử nghiệm tiếp theo và được hưởng trợ giúp, nay đã có khả năng sử dụng và tiến hành làm kinh tế bằng những kiến thức mới của mình. Những người như vậy có thể sau này sẽ đóng vai trò nòng cốt trong các

mạng lưới phân phối thông tin chính thức hơn ở cấp xã, nếu chính quyền địa phương quyết định xúc tiến những dịch vụ như vậy trong các xã. Nói chung, phương hướng tiếp cận này lúc đầu xuất phát từ sự thiếu vắng một cơ cấu khuyến nông khuyến lâm địa phương được hoạch định rõ ràng, giờ đây được xem là một phương hướng tiếp cận tiết kiệm hơn nhiều so với việc tiếp tục sử dụng chuyên gia quốc tế dài hạn để trợ giúp cho các mạng lưới khuyến nông khuyến lâm địa phương.

Nâng cao khả năng địa phương trong công tác thử nghiệm kỹ thuật mới

Cũng quan trọng tương tự như thông tin kỹ thuật đặc biệt đã trình bày ở trên là việc nâng cao khả năng đưa các phương án kỹ thuật mới vào thử nghiệm của cán bộ địa phương. Chính khả năng này là khả năng mà dự án muốn cố gắng tiếp tục trên phạm vi càng rộng càng tốt. Điều kiện cần thiết là nhân dân địa phương phải có kinh nghiệm thực tế và nông dân, học viên phải tiến hành so sánh lợi ích giữa các phương án kỹ thuật để sau đó áp dụng trên diện rộng, vượt ra ngoài phạm vi cơ sở. Có thể đạt được điều này trên cơ sở nông dân có lòng mong mỏi, có khả năng tiếp cận các thông tin mới, thử nghiệm các thông tin đó trên quy mô hạn chế, sử dụng khả năng đầu tư và thông tin thị trường có sẵn ngay tại địa phương, cũng như cách tiếp cận tín dụng đã được hoàn thiện.

Với hai chu kỳ thử nghiệm và trình diễn hoàn thành ở một xã, chu kỳ thứ hai tiến hành trong cả 3 xã, hiện vẫn còn quá sớm để biết mức độ chấp nhận và phổ biến của các thông tin kỹ thuật được lựa chọn. Trong xã thứ nhất, 14 hộ gia đình tham gia thử nghiệm trồng ngô và lúa, trong khi 30 hộ tham gia các lớp học về phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (một phần trong số này cũng tham gia thử nghiệm). Trong trường hợp mở rộng trồng cây ăn quả và cây mùa vụ, các hoạt động được trợ giúp trực tiếp sẽ diễn ra trong suốt một năm ở từng xã. Sau thời gian này, những chuyến thăm khảo sát theo dõi được tiến hành đến tận khi dự án kết thúc. Đối với xã đầu tiên của dự án, một cuộc nghiên cứu về mức độ chấp nhận và phổ biến các thông tin kỹ thuật sẽ được thực hiện vào cuối năm nay.

Thêm 20 hộ gia đình nữa sẽ tham gia vào các mô hình thử nghiệm và trình diễn trong cả 3 xã. Cũng đã kết thúc khoá học về phòng trừ sâu bệnh cho các xã mới. Huyện và trường đại học sẽ phối hợp khảo sát về các cây trồng khác và cuối cùng sẽ xây dựng nhiều mô hình thử nghiệm và trình diễn hơn nữa trồng lạc, khoai lang và sắn.

Đối với dịch vụ thú y, việc cung cấp và cải tạo chuồng trại cho gia súc là đạt yêu cầu. Trong thời gian gần đây, tỷ lệ tiêm phòng và chữa bệnh gia súc do các cán bộ thú y không chuyên thực hiện đã cao hơn so với các thôn bản lân cận vốn thiếu thốn dịch vụ này. Kết quả là tỷ lệ sống sót cao của gia súc sau khi điều trị, các kiểu chuồng lợn đã cải tiến ngày càng được nông dân áp dụng nhiều hơn trên cơ sở vốn đầu tư có sẵn hay đi vay. Cho đến nay sáu hộ gia đình trong xã thứ nhất đã mở rộng vườn cây ăn quả, trong khi sáu hộ khác tích cực trồng cây giống lâm nghiệp theo hợp đồng ký kết. Như đã nói ở trên dự án cũng khuyến khích các mô hình thử nghiệm trồng các mẫu cây làm thức ăn cho gia súc với tổng số 18 hộ gia đình trong 3 xã tham gia.

Đánh giá và thông tin thị trường

Để ủng hộ các sáng kiến kỹ thuật, dự án chú trọng các vấn đề về thông tin thị trường và tổ chức thị trường. Gần đây hợp tác với các nhà sản xuất địa phương, với huyện, tỉnh, dự án đang tiến hành hoặc đã hoàn thành các cuộc nghiên cứu thị trường cho cây vải, lâm sản và lợn (lợn thịt và lợn giống). Các cuộc nghiên cứu này được sự giúp đỡ của trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội. Việc cung cấp các thông tin đã rà soát và điều chỉnh về tiềm năng phát triển sản xuất xét theo triển vọng về kinh tế và thị trường là rất quan trọng giúp các hộ gia đình quyết định chiến lược sản xuất lâu dài.

Sự cần thiết phải điều phối các hoạt động khuyến nông khuyến lâm ở cấp huyện

Một trong các kinh nghiệm lớn nhất thu được từ các nỗ lực khuyến nông khuyến lâm hiện nay là các dịch vụ cần phải được điều phối ở cấp huyện. Hiện nay các dịch vụ liên quan đến khuyến nông được tiến hành rất chắp vá giữa nhiều cơ quan khác nhau. Mặc dù các cá nhân lúc này lúc khác vẫn sử dụng chung văn phòng với nhau, vẫn có một nhu cầu cấp bách là phải cải thiện sự điều phối giữa các cơ quan và cải thiện chất lượng công tác cung cấp thông tin liên lạc.

Điều này đặc biệt liên quan đến dự án, vì các cơ quan này là các cơ quan chính cung cấp thông tin về phát triển kỹ thuật từ bên ngoài đến các xã. Nếu việc trao đổi thông tin tỏ ra có vấn đề như dự án từng được chứng kiến thì điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công tác cung cấp thông tin và liên lạc ở cấp cơ sở.

Một nhân tố quan trọng nhưng không thấy rõ tạo nên sự thành công cho toàn bộ quá trình là tập thể dự án đã chấp nhận và có lòng tin đối với kiểu làm việc có sự tham gia nhiều hơn của người dân hay không. Điều này đến lượt nó lại do những nhân tố sau đây quyết định: nhận thức được khả năng của đồng nghiệp, thừa nhận những yếu kém của bản thân và ưu điểm về hiểu biết của nhân dân địa phương. Những điểm này thực tế là những vấn đề mang tính chất rất cá nhân và nói chung không thể huấn luyện được.

Sự cần thiết phải có các giải pháp địa phương cho các nhu cầu địa phương

Việc phát triển các hệ thống khuyến nông khuyến lâm trong tương lai cần phải xét đến các điều kiện rất khác nhau của cả thực trạng lẫn môi trường thể chế ở Việt Nam. Có nhu cầu hiển nhiên về các giải pháp địa phương để tổ chức và truyền bá thông tin, những giải pháp như vậy không chỉ thể áp dụng ở mọi nơi mọi lúc được.

Vai trò của những người lãnh đạo chính quyền ở các cấp khác nhau cần phải được xác định rõ ràng. Hiện tại đã có sự trùng lặp chức năng giữa các cấp trung ương, tỉnh, huyện.

Công tác khuyến nông khuyến lâm ngày càng cần được xem là công việc nhằm đáp ứng nhu cầu hơn là nhằm đạt mục tiêu (ví dụ: số lượng mô hình được xây dựng). Điều này cho thấy có nhu cầu cần theo dõi sát sao việc khuếch trương ảnh hưởng và điều chỉnh các phương án không đạt tiêu chuẩn cơ bản sao cho thích hợp. Hãy so sánh điều này với một người bán hàng loại bỏ hàng sau một thời gian dài không bán được ra khỏi giá bày hàng.

Cũng cần chú trọng đến việc phát triển các mối liên hệ giữa các cơ sở khuyến nông khuyến lâm thích hợp với các cơ quan nghiên cứu (liên quan) và đến các điểm xuất phát cho việc cung cấp thông tin ở các cấp khác nhau. Các phương án kỹ thuật muốn được nhân rộng một cách thành công phải được thiết lập trên cơ sở một nền sản xuất kinh tế vững chắc. Vì vậy cần thiết phải cắt giảm ngay cơ chế trợ cấp về vật tư trong suốt các giai đoạn mở đầu, việc thành lập các quỹ khuyến nông khuyến lâm ở nhiều tỉnh phản ánh rằng kinh phí dành cho vật tư quá cao so với phương diện khác của hoạt động khuyến nông khuyến lâm. Tốt hơn là nên bắt đầu áp dụng phương án kỹ thuật ở qui mô nhỏ và tăng mức phổ cập lên đến hết khả năng của phương án đó thay vì khuyến khích một phương án kỹ thuật trên cơ sở trợ cấp vật tư vốn rất khó, hoặc không thể thoả mãn được trong tương lai.

Khuyến nông khuyến lâm và các mối quan hệ tín dụng

Khái niệm về tiết kiệm và tín dụng nông thôn của dự án có thể được xem là "tạo khả năng tiếp cận tiết kiệm và tín dụng nông thôn một cách tin cậy và dễ dàng. Các khả năng này trở thành hiện thực trên cơ sở hợp tác tối đa với các địa phương (xã), với điều kiện các cơ quan này có quyền sở hữu ở mức độ chấp nhận được đối với các bộ máy tiết kiệm và tín dụng. Để đảm bảo cho mảng hoạt động quan trọng của dự án là tạo ra tiết kiệm, quản lý có chất lượng và sự bền vững về tài chính ở các kế hoạch hành động do địa phương quản lý, điều quan trọng là phải làm việc trên cơ sở minh bạch và được thừa nhận với mức lãi suất thực trên thị trường".

Rõ ràng có tồn tại mối quan hệ khuyến nông khuyến lâm và tín dụng. Kỹ thuật làm tăng khả năng sinh lợi thông qua khuyến nông khuyến lâm, lúc đầu thường đòi hỏi mức đầu tư bên ngoài cao hơn. Dù vậy ngoài tính chất bổ sung giữa tín dụng và khuyến nông khuyến lâm, dự án không nhận thấy có mối quan hệ trực tiếp nào khác. Việc cung cấp các dịch vụ khuyến nông khuyến lâm đòi hỏi một loạt kỹ năng riêng từ việc cấp phát tín dụng và không thể lẫn lộn hai thứ này với nhau.

Ví dụ: trong trường hợp các khoản cho vay có bảo trợ của ngân hàng VBARD, các cán bộ ngân hàng chịu trách nhiệm phê duyệt các khoản vay nông nghiệp cần có kiến thức cơ bản về doanh nghiệp nông nghiệp và điều kiện thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp. Những cán bộ này tuy cần phải có kiến thức kinh tế vững vàng nhưng lại không đòi hỏi phải có kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật sản xuất. Các cán bộ liên quan đến việc chuyển giao thông tin cần phải có kỹ năng đặc thù về sản xuất. Các kỹ năng như vậy phải được thử thách trong môi trường sản xuất và thị trường đã định trước. Bất kỳ chức năng nào bị trùng lặp giữa khuyến nông khuyến lâm và tín dụng đều có khả năng làm mất lòng tin khi các phương án khuyến nông khuyến lâm tỏ ra không có giá trị về mặt kinh tế và vì thế trở thành nguyên nhân gây trở ngại cho việc hoàn trả tín dụng.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VÀ ỨNG DỤNG IPM - MỘT GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG, THIẾT THỰC VÀ HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

*Ngô Tiến Dũng
chương trình IPM quốc gia*

Trong nghề trồng lúa nói riêng và trồng trọt nói chung, ngoài những khó khăn do thiên tai (bão, lũ, khô hạn, giá rét,...) thì dịch hại cây trồng đã đóng vai trò không nhỏ trong việc làm giảm năng suất, hoặc thất thu,... gây tổn kém không ít cho công tác phòng trừ, và đã phải sử dụng khá nhiều thuốc hoá học; mặc dù cũng có nhiều biện pháp phòng trừ có hiệu quả nhưng dịch hại vẫn tái phát.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến dịch hại lúa (rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bệnh đạo ôn...) nhưng nguyên nhân chủ yếu quan trọng và cũng là nguyên nhân do con người tức là nông dân lạm dụng thuốc trừ sâu và sử dụng nhiều phân vô cơ (nhất là đạm), sử dụng mất cân đối, tùy tiện, đồng thời biện pháp chăm sóc chưa đúng, phần lớn theo tập quán và thói quen.

Để thay đổi được tập quán và thói quen làm ăn cũ của nông dân nhằm thúc đẩy sản xuất, đem lại lợi ích cho họ, cần phải có phương pháp, hình thức chuyển giao kỹ thuật cho nông dân một cách thiết thực, cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm và có thể thực hiện (ứng dụng) độc lập. Chính vì dựa vào các yêu cầu trên đây cho nên chương trình đào tạo, huấn luyện IPM cho nông dân ở Việt Nam đã thành công trên phạm vi cả nước.

Mục đích của chương trình IPM là nhằm nâng cao kiến thức cho nông dân, giúp họ hiểu biết để có khả năng quản lý đồng ruộng có những biện pháp tốt nhất trong sản xuất với chi phí thấp, thu nhập cao, an toàn cho bản thân nông dân, cho xã hội, môi trường sinh thái. IPM được dựa trên 4 nguyên tắc cơ bản và được quán triệt trong toàn bộ hoạt động về huấn luyện IPM:

- 1) Trồng cây khoẻ (gồm chăm sóc, phân bón, nước, giống ...)
- 2) Bảo vệ thiên địch.
- 3) Thăm đồng thường xuyên.
- 4) Nông dân trở thành chuyên gia.

Trong phạm vi báo cáo này, chủ yếu sẽ đề cập tới phương pháp, hình thức chuyển giao kỹ thuật và nội dung huấn luyện cho mỗi loại hình hoạt động.

Những điều kiện và yêu cầu quan trọng của chương trình đào tạo, huấn luyện IPM

Nguyên tắc học tập của IPM

Học và hành - tức là học thông qua việc làm thực tế ngoài đồng ruộng:

Đồng ruộng, cây trồng là “giáo cụ học tập”. Các công việc theo dõi đồng ruộng, các thực nghiệm, nghiên cứu... là những bài học, bài tập.

Phương pháp học tốt nhất đối với nông dân là học qua thực tế, học đi đôi với hành, nên hầu hết các nội dung học tập đều được tiến hành trên đồng ruộng: điều tra theo dõi diễn biến của hệ sinh thái hàng tuần; phân tích, xử lý những tình huống cụ thể phát sinh trên đồng ruộng; điều tra thí nghiệm; thu thập mẫu sâu bệnh... nhận thức của nông dân được tích lũy dần dần, có hệ thống.

Học thông qua trao đổi thảo luận giữa người hướng dẫn với người học, dựa vào kinh nghiệm sản xuất của nông dân, thu thập những thông tin từ nhiều nguồn kết hợp thực tế đồng ruộng để thảo luận.

Tại trung tâm đào tạo giảng viên IPM, học viên phải tiến hành các công việc đồng áng (từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch...) như nông dân để nắm chắc từng khâu trong sản xuất những vấn đề thường phát sinh. Trong khi huấn luyện nông dân học viên cùng tham gia các hoạt động với nông dân, qua quá trình tiếp xúc, trao đổi thảo luận, học viên học được những kinh nghiệm từ họ. Tại lớp học đồng ruộng nông dân học tập kinh nghiệm lẫn nhau thông qua các cuộc trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm.

Học tập nhiều lĩnh vực

Chương trình học tập là tổng hợp nhiều mặt: kỹ thuật nông học, sinh học, sinh thái, do đó học viên tiếp thu được kiến thức toàn diện cần thiết cho việc tư duy phân tích, lựa chọn... để có thể giải quyết những vấn đề cụ thể trong sản xuất (tháo gỡ khó khăn, áp dụng kỹ thuật mới...).

Nội dung đào tạo, huấn luyện bao gồm cả việc phát triển kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tổ chức, kỹ năng hoạt động nhóm. Những kỹ năng trên rất cần thiết để tiếp tục tổ chức các hoạt động ứng dụng và mở rộng IPM tại các làng, xã sau khi qua lớp học.

Một giảng viên tốt không thể chỉ giỏi về kỹ thuật mà còn phải biết truyền đạt cho người khác.

Học tập để tự ứng dụng và hướng dẫn giúp đỡ người khác cùng làm: “trở thành chuyên gia”: Thời gian học là cả mùa vụ sản xuất cây trồng để hiểu được toàn bộ chu kỳ phát triển của cây, các yếu tố trong hệ sinh thái và thực hành các biện pháp kỹ thuật quản lý đồng ruộng. Kết quả quá trình học tập là nông dân trở thành chuyên gia trong quản lý hệ sinh thái đồng ruộng.

Phải đảm bảo trong cả vụ sản xuất - có nghĩa là trọn một quy trình sản xuất từ khi bắt đầu cho tới khi thu hoạch: Do đặc điểm hệ sinh thái đồng ruộng luôn biến động bởi vậy cần phải theo dõi, nghiên cứu cả chu kỳ phát triển của cây mới hiểu được

toàn bộ điều kiện đồng ruộng thay đổi theo từng giai đoạn của chu kỳ phát triển cây trồng.

Nội dung và phương pháp của chương trình đào tạo, huấn luyện IPM

Hoạt động chính của chương trình IPM là đào tạo giảng viên, huấn luyện nông dân.

Đào tạo giảng viên IPM Training of trainer (TOT)

Thời gian của TOT là trọn một vụ lúa. Tổng số học viên khoảng 35 người, được chia thành 5 nhóm học tập. Học viên là những cán bộ chỉ đạo của Chi cục, của Trạm BVTV huyện. Giáo viên của TOT gồm 5-6 người.

Học viên học để hiểu và áp dụng được 4 nguyên tắc cơ bản của IPM, phát triển phương pháp huấn luyện nông dân dựa trên phương pháp giáo dục phi chính quy. Do đó nội dung học tập bao gồm: kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng huấn luyện nông dân và kỹ năng quản lý.

Nội dung hình thức và kỹ năng về kỹ thuật

Học viên tự trồng và chăm sóc cây trồng, bắt đầu từ khâu làm đất đến thu hoạch. Các biện pháp kỹ thuật như chăm sóc cho cây lúa phát triển tốt (cây lúa khỏe) để tăng khả năng chống chịu sâu bệnh và các điều kiện bất thuận, đảm bảo năng suất là biện pháp rất quan trọng trong IPM. Để nắm được yêu cầu (trồng cây lúa khỏe) học viên phải tiến hành các nội dung:

- Các thí nghiệm đồng ruộng:
 - Thí nghiệm phân bón.
 - Tìm hiểu khả năng đền bù của cây.
 - Thời gian gieo cấy, mật độ gieo cấy.
 - So sánh giống.
 - Vai trò của thiên địch trong hệ sinh thái (HST).
 - Phân bố của sâu hại, thiên địch trên đồng ruộng.
 - Quản lý cỏ dại.
- Phân tích hệ sinh thái (HST) đồng ruộng: quan sát đồng ruộng hàng tuần gồm: sự phát triển của cây trồng, cỏ dại, phát triển của sâu, bệnh hại, thiên địch, nước, điều kiện thời tiết... những số liệu này được phân tích thông qua việc vẽ bức tranh về HST đồng ruộng và thảo luận nhóm dẫn đến quyết định xử lý đồng ruộng cho tuần tiếp theo.
- INSECT ZOO: Học viên thực hiện nuôi, thu thập côn trùng và tiến hành các thí nghiệm trong nhà lưới tìm hiểu khả năng ăn mồi, khả năng ký sinh của thiên địch, vòng đời sâu hại, thiên địch...
- Các giai đoạn phát triển chính của cây trồng và các yếu tố ảnh hưởng đến từng giai đoạn của cây cũng được nghiên cứu.
- Các chuyên đề về ảnh hưởng của thuốc sâu đến thiên địch, con người; các biện pháp quản sâu bệnh, chuột hại...

Phương pháp huấn luyện và kỹ năng truyền đạt, quản lý và tổ chức

Học viên học thông qua việc làm thực tế: trực tiếp làm thí nghiệm, quan sát theo dõi, đánh giá, so sánh thí nghiệm... Việc phát triển kiến thức bắt đầu từ những kinh nghiệm sẵn có của học viên.

Các bài học về tính năng động của nhóm và xây dựng tổ đội (thông qua các trò chơi, kịch vui) được tiến hành thường xuyên để phát triển khả năng hoạt động của tập thể của mọi người (mọi người cùng tham gia đóng góp chung).

Học viên học để phát triển kỹ năng của người giảng viên (là người hướng dẫn, giúp đỡ) để nông dân phát triển những hiểu biết sẵn có của mình trong quá trình học tập. Học viên học cách xây dựng kế hoạch mở lớp FFS tại tỉnh, bao gồm công việc chuẩn bị, tổ chức lớp, kế hoạch dự trù kinh phí...

Huấn luyện nông dân (HLND) Farmer field school (FFS)

a) Nội dung học tập (huấn luyện) và kỹ năng kỹ thuật

Một lớp học gồm 25-30 nông dân, mỗi tuần học một buổi sáng, thời gian học trọn một vụ sản xuất. Mỗi lớp học có một ruộng thí nghiệm khoảng 1000m² được chia làm hai ô, một ô thực hiện theo IPM và một ô còn lại làm theo tập quán của nông dân trong vùng (FP).

Nội dung của mỗi tuần học gồm:

- Điều tra hệ sinh thái đồng ruộng: Các nhóm điều tra quan sát mọi yếu tố trong HST đồng ruộng (cây lúa, cỏ dại, nước, thời tiết khí hậu, sâu bệnh hại thiên địch). Từ ruộng về, từng nhóm vẽ tranh HST đồng ruộng gồm toàn bộ các yếu tố quan sát được trên hai ruộng IPM và FP. Qua thảo luận, nhóm đưa ra quyết định biện pháp xử lý đồng ruộng. Đối với ruộng FP mọi biện pháp canh tác áp dụng theo nông dân trong vùng. HST và mối quan hệ giữa các yếu tố trong HST là cơ sở để quyết định việc quản lý đồng ruộng.
- Nông dân tiến hành các thí nghiệm bao gồm thí nghiệm về sự đền bù của cây, vai trò của thiên địch, mật độ gieo sạ...
- Đặc điểm sinh trưởng, phát triển của cây.
- Các biện pháp quản lý cụ thể cho từng đối tượng dịch hại.
- INSECT ZOO: để nghiên cứu về khả năng ăn mồi, khả năng ký sinh của thiên địch, vòng đời của sâu hại, thiên địch...
- Các chủ đề đặc biệt được tiến hành như ảnh hưởng của thuốc đến thiên địch, đến sức khỏe con người. Sự phát triển của quần thể chuột, mạng lưới thức ăn.

b) Phương pháp điều hành hoạt động, kỹ năng truyền đạt kinh nghiệm và phương pháp quản lý

Các hoạt động về tính năng động của nhóm, xây dựng tổ đội được tiến hành thường xuyên để củng cố mạnh mẽ các nhóm nông dân, khai thác khả năng của mỗi người trong học tập và nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhóm.

Mỗi vụ sau khi thu hoạch nông dân phân tích hiệu quả kinh tế ở 2 ruộng IPM và FP.

Cuối vụ lớp học tổ chức hội nghị đầu bờ để báo cáo về quá trình và kết quả học tập của lớp học. Khách mời là nông dân khác ở làng xã, các lãnh đạo, các tổ chức, chính quyền địa phương đến dự.

Trong lớp học nông dân được khuyến khích việc sáng tác và trình bày diễn văn nghệ về IPM đặc biệt là văn nghệ cổ truyền (thơ ca, hò, vè...) để gây không khí vui tươi trong học tập và biểu hiện cảm xúc của mình về ý nghĩa của chương trình với những nông dân khác.

Trong ngày hội nghị đầu bờ bà con cùng trình bày để đại biểu thưởng thức.

c) Kinh nghiệm tổ chức lớp

Cách chọn học viên: là những nông dân tự nguyện và ưu tiên cho phụ nữ. Lớp học đầu tiên thường ưu tiên cho những nông dân có khả năng truyền đạt tốt và có kinh nghiệm trong sản xuất để sau lớp học có thể tham gia tổ chức các hoạt động IPM ở địa phương.

Đại diện của các tổ chức, chính quyền cũng được mời tham gia lớp học để hiểu và tạo điều kiện cho IPM phát triển.

Học viên trong lớp thường được chia theo nhóm những người ở gần nhà nhau để tiện trao đổi, học tập ngoài giờ học tập trên lớp.

Lớp học thường tổ chức ở nơi thuận tiện về đi lại và đại diện cho điều kiện sản xuất ở địa phương.

Cuối khoá học nông dân xây dựng kế hoạch tiếp tục các hoạt động duy trì IPM và phân công giúp đỡ nông dân khác hiểu và làm theo IPM và giúp đỡ địa phương trong sản xuất.

Mỗi lớp học thường có từ 2-5 giảng viên phụ trách.

d) Các hình thức hoạt động để duy trì và mở rộng ứng dụng IPM

Đây là một yêu cầu rất quan trọng và cần thiết đối với nông dân đã học IPM, đối với những địa phương đã tổ chức lớp huấn luyện IPM cho nông dân.

Dựa vào những kiến thức, kỹ năng đã được học, sau khi kết thúc lớp học, nông dân tiếp tục cùng nhau tiến hành các hoạt động nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ lẫn nhau... Hình thức tổ chức có thể là câu lạc bộ IPM hoặc nhóm nông dân. Nội dung các hoạt động của nông dân rất phong phú và tùy thuộc vào yêu cầu sản xuất và điều kiện cụ thể của từng nơi. Các hoạt động chủ yếu là:

- Mở lớp nông dân huấn luyện lại cho nông dân về IPM ở địa phương. Giảng viên là những nông dân đã học IPM sẽ được bồi dưỡng thêm kiến thức và phương pháp huấn luyện.
- Giúp nông dân khác hiểu và làm theo IPM.
- Tiến hành các nghiên cứu đồng ruộng.
- Nghiên cứu ứng dụng IPM trên cây trồng khác.
- Trao đổi về kinh nghiệm sản xuất, kỹ thuật mới.

Kết quả

Đào tạo huấn luyện

Trên lúa

Đào tạo giảng viên:

Có 7 trung tâm đào tạo giảng viên IPM (phía Nam 3, Miền trung 1, phía Bắc 3).

Từ 8/1992 đến cuối năm 1996 đã đào tạo được 1.486 giảng viên IPM chính quy (chưa kể giảng viên đào tạo ngắn hạn của tỉnh và giảng viên là nông dân).

Trong số giảng viên được đào tạo, ngoài cán bộ kỹ thuật bảo vệ thực vật (BVTV) của các Chi cục tỉnh, còn có một số cán bộ của các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, các hội thanh niên, phụ nữ và cán bộ khuyến nông của một số tỉnh.

Nhiệm vụ của giảng viên:

- Trực tiếp mở lớp huấn luyện nông dân trên lúa và cây trồng khác.
- Tổng kết, đánh giá kết quả và chất lượng các hoạt động IPM.
- Giúp đỡ nông dân trong việc tổ chức các hoạt động mở rộng ứng dụng IPM ở địa phương như: Tổ chức các câu lạc bộ IPM, bồi dưỡng về chuyên môn kỹ thuật, cung cấp thông tin mới và tổ chức các hội nghị trao đổi về kỹ thuật và hội nghị kế hoạch cho nông dân.
- Liên hệ với các cơ quan chuyên môn, nhà nghiên cứu giúp các câu lạc bộ tiến hành các hoạt động và cung cấp những thông tin mới cho nông dân.
- Thông tin, tuyên truyền.

Huấn luyện đồng ruộng cho nông dân:

Tính từ tháng 8/1992 tới 12/1996 đã có khoảng trên 12.000 lớp huấn luyện nông dân được mở ở 5.171 xã (chiếm khoảng 60% tổng số xã trồng lúa) hiện có của Việt Nam, với tổng số hộ nông dân được huấn luyện là gần 330.000 hộ. Phần lớn mỗi xã có 1 lớp, nhưng cũng có những xã ở vùng trọng điểm lúa đã mở được 3-5 lớp (ĐBSCL, ĐBSH, ven biển miền Trung hoặc một số huyện trọng điểm lúa của các tỉnh ở vùng khác).

Những nông dân đã được học IPM, ngoài việc áp dụng trên ruộng lúa của gia đình mình, họ còn giúp đỡ những nông dân khác hiểu biết và làm theo IPM, nhiều người trở thành giảng viên tham gia nhiệt tình, đóng góp tích cực trong phong trào IPM của xã. Theo báo cáo của các tỉnh đến nay có 2.517 nông dân sau khi học lớp huấn luyện nông dân (HLND) trở thành giảng viên IPM và đã có 1.233 lớp nông dân huấn luyện nông dân.

Theo điều tra, báo cáo của các tỉnh trong thời gian học tập và sau khi kết thúc lớp HLND thì bình quân mỗi nông dân IPM có thể truyền đạt, hướng dẫn, giúp đỡ cho 5-6 người nông dân khác biết và làm theo IPM.

Trên rau

Trên cơ sở kinh nghiệm thực hiện IPM trên lúa, các giảng viên IPM được sự giúp đỡ của các chuyên gia quốc tế đã tiến hành các nghiên cứu tại vùng rau Đà

Lạt và Hà Nội để xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện và các bài tập thực hành cho khoá đào tạo giảng viên và HLND về IPM trên một số loại rau.

Đào tạo giảng viên:

Chương trình đã mở được 3 khoá đào tạo giảng viên IPM rau với tổng số giảng viên là 105.

Hầu hết học viên của các khoá là các giảng viên IPM lúa đã có kinh nghiệm, phương pháp, kỹ năng huấn luyện nông dân, tại khoá đào tạo IPM rau họ được trang bị những kiến thức về kỹ thuật liên quan tới sinh thái bắp cải, cà chua, đậu quả, các biện pháp canh tác và quản lý các loại rau này.

Huấn luyện nông dân:

Chương trình đã mở được 56 lớp HLND về IPM trên cây bắp cải, cà chua với tổng số 1.681 nông dân. Một số tỉnh, thành đã đầu tư cấp kinh phí để mở lớp huấn luyện IPM rau cho nông dân.

Trên cây bông vải

Khoá đào tạo giảng viên IPM đầu tiên cho bông đã được tổ chức trong năm 1996, với 25 học viên là các cán bộ kỹ thuật về sản xuất bông do Công ty Bông quản lý.

Cùng với khoá đào tạo giảng viên, đã mở 4 lớp HLND cho 100 nông dân ở tỉnh Đồng Nai. Chương trình huấn luyện nông dân sẽ được mở rộng bắt đầu từ vụ bông năm 1997.

Trên chè

Từ kinh nghiệm và kết quả IPM lúa, một tổ chức phi Chính phủ (CIDSE) ở Việt Nam đã hỗ trợ kinh phí cho các giảng viên IPM lúa cùng các nhóm nông dân thực hiện nghiên cứu IPM trên chè tại tỉnh Bắc Thái từ đầu năm 1994 với sự hợp tác về kỹ thuật của Viện nghiên cứu chè.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, các giảng viên đã xây dựng nội dung huấn luyện nông dân. Trong năm 1996 đã mở được 16 lớp IPM trên chè với tổng số 221 nông dân tham gia.

Trên cây đậu tương

Sau khi học IPM trên lúa các nhóm nông dân IPM ở 2 tỉnh trồng nhiều đậu tương đại diện cho 2 vùng sinh thái (Đồng Tháp, Hà Bắc) với sự giúp đỡ của giảng viên IPM và Chi cục BVTV đã thực hiện một số nội dung nghiên cứu IPM trên cây trồng này. Từ những kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu đạt được tại 2 tỉnh nói trên giảng viên đã xây dựng nội dung huấn luyện và tổ chức 20 lớp HLND về quản lý dịch hại tổng hợp trên đậu tương với tổng số 601 nông dân tham gia.

Các hoạt động tiếp theo sau khi nông dân đã được học qua lớp HLND về IPM

Tổ chức các lớp học đồng ruộng do nông dân là giảng viên

Hình thức huấn luyện này đã đẩy nhanh tiến độ huấn luyện ở các làng xã vì số lượng giảng viên chính quy có hạn, hạn chế về ngôn ngữ, điều kiện đi lại xuống các làng xã, thôn bản rất khó khăn đặc biệt là miền núi.

Nông dân là giảng viên có ưu thế là có kinh nghiệm sản xuất, dễ thuyết phục đối với nông dân khác bằng kết quả áp dụng thực tế tại ruộng nhà.

Thực tế cho thấy, chất lượng của các lớp nông dân huấn luyện nông dân được đảm bảo như các lớp do giảng viên chính quy đảm nhiệm.

Xây dựng các câu lạc bộ IPM

Tới nay đã có 825 Câu lạc bộ hoạt động trên cơ sở chương trình IPM với 52.798 thành viên (không kể các câu lạc bộ khác cũng được lồng ghép hoạt động IPM).

Do điều kiện của từng nơi có khác nhau nên hình thức tổ chức, nội dung và phương pháp hoạt động không giống nhau và đa dạng, nhưng đều tập trung vào 3 mục đích sau:

- Trao đổi về những khó khăn trong sản xuất, giải pháp khắc phục .
- Trao đổi kinh nghiệm sản xuất.
- Duy trì, mở rộng chương trình IPM ở thôn, ấp, xã ...
- Giúp nông dân chưa học IPM hiểu và làm theo IPM.
- Tập hợp, thu hút những nông dân đã học IPM vào các hoạt động lợi ích cho cộng đồng, làm nòng cốt cho xã trong sản xuất và bảo vệ sản xuất nông nghiệp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp bền vững.

Nông dân IPM tham gia nghiên cứu, thực nghiệm

Nhiều thực nghiệm, nghiên cứu khắc phục vụ cho việc mở rộng IPM đã và đang được nông dân IPM lúa thực hiện ở các địa phương.

Trồng lúa - nuôi cá và mô hình lúa - vịt.

- Trồng lúa - nuôi cá là một nội dung và các giảng viên được học và thực hành ở Trung tâm đào tạo IPM lúa. Từ xa xưa, nuôi cá trong ruộng lúa đã là tập quán ở một số vùng, nhưng sau đó tập quán này bị mất đi do việc sử dụng thuốc hoá học ngày một nhiều. Các nhóm nông dân IPM với sự giúp đỡ của các giảng viên đã thực hiện nghiên cứu này đạt kết quả tốt và đang được áp dụng ở nhiều nơi như Đồng Tháp, Tiền Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Yên Bái ... Nuôi cá trong ruộng đã giúp họ cải thiện bữa ăn, tăng thu nhập và góp phần bảo vệ môi trường. Mô hình này sẽ được mở rộng trong thời gian tới.

- Mô hình nuôi vịt trong ruộng lúa do tổ chức JIVC (Nhật Bản) hỗ trợ kinh phí đã do 58 nhóm nông dân IPM ở Huế thực hiện và đã thu được kết quả tốt: giảm chi phí về phân bón, thuốc hoá học và tăng thu nhập.

Mở các lớp HLND về quản lý bệnh hại lúa và đánh giá giống

Chương trình IPM quốc gia đã phối hợp với Viện BVTV và chuyên gia của Viện lúa quốc tế từ vụ đông xuân 1994 - 1995 đã hướng dẫn cho một số nhóm nông dân IPM ở Quảng Nam- Đà Nẵng cùng với giảng viên IPM đã tiến hành thực hiện các biện pháp quản lý bệnh đạo ôn và khô vằn bằng các biện pháp canh tác (sử dụng phân bón, mật độ gieo, cấy chăm sóc...) và phương pháp đánh giá chọn giống

chống chịu phù hợp với vùng sinh thái của địa phương. Trên cơ sở nghiên cứu đã xây dựng tài liệu và phương pháp huấn luyện nông dân.

Trong năm 1996, các lớp HLND về quản lý bệnh và đánh giá giống đã được mở rộng ở một số tỉnh phía Bắc, miền Trung và ĐBSCL, đã có 70 nhóm nông dân với 1.112 hộ tham gia học tập, đồng thời nội dung huấn luyện về quản lý bệnh hại lúa đã được xây dựng và đưa vào huấn luyện ở 42 lớp huấn luyện nông dân.

Quản lý OBV

Từ cuối năm 1995, chương trình IPM quốc gia đã xây dựng được tài liệu huấn luyện cho nông dân về quản lý OBV. Nay đã mở được 400 lớp huấn luyện cho nông dân.

Huấn luyện nông dân về IPM trên cây lạc

Từ kinh nghiệm thực hiện IPM trên lúa, giảng viên IPM đã cùng các nhóm nông dân (đã học IPM lúa) của Nghệ An, Tây Ninh, Thanh Hoá, Ninh Bình tiến hành các nghiên cứu và xây dựng nội dung huấn luyện cho nông dân. Tỉnh Nghệ An bắt đầu mở lớp HLND trên lạc từ vụ đông xuân 1997.

Phát triển IPM cộng đồng

Trong năm 1997 chương trình IPM quốc gia thực hiện thí điểm chương trình IPM cộng đồng để rút kinh nghiệm mở rộng trong các năm tới. Nội dung của IPM cộng đồng là tạo điều kiện để các nhóm nông dân, câu lạc bộ tiến hành đẩy mạnh các hoạt động nhằm cải tiến sản xuất, giải quyết những vấn đề khó khăn trong sản xuất. Các hoạt động chính như sau:

- Tổ chức hội nghị về kế hoạch của nông dân trong huyện: Các nhóm nông dân, câu lạc bộ xây dựng kế hoạch của mình và trình bày trước Hội nghị để mọi người cùng tham gia xét duyệt.
- Tổ chức các hội nghị kỹ thuật cho nông dân trong huyện: các nhóm nông dân, câu lạc bộ trình bày các kết quả nghiên cứu, thực nghiệm, những kinh nghiệm trong sản xuất, trên cơ sở đó các nhóm, câu lạc bộ học tập lẫn nhau.
- Phát triển hình thức thông tin tuyên truyền giữa các nhóm, các câu lạc bộ về những hoạt động và những gì họ thấy bổ ích, cần thiết cho những nông dân khác trong địa phương có thể học tập được.

Các hoạt động trên đây đều được các giảng viên IPM theo dõi, giúp đỡ.

Vai trò của phụ nữ trong IPM

Một trong những ưu tiên hàng đầu của chương trình đào tạo huấn luyện IPM là tạo cơ hội để phụ nữ tham gia các lớp HLND và các hoạt động khác của chương trình.

Vì vậy, chương trình IPM quốc gia đã quan tâm, cố gắng để có giải pháp giúp phụ nữ nông thôn tham gia vào chương trình IPM vì họ là lực lượng sản xuất quan trọng ở nông thôn Việt Nam.

Số giảng viên IPM là nữ trong 2 năm qua đã tăng lên rõ rệt, tính đến nay số giảng viên là nữ đã chiếm 34% (trong đó ở phía Bắc tới gần 45%). Số phụ nữ tham

gia ở các lớp huấn luyện nông dân cũng đã tăng, song chưa đều, tỷ lệ cao vẫn tập trung ở phía Bắc.

Tổ chức của chương trình IPM và các chính sách có liên quan đến việc triển khai chương trình trong thời gian qua

Ở Trung ương

Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao trách nhiệm giúp Bộ điều phối chương trình. Cục BVTV kết hợp với Văn phòng IPM/FAO thuộc chương trình LHQ/FAO tại Việt Nam trong mọi hoạt động của chương trình dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ.

Ở tỉnh

Chi Cục BVTV thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT được Sở giao trách nhiệm quản lý và trực tiếp thực hiện chương trình IPM ở tỉnh; mỗi tỉnh có một nhóm giảng viên IPM, là lực lượng trong việc tổ chức và thực hiện kế hoạch huấn luyện nông dân của tỉnh.

Các tổ chức Phi chính phủ tại Việt Nam

Các tổ chức CIDSE, SCF-UK, International Plan, Tâm nhìn Thế giới, DANIDA, NARV, JIVC, CARE, FARM tham gia chương trình IPM với nội dung hoạt động là huấn luyện nông dân qua việc mở lớp học đồng ruộng. Nội dung hoạt động của các tổ chức này cũng rộng hơn, ngoài huấn luyện nông dân trên lúa, còn có các hoạt động nghiên cứu, huấn luyện nông dân về IPM trên chè, đào tạo giảng viên IPM, tổ chức cho giảng viên, nông dân tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm (CIDSE); xây dựng mô hình lúa - cá, bồi dưỡng lại cho giảng viên IPM (CIDSE, SCF-UK); thí nghiệm ngoại khoá IPM cho học sinh cuối cấp phổ thông cơ sở (SDF-UK), xây dựng mô hình trồng lúa và nuôi vịt (JIVC), nghiên cứu ảnh hưởng của IPM đối với các động vật thuỷ sinh (DANIDA).

Các tổ chức này thực hiện các hoạt động trên theo sự điều phối chung của chương trình IPM quốc gia ở Trung ương và địa phương, có sự hợp tác chặt chẽ với hệ thống BVTV và mọi hoạt động, nghiên cứu đều theo phương thức do nông dân thực hiện.

Các tổ chức, đoàn thể trong nước

Nhiều cơ quan nghiên cứu, giảng dạy kết hợp chặt chẽ giúp cho chương trình nghiên cứu những vấn đề phục vụ IPM, đã quan tâm và trực tiếp tham gia một số hoạt động của chương trình, như Hội nông dân Việt Nam đã tổ chức hội thảo cho cán bộ lãnh đạo hội ở các tỉnh trong cả nước về nội dung phát triển nông thôn, trong đó đã đưa chương trình IPM vào nội dung trao đổi và kết hợp với chương trình quốc gia để in tài liệu hướng dẫn về IPM phổ cập cho hội viên nông dân tại cơ sở thôn, xã. Ở một số nơi Hội nông dân cũng hỗ trợ kinh phí để triển khai lớp huấn luyện nông dân; Đoàn Thanh niên CSHCM ở các cấp tham gia tích cực trong phong trào thanh niên nông thôn với chương trình IPM (tổ chức các Hội thảo và thi tìm hiểu về IPM). Trong năm 1996 cuộc thi “Thanh niên nông thôn với chương trình IPM” đã được Trung ương Đoàn kết hợp với Cục BVTV tổ chức thành công tại Hà Nội.

Hội phụ nữ ở địa phương (xã, huyện, tỉnh) cũng đóng vai trò vận động phụ nữ nông thôn tham gia huấn luyện IPM và đưa nội dung IPM lồng ghép trong sinh hoạt của các câu lạc bộ riêng của phụ nữ.

Thành lập Ban chỉ đạo chương trình IPM quốc gia

Tháng 5/1994, thực hiện kế hoạch của hội nghị IPM toàn quốc tháng 3/1994, được phép của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo chương trình IPM quốc gia gồm Bộ NN và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ KHCN-MT, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn TN CS HCM, Hội LHPN Việt Nam do đồng chí Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT là Trưởng ban.

Ở nhiều tỉnh cũng đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình IPM của tỉnh với sự tham gia của các ban ngành tương ứng như ở Trung ương, ở một số huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình IPM của huyện.

Đề xuất kiến nghị về phương pháp khuyến nông

Vấn đề quan trọng số 1 trong công tác khuyến nông là trang bị những kiến thức cơ bản và những kỹ năng cần thiết để nông dân có thể tự nghiên cứu và giải quyết những khó khăn khi gặp phải, cũng như chủ động trong việc cải tiến và phát triển sản xuất.

Giải pháp

- Mở các lớp HLND (farmer field school) trên các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, thú y, rừng).
- Tạo điều kiện để các nhóm dân đã được huấn luyện làm nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động khuyến nông ở làng, xã.
- Nông dân cùng tham gia vào việc xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất ở địa phương. Kế hoạch phải đáp ứng được yêu cầu cụ thể của nông dân, và phù hợp với từng điều kiện sản xuất cụ thể. Tránh kế hoạch một chiều từ trên xuống.
- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm sản xuất và thông tin qua lại giữa các nhóm nông dân với nhau.
- Cán bộ khuyến nông được đào tạo để nâng cao kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng tổ chức và phương pháp khuyến nông để họ có thể huấn luyện nông dân và hướng dẫn họ tham gia công tác khuyến nông của địa phương.

Các hoạt động

Đào tạo cán bộ khuyến nông

Xây dựng chương trình đào tạo cán bộ khuyến nông theo từng chuyên đề trồng trọt, chăn nuôi, cây rừng dựa trên kinh nghiệm sẵn có của chương trình IPM. Chương trình đào tạo đảm bảo để cán bộ khuyến nông phát triển kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng huấn luyện nông dân dựa trên phương pháp giáo dục phi chính quy, và kỹ năng tổ chức. Các cán bộ khuyến nông sau khi được

đào tạo sẽ trực tiếp huấn luyện nông dân và hướng dẫn nông dân thực hiện công tác khuyến nông ở thôn bản, làng xã.

Lớp huấn luyện nông dân (farmer field school)

Mở lớp FFS giải pháp chính để thực hiện công tác khuyến nông tại làng xã.

Dựa trên kinh nghiệm lớp học đồng ruộng cho nông dân trong chương trình IPM được áp dụng sang lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi thú y, cây rừng.

Qua lớp học đồng ruộng nông dân nắm được đặc điểm sinh trưởng phát triển của cây con và các yếu tố ảnh hưởng đến chúng, kỹ năng xử lý đồng ruộng, cây rừng, bệnh gia súc... kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng nghiên cứu đồng ruộng giúp nông dân tiếp tục nghiên cứu sau khi học, đồng thời có thể tự khảo nghiệm những tiến bộ kỹ thuật mới áp dụng vào sản xuất.

Nhóm nông dân, câu lạc bộ

Do những nông dân tự nguyện tham gia, nòng cốt là những nông dân đã được học qua lớp HLND. Thông qua sinh hoạt, nông dân có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, tìm hiểu những thông tin mới. Dưới sự giúp đỡ của cán bộ khuyến nông, các tổ chức, chính quyền, nông dân có thể tham gia nghiên cứu, tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm tháo gỡ khó khăn cho họ và cải tiến sản xuất. CLB, nhóm nông dân là cầu nối giữa nông dân với cán bộ kỹ thuật, nhà nghiên cứu.

Hội nghị kỹ thuật nông dân

Thành phần hội nghị là đại diện các nhóm nông dân, CLB. Những kết quả nghiên cứu, những kinh nghiệm sản xuất, những mô hình hay được trình bày và trao đổi trong hội nghị.

THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG

(Một số kết quả và đề xuất)

Phạm Kim Oanh

Cục Khuyến nông và khuyến lâm

Giới thiệu tóm tắt vai trò và tầm quan trọng của thông tin khuyến nông

Nghị quyết Trung ương 2, khóa 8 của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) đã xác định mục tiêu và hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000 trong đó giải pháp thông tin tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ là quan trọng trong việc động viên quần chúng tiến công vào khoa học. Với 80% dân số sống ở nông thôn, việc thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam đòi hỏi tăng cường chuyển giao khoa học và công nghệ đến nông dân, nâng cao dân trí và phát huy nguồn lực của người nông dân. Mặt khác chính người nông dân cũng có nhu cầu tăng năng suất, chất lượng sản phẩm làm ra, nâng cao mức sống và mong muốn hiểu biết cái mới. Thông tin kịp thời các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) là cần thiết để họ áp dụng vào sản xuất và đời sống. Hệ thống khuyến nông đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng những nhu cầu đó của người nông dân.

Khuyến nông thực chất là quá trình dịch vụ thông tin cho nông dân, cung cấp cho họ những thông tin TBKT và công nghệ mới, thông tin về chính sách, chủ trương, luật pháp của nhà nước nhằm 2 mục tiêu: Phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn

Truyền thông thông tin là phần lớn công việc của khuyến nông viên, của cơ quan khuyến nông. Công tác truyền thông đòi hỏi người cán bộ khuyến nông không những cần tự nâng cao kiến thức chuyên môn với kỹ năng thực hành chuyên sâu mà còn biết truyền đạt những kiến thức đó tới người nông dân bằng nhiều hình thức sao cho dễ hiểu, dễ áp dụng.

Cán bộ khuyến nông có thể áp dụng rất nhiều cách chuyển tải thông tin đến người nông dân: trực tiếp thông qua lớp tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức các chuyến thăm quan, sản xuất các tài liệu khuyến nông, tuyên truyền và chuyển giao thông tin thông qua phương tiện thông tin đại chúng...

Những hoạt động thông tin khuyến nông tại Việt Nam thời gian qua

Cục khuyến nông và khuyến lâm Bộ NN và PTNT

Ngay từ khi thành lập Cục Khuyến nông và Khuyến lâm đã cùng tổ chức khuyến nông trên cả nước tập trung vào nhiệm vụ chuyển giao TBKT cho nông dân bằng nhiều hình thức thông tin.

Bốn lần trong một năm, Cục Khuyến nông và khuyến lâm xuất bản "Thông tin khuyến nông Việt Nam. Thông tin được phân phối cho các Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh và Trạm huyện trên toàn quốc cũng như các tổ chức nghiên cứu, các

trường đại học, các vụ, viện, công ty... Nhiệm vụ của tờ tin là nhằm truyền đạt những kiến thức, chuyển giao TBKT và trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông trên khắp đất nước. Các chuyên gia, các nhà khoa học cũng như một số cán bộ khuyến nông và nông dân giàu kinh nghiệm đều tham gia viết bài cho tạp chí.

Cục Khuyến nông và khuyến lâm còn hợp tác với các cơ quan truyền thông đại chúng như Đài truyền hình Việt Nam trong một số chương trình nông nghiệp, chương trình khuyến nông 2 lần một tuần. Đài tiếng nói Việt Nam đã phát Chương trình nông nghiệp nông thôn và khuyến nông mỗi buổi sáng và phát lại vào mỗi buổi trưa và tối trong ngày. Cán bộ của Cục còn tham gia viết bài cho các báo và tạp chí như "Báo Nông nghiệp", một tuần hai số với 2 trang "khuyến nông", ngoài ra còn tham gia viết cho các báo "Nông thôn Ngày nay", "Nhân Dân" và nhiều tạp chí khác.

Phòng Thông tin - Đào tạo của Cục chịu trách nhiệm tập hợp, huy động trí tuệ của các chuyên gia, soạn thảo in ấn tài liệu, các tờ rơi, sách cẩm nang, băng hình về một loạt các chủ đề như các giống cây như lúa, ngô mới lai tạo, kỹ thuật trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp, mía dổi...; về chăn nuôi các loại gia súc gia cầm. Các ấn phẩm này được phân phối trên toàn quốc. Ngoài ra còn có các hoạt động khác như tổ chức các lớp huấn luyện với các bài giảng về kỹ thuật khuyến nông, kỹ năng sản xuất các chương trình truyền thông, biên soạn tài liệu KN, kỹ năng viết tin bài... cho các Trung tâm khuyến nông tỉnh. Phòng cũng lên kế hoạch ưu tiên hỗ trợ kinh phí giúp các tỉnh miền núi xa xôi, những tỉnh mới tách để mở các lớp đào tạo nghiệp vụ khuyến nông và thông tin ở mỗi tỉnh. Từ năm 1993, hơn 300 ngàn tờ gấp, hơn 50 ngàn tờ tranh kỹ thuật, 10 ngàn sổ tay khuyến nông, hàng trăm băng hình, phim đèn chiếu... đã được Cục KN và KL biên soạn, sản xuất và phát hành. Hơn 100 lớp tập huấn cho 8000 cán bộ khuyến nông và hơn 20 ngàn nông dân ở hầu hết các tỉnh cả miền Bắc và miền Nam.

Qua 4 năm mạng lưới khuyến nông cả nước hoạt động, lượng ấn phẩm, chương trình thông tin phục vụ nông nghiệp tăng cả về số lượng và chất lượng chưa từng có so với thời gian trước. Hàng triệu ấn phẩm đã được sản xuất, phát hành rộng rãi tới tay nông dân, hàng vạn mô hình về trồng trọt, chăn nuôi được triển khai để nông dân áp dụng, hàng vạn khuyến nông viên và nông dân đã được đào tạo huấn luyện... Các chương trình truyền thanh, truyền hình được phát sóng, băng hình kỹ thuật, báo và tờ tin khuyến nông đã trở thành người bạn không thể thiếu được của nông dân, qua đó bà con không những có kiến thức mới về kỹ thuật mà còn được nâng cao hiểu biết về đời sống xã hội, chính sách của nhà nước, thị trường, pháp luật, xây dựng nông thôn mới.

Không ít các tài liệu thông tin các lớp tập huấn đã được tổ chức, được sản xuất với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế như: SIDA, World Neighbours, World Bank, Oxfam. USFGC...

Hoạt động thông tin khuyến nông tại các tỉnh

Tại nhiều tỉnh miền Nam hoạt động câu lạc bộ khuyến nông ở làng, xã hoặc huyện đã tương đối thường xuyên và phổ biến. Đến các câu lạc bộ người nông dân có thể tìm được những thông tin mình cần thông qua các buổi họp, tập huấn, được

đọc hoặc được nhận tài liệu KN, xem băng video... Đặc biệt là trao đổi trực tiếp với cán bộ KN hoặc học hỏi những người nông dân khác. Ở miền Bắc hình thức sinh hoạt câu lạc bộ cũng đã có ở một số tỉnh nhưng chủ yếu ở vùng đồng bằng.

Hầu hết hoạt động thôn tin và đào tạo ở các tỉnh đều được thực hiện ở địa phương cho cán bộ KN xã và huyện, tuy nhiên sự đầu tư ở mức độ rất khác nhau.

- Những địa phương nào quan tâm đầu tư hợp lý cho thông tin-đào tạo công tác khuyến nông sẽ đạt hiệu quả cao và nhanh chóng. Một số tỉnh miền Bắc như Hà Nội, Nghệ An, Phú Thọ,... dành trên dưới 50% tổng kinh phí KN cho công tác thông tin tuyên truyền và đào tạo. Một số tỉnh Miền Nam như Long An, Đồng Nai, Vũng Tàu, Đồng Tháp,... mặc dù số kinh phí dành cho TT-ĐT chỉ chiếm hơn 10% nhưng do phối hợp và tổ chức tốt nên công tác khuyến nông cũng đạt hiệu quả cao.

Một ví dụ về việc ưu tiên đầu tư cho công tác thông tin và đào tạo đã đem lại hiệu quả cho hoạt động KN ở tỉnh Nghệ An: Năm 1997 Nghệ An đầu tư 55% kinh phí KN (trong tổng kinh phí KN là gần 1,4 tỉ đồng) cho thông tin-đào tạo, việc đầu tư cụ thể vào các hoạt động sau:

- Tập huấn cho 75 ngàn lượt cho cả cán bộ KN và nông dân
- In 200 000 tờ gấp gồm 10 loại phát cho nông dân (hướng dẫn kỹ thuật trồng lúa ngô, vừng, mía, BVTV, nuôi gà...)
- Tỉnh có 14 chương trình và 19 huyện có hơn 100 chương trình phát trên đài truyền hình Nghệ An
- Hàng tuần có 2 trang khuyến nông đăng trên Báo Nghệ An
- Khuyến nông tỉnh xuất bản 2000 cuốn Thông tin KN / quý

Hiệu quả của việc đầu tư này đã góp phần không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh là: Sau 1 năm diện tích trồng lúa lai tăng từ 1 vạn lên 3 vạn ha, ngô lai tăng từ 2 vạn lên 2,5 vạn ha, gà Tam Hoàng đưa vào dân nuôi từ vài ngàn con lên hàng vạn con.

Phú Thọ cũng là một trong những tỉnh quan tâm đầu tư cho thông tin KN và thành công trong hoạt động KN, với 50% kinh phí riêng năm 1996 Phú Thọ đã tiến hành được những hoạt động sau:

- Tập huấn : + cho cán bộ KN thôn bản: 495 lượt.
+ cho nông dân chủ chốt: 812 lượt.
+ cho kỹ thuật viên: 45 lượt.
- Thăm quan đầu bờ: gần 10 ngàn lượt.
- Số chuyên mục trên Đài truyền hình: 14 buổi.
- Số bài trên báo: 82.
- Xuất bản tạp chí Nông Lâm nghiệp: 8.800 cuốn.
- Xuất bản lịch thời vụ: 10.000 cuốn và hàng vạn các loại ấn phẩm khác.

Việc đầu tư này đã đem lại hiệu quả kinh tế to lớn, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trên diện rộng, chuyển đổi cơ cấu các trà lúa. Hiện nay các giống lúa có năng suất và phẩm cấp cao đã chiếm 60% đến 70% diện tích mỗi vụ. Ba năm qua

bình quân sản lượng ngô lai tăng từ 5 đến 6 ngàn tấn / năm (tương đương 10 đến 12 tỉ đồng). Diện tích ngô lai tăng từ 12 - 15% (năm 93) lên 65% (vụ đông 96). Năng suất ngô đông bình quân tăng từ 20-22 tạ/ha (thời kỳ 90-93) lên 27-28 tạ/ha (thời kỳ 94-96). Đến tháng 7-1997 hơn 12.000 bò cái sinh sản đã được phối giống chiếm 18,5% tổng số bò của tỉnh, bê lai sơ sinh có tầm vóc và trọng lượng tốt đạt 7.100 con, giá trị kinh tế đã cao hơn từ 20-40%.

Các hoạt động truyền thông và thông tin của Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP)

Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP) do SIDA tài trợ đang được thực hiện ở 5 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam bao gồm Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang và Phú Thọ, đồng thời với một dự án nâng cao khả năng tư vấn cấp Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thông tin là một nội dung hoạt động mới có vai trò thiết thực trong chương trình và cũng là một trong những mục tiêu của chương trình MRDP đó là phát triển chiến lược làm thế nào để kịp thời phổ biến những kinh nghiệm mới qua hoạt động phát triển nông thôn, hoạt động chương trình, những thông tin về chính sách mới theo cách hợp lý nhất.

Đồng thời với việc củng cố, nâng cao năng lực cán bộ cho chương trình MRDP và cán bộ cấp tỉnh về truyền thông thông tin và cải tiến chất lượng thông tin ở các cấp khác nhau của chương trình cũng như các tổ chức thông tin đại chúng, Chương trình MRDP đã thiết lập một nhóm hoạt động thông tin gồm các chuyên gia ở các cơ quan Cục Vụ của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nhóm này đã thực hiện các chuyến khảo sát để tìm ra thực trạng và nhu cầu của cấp tỉnh đối với chương trình. Về mặt thông tin khuyến nông, đợt khảo sát này đã mang lại những kết quả sau đây:

Tại 5 tỉnh trên các cán bộ khuyến nông truyền đạt thông tin chủ yếu qua tiếp xúc trực tiếp với nông dân như các lớp tập huấn, các buổi họp ở thôn, xã, xây dựng các mô hình tham quan. Trong các lớp tập huấn thường sử dụng các phương tiện nghe nhìn như tờ rơi, băng hình. Kết quả khảo sát cũng cho thấy các lớp tập huấn trực tiếp của các cán bộ khuyến nông được xem như là nguồn thông tin tốt nhất và quan trọng nhất đối với người nông dân.

Tuy nhiên, hệ thống khuyến nông không đủ để tiếp cận đến từng người nông dân và đáp ứng được những nhu cầu thông tin của họ, đặc biệt là các vùng sâu vùng xa như Lào Cai, Hà Giang, nhiều vùng chỉ đơn giản là không đủ cán bộ khuyến nông.

Nguyên nhân là có nhiều làng bản ở quá xa rất ít phương tiện đi lại và kinh phí cho cán bộ khuyến nông lại quá thấp, rất nhiều làng bản cán bộ khuyến nông không thể thường xuyên đến được. Mặt khác, nông dân không thể tham gia các lớp tập huấn hoặc đến các Trạm khuyến nông huyện do địa hình đi lại khó khăn. Điều này còn cản trở tới việc vận chuyển các thiết bị nghe nhìn như ti vi, đầu video tới các lớp tập huấn ở bản, làng.

Khó khăn nữa là nhiều nông dân là người dân tộc không thể đọc và viết thậm chí không nói thạo tiếng Kinh trong khi hầu hết cán bộ khuyến nông cũng không

thạo tiếng dân tộc để trao đổi với bà con.

Hầu hết các tỉnh đều rất cần ngày càng nhiều tài liệu khuyến nông. Số tài liệu hiện nay mà các Trạm khuyến nông huyện nhận được từ tỉnh và trung ương là quá ít không đáp ứng được yêu cầu của địa phương. Đặc biệt các tài liệu này lại không thích hợp khi người nông dân thiếu số sử dụng, nếu các tài liệu này được in nhiều tranh ảnh, minh họa hoặc chiếu hình thì thích hợp hơn.

Hầu hết các tài liệu khuyến nông đều tập trung vào các vấn đề kỹ thuật mà ít đề cập đến các vấn đề người nông dân cần như tín dụng nông thôn, kế hoạch sử dụng đất... Phần lớn các cán bộ khuyến nông đều thiếu kỹ năng viết, biên tập các tài liệu khuyến nông như tờ rơi, băng ảnh hoặc video.

Ở tất cả các tỉnh có dự án đều có sự phối hợp với mạng lưới truyền thông đại chúng ở địa phương, nhưng mức độ hợp tác khác nhau ở từng tỉnh. Nhìn chung, ở các tỉnh trung du như Phú Thọ thì sự hợp tác được thể hiện chặt chẽ hơn so với các tỉnh vùng cao như Hà Giang, Lào Cai. Những vùng sâu, vùng xa thì những gia đình ở gần thị xã, thị trấn mới có ti vi, đài.

Hầu như ở khắp nơi nông dân đều "khát" thông tin không chỉ về các kỹ thuật mới, giống mới, chăn nuôi mà cả về giá cả thị trường, tín dụng, phát triển thương mại và kế hoạch sử dụng đất. Nói chung các dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa đều thiếu tất cả các loại thông tin và lại có rất ít cán bộ khuyến nông. Ở tất cả các tỉnh đều thể hiện rõ mối quan hệ mật thiết giữa mức sống của người dân và nhu cầu thông tin.

Các cán bộ khuyến nông đặc biệt là ở cấp huyện và xã đều thiếu thông tin cần thiết hàng ngày cho công việc của họ, cũng như trao đổi thông tin với các cấp cao hơn. Thông tin phản hồi từ người nông dân và cán bộ khuyến nông cơ sở tới các cán bộ lãnh đạo các cấp là điểm yếu ở hầu hết các tỉnh.

Trong năm nay, Bộ và hầu hết các tỉnh trong đó có những tỉnh trong vùng dự án đã bắt đầu củng cố các hoạt động thông tin:

Tại 4 tỉnh, các khóa huấn luyện cho cán bộ khuyến nông về kỹ năng viết, sản xuất các tài liệu khuyến nông như tài liệu ảnh, tờ rơi có minh họa đã được thực hiện nhằm giúp cho các cán bộ khuyến nông sản xuất các tài liệu một cách đơn giản, rẻ tiền góp phần đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện địa phương.

Các khóa huấn luyện nhằm mục tiêu xây dựng mạng lưới thông tin, tham gia viết bài cho báo địa phương, tờ tin về dự án, "Thông tin khuyến nông" cũng như các báo khác. Điều này sẽ giúp cho việc tuyên truyền được nhanh và hiệu quả hơn.

Ở tỉnh Tuyên Quang, chương trình MRDP đã mở lớp huấn luyện video để nâng cao hiệu quả hợp tác với đài truyền hình tỉnh, bắt đầu từ năm nay, chương trình MRDP đã và đang giúp đỡ hoạt động truyền thông đại chúng của tỉnh. Trung tâm khuyến nông của tỉnh phối hợp với mạng lưới truyền thông tỉnh sản xuất nhanh một chương trình khuyến nông cho đài và ti vi cũng như các báo của tỉnh.

Chương trình MRDP sẽ thiết lập hệ thống tập huấn nhằm đào tạo các "giáo viên" về sử dụng và sản xuất phương tiện truyền thông về khuyến nông ở cả cấp

Tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Ngoài ra, chương trình MRDP đang có kế hoạch thực hiện những dự án thí điểm ở các vùng sâu vùng xa như Lào Cai và Hà Giang nhằm nâng cao việc cung cấp thông tin cho bà con nông dân dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, các hoạt động khác như cải tiến tờ tin chương trình, trợ giúp các hoạt động in ấn và biên tập các tài liệu viết và nghe nhìn ở cả cấp Tỉnh và Bộ, đồng thời củng cố hoạt động của Trung tâm thông tin của Bộ.

Những nhìn nhận khái quát sau 4 năm hoạt động của thông tin khuyến nông tại Việt Nam

1. Sự phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng là cách chuyển tải thông tin hiệu quả nhất tới số lượng lớn nông dân trong hoạt động thông tin khuyến nông

Hiện nay ở Việt Nam radio đang là phương tiện truyền thông mang những đặc điểm ưu việt: tiện lợi, thông dụng, diện phủ sóng rộng nên có khả năng tới số lượng người nghe lớn nhất - đặc biệt vùng sâu vùng xa. Tivi cũng đang thông dụng nhưng mới chỉ chủ yếu ở vùng đồng bằng và đặc biệt có hiệu quả đối với bà con nông dân sống ở vùng ven thị xã, huyện lỵ.

Từ năm 1995 đến nay Nhà nước đã giao cho Đài truyền hình Việt Nam thực hiện 2 dự án

- Đưa truyền hình tới vùng cao, vùng biên giới hải đảo
- Phủ sóng cho vùng lõm.

Riêng năm 1996 dự án phủ sóng vùng lõm đã thực hiện lắp đặt 15 trạm phát lại cho 15 tỉnh miền núi. Dự kiến năm 97 sẽ lắp thêm trên 50 trạm cho 45 tỉnh. Chương trình sẽ kéo dài trong 5 năm và số trạm phát lại dự kiến sẽ lắp đặt là 750 trạm. Hiện nay diện phủ sóng truyền hình cả nước là 60%, trong đó khu vực miền núi khoảng 30%, Nhà nước đang có quyết tâm đầu tư tăng diện phủ sóng lên 70% đến 80 % vào năm 2001.

Qua 3 năm thực hiện dự án đưa truyền hình tới vùng cao đã cung cấp khoảng 18 000 máy thu hình cho hàng trăm xã vùng cao nơi có sóng truyền hình phủ tới, nơi có điện ổn định hoặc tự tạo được nguồn điện. Việc đầu tư này sẽ mở ra một triển vọng tốt cho thông tin khuyến nông trong việc đưa tiến bộ kỹ thuật đến cho bà con vùng sâu, vùng dân tộc.

2. Đài phát thanh tiếng nói VN đã có phát một số chương trình tiếng dân tộc và đang được tiếp sóng, nhiều đài truyền thanh địa phương cũng phát tiếng dân tộc như Tày, Mèo, Thái, H'mong, Khme, Êđê... Một số đài truyền hình đã xây dựng chương trình tiếng dân tộc như đài TH Cần Thơ phát tiếng Khme, đài TH Hà Giang phát tiếng Tày, gần đây nhất đài TH Đắk Lắk phát chương trình tiếng Êđê cho khoảng 230 000 đồng bào dân tộc Êđê trong tỉnh...nhưng hầu như các đài đều chưa có chuyên mục KN riêng bằng tiếng dân tộc cho bà con thường xuyên.

3. Rất nhiều Trung tâm khuyến nông đều thiếu nguồn tài chính trong việc củng cố mối quan hệ hợp tác với các cơ quan truyền thông đại chúng. Mặt khác các đài này cũng có nguồn tài chính hạn hẹp trong việc trả thù lao cho các bài viết. Việc thiếu kinh phí cũng hạn chế các phóng viên đi xuống các địa phương, các vùng sâu, vùng xa một cách thường xuyên. Hơn nữa rất thiếu những thông tin phản hồi từ nông dân ở các vùng đó. Các cán bộ khuyến nông là những người giành rất nhiều thời gian làm việc với nông dân nên tự viết nhiều bài và trở thành bộ phận kết hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Báo chí là phương tiện quan trọng trong việc chuyển tải những thông tin khuyến nông. Một số báo ở các tỉnh miền núi như Lào Cai, Hà Giang đã sử dụng các bức ảnh phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số. Các trang khuyến nông trên báo rất có ích đối với các cán bộ khuyến nông nhưng chúng cũng chỉ được phổ biến ở phạm vi nhỏ đối với nông dân, các ảnh lại thường tập trung cho các hội thảo, hội nghị mà rất ít đề cập đến thông tin có giá trị cho người nông dân.

5. Sự kết hợp nhiều hình thức thông tin và đào tạo thường hiệu quả hơn so với việc dùng đơn lẻ một hình thức. Người nông dân hiểu, tin và làm theo thông tin dễ dàng hơn nếu họ nhận được từ nhiều nguồn cùng một nội dung thông tin, như tờ rơi, tranh, ảnh, áp phích, băng video, đài và chương trình T.V, các lớp tập huấn hoặc các chuyến tham quan.

6. Tại nhiều vùng câu lạc bộ khuyến nông đã có được những kết quả đáng khích lệ. Người nông dân có thể nhận được thông tin thông qua các hoạt động như báo, sách, đài, các lớp tập huấn. Nông dân có thể trao đổi kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau trong các cuộc gặp gỡ của câu lạc bộ.

7. Thực tế chúng ta còn coi nhẹ là ở mỗi một địa phương đều có những nhu cầu thông tin khác nhau. Những tài liệu khuyến nông thường được soạn thảo ở trung ương, chưa đáp ứng được yêu cầu của nông dân ở địa phương, không phản ánh được nhu cầu và điều kiện sống của họ. Chẳng hạn như bà con nông dân thiểu số vùng cao lại thường nhận được tài liệu khuyến nông viết cho nông dân vùng đồng bằng, mặt khác họ thường không hiểu được do mù chữ và chưa hiểu hết tiếng Kinh. Qua một số đợt điều tra nghiên cứu cho thấy cần quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu của bà con nông dân trước khi soạn thảo tài liệu.

8. Còn thiếu những cán bộ khuyến nông được đào tạo chuyên về các hoạt động thông tin. Đa số các cán bộ khuyến nông đều được trang bị kiến thức kỹ thuật tốt nhưng lại thiếu kỹ năng diễn giải, trình bày cũng như sản xuất các tài liệu khuyến nông hoặc là cách phối hợp với thông tin đại chúng. Dường như hiện nay đang có nhu cầu khá lớn ở các tỉnh về đào tạo kỹ năng thông tin và tuyên truyền. Tuy nhiên, số giáo viên, giảng viên và tài liệu giảng dạy lại không đảm bảo thỏa mãn được nhu cầu này.

Các lớp tập huấn về kỹ năng truyền thông do chương trình MRDP thực hiện ở các tỉnh dự án đã đạt được những thành công nhất định. Chỉ sau một số ngày tập huấn các cán bộ khuyến nông đã có thể tự làm được những tư liệu ảnh, áp phích, tờ gấp và nâng cao kỹ năng viết tin.

9. Hầu hết các trạm khuyến nông tỉnh và huyện đều thiếu các thiết bị sản xuất, cung cấp thông tin và tài liệu khuyến nông như ảnh, máy ảnh, máy chiếu phim dương bản, bảng đen...

10. Các cán bộ khuyến nông cơ sở thường khó có được những thông tin mà họ cần cho công việc từ các cấp trung ương, bộ, các trường đại học... Đồng thời họ cũng thiếu thông tin phản ánh từ cấp cơ sở đặc biệt là các vùng sâu vùng xa.

Một số ý kiến đề xuất trong việc tăng cường và cải tiến công tác thông tin khuyến nông

1. Vấn đề quan trọng nhất là tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động TTKN, trang bị vật tư, đào tạo kỹ thuật sử dụng và sản xuất phương tiện thông tin khuyến nông, Phối hợp với phương tiện thông tin đại chúng... ở cả cơ quan khuyến nông trung ương và địa phương.

2. Hoạt động thông tin khuyến nông cần được phối hợp với các tổ chức đoàn thể như (phụ nữ, thanh niên, phụ lão, trường học... để chuyển tải thông tin nhanh chóng, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông. Kinh nghiệm cho thấy tại các nước châu Á nhiều tổ chức tham gia vào các hoạt động khuyến nông trong đó đặc biệt là tổ chức thanh niên. Tại Mỹ, Anh, Canada và một số nước trên thế giới "Chương trình 4H" (heart, hand, head and heath) là một trong những hoạt động hiệu quả nhất của hoạt động khuyến nông từ hơn 100 năm trước cho đến nay. Thành công của công tác khuyến nông do chú trọng đến đối tượng thanh thiếu niên bởi vì đó là lực lượng năng động nhạy bén với kỹ thuật mới đồng thời họ được đào tạo chuẩn bị cho lao động trong tương lai... Tương tự "Chương trình 4H" tại một số tỉnh miền Nam cũng đã từng có chương trình được gọi là "Chương trình 4T" (tâm, tay, trí, thể). Trước mắt, việc phối hợp hoạt động thông tin khuyến nông với trường phổ thông địa phương vùng miền núi, đồng bào dân tộc sẽ rất hiệu quả bởi vì các em học sinh sẽ là người chuyển tải kiến thức mới, tiến bộ kỹ thuật tới cha mẹ khi họ không thạo tiếng Kinh.

3. Cán bộ KN cả cấp Trung ương và cơ sở cần có sự phối hợp thường xuyên chặt chẽ (bằng điện thoại, fax, nối mạng trên máy tính...) tạo thành mạng lưới thông tin hai chiều để có thông tin nhanh chóng hiệu quả.

4. Ở những vùng và những nhóm đồng bào dân tộc khác nhau đều có nhu cầu khác nhau về loại hình và nội dung thông tin. Những điều tra tìm hiểu nhu cầu về kỹ thuật, khả năng tiếp thu của bà con cũng cần được tiến hành trước khi sản xuất một tài liệu hoặc một chương trình khuyến nông.

5. Cần tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ khuyến nông cấp huyện và tỉnh về kỹ năng thông tin và sản xuất các tài liệu nghe nhìn. Các cán bộ khuyến nông ở các địa phương cần tự mình sản xuất được các ấn phẩm khuyến nông đơn giản, rẻ tiền đáp ứng nhu cầu người dân địa phương. Đồng thời các cán bộ này cũng được tập huấn về cách viết bài cho các báo, tạp chí cũng như hợp tác với các cơ quan thông tin đại chúng. Các tài liệu tập huấn cho các cấp tỉnh và huyện được

chuẩn bị kỹ càng và càng sớm càng tốt.

6. Các lớp tập huấn về truyền thông và thông tin cần được bổ sung vào chương trình của Khoa khuyến nông ở các trường đại học hoặc trung học để sinh viên có thể nâng cao kỹ năng thông tin và áp dụng sau khi ra trường.

7. Các cán bộ khuyến nông cần nghiên cứu các kinh nghiệm của các vùng khác ở Châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Indônêxia, Đài Loan, Philippin liên quan đến các hoạt động tập huấn và thông tin.

8. Các dự án thí điểm cần bổ sung cho các vùng sâu, vùng xa để nâng cao kiến thức cho nông dân về thông tin, đặc biệt là các vùng khó đi lại. Chẳng hạn như thông tin cho bà con về giá cả thị trường hàng ngày hoặc thành lập các câu lạc bộ khuyến nông có tủ sách KN, bảng tin, tập huấn KN ở phạm vi làng, xã.

9. Việc phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng ở trung ương và địa phương cần được củng cố và nâng cao, các cán bộ khuyến nông và các đại diện của các cơ quan này cần phối hợp và làm việc có hiệu quả hơn nhằm mở rộng kênh thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đồng thời cũng có thể sản xuất nhiều chương trình khuyến nông mang tính giải trí chẳng hạn như vở kịch vui, câu chuyện truyền thanh của vùng sông Cửu Long. Tại nhiều nước châu Á cũng như châu Âu các chủ đề thông tin khuyến nông được phối hợp với chương trình giải trí do đó trở nên rất phổ thông đối với công chúng. Ở Anh, hàng ngày trên đài có chương trình rất thành công trên 50 năm nay gọi là "*The Archers*" nói về cuộc sống hàng ngày của một gia đình nông dân. Một phương pháp khác là sử dụng các truyền thống văn hóa địa phương để truyền tải thông tin như: âm nhạc, múa rối, kịch ... Để đáp ứng sự mong mỏi của người dân, các chuyên gia cần trả lời các câu hỏi của họ trên các chương trình T.V, đài và trên báo. Các phương tiện truyền thông đại chúng là phương tiện rất tốt để truyền đạt những thông tin phản hồi từ người nông dân, tuy nhiên để làm tốt công việc này vai trò chính lại là cán bộ khuyến nông.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Hội thảo Khuyến nông lâm Quốc gia

**CÁC CHUYÊN ĐỀ TRONG
KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM**

ĐÀO TẠO KHUYẾN LÂM
CÁC VẤN ĐỀ VÀ TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH
LÂM NGHIỆP XÃ HỘI DÀNH CHO ĐÀO TẠO CÁN BỘ
LÂM NGHIỆP BẬC CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC

*Bardolf Paul
Helvetas, SFSP*

Tóm tắt nội dung

Báo cáo này mô tả ngắn gọn tiến trình phát triển của khóa đào tạo chuyên ngành mới về LNXH tại Trường Đại học lâm nghiệp Xuân Mai, Hà Tây. Trong quá trình phát triển chương trình đã xuất hiện một số vấn đề có liên quan và được thảo luận.

Mối liên quan của chủ đề này với đề tài hội thảo quốc gia về khuyến nông khuyến lâm cơ bản dựa trên quan điểm: Lâm nghiệp xã hội (LNXH) quan tâm chủ yếu tới các vấn đề có liên quan đến khuyến lâm. Vì vậy, nội dung chính của các khóa đào tạo LNXH đề cập trực tiếp đến các kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết cho hoạt động khuyến lâm.

Tiến trình được áp dụng trong công tác xây dựng chương trình đã kết hợp một phương pháp tiếp cận mới, mang tính tham gia nhiều hơn, lôi kéo sự tham gia của một số cá nhân và cơ quan chủ chốt. Phương pháp tiếp cận mới này được bổ sung thông qua việc áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, lấy sinh viên làm cơ sở. Việc kết hợp giữa hai phương pháp mới này tạo ra một môi trường học tập hoàn toàn khác nhau trong lớp học và tại hiện trường.

Trong các thảo luận tại hội thảo quốc gia, người ta đã đưa ra quan điểm xem xét khả năng thiết lập hệ thống đào tạo khuyến lâm dựa trên các kinh nghiệm đã có như sau :

Nghiên cứu xem làm thế nào để phát triển và tổ chức một cách tốt nhất một hệ thống đào tạo khuyến lâm đáp ứng được nhu cầu đào tạo khuyến lâm đa dạng ở tất cả mọi cấp trên toàn quốc.

Nghiên cứu nên:

1. Đáp ứng những yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực, phát triển tổ chức và phát triển chương trình hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo khuyến nông lâm hôm nay và trong tương lai.
2. Đánh giá mối liên quan và tính hiệu quả của các hoạt động đào tạo khuyến lâm hiện nay; và
3. Đề xuất với Chính phủ Việt Nam một số thay đổi chính sách cần thiết nhằm nâng cao hoặc tháo gỡ khó khăn trong việc phát triển một hệ thống đào tạo khuyến lâm thích hợp.

ĐÀO TẠO KHUYẾN LÂM

**Các vấn đề và tiến trình phát triển chương trình LNXH
dành cho đào tạo cán bộ lâm nghiệp bậc cao đẳng và đại học¹**

Bối cảnh

Từ đầu năm 1996, chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội² đã hỗ trợ phát triển học phần đào tạo mới cho sinh viên học lâm nghiệp tại năm trường đại học có giảng dạy lâm nghiệp tại Việt Nam³. Các học phần mới này tập trung hơn vào khía cạnh xã hội trong hoạt động lâm nghiệp, và được gọi theo một tên thích hợp hơn là "lâm nghiệp xã hội".

Quá trình phát triển chương trình mới cho LNXH phản ánh những thay đổi hiện nay trong việc quản lý rừng ở Việt Nam, trong đó, ngày càng nhiều đất rừng chưa sử dụng được giao cho người dân quản lý, dựa trên cơ sở mỗi hộ gia đình.

Các hoạt động hỗ trợ cần thiết nhằm giúp đỡ các gia đình nông dân này vẫn chưa được phát triển đầy đủ. Hơn nữa, các kỹ năng cơ bản cần thiết để đáp ứng với hình thức lâm nghiệp mới đang gần như không tồn tại, điều đó giải thích tại sao người ta nhấn mạnh nhiều vào phát triển các khoá đào tạo mới trong LNXH.

Trung tâm đào tạo LNXH thuộc Trường Đại học lâm nghiệp Xuân Mai, cùng với một số trường đại học khác, được sự hỗ trợ của chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội đã phát triển giáo trình mới cho khoá đào tạo chuyên ngành 300 giờ trên lớp cho sinh viên năm cuối của hệ cử nhân đại học. Tiến trình trên và một số vấn đề đề cập được tóm tắt trong báo cáo này.

Phát triển chương trình cho đào tạo chuyên ngành trong LNXH

Các bước cơ bản của tiến trình

Bảng 1 cho thấy các bước cơ bản trong tiến trình phát triển chương trình bắt đầu từ đầu năm 1996, được đề cập nhiều nhất tại hội thảo quốc gia về nhu cầu đào tạo LNXH và tiếp tục cho đến cuối năm đó.

Đó là một tiến trình khá phức tạp và lâu dài, đã được trình bày chi tiết⁴ trong phần tài liệu báo cáo của hội thảo.

Các bước chủ yếu được tiến hành là:

¹ Báo cáo này dựa trên phần trình bày tại Hội thảo toàn quốc về khuyến nông lâm tại Hà Nội, ngày 18-20 tháng 11 năm 1997.

² Chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội do SDC, Cơ quan Thụy Sĩ về hợp tác phát triển, tài trợ, và Helvetas, tổ chức Thụy Sĩ về hợp tác quốc tế, thực hiện.

³ Trường đại học nông lâm Thái Nguyên, Trường đại học lâm nghiệp Xuân Mai, Trường đại học nông lâm Huế, Trường đại học nông lâm Thủ Đức và Trường đại học Tây Nguyên.

⁴ Xem báo cáo về nhu cầu đào tạo LNXH tại Hội thảo quốc gia, Helvetas, 1996.

- Tháng 8 năm 96 - đào tạo về phát triển chương trình mang tính tham gia cho một nhóm giảng viên được chọn lựa
- Tháng 9 năm 96 - một cuộc khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo⁵ được tiến hành tại một số khu vực tiêu biểu của cả nước (xem sơ đồ ở phụ lục).
- Tháng 10 năm 1996 - Các kết quả của một số thăm dò đánh giá nhu cầu đào tạo các miền được tổng kết và chỉnh lý tại các hội thảo miền
- Tháng 10 năm 1996 - Các kết quả trên được tổng hợp lại và phát triển
- Tháng 11 năm 1996 - Các khung chương trình trong mỗi môn học được chuẩn bị cho khoá đào tạo chuyên ngành
- Tháng 11 năm 1996 - Các khung chương trình được tổng kết và hoàn thành tại hội thảo quốc gia
- Tháng 7 năm 1997 - Chính phủ cho phép đưa vào thực hiện khoá đào tạo chuyên ngành
- Tháng 7 năm 1997 - Thành lập các nhóm công tác cho mỗi môn học và chương trình cụ thể được chuẩn bị với sự hỗ trợ của các cố vấn nước ngoài.

Khoá đào tạo chuyên ngành được đưa vào giảng dạy trong tháng 9 năm 1997 với 25 sinh viên đang học tại trường đại học lâm nghiệp và kéo dài tới tháng 12. Sinh viên đi thực địa tại Cao Bằng trong tháng 12.

Nội dung khoá đào tạo chuyên ngành

Năm môn học chính trong khoá đào tạo chuyên ngành là :

- Phương pháp đánh giá nông thôn
- Nông nghiệp cho cán bộ lâm nghiệp
- Phương pháp, hướng tiếp cận và kỹ thuật khuyến nông lâm
- Các hệ thống canh tác và sử dụng đất
- Lập và quản lý dự án LNXH

Vì các môn học này đã được chọn ra dựa trên cơ sở đợt khảo sát thăm dò đánh giá nhu cầu đào tạo, có thể nói rằng các sinh viên tốt nghiệp sẽ tìm được công việc phù hợp khá dễ dàng, cả ở các cơ quan nhà nước hay các tổ chức phi chính phủ (ví dụ với các dự án phát triển hay các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực lâm nghiệp).

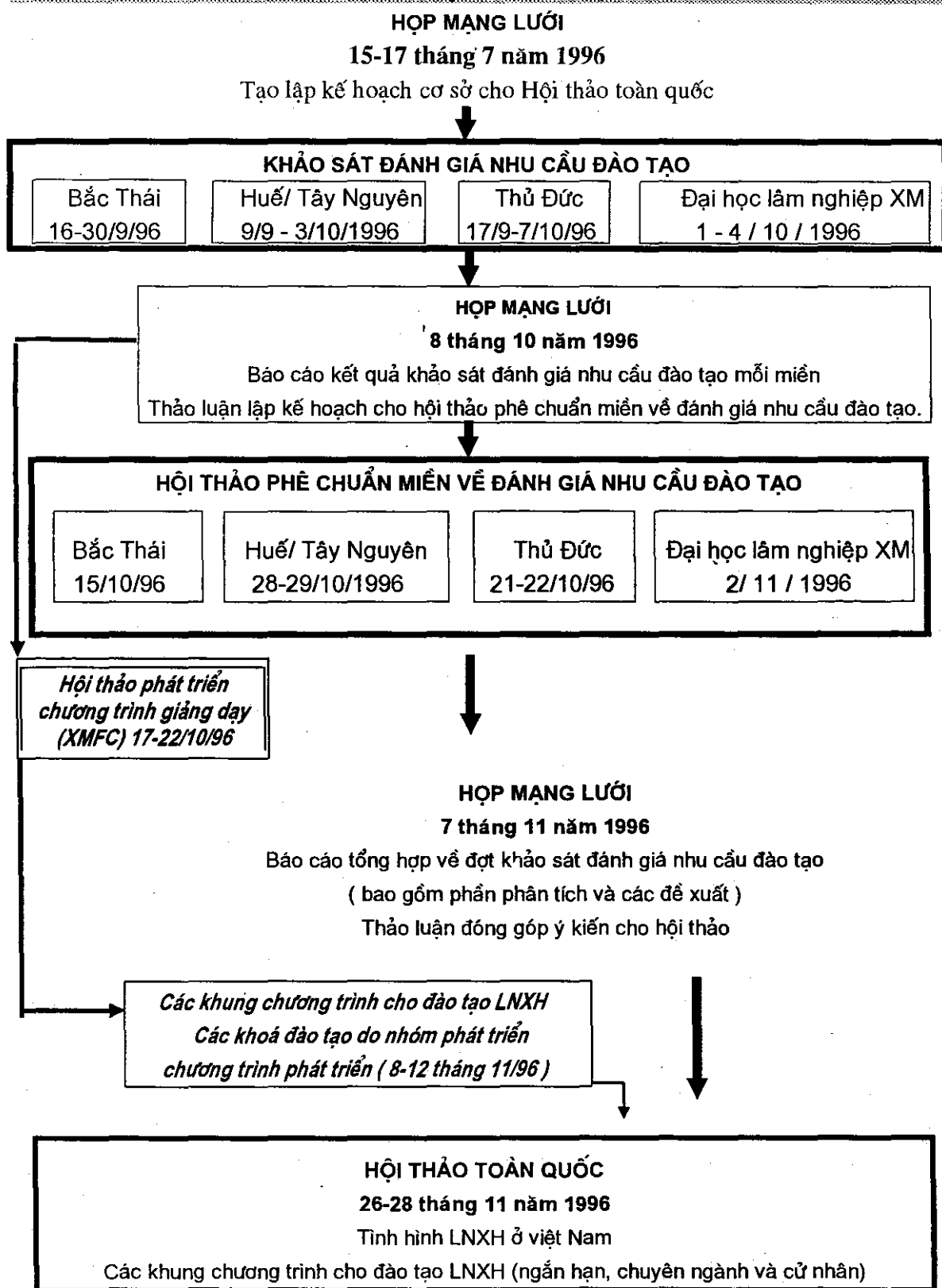
Nội dung mỗi môn học được triển khai bởi một nhóm hoạt động với thành viên là các giảng viên một số trường đại học và các cố vấn nước ngoài của một số tổ chức, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan chính phủ và các dự án song phương, đa phương.

Gần cuối tiến trình, một số cố vấn nước ngoài⁶ đã tham gia đánh giá và gợi ý cho phần chỉnh lý cuối cùng.

⁵ Đánh giá nhu cầu đào tạo tại Việt Nam: tóm tắt kết quả đợt khảo sát quốc gia, Helvetas 1996.

⁶ Hai người của khoa LNXH Trường đại học tổng hợp Philippine, Los Banos (UPLB) và một người từ Trung tâm nghiên cứu vùng khô hạn (CAZS), Trường đại học Wales, Bangor.

Bảng 1: Các hoạt động tiền tới Hội thảo toàn quốc về đào tạo LNXH ở Việt Nam



Phân nhấn mạnh chính được đặt ra trong việc áp dụng các phương pháp tiếp cận và nội dung có ở mỗi môn trong số năm môn học để đảm bảo tính tương thích giữa các môn học, và đảm bảo sẽ không có sự lặp lại không cần thiết nào trong nội dung môn học. Nỗ lực này đã không thành công hoàn toàn, đặc biệt trong các phần sau :

Các vấn đề nảy sinh

Mặc dù tiến trình nói trên đã hoạt động khá trôi chảy nhưng vẫn nảy sinh một số vấn đề:

- Phương pháp tiếp cận và đa phần trong tiến trình là hoàn toàn mới đối với hầu hết người tham dự⁷. Ví dụ, trước đây không có kinh nghiệm sử dụng phương pháp đánh giá nhu cầu đào tạo để quyết định nội dung và loại hình chương trình đào tạo, vì vậy mất khá nhiều thời gian học tập để đào tạo học viên tìm cách phác thảo đánh giá nhu cầu đào tạo và sử dụng một số phương pháp cơ bản. Tương tự như vậy, tiến trình phát triển chương trình mang tính tham gia nói chung chưa được biết đến và cần mất nhiều thời gian để học và áp dụng.
- Khung thời gian chủ yếu chuẩn bị cho hội thảo toàn quốc khá ngắn, có nghĩa là không thể tiến hành một cuộc khảo sát và phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo một cách hoàn hảo và toàn diện. Mặc dù các số liệu đưa ra chấp nhận được nhưng các số liệu này hoàn toàn không phải là tiêu biểu. Cần tiến hành nghiên cứu thêm khi tiến trình phát triển chương trình vẫn tiếp tục và trong khoá đào tạo chuyên ngành, người ta đang chờ đợi các thay đổi tiếp theo.
- Thời gian kể từ khi chính phủ chấp thuận tới giai đoạn bắt đầu đào tạo chuyên ngành rất ngắn - tổng cộng chỉ có hai tháng. Mặc dù rất nhiều công việc chuẩn bị đã được thực hiện trước trong quá trình phát triển khoá học, giai đoạn cuối cùng về phát triển nội dung đào tạo, kế hoạch bài giảng và vật dụng giảng dạy còn rất hạn chế. Cần tiếp tục các công việc cải thiện một số mặt trong khoá đào tạo.
- Môn Nông nghiệp đại cương nhằm cung cấp cho các sinh viên lâm nghiệp một số hiểu biết về: người nông dân nghĩ thế nào, quyết định các hoạt động sản xuất và phi sản xuất ra sao ví dụ, những lý do để chọn một hoạt động hay phương pháp thực hành cụ thể là gì ? Chúng tương thích với các hoạt động và phương pháp thực hành khác ra sao ? Hy vọng rằng với hiểu biết này, sinh viên có thể có khả năng nhìn nhận các hoạt động lâm nghiệp hay trồng rừng phù hợp trong phạm vi các mối quan tâm và ưu tiên của người nông dân. Như điều này chỉ ra, cần nhấn mạnh thêm vào kỹ thuật canh tác.
- Một trong các mục tiêu của môn học về hệ thống canh tác và sử dụng đất là tránh một phương pháp tiếp cận về sử dụng đất mang tính kỹ trị, và đặc biệt tránh xu hướng thông thường đi tìm các mô hình hay các giải pháp kỹ thuật cứng nhắc, cố định. Rất nhiều nhấn mạnh được đặt ra để xem xét các động lực cũng như tính kinh tế của các phương pháp thực hành sử dụng đất khác nhau.

⁷ Khoa LNXH Trường đại học nông lâm Thủ Đức đã có một số kinh nghiệm về đánh giá nhu cầu đào tạo.

Người ta không đạt được mục tiêu này, và trong trường hợp này, nhiều sinh viên đã bày tỏ sự không hài lòng về cách trình bày của học phần này.

- Trong tất cả các trường hợp, người ta dự định để các đại diện nhiều kinh nghiệm đến từ các dự án khác nhau trình bày kinh nghiệm của họ trong việc thực hiện các chương trình LNXH. Vì thời gian có hạn, không thể thực hiện điều này trong khoá đào tạo đầu tiên, hy vọng năm 1998 sẽ làm được.

Các kết quả quan trọng

Mặc dù nảy sinh một số khó khăn nhưng đã có các kết quả quan trọng như:

- Đánh giá nhu cầu đào tạo được xem như công cụ chủ yếu để quyết định quy mô và nội dung phát triển chương trình trong tương lai. Giờ đây, mọi người có kinh nghiệm với các phương pháp, người ta thống nhất sử dụng phương pháp đánh giá nhu cầu đào tạo trong việc phát triển các khoá đào tạo trong tương lai.
- Có sự tham gia khá đầy đủ của một số cán bộ chủ chốt tiêu biểu tại mỗi giai đoạn của tiến trình. Trong tương lai gần, sẽ có một đợt tổng kết sâu rộng về đào tạo chuyên ngành, lôi kéo sự tham gia của nhiều sinh viên, giảng viên, cán bộ chủ chốt và các ngành có liên quan. Người ta sẽ đánh giá tất cả các khía cạnh của khoá đào tạo với mục đích tạo ra những thay đổi tích cực trước kỳ học năm 1998.
- Phát triển chương trình mang tính tham gia (PCD) được thừa nhận là phương pháp được ưa chuộng cho việc phát triển khoá đào tạo trong tương lai. Vì tới nay đã có một số kinh nghiệm với phương pháp PCD, các khoá học trong tương lai dường như sẽ có ý nghĩa hơn, hay hơn và có liên quan nhiều hơn.
- Từ cuối năm 1995 đã có một số khoá đào tạo về phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm cơ sở, đặc biệt là khoá đào tạo chuyên sâu trong ba tuần cho một nhóm các giảng viên trường đại học diễn ra trong tháng 6 năm 1997. Các phương pháp này đã được áp dụng trong giảng dạy của khoá đào tạo chuyên ngành, vì vậy giờ đây trên giảng đường đã có một phương pháp tiếp cận mang tính tương tác hơn. Sinh viên có các phản ứng tích cực đối với việc thay đổi phương pháp tiếp cận này và người ta đã lập ra các kế hoạch để mở rộng các phương pháp này tới tất cả các lĩnh vực giảng dạy của trường đại học.
- Các bài tập hiện trường cho đào tạo chuyên ngành diễn ra tại tỉnh Cao Bằng, dưới sự tài trợ của dự án Helvetas Cao Bằng. Sinh viên thực tập cùng với cán bộ dự án Helvetas trong phần phân thảo một số phương pháp đánh giá nông thôn chủ đề gắn liền với các mục tiêu phát triển của dự án Cao Bằng, và tập trung vào các chủ đề mà sinh viên muốn nghiên cứu. Các nhóm sinh viên hoạt động tại ba làng, áp dụng được rất nhiều những điều mà họ đã được học trên lớp trong phạm vi năm môn học của LNXH. Họ phân tích kết quả với dân bản, và cùng họ chuẩn bị các kế hoạch cho phần hỗ trợ của dự án Helvetas. Năm sinh viên đã được chọn làm luận án tốt nghiệp tại Cao Bằng, tiếp tục đi sâu dựa trên những công việc hiện trường ban đầu của họ.

Các vấn đề chính trong đào tạo

Tiến trình này xác định nhiều vấn đề quan tâm về: đào tạo cán bộ lâm nghiệp đáp ứng thực tế mà họ có thể gặp phải trong công việc của mình, đặc biệt tại hiện trường. Cần phải thay đổi nhiều phương pháp tiếp cận, thực hành thông thường. Một trong những mối quan tâm cơ bản là sự thiếu vắng hiện nay của một số cơ cấu tổ chức hoặc hệ thống đào tạo trong khuyến nông lâm.

Đa dạng hoá các phương pháp giảng dạy và đào tạo trên giảng đường

Các phương pháp giáo dục truyền thống trong đào tạo lâm nghiệp dựa trên phương pháp tiếp cận được nhà trường giảng dạy, đưa lại một bài học chuẩn mực, cố định cho sinh viên, những người ghi chép và đặt ra câu hỏi theo trách nhiệm phải làm. Một phương pháp tiếp cận rất dễ và đơn giản cho mọi người có liên quan, vì không ai, sinh viên hay giảng viên, phải tốn nhiều công sức cho tiến trình.

Điều này mang lại kết quả là một nhóm khá nhiều người giống nhau, chưa được học cách đặt câu hỏi, thiếu khả năng phân tích trong công việc. Nếu người ta chỉ có các mối quan hệ qua lại với cây cối thì có lẽ đây là cơ sở!

Điều khá lạ lùng là một ngành khoa học đề cập tới một sự đa dạng đến khó tin như vậy trên thực địa - tức là trong rừng - lại bỏ qua một trong những nguyên tắc cơ bản của tự nhiên là tránh việc đơn giản hoá và đồng hoá mọi vật; tăng cường tính đa dạng. Chỉ ở riêng Việt Nam đã có hàng ngàn loài cây. Tại sao lại nhiều như vậy? Chúng ta cần khuyến khích đa dạng sinh học bằng trí tuệ khi chúng ta đang nghiên cứu và làm việc trong thiên nhiên.

Vì vậy, một trong những vấn đề đầu tiên cần đặt ra trong phát triển các khoá đào tạo LNXH mới là làm sao trong quá trình học hỏi đánh giá, phát triển một trí tuệ mở mang, linh hoạt và luôn học hỏi. Một cơ chế khá quan trọng là phác thảo chương trình và các kế hoạch giảng dạy của mỗi cá nhân để kết hợp với các phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm cơ sở. Các phương pháp này sẽ khuyến khích thảo luận và tự do tư duy khi nghiên cứu các vấn đề cơ bản và đưa ra sáng kiến.

Ưu tiên trước mắt là thay đổi thái độ và cách ứng xử

Trong giáo dục và đào tạo lâm nghiệp, thường người ta đặt ra ưu tiên trước nhất cho phát triển kiến thức và kỹ năng. Tuy điều này rất quan trọng - đặc biệt là các kỹ năng giao tiếp - nhưng thường phẩm chất quan trọng nhất của người làm công tác khuyến nông khuyến lâm là thái độ và cách ứng xử của họ đối với người dân sống ở nông thôn. Khuyến nông lâm thành công là dựa trên việc xây dựng thành công các mối quan hệ.

Vậy đào tạo kỹ năng này thế nào? Không dễ gì thay đổi thái độ của một con người ngay trên lớp. Nhờ quá trình lâu dài khi đi thực địa và có các mối liên hệ với người dân mà người ta mới thay đổi được thái độ của mình. Khi đào tạo, chúng tôi nhất thiết cần trình bày các phương cách giúp mọi người có được thái độ và cách ứng xử đúng đắn.

Một số mối quan tâm trong tương lai

Nếu tất cả những điều trên là kết quả của sự hỗ trợ của các dự án nước ngoài, ta cần nói tới một số quan tâm về tính tiếp tục và tính bền vững trong tương lai của một số hướng tiếp cận và phương pháp trong đào tạo. Chúng tôi chưa thể biết lớp sinh viên sắp tốt nghiệp sẽ làm việc có hiệu quả ra sao sau khi rời ghế nhà trường. Các nghiên cứu ở mỗi "chặng" sẽ là rất thiết yếu để theo sát thành quả của sinh viên và xác định các kiến thức học đường của họ có giá trị tới mức nào. Sau khoá đào tạo, sinh viên tốt nghiệp nên tham gia vào một số đợt tổng kết chương trình giảng dạy trong tương lai, vì họ sẽ có khả năng đưa ra những nhận định mang tính phân tích phê bình đối với tính phù hợp và hiệu quả của quá trình đào tạo họ đã trải qua.

Cách làm này - sử dụng các phương pháp và hướng tiếp cận mới có phụ thuộc vào sự hỗ trợ tiếp tục từ bên ngoài hay không ? Có vẻ đó là sự công nhận chung các phương pháp làm việc - phát triển chương trình mang tính tham gia, phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm cơ sở. Tuy nhiên, để giới thiệu và đưa vào thực hiện các phương pháp này, cũng phải có chi phí của nó. Cần đào tạo chuyên sâu trước khi một cán bộ có thể sử dụng các phương pháp này, và phải đầu tư khá nhiều thời gian để thực hiện. Trong tương lai, ai sẽ đảm đương những điều này ? Hiện tại, chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội gần như bao cấp toàn bộ và có thể nói rằng đây là tình trạng phổ biến, ở nơi đang diễn ra những bước khởi đầu như thế.

Làm thế nào để phổ biến các phương pháp này trong toàn bộ hệ thống giáo dục một cách tốt nhất ? Làm sao để Chính phủ chấp thuận phương pháp tiếp cận mới này ? Những gì tới nay có được quả là những kinh nghiệm bổ ích, nhưng chúng ta biết rằng sẽ rất khó khăn để một mình trong cả một hệ thống lớn, duy trì giữ vững những thay đổi mang tính cải tổ. Cần nỗ lực đặc biệt để trình bày và đề đạt những lợi thế có được từ các phương pháp tiếp cận này với các cán bộ quản lý và những nhà hoạch định chính sách. Ở một số điểm, cần tổng hợp các kinh nghiệm từ những người trước đây đã có kinh nghiệm trong cải tổ về đào tạo và giáo dục.

Kết luận

Trong giai đoạn mới của chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội, nội dung của chương trình⁸ cơ bản dựa trên những nghiên cứu, bài học có được tới nay. Chương trình đã mở rộng phạm vi thêm một số đối tác chính thức khác⁹ và đẩy nhanh sự phát triển và việc thực hiện chương trình đào tạo mới, thông qua các phương pháp và chương trình giảng dạy mới cũng như môi trường học tập đã được nâng cao.

Chương trình mới được xây dựng theo ba mục tiêu chính :

- Phát triển nguồn nhân lực
- Tạo kiến thức
- Trao đổi thông tin

⁸ Xem văn kiện chương trình của chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội, Helvetas 1997.

⁹ Năm trường đại học, Viện nông hoá thổ nhưỡng (NISF) và Trung tâm khuyến nông lâm tỉnh Hoà Bình.

Phần phổ cập nông lâm nghiệp sẽ vẫn tiếp tục là lĩnh vực nghiên cứu chính, đề cập đến cả ba mục tiêu trên. Mối liên kết giữa giảng đường và thực địa rất khắt khe và không phải luôn dễ dàng duy trì được vì nó đòi hỏi nỗ lực và cống hiến đặc biệt mới đảm bảo được mối liên kết này.

Hội thảo quốc gia về khuyến nông lâm đã đưa ra nhiều điểm liên quan tới chương trình giảng dạy (xin xem nghị quyết và các điểm thảo luận trong Phụ lục I và II). Điểm thảo luận quan trọng nhất được đặt ra là nhu cầu thiết lập chính sách và hướng dẫn cho một số dạng hệ thống đào tạo cho khuyến nông lâm. Hiện tại, các nỗ lực còn khá rời rạc và dường như thiếu khả năng trong việc sử dụng các nguồn cho đào tạo khuyến nông lâm. Giờ đây đã có đủ các kinh nghiệm để tạo ra một cơ sở vững vàng cho thảo luận và phân tích, có thể áp dụng vào việc thiết kế một hệ thống đào tạo khuyến nông lâm toàn diện.

Phụ lục I: Các đề xuất chính thức của Ban công tác đào tạo khuyến nông lâm

Tiến hành nghiên cứu về phát triển và tổ chức hệ thống đào tạo khuyến nông lâm đáp ứng các nhu cầu đa dạng về đào tạo khuyến nông lâm ở mọi cấp trong toàn quốc.

Nghiên cứu nên :

- 1) Đáp ứng các yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực, phát triển tổ chức, phát triển chương trình. Các yếu tố này sẽ hỗ trợ các hoạt động đào tạo khuyến nông lâm hôm nay và trong tương lai.
- 2) Xác định mối liên quan và tính hiệu quả của các hoạt động hiện nay trong đào tạo khuyến nông lâm; và
- 3) Đề xuất với Chính phủ Việt Nam một số sửa đổi cần thiết về chính sách, nâng cao hay tháo gỡ khó khăn trong quá trình phát triển của một hệ thống đào tạo khuyến nông lâm phù hợp.

Một số đề xuất của Ban công tác đào tạo khuyến nông lâm

- Tập trung đào tạo hơn vào các phương pháp khuyến nông lâm và các môn học phi kỹ thuật, ví dụ môn kinh tế học hay marketing
- Xem xét việc thành lập một trung tâm đào tạo khuyến nông lâm
- Lập chính sách cho các dự án do nước ngoài tài trợ nhằm xây dựng hoạt động đào tạo khuyến nông lâm tại địa phương
- Lập nguyên tắc chọn lựa về trình độ chuyên môn cũng như phẩm chất của cán bộ khuyến nông lâm
- Đặt ra một số ưu tiên cho phát triển hệ thống
- Việc chọn lựa sinh viên là rất quan trọng, đặc biệt cho các vùng sâu vùng xa (người dân địa phương là tốt nhất).

Phụ lục II: Thảo luận tại hội thảo toàn quốc về các vấn đề trong đào tạo khuyến nông lâm

Tại hội thảo toàn quốc đã diễn ra các thảo luận về vấn đề đào tạo khuyến nông lâm. Các điểm chính được tóm tắt dưới đây :

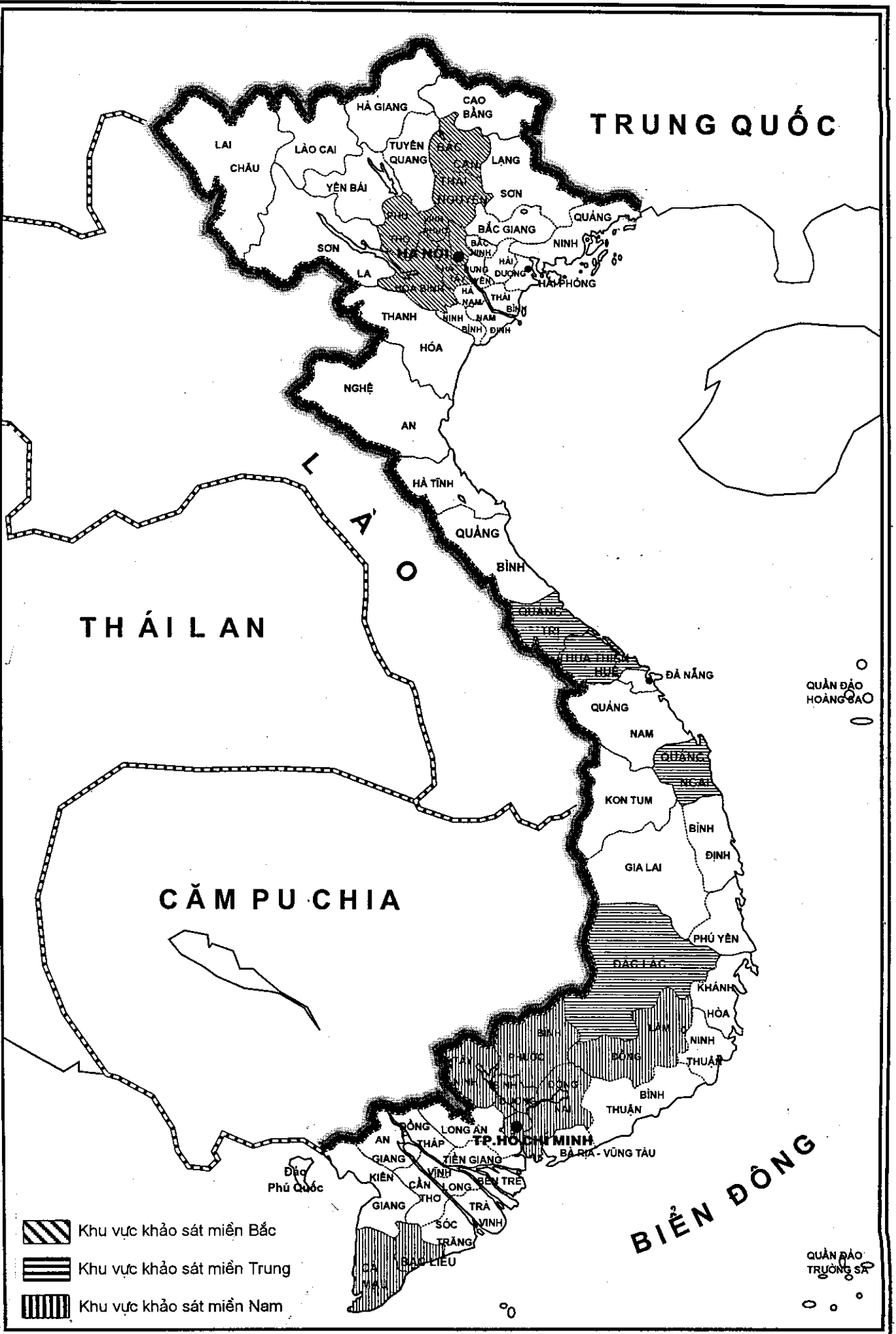
- Nhu cầu đề nghị chính phủ Việt Nam thiết lập đường lối chính sách rõ ràng về hệ thống khuyến nông lâm ở Việt Nam và xác định rõ các dạng phương pháp khuyến nông lâm mà chính phủ Việt Nam có thể hỗ trợ. Ví dụ, nếu vấn đề giảm nghèo là một mục tiêu chính sách chính, lúc đó điều này sẽ ảnh hưởng tới việc hệ thống khuyến nông lâm điều tiết các hỗ trợ như thế nào. Nếu mục tiêu chính là giúp cho người nông dân giàu hơn, lúc đó sẽ có một cơ chế và trọng tâm hoàn toàn khác cho hệ thống khuyến nông lâm. Hiện nay, có rất nhiều phương pháp tiếp cận đang được áp dụng, một số phương pháp đang mâu thuẫn trực tiếp với các phương pháp khác về mặt phương pháp luận và triết học (đôi khi hai phương pháp tiếp cận mâu thuẫn lại cùng được một cán bộ khuyến nông lâm sử dụng). Những phương pháp tiếp cận khác nhau này cần được phân tích về tính phù hợp và tính hiệu quả, và lựa chọn một số phương pháp để nhận được sự hỗ trợ của chính phủ.
- Rõ ràng người ta không thể áp dụng các phương pháp tiếp cận vào các cộng đồng vùng xa, vùng núi và vùng đệm giống với các phương pháp tiếp cận đã được sử dụng thành công tại cộng đồng vùng đồng bằng, nơi gần chợ búa và có nhiều dịch vụ hỗ trợ. Các phương pháp tiếp cận khuyến nông lâm cần được điều chỉnh khác nhau sao cho phù hợp với các điều kiện hoàn toàn khác nhau của mỗi địa điểm. Có nghĩa rằng các chương trình đào tạo đã định rõ rất cần cho cán bộ khuyến nông lâm làm việc theo các điều kiện khác nhau.
- Hệ thống đào tạo trong khuyến nông lâm nên bổ sung cho hệ thống khuyến nông lâm, bởi vì người ta không thể phát triển một phương pháp tiếp cận có hệ thống cho phát triển hệ thống đào tạo LNXH trước khi các phương pháp khuyến nông lâm được xác định một cách rõ ràng hơn và các chính sách được thông qua.
- Bước đầu tiên cần thiết khi xây dựng hệ thống đào tạo là tạo năng lực cho cán bộ giảng dạy cũng như cơ quan của họ. Khâu chuẩn bị cho đào tạo trong khuyến nông lâm thường xuyên sơ sài, bài giảng nghèo nàn vì thiếu các nguồn lực và điều kiện.
- Đặt ra các ưu tiên về đối tượng được đào tạo trước tiên. Nếu làm một lúc thì có quá nhiều người để đào tạo. Hình thức đào tạo sẽ khác nhau theo các nhóm được chọn để đào tạo - đây cũng là một lý do khác để đặt ra ưu tiên.
- Tập trung đầu tiên vào phát triển nguồn nhân lực. Điều cần thiết là xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên đã qua đào tạo trước khi tiến hành đào tạo với quy mô rộng. Hầu hết khâu đào tạo tới nay thiếu tính liên quan cả về mặt nội dung và phương pháp giảng dạy. Cần có nỗ lực lớn để phát triển năng lực trong tiến trình phát triển chương trình và phương pháp luận giảng dạy.

- Cần đưa ra các cơ sở về tổ chức cho đào tạo khuyến nông lâm và chuẩn bị kỹ lưỡng. Hiện nay, có quá nhiều các cơ quan tham gia vào hoạt động đào tạo khuyến nông lâm nhưng hoàn toàn không có kế hoạch tổng thể hay lập chương trình hợp tác cho hoạt động cụ thể của mỗi người. Thường thì các cơ quan tổ chức có mối quan hệ gần gũi nhất với những người cần đào tạo lại không tham gia trực tiếp vào đào tạo - các khoá đào tạo và giảng viên do nơi khác đưa đến. Các trường trung cấp kỹ thuật hình như rất thích hợp để đáp ứng các nhu cầu đào tạo khuyến nông lâm ở địa phương. Tuy nhiên, người ta hầu như bỏ qua các trường kỹ thuật này. Các trường đều đang cần các hỗ trợ thực sự để có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo liên quan.
- Nhiều dự án do nước ngoài tài trợ đang hỗ trợ các hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, có xu hướng đưa các chuyên gia từ bên ngoài vào và bỏ qua nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong nước. Đó là cơ hội đã bị bỏ lỡ mà chính phủ Việt Nam nên khôi phục khi đàm phán các hiệp định song phương và đa phương trong tương lai.
- Các chủ đề ưu tiên trong đào tạo khuyến nông lâm là kinh tế/marketing và các phương pháp khuyến nông lâm. Các đề tài kỹ thuật không được coi là ưu tiên.

CÁC CHỮ VIẾT TẮT VÀ TÊN NƯỚC NGOÀI

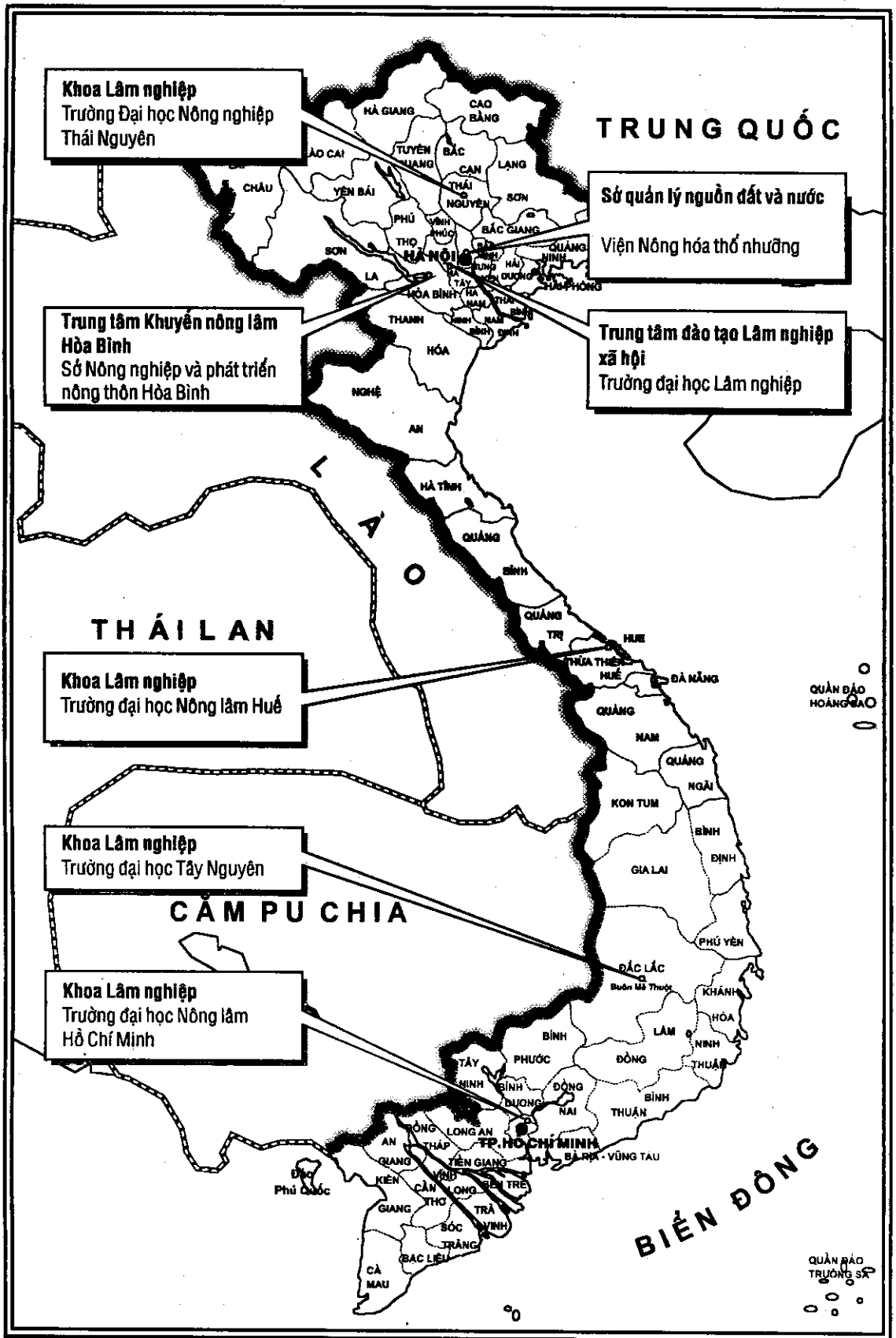
CAZS	Trung tâm nghiên cứu vùng khô hạn
GO	Tổ chức chính phủ
GOVN	Chính phủ Việt Nam
Helvetas	Tổ chức Thụy Sĩ về hợp tác quốc tế
LCTM	Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm cơ sở
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PCD	Phát triển chương trình mang tính tham gia
SDC	Cơ quan Thụy Sĩ về hợp tác phát triển
SFSP	Chương trình hỗ trợ LNXH
TNA	Đánh giá nhu cầu đào tạo
UPLB	Trường đại học tổng hợp Philippine tại Los Banos

Các khu vực khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo



Phụ lục III

Vị trí các đối tác của chương trình hỗ trợ lâm nghiệp xã hội



NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ GIỚI TRONG KHUYẾN NÔNG

SỰ KHÁC NHAU CỦA PHỤ NỮ VÀ NAM GIỚI

VỀ CÁCH THAM GIA VÀ TRUYỀN ĐẠT

Nguyễn Thị Hằng

Trung tâm nghiên cứu và phát triển Ong

Giới thiệu

Ưu tiên trong khuyến nông, như giúp đỡ những người nông dân nghèo nhất trong cộng đồng thường mâu thuẫn với cơ cấu và phương pháp truyền thống. Nhiều chương trình KN thường không tới được phần đông người nghèo vì đa số họ thường là phụ nữ. Việc lập kế hoạch chung và nội dung của khuyến nông thường không được xây dựng trên quan niệm của phụ nữ về phát triển hộ và kinh tế hộ. Nó không đề cập đến “kinh tế xã hội” gồm cả kinh tế hộ và kinh tế thôn bản. Dịch vụ khuyến nông thường được coi là phương tiện giúp đỡ nông dân chỉ đơn giản là tăng và điều chỉnh sản xuất để có thể hoà nhập vào kinh tế thị trường. Trong khi khuyến nông dường như là chỉ tập trung vào xuất khẩu, trồng trọt, sản xuất độc canh khuyến khích đầu tư, chăn nuôi đại gia súc và trang trại lớn thì phụ nữ nghèo chỉ tham gia vào sản xuất tự túc tự cấp mà thôi.

Để phát triển dịch vụ khuyến nông phù hợp với phụ nữ không đơn giản là chỉ tuyển thêm cán bộ khuyến nông nữ hay mở các lớp tập huấn về giới mà nó bao gồm nhiều lĩnh vực khác nữa. Dịch vụ khuyến nông sẽ mang lại lợi ích cho tất cả người dân trong thôn bản khi nó mang lại lợi ích cho nhiều phụ nữ hơn và sử dụng phương pháp cân nhắc sự tham gia và cách truyền đạt của phụ nữ. Khai thác ý tưởng và áp dụng sáng kiến mới để giúp phụ nữ trong các hoạt động khuyến nông và phát triển nông thôn cần được khuyến khích vì nhiều lý do bởi vì nó động viên được sức mạnh của toàn bộ thành viên trong gia đình cũng như thôn bản.

Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam-Thụy Điển đã hỗ trợ xây dựng một bộ phim video để minh hoạ sự khác nhau của phụ nữ về lối suy nghĩ, truyền đạt và biểu lộ ước mơ cũng như cách tham gia xây dựng kinh tế thôn bản. Đây là một nghiên cứu điển hình về phụ nữ người dân tộc Dao ở bản Nậm Pươi, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Bộ phim video này dựa trên ba bước của “quá trình sáng tạo” thuộc Chương trình phát triển nông thôn miền núi. Ở phần đầu, phụ nữ được phỏng vấn về ước mơ và nguyện vọng “viễn cảnh”. Ở phần thứ hai, họ mô tả về cuộc sống hiện tại của mình và cuốn phim, họ đề xuất một số hành động cụ thể: Họ cần làm gì để đạt được ước mơ của mình và cần được giúp đỡ những gì?

Bộ phim không được xây dựng theo cách làm truyền thống nghĩa là viết kịch bản hoặc phân cảnh trước hoặc không phải là chuyện kể, chỉ có phụ nữ nói mà thôi. Bộ phim này được gọi là “*phim video cơ sở*” và chỉ có phụ nữ tham gia trong quá trình quay phim mà thôi. Vào các buổi tối, chúng tôi chiếu lại những phần đã quay trong ngày cho cả làng xem. Họ sẽ quyết định sẽ bỏ hoặc thêm cảnh nào. Một máy quay phim đơn giản được sử dụng nên không cần một người quay phim chuyên nghiệp. Nhóm làm phim chỉ có hai phụ nữ: Một người phỏng vấn phụ nữ Dao, còn người kia quay phim. Bộ phim có thể được sử dụng làm tài liệu và thảo luận trong

các lớp tập huấn cho các cán bộ KN nhằm phát triển thêm phương pháp khuyến nông có nhiều phụ nữ tham gia. Nó có thể được chiếu cho các địa phương khác xem để khuyến khích những phụ nữ nói về ước mơ, nguyện vọng, khó khăn và ý kiến làm thế nào để cải thiện được cuộc sống của mình. Phim video cơ sở cũng là một phương tiện tốt để cải tiến “thông tin hai chiều”. Nó cũng cung cấp thêm thông tin cho cán bộ lãnh đạo về hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của người dân ở cơ sở.

Kết quả và bài học từ bộ phim video

Mặc dù, giải thích mục đích chuyến đi khá muộn cho người dân ở bản Nậm Pươi nhưng nhiều phụ nữ kể cả người già và trẻ cũng đồng ý nói chuyện với chúng tôi. Khi chúng tôi hỏi, họ trả lời rất tự nhiên và không xấu hổ khi được quay phim. Họ nêu nguyện vọng, ước mơ và mô tả cuộc sống hàng ngày và ý nghĩ của mình rất rõ ràng. Mặc dù, rất bận và không có nhiều thời gian nhưng họ giúp chúng tôi rất nhiệt tình. Thời gian ở Nậm Pươi, chúng tôi rút ra một số kinh nghiệm như sau:

- Phụ nữ thường ngại nói khi có nhiều nam giới ở xung quanh. Khi có mặt, nam giới thường hay trả lời thay cho phụ nữ. Khi thoải mái, phụ nữ nói chuyện rất nhiều.
- So với nam giới, ước mơ và nguyện vọng của phụ nữ rất đơn giản. Kết quả của một số nghiên cứu khác cũng cho thấy phụ nữ quan tâm chủ yếu đến nhu cầu sinh hoạt hàng ngày ví dụ: an toàn lương thực, nguồn nước - cả nước uống và tưới tiêu, củi đun, giáo dục cho bản thân và con cái họ (Rita and Hang 1997). Theo Ian Christoplos (1996: 7), phụ nữ thường kết hợp chăn nuôi nhỏ với trồng cây lương thực, rau, quả với phương pháp đầu tư thấp trong vườn quanh nhà và đất đai của gia đình.
- Họ đều muốn nhận được giống mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, chất đất... của địa phương.
- Tất cả phụ nữ chỉ nghĩ đến sản xuất tự cấp tự túc mà thôi, họ không quan tâm gì đến sản xuất kinh doanh. Nếu làm ra nhiều thóc, ngô và sắn hơn thì họ vẫn chỉ muốn dự trữ cho tương lai chứ không muốn bán.
- Hiểu rất rõ về các hoạt động nông nghiệp, họ đề nghị rằng sự trợ giúp, hỗ trợ cần đúng thời gian kèm theo hướng dẫn rõ ràng và cụ thể của cán bộ KN.
- Họ cũng muốn có giáo viên ở tại thôn bản để dạy cho con cái mình.
- Phụ nữ vẫn ít có cơ hội tham dự các cuộc họp thôn bản, quá trình ra quyết định hay nhận được các thông tin quan trọng, ví dụ như các chính sách mới của Chính phủ, khuyến nông, tiến công bảo vệ rừng... Hiển nhiên là họ ít có cơ hội được đi học, hay nhận các dịch vụ KN và tập huấn KN. Phụ nữ đề nghị cần thường xuyên tổ chức họp cho phụ nữ để họ có thể giúp đỡ lẫn nhau cải thiện kinh tế gia đình. Họ còn muốn nhận thêm các loại thông tin tuyên truyền.
- Phim video cơ sở là công cụ có hiệu quả, dễ và phổ biến để ghi lại và trình bày nguyện vọng của phụ nữ, cuộc sống hiện tại và ý kiến của họ tới nhiều người bao gồm cả những người ra quyết định. Tuy nhiên, việc làm phim video cơ sở là một phương pháp mới chưa phổ biến ở Việt Nam nên còn gặp một số khó khăn nhất định. Ví dụ một số người đã yêu cầu chúng tôi bỏ một số câu nói của phụ nữ trong phim vì họ đã đưa ra nhận xét mang tính chất phê bình một vài hoạt động của chính quyền địa phương và người Kinh sống ở khu vực đó. Về vấn đề

này, cần giải thích rõ hơn cho các cơ quan có liên quan về mục đích làm phim. Việc phụ nữ nói đúng hay sai không quan trọng lắm. Nếu họ chưa hiểu đúng, cần thông tin tuyên truyền nhiều hơn để giúp họ nhận thức đúng đắn. Tuy nhiên, điều này cho thấy lắng nghe ý kiến của phụ nữ vẫn còn là một vấn đề không phải là dễ.

Kết luận và đề xuất

- Cần phát triển thêm các hoạt động khuyến nông có nhiều phụ nữ tham gia từ trung ương đến địa phương. Việc này nên bắt đầu ngay từ khi lập kế hoạch thôn bản. Nếu cần thiết, nên tổ chức các buổi họp riêng cho phụ nữ sau đó rồi mới họp chung cả nam giới và phụ nữ. Điều quan trọng là các lớp tập huấn và trợ giúp kỹ thuật cần được tổ chức theo cách khuyến khích phụ nữ tham gia hoàn toàn. Khi tổ chức tập huấn và hội họp, cần phải xem xét thời gian trong năm cho phù hợp chẳng hạn như vào lúc phụ nữ không bận công việc đồng áng. Con cái họ cũng cần có người chăm sóc để chị em yên tâm đi học. Sau tất cả các lớp tập huấn, cần phải tiếp tục hướng dẫn kỹ thuật để đảm bảo chắc chắn rằng các thông tin đã được chuyển giao một cách chính xác. Cần tổ chức thêm nhiều các chuyến nông dân đi thăm nông dân để tăng sự tham gia của phụ nữ.
- Xây dựng cán bộ “nữ đi tiên phong”- cán bộ nguồn ở từng thôn bản. Văn phòng dự án cần có danh sách những người này và cán bộ dự án nên làm việc với họ.
- Mạng lưới KN cần có thêm cán bộ nữ, cán bộ KN phải tôn trọng nông dân và lắng nghe ý kiến của họ cẩn thận, đặc biệt là phụ nữ. Điều này dường như là dễ nhưng nó là vấn đề thiết yếu và là vấn đề rất khó và thay đổi không phải dễ.
- Để giúp phụ nữ dân tộc, những người không biết nói giỏi tiếng Kinh, biết ít hoặc gần như mù chữ, cần phát triển thêm các loại truyền thông đại chúng đặc biệt về nhiều chủ đề cho các lớp tập huấn và thông tin gồm nhiều hình vẽ đơn giản hoặc ảnh để minh họa. Lý tưởng hơn là nó nên phản ánh tập quán, văn hoá địa phương cũng như là sự tiếp cận với phụ nữ. Ví dụ như các hình ảnh nam giới được thay bằng hình ảnh phụ nữ vay vốn tín dụng, trồng cây.
- Cần tăng cường hợp tác với phương tiện truyền thông đại chúng về các chương trình khuyến nông định hướng cho phụ nữ có nhiều phụ nữ tham gia.
- Các cán bộ khuyến nông địa phương cần xây dựng nhiều phim video cấp cơ sở. Cần tập huấn cho họ thật rõ ràng và đầy đủ về mục đích làm các phim này. Ngoài ra cần thông báo cho các nhà lãnh đạo Sở Văn hoá và Thông tin của tỉnh biết mục đích làm phim để tránh những vấn đề mâu thuẫn. Ở những vùng mà người dân không nói được tiếng Kinh, cần làm phim bằng tiếng dân tộc của họ. Tổ làm phim cần sử dụng những phương pháp phù hợp tiếp cận với nông dân đặc biệt là phụ nữ. Cần tạo không khí thân mật giữa người địa phương và tổ làm phim và đó là cơ sở cho sự thành công.
- Để giúp đỡ cả phụ nữ và nam giới, cần phải làm phim tương tự cho nam giới. Từ đó có thể thấy rõ hơn sự khác nhau về suy nghĩ và thông tin giữa nam giới và phụ nữ, từ đó để xây dựng chiến lược KN phù hợp cho cả nam và nữ giới.
- Vào bất cứ lúc nào, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng lãnh đạo của phụ nữ cần được khích lệ để tăng niềm tự tin của họ khi nói chuyện ở chỗ đông người.

KHUYẾN NÔNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Nguyễn Tử Siêm, Nguyễn Hải Nam, Bùi Thế Hùng - MRDP

Về thành tựu khuyến nông đã có nhiều tổng kết đề cập. Trong bài này chúng tôi sẽ bàn nhiều đến những hạn chế của khuyến nông đối với miền núi và gợi ra những suy nghĩ làm thế nào để khuyến nông đáp ứng tốt hơn nhu cầu của đồng bào dân tộc ở vùng cao vùng xa hiện còn ít được hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới.

Đặc điểm miền núi và công tác khuyến nông

Miền núi và vùng cao của nước ta thuộc địa bàn của 39 tỉnh, trong đó 24 tỉnh có huyện xã vùng cao và 30 tỉnh có huyện, xã miền núi. Cả nước có 121 huyện vùng cao gồm 2061 xã và 87 huyện miền núi gồm 1763 xã. Riêng miền núi phía Bắc có 61 huyện vùng cao và 51 huyện miền núi. So với các khu vực khác, vùng miền núi có những khó khăn riêng có thể tóm tắt là:

Địa hình bị phân cắt. Đất dốc dễ bị xói mòn và rửa trôi.

- Miền núi phía Bắc có đặc điểm khí hậu nhiệt đới không điển hình và tiểu khí hậu biến động, do vậy động thực vật và cơ cấu sản xuất rất đa dạng.
- Hạ tầng cơ sở kém, giao thông, thủy lợi, cung cấp điện nước, trạm xá, trường học... đều còn thiếu thốn.
- Là địa bàn cư trú của nhiều nhóm dân tộc thiểu số. Mỗi nhóm dân tộc có phong tục, tập quán và văn hoá đặc thù. Đồng bào dân tộc thuộc nhóm nghèo nhất trong cộng đồng nông dân Việt Nam, ví dụ có thể thấy tình hình này khi so sánh ở huyện Lộc Bình, Lạng Sơn (bảng 1):
- Là vùng còn thiếu lương thực, sản xuất mang tính tự cấp tự túc, nông phẩm còn ít và gặp khó khăn trong việc tiêu thụ.

Bảng 1. Phân loại hộ theo nhóm dân tộc ở Lộc bình (Lạng sơn)

Dân tộc	Số hộ giàu (%)	Số hộ nghèo (%)
Kinh	24,1	14,5
Hoa	6,7	6,6
Tày	5,6	23,8
Nùng	1,4	26,9
Bình quân Lạng Sơn	6,3	24,0

So sánh sau đây minh hoạ cho những đặc điểm trên (bảng 2).

Bảng 2. So sánh huyện đồng bằng, vùng cao và miền núi

Chỉ tiêu	Quốc Oai (Hà Tây)	Bảo Thắng (Lào Cai)	Sapa (Lào Cai)
Diện tích (ha)	12 400	64 046	67 905
Dân số(người)	138 000	72 081	33 017
Số xã	20	15	18
Số thôn	101	151	86
Số hộ	27 000	14 887	4 691
Số dân tộc	2	4	8
	Kinh 99%	Dao+Tày 35%	Dao+H'mông 45%
% số xã có điện	100	50	0
BQ LT (kg/ng/năm)	320	156	148
Đến xã xa nhất (km)	15	30	67
Thời gian đi	1/2 giờ	1-2 giờ	2 ngày
Số CB KN	12	8	4

Từ thực trạng trên có thể thấy rằng chính sách chung cho toàn quốc về khuyến nông sẽ khó có thể phát huy được hiệu lực, nếu không được cụ thể hoá để có thể thích hợp với điều kiện địa phương và cộng đồng dân tộc miền núi.

Việc giao đất đến hộ nông dân là tiền đề quan trọng cho phát triển nông thôn, nhưng vấn đề quan trọng và khó khăn hơn là làm sao giúp đồng bào dân tộc sử dụng có hiệu quả đất đai của họ. Ở huyện Lộc Bình (Lạng Sơn) đất ruộng đã được giao cho hộ, nhưng một số hộ người Nùng vẫn cho người Kinh dưới xuôi lên thuê đất để trồng dưa hấu với giá 100 kg thóc/sào/vụ vì họ không được sự giúp đỡ về cách trồng dưa hấu và tiêu thụ sản phẩm ở đâu. Cũng như vậy, hàng năm Lào Cai vẫn phải nhập từ Trung Quốc 600-700 tấn giống khoai tây với giá 3000đ/kg. Trong khi đó ở Sa pa người nông dân có thể sản xuất và nắm được kỹ thuật để giống khoai tây nhưng vì họ thiếu vốn để đầu tư và lực lượng khuyến nông của huyện cũng chưa được hỗ trợ để đảm đương được việc này.

Hiện trạng khuyến nông miền núi phía Bắc

Về tổ chức khuyến nông ở cấp tỉnh và huyện

Hệ thống khuyến nông nhà nước chỉ mới được hình thành thống nhất ở cấp tỉnh với việc thành lập các Trung tâm Khuyến nông có từ 10 đến 25 người. Từ cấp huyện đến thôn bản, hệ thống khuyến nông thay đổi về mặt tổ chức, quản lý và phương thức hoạt động tùy theo sự qui định của chính quyền địa phương cấp tỉnh. Phần lớn các tỉnh đều thành lập trạm khuyến nông huyện, trực thuộc UBND huyện về mặt hành chính và chịu sự quản lý nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh và hình thức này được coi là hợp lý nhờ mọi hoạt động của Trạm được gắn liền với địa phương. Với biên chế ít, trang thiết bị và phương tiện thiếu, lại cách trở giao thông nếu trực thuộc hoàn toàn vào Trung tâm tỉnh thì trạm huyện khó có thể hoạt động có hiệu quả.

Có tỉnh chủ trương không lập Trạm khuyến nông huyện (ví dụ Cao Bằng), mà chỉ định một tổ (từ 3 đến 5) người làm khuyến nông thuộc biên chế phòng nông lâm nghiệp. Nguyên nhân chính là do không có đủ cán bộ vì số lượng cán bộ huyện được chia theo đầu dân (tổng số cán bộ huyện Quảng Uyên khổng lồ là 93 người, so với huyện Quốc Oai, Hà Tây 125 người).

Một vài tỉnh (Tuyên Quang, Bắc Cạn, Thái Nguyên) ngoài Ban khuyến nông huyện (2-3 người) còn tổ chức các Trạm khuyến nông cụm xã (3-5 người). Số cán bộ này được trả lương và do Trung tâm Khuyến nông tỉnh hoặc UBND huyện điều hành. Tỉnh Tuyên Quang có số cán bộ khuyến nông được trả lương là 317 người (14 người ở Trung tâm Khuyến nông tỉnh, 29 người thuộc Ban khuyến nông huyện, 130 người tại các cụm xã và 144 người làm việc tại xã) và 843 khuyến nông viên ở tại các thôn bản vùng sâu vùng xa được trả phụ cấp. Các cách sắp xếp về tổ chức nêu trên mặc dù đều phù hợp với Nghị định 13 của Chính phủ song có sự khác nhau ít nhiều do điều kiện riêng của mỗi tỉnh. Chúng ta cần tổng kết để trao đổi tìm ra những kinh nghiệm trước khi đề xuất một khung tổ chức cho các địa phương hơn là áp dụng một khung tổ chức cứng nhắc chung cho toàn quốc.

Tỉnh Cao Bằng cho biết chỉ có 3 đơn vị khuyến nông của các huyện Nguyên Bình, Trùng Khánh và Quảng Hoà là có hoạt động. Các huyện khác (Bảo Lạc, Thông Nông, Trà Lĩnh, Thạch An và Hà Quảng) đơn vị khuyến nông hoạt động còn rất yếu. Mối liên hệ của tỉnh với khuyến nông huyện cũng rất yếu. Từ khi thành lập (1993) đến nay chưa bao giờ Trung tâm khuyến nông hợp với đơn vị khuyến nông huyện. Ở những nơi mà đơn vị khuyến nông nằm trong phòng nông lâm huyện thì công tác khuyến nông thường bị lu mờ do phòng phải đáp ứng quá nhiều nhiệm vụ khác.

Về hệ thống khuyến nông ở cơ sở

Có thể nói mạng lưới khuyến nông cơ sở hiện nay ở các tỉnh miền núi còn rất yếu hoặc chưa hình thành. Trong tình hình rất hạn chế về biên chế và ngân sách, đã có một số tỉnh bố trí cán bộ khuyến nông trong biên chế đến cụm xã (Tuyên Quang, Bắc Cạn, Thái Nguyên...), hoặc một số tỉnh thuê cán bộ khuyến nông dưới dạng hợp đồng thời vụ để làm việc ở cấp xã (Cao Bằng, Lạng Sơn), với thù lao khoảng 200.000 đ/tháng.

Do việc hợp tác xã không còn hoạt động, hoặc chỉ tồn tại trên danh nghĩa, nên cán bộ khuyến nông triển khai các hoạt động thường phải dựa vào trưởng thôn. Họ chưa tập hợp được đông đảo nông dân vào các nhóm, tổ hay câu lạc bộ khuyến nông ở địa phương.

Về cán bộ khuyến nông

Thiếu trầm trọng về mặt số lượng

Huyện Bảo Lạc (Cao Bằng) có diện tích bằng cả tỉnh Thái Bình, ở cách xa thị xã trên 140 km và điều kiện giao thông rất khó khăn nhưng chỉ có 1 kỹ sư, 1 trung cấp để hoạt động trên địa bàn 25 xã. Từ huyện vào các xã Nam Quang, Tân Việt, Yên Thổ xa 80 km đi bộ mất 3 ngày. Không phải vấn đề biên chế quyết định tất cả, nhưng để đẩy mạnh công tác khuyến nông ở các huyện miền núi khó khăn như

trên, cần thiết phải có đủ số lượng cán bộ bao gồm các chuyên môn khác nhau mới có thể đảm đương được nhiệm vụ.

Thiếu đồng bộ về loại hình ngành nghề

Ở nhiều huyện miền núi chỉ có cán bộ thuộc một hai chuyên ngành (phần lớn là trồng trọt và chăn nuôi) và còn thiếu nhiều cán bộ thuộc lĩnh vực khác như thú y, lâm sinh, tín dụng, thủy lợi... Các cán bộ thuộc chuyên môn cây trồng vật nuôi cũng chỉ được đào tạo về kỹ thuật trong trường trước đây và hiện nay họ không được trang bị thêm về kỹ năng và phương pháp khuyến nông (xác định nhu cầu nông dân, kế hoạch sử dụng nguồn lực nông hộ như đất đai, lao động, vốn...). Rất nhiều người chưa có dịp được học tập hoặc đi tham quan ngoài nơi công tác. Do vậy, *hoạt động của họ thường hạn chế trong khuôn khổ phổ biến kỹ thuật về một cây trồng hoặc vật nuôi*, có khi chỉ thông qua những tài liệu được cung cấp sẵn. Rất hiếm có các hoạt động khuyến nông được mở rộng ra phạm vi hệ thống cơ cấu cây trồng và gắn với điều kiện sản xuất của địa phương cũng như các yếu tố phi kỹ thuật (nhu cầu và năng lực nông dân, nguồn vốn, vật tư, chế biến, thị trường...). Còn rất thiếu cán bộ phát triển nông thôn miền núi có kinh nghiệm và có hiểu biết về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội của đồng bào dân tộc để làm việc trực tiếp với người dân ở cấp xã và thôn bản.

Thiếu cán bộ là người dân tộc

Ở huyện Lộc Bình có 5 cán bộ khuyến nông thì có 3 người Tày, 1 Nùng, 1 Kinh cho nên rất thuận lợi trong giao tiếp với dân. Ngược lại, ở Sapa có 8 dân tộc, rất ít người biết tiếng Kinh và tiếng dân tộc khác, nhưng cán bộ Trạm Khuyến nông đều là người Kinh, giao tiếp với dân đều phải qua phiên dịch là trưởng thôn, khó có thể nói là việc thông tin qua lại thực hiện nhanh chóng và chính xác. Ở huyện Hoàng Su Phì càng khó hơn vì trong số 52.520 dân có tới 11 dân tộc, chỉ có 263 người Kinh. Với trình độ văn hoá thấp, nhiều nơi 1/3 cán bộ xã không biết chữ; nhiều xã chiêu sinh lớp 4 để đào tạo cũng không có. Cần có chính sách đặc biệt của nhà nước về đào tạo cán bộ cho những vùng này.

Về hoạt động khuyến nông

Theo cách tổ chức hiện thời thì công tác khuyến nông ở địa phương khá phân tán (phòng trừ sâu bệnh do trạm BVTV làm, bệnh gia súc do trạm Thú y đảm nhận, giống cây do Công ty Giống cung ứng,...).

Việc phối hợp các chuyên ngành với nhau còn lỏng lẻo, trong khi nông dân cần sự hỗ trợ rất kịp thời và đồng bộ. Chẳng hạn ở Trùng Khánh khi 60% diện tích lúa đã bị bỏ trĩ vẫn chưa tổ chức phun thuốc được.

Hiện thời hoạt động khuyến nông chủ yếu là thực hiện các chương trình khuyến nông được cấp trên giao, vì chỉ như vậy mới có kinh phí hoạt động. Đặc điểm chung của các chương trình này là *chỉ chú trọng đến chuyển giao kỹ thuật, ít chú ý đến các yếu tố phi kỹ thuật* (tức là các điều kiện kinh tế, xã hội, vốn, thị trường...) *bảo đảm cho kỹ thuật chuyển giao được tiếp nhận và áp dụng lâu bền.*

Thông thường khi chuyển giao kỹ thuật một cây trồng hoặc vật nuôi cho nông dân, cán bộ khuyến nông chỉ chú ý đến việc phổ biến các biện pháp kỹ thuật riêng rẽ thông qua các buổi tập huấn hoặc làm một vài mô hình nhỏ mà ít đi sâu vào phổ biến các giải pháp kỹ thuật đồng bộ cho cả hệ thống sản xuất.

Nhìn chung có thể nói rằng hoạt **động khuyến nông theo hướng cung cấp các kỹ thuật** được cán bộ kỹ thuật coi là tốt nhằm khuyến cáo nông dân làm theo. Một mặt do chưa có các hình thức tổ chức khuyến nông địa phương (tổ nhóm sở thích, CLB khuyến nông...) làm việc hàng ngày với nông dân, mặt khác do hạn hẹp về kinh phí, *nên việc thu thập nhu cầu, nguyện vọng nông dân để đáp ứng đúng cái mà họ cần thì còn rất hạn chế.*

Chuyển giao giống mới là nội dung phổ biến hơn cả. Mỗi giống mới được đưa vào sản xuất đại trà đều có những ưu điểm không thể phủ nhận, song sự thành công và *mức độ tiếp nhận của nông dân miền núi rất khác nhau.* Chẳng hạn ở Quảng Uyên (Cao Bằng) huyện chủ trương thay thế 100% diện tích ngô bằng giống ngô lai DK 888. Giá ngô giống là 38 000 đ/kg, huyện đã trợ giá 30 000 đ nhưng dân vẫn không trồng. Đó là do ngô lai đòi hỏi đầu tư cao, lúc trở cò bị hạn dễ mất trắng. Thu hoạch lại vào lúc phải bận cấy lúa và gặp vụ mưa không phơi được. Bắp ngô không được lá bi che kín nên dễ bị mốc, mọt, phải bán nhanh với giá rẻ. Giống ngô trắng địa phương tuy năng suất chỉ bằng nửa (2,5 T/ha), nhưng chất lượng phù hợp với khẩu vị của người dân hơn. Tình hình cũng tương tự đối với giống ngô lai LVN-6 ở Lục Khu, Hà Quảng, lúc thu hoạch bán rẻ 600 đ/kg nhưng cũng không bán được.

Do không yên tâm về giống, nhiều hộ nông dân đã gieo lẫn ngô thuần với ngô lai với hy vọng sẽ tạo ra giống mới vừa có năng suất cao, vừa ngon, mà tự để giống được! Điều đó nói lên khó khăn của người dân miền núi trong việc chọn lựa kỹ thuật phù hợp với hoàn cảnh của họ.

Một ví dụ khác về sự chấp nhận đối với giống lúa. Huyện Trùng Khánh trồng giống lúa lai Sán ưu 63 có tiềm năng năng suất 6 T/ha, gieo tháng 5 cấy cuối tháng 6 đã gặp sâu năn và bọ xít phá rất nặng, do vậy nông dân phải bỏ không trồng nữa. Trong khi đó trồng giống lúa thuần Đoàn kết gieo tháng 4 cấy cuối tháng 5, không bị sâu bệnh, đầu tư thấp hơn, tuy chỉ đạt 4 T/ha nhưng dân vẫn chấp nhận vì làm chắc ăn và dân có thể tự để giống được.

Ở Sa Pa tình hình lại khác, lúa lai được chấp nhận do thời tiết thích hợp và người dân có tập quán và kinh nghiệm trồng lúa nước trên ruộng bậc thang. Người H'mông thích trồng lúa lai Nhị ưu 63 (13 trong 18 xã trồng, chiếm 50% diện tích lúa), năng suất đạt 5 T/ha so với giống lúa thuần địa phương (Tà Lùng, Sở Khoái) chỉ cho năng suất 1,8 T/ha.

Nhìn chung đồng bào vùng cao miền núi còn ít được hưởng thành quả khuyến nông. Giám đốc KN Cao Bằng có nhận xét: *"Các chương trình và qui chế khuyến nông hiện thời chỉ mới khuyến khích các hộ nông dân trung bình hoặc khá giả ở các vùng gần, nơi có dân trí khá. Còn các hộ nghèo ở vùng sâu thì dần còn chưa với tới được khuyến nông".*

Phương pháp khuyến nông áp dụng chủ yếu hiện nay là thực hiện các mô hình trình diễn kỹ thuật ở qui mô lớn. Các mô hình này thường được bố trí gần đường giao thông do vậy thường đón cán bộ đến tham quan nhiều hơn là để người nông dân có dịp học tập. Do đó đối với vùng núi cao tốt nhất chỉ nên làm các mô hình nhỏ ở ngay tại thôn bản vùng sâu, vùng xa để nông dân tới tham quan học tập trực tiếp.

Việc đào tạo cán bộ khuyến nông còn quá ít. Rất nhiều cán bộ chưa được tập huấn về nghiệp vụ khuyến nông.

Tập huấn nông dân chủ yếu cũng là phổ biến kỹ thuật, ít chú trọng đến cách thức làm ăn, kế hoạch kinh tế gia đình, kế hoạch sử dụng đất đai, lao động, vốn, chế biến và bảo quản nông sản phẩm...

Về kinh phí hoạt động

Kinh phí luôn là vấn đề gay gắt mà các địa phương miền núi nêu ra. Kinh phí của Trung ương nếu chia đều thì mỗi tỉnh cũng chỉ được khoảng 400 triệu/năm. Tuy nhiên, nguồn kinh phí này chủ yếu được sử dụng cho các chương trình trọng điểm, mà miền núi vùng cao lại không phải là địa bàn ưu tiên của các chương trình này. Bởi vậy kinh phí trung ương giành cho các tỉnh miền núi không nhiều (Ví dụ năm 1997: Hà Giang 224 triệu đồng, Tuyên Quang 132 triệu, Lạng Sơn 177 triệu, Cao Bằng 227 triệu, Yên Bái 316 triệu, Lào Cai 246 triệu). Khác với vùng đồng bằng, *các tỉnh miền núi không thể tự cân đối ngân sách* được, do vậy tất nhiên phần kinh phí giành cho khuyến nông không nhiều.

Các định mức chi phí cho hoạt động khuyến nông được áp dụng như nhau trong phạm vi toàn quốc là không thích hợp. Chẳng hạn mức khấu hao nơtr lỏng là 1,6 lít cho truyền tinh bò ở tỉnh miền núi (Cao Bằng khoảng cách tới điểm nhận 200 km) cũng bằng với ở đồng bằng (Hà Tây 10 km).

Về chính sách đối với người làm khuyến nông

Cán bộ khuyến nông, cũng như cán bộ trong các ngành khác, có mức chi thường xuyên khoảng 11 triệu/người/năm và được thanh toán công tác phí khi đi công tác quá 20 km với mức 20.000đ/ngày nhưng các chương trình khuyến nông lại không có chế độ cho người thực hiện. Những qui định này không khuyến khích cán bộ khuyến nông đi xuống cơ sở cho nên có nơi đành khống chế mỗi người chỉ được đi cơ sở không quá 10 ngày, nếu hơn nữa thì không thanh toán công tác phí.

Thật không hợp lý khi đi bộ leo dốc dưới 20 km thì không được thanh toán công tác phí trong khi đi xe trên 20 km một cách dễ dàng hơn thì lại được chấp nhận. Với mức lương bình quân 300.000đ/tháng và thu nhập trung bình của gia đình cán bộ khuyến nông bình quân dưới 100.000đ/người/tháng thì đời sống của họ rất khó khăn. Nhà nước cần sửa đổi bổ sung chế độ công tác phí, bồi dưỡng đã ngoại cho các cán bộ khuyến nông ở vùng cao thì mới tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích họ đi xuống thôn bản được.

Phương tiện của các Trung tâm và Trạm khuyến nông miền núi quá nghèo nàn làm hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận của người cán bộ khuyến nông đối với nông dân.

Làm thế nào để đồng bào dân tộc tiếp cận được khuyến nông

Về tổ chức mạng lưới khuyến nông cơ sở miền núi

Để người dân miền núi có thể tiếp cận tốt với khuyến nông thì việc thành lập và tăng cường hệ thống khuyến nông cơ sở, đặc biệt là từ cấp huyện xuống tới thôn bản là rất cần thiết. Trạm khuyến nông ở các huyện miền núi nên được tổ chức khác với các huyện miền xuôi nhằm đảm bảo được cả 3 chức năng: Xây dựng mạng lưới cơ sở, phổ biến kỹ thuật và phục vụ hỗ trợ. Trạm cần được coi như một đơn vị riêng không gắn với đơn vị quản lý nhà nước, có biên chế làm việc tại xã (hoặc cụm xã), bảo đảm mỗi xã có 1 cán bộ khuyến nông được nhà nước trả lương. Lực lượng này làm nòng cốt tổ chức và tư vấn cho công tác khuyến nông ở thôn bản.

Cần đào tạo nâng cao năng lực cán bộ của các Trung tâm tỉnh và Trạm huyện về kỹ năng tổ chức, hướng dẫn, điều hành, tập huấn... cho mạng lưới khuyến nông cơ sở. Đây chính là lực lượng khuyến nông nòng cốt, đưa sự hỗ trợ của nhà nước tới cộng đồng nông dân, thiếu họ thì khuyến nông cơ sở ở miền núi không thể tự thân phát triển được. Tuy nhiên, khuyến nông nhà nước không nên, và thực tế không thể làm thay khuyến nông ở cấp cơ sở.

Các tổ chức khuyến nông ở xã và thôn bản do chính người dân lập ra có sự hướng dẫn và giúp đỡ của Trạm khuyến nông huyện cần phải được mở rộng. Công tác khuyến nông phải được xã hội hoá cao độ với sự tham gia của các tổ chức nhân dân như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, VACVINA... Những tổ chức quần chúng này thường là những tổ chức có uy tín lớn, là cầu nối mật thiết giữa chính quyền và người dân.

Người làm khuyến nông

Nên đào tạo các KNV chuyên trách cho các thôn bản từ các cán bộ đoàn thể, trưởng thôn, cán bộ về hưu, cán bộ hợp tác xã... Đó là những người không những chỉ có kinh nghiệm làm ăn mà còn có khả năng thuyết phục bà con trong thôn bản vì họ được tin tưởng và kính trọng. Thực tế đã có rất nhiều người trong số họ làm việc tự nguyện hoặc chỉ nhận một phụ cấp khiêm tốn. Nếu chỉ dựa đơn thuần vào những nông dân giỏi như ở vùng miền xuôi là chưa đủ, vì lẽ họ chỉ có thể làm gương cho người xóm giềng, chứ khó có thể tổ chức nông dân lại.

Vùng sâu vùng xa cần phải có cán bộ KN người dân tộc, đào tạo tại chỗ để có người gần bó lâu dài, hiểu biết tập quán, ngôn ngữ, văn hoá dân tộc của họ.

Nội dung và phương pháp khuyến nông

Vì những lý do khác nhau, nội dung hoạt động khuyến nông hiện nay ở vùng miền núi tương đối hẹp, mới chỉ tập trung chủ yếu vào việc phổ biến kỹ thuật canh tác và giới thiệu giống mới. Do vậy cần phải mở rộng nội dung hỗ trợ nông dân miền núi về cách thức làm ăn, tổ chức kinh tế gia đình, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất, rừng, vốn, lao động...

Hoạt động của các đơn vị khuyến nông cũng không nên thu hẹp trong việc thực hiện các chương trình sản xuất một số cây con với giống mới. Đối với miền núi, rất cần cân nhắc thận trọng trong việc phổ biến các 'kỹ thuật mới' đòi hỏi kỹ

năng cao, đầu tư lớn, thị trường phụ thuộc vào bên ngoài... làm cho nông dân khó tiếp thu và không bền vững. Cần tiến hành điều tra nắm bắt nhu cầu nông dân để hoạt động khuyến nông đáp ứng thiết thực nguyện vọng của họ.

Hơn bất cứ ở đâu khác, hoạt động khuyến nông miền núi phải đi song song với việc giải quyết nguồn vốn tín dụng và trong trường hợp nhất định phải có hỗ trợ vật chất hoặc tài trợ ban đầu.

Công tác thông tin, tập huấn là hợp phần rất quan trọng, đặc biệt là bằng tiếng địa phương, trong đó hình ảnh, băng hình... tỏ ra có hiệu lực hơn là văn bản hay bài giảng dài.

Các đơn vị khuyến nông cần được trang bị các phương tiện tối thiểu để phục vụ việc thông tin, đi lại và in ấn các tài liệu tập huấn.

Các mô hình nên làm nhỏ (dưới 1 ha), phân tán, do hộ nông dân tự làm có sức thuyết phục cao hơn các mô hình lớn.

Về chính sách khuyến khích

- Phần lớn các tỉnh miền núi không tự cân đối được ngân sách, do vậy hỗ trợ kinh phí khuyến nông cần thiết phải được tăng cường.
- Trong các chương trình khuyến nông, tỷ lệ hỗ trợ vật tư hiện thời cho miền núi nên nâng từ 60% hiện thời lên 100%. Cần phát triển rộng rãi tín dụng quay vòng đến vùng xa, vì rằng khả năng đầu tư của nông dân miền núi quá thấp. *Điều này có thể không phù hợp với xu hướng chung là giảm dần hỗ trợ vật chất từ phía Chính phủ, nhưng riêng đối với đồng bào dân tộc miền núi, phải chăng phải là một ngoại lệ cần thiết trong giai đoạn đầu của phát triển nông thôn.*
- Cần định rõ các chế độ vật chất và đào tạo cho người làm khuyến nông miền núi thông qua việc sửa đổi, bổ sung, cụ thể hoá các Thông tư, Nghị định hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG ỨNG DỤNG TRONG CÁC ĐIỀU KIỆN CANH TÁC ĐA DẠNG Ở MIỀN NÚI: VÍ DỤ VỀ CÁC HỆ THỐNG CANH TÁC NGÔ

Edwin Shanks
(Chương trình PNTMN
Việt Nam - Thụy Điển)

Giới thiệu

Hiện tại Cục khuyến nông khuyến lâm đang triển khai 21 chương trình khuyến nông và 8 chương trình khuyến lâm quốc gia. Một trong những mục tiêu chính của những chương trình đó là khuyến khích và hỗ trợ người dân tích cực tham gia vào sản xuất lương thực, mùa vụ và chăn nuôi nhằm gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng trong nước cũng như để xuất khẩu. Đồng thời góp phần xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn. Đối với mùa vụ chính (lúa và ngô), các chương trình một mặt nâng cao năng suất lương thực, mặt khác bảo đảm an toàn lương thực.

Nói chung những kỹ thuật qua các chương trình quốc gia đã phù hợp hơn, đáp ứng được những mục tiêu đầu tiên của các hộ trang trại có nguồn lực và cơ hội tập trung vào sản xuất kinh doanh. Áp dụng các chương trình khuyến nông của Nhà nước đối với vùng núi cao xa xôi là nhiệm vụ rất khó khăn. Trong phần trình bày này, một trong những lý do chính cần được đưa ra trao đổi ở đây là do điều kiện canh tác ở các vùng núi cao xa xôi, hẻo lánh đa dạng hơn so với vùng miền xuôi đồng bằng. Đó là sự đa dạng về điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường và phương thức canh tác truyền thống của mỗi dân tộc. Do sự đa dạng về phương thức canh tác các mùa vụ lương thực chính cho nên các Chương trình khuyến nông cần phải có nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất lương thực.

Trong bản báo cáo này có sử dụng một ví dụ về hệ thống canh tác ngô ở miền núi phía Bắc để minh hoạ cho sự đa dạng ở vùng này, trong ba vùng sinh thái nông nghiệp lớn: i) vùng ven đồng bằng (Phú Thọ); ii) vùng trung du (Tuyên Quang); iii) vùng núi cao (Hà Giang).

Tài liệu bắt đầu bằng những phác thảo về mục tiêu và chiến lược của Chương trình khuyến nông sản xuất ngô quốc gia. Những hệ thống canh tác ngô hiện tại được mô tả theo các chỉ tiêu về môi trường, kinh tế - xã hội, mùa vụ và vị trí mùa vụ (Xem bảng 1, 2 và 3). Trong những bảng đó đã xác định được những tiềm năng của Chương trình khuyến nông. Về cơ bản, đã đưa ra được một số kiến nghị và kết luận đối với các Chương trình khuyến nông quốc gia về vấn đề có những ứng dụng tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu của dân trong vùng núi cao xa xôi, điều kiện canh tác đa dạng và phức tạp.

Chương trình phát triển ngô lai
- Những mục tiêu và chiến lược chính -

- Tăng diện tích canh tác và sản lượng ngô lai toàn quốc
- Đáp ứng nhu cầu thức ăn cho chăn nuôi
- Tăng sản xuất và sử dụng giống lai địa phương
- Tập trung nghiên cứu tạo giống mới phù hợp có thể phát triển ở các vùng dân tộc xa xôi hẻo lánh để đảm bảo an toàn lương thực.
- Hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân nhằm mở rộng diện tích sản xuất vụ ngô.
- Đưa giống ngô lai địa phương vào các vùng xa thông qua các mô hình trình diễn.

Trích: Sổ tay khuyến nông

**Bảng tóm tắt: Sự đa dạng của các hệ thống canh tác ngô ở vùng núi phía Bắc
(Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang)**

Tỉnh	Hệ thống	Dân tộc	Vụ / Mùa	Vị trí mùa vụ	Sử dụng	Giống	Sự thích ứng của chương trình khuyến nông
Hà Giang	Chuyên độc canh trên vùng núi cao	H'mông	Hè	Chính	Phân urê, đất, phân chuồng	Giống địa phương	Thấp
	Luân canh trên vùng cao với bỏ hoang	H'mông	Hè	Chính	Bỏ hoang	Giống địa phương	Thấp
	Luân canh trên vùng cao với bỏ hoang	Dao	Hè	Phụ	Bỏ hoang	Giống địa phương	Thấp
	Luân canh trên ruộng lúa bậc thang	Tày, Nùng, Dao	Xuân	Phụ	Phân HH và phân chuồng	Giống địa phương và cao sản	Trung bình - cao
	Luân canh trên bờ sông và triển đồi thấp	Tày, Nùng, Kinh	Thu/Xuân/Hè	Phụ	Phân bón HH và phân chuồng	Chủ yếu giống cao sản	Trung bình - cao
Tuyên Quang	Luân canh trên bờ sông và triển đồi thấp	Dao, Cao lan, Kinh	Thu/Xuân/Hè	Phụ	Phân bón HH và phân chuồng	Chủ yếu giống cao sản	Trung bình - cao
	Luân canh trên bờ sông và triển đồi trung bình	Tày	Hè	Phụ	Một số nông dân dùng phân hóa học	Giống địa phương và cao sản	Trung bình
	Trồng ngô trên đất lúa tiêu nước	Tày, Dao, Kinh	Xuân	Phụ	Phân HH và phân chuồng	Chủ yếu giống cao sản	Cao
Phú Thọ	Trồng ngô trên đất lúa tiêu nước	Kinh	Đông	Phụ	Phân hóa học	Chủ yếu giống cao sản	Cao
	Luân canh trên triển đồi thấp	Kinh	Thu/Xuân/Hè	Phụ	Phân hóa học	Chủ yếu giống cao sản	Cao

Một số kết luận và kiến nghị

Bảng trên cho thấy ở miền núi cao có nhiều hệ thống canh tác ngô và sự đa dạng giữa các hệ thống đó cũng lớn hơn. Sự đa dạng lớn này bao trùm hầu hết các khía cạnh của hệ thống canh tác gồm: mùa vụ, bảo tồn đất, kỹ thuật, phân bón, vị trí mùa vụ, giống và sử dụng mùa vụ .v.v...

- Công việc không chỉ tiến hành ở một Chương trình phát triển cây ngô ở miền núi, cần phải có nhiều định hướng phát triển kỹ thuật khác nhau phù hợp với từng hệ thống canh tác cụ thể. Ví dụ có sự khác biệt rất lớn giữa 5 hệ thống canh tác ở Hà Giang do vậy không thể áp dụng chung một phương thức chuẩn mực được. Đây là một trở ngại khó khăn cho cán bộ khuyến nông và chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).
- Trong vài năm trở lại đây, Chương trình phát triển ngô lai đã đạt được những thành công đáng kể ở một số vùng núi phía Bắc, đã có thể nâng cao diện tích và sản lượng. Một trong những thành công nổi bật nhất là đã đưa được vụ ngô đông trồng trên đất lúa tiêu nước ở những vùng thấp, mang lại vụ mùa thứ 3 trong năm (Hệ thống số 1) và đưa vụ ngô xuân trồng trên vụ lúa tiêu nước ở vùng trung du và ở một số vùng cao đã tăng lên hai vụ một năm (Hệ thống số 5 và số 9).
- Tuy nhiên ở các vùng khác những kỹ thuật canh tác hiện tại đã thâm canh hơn và mang lại năng suất cao. Như vậy cần phải tập trung duy trì những hệ thống đó. Ví dụ: chỉ có thể tiến hành phương thức canh tác quy mô nhỏ như kỹ thuật độc canh / xen canh cây ngô của người H'mông tại các vùng núi đá vôi Mèo Vạc và Đồng Văn (Hệ thống số 6). Hệ thống này hiện tại có tính chất thâm canh cao, sử dụng các phương pháp bảo vệ và làm giàu đất hiệu quả. Có lẽ nhờ việc duy trì vai trò của chất hữu cơ và sự luân phiên chung một hệ thống (khu vực chăn thả > gia súc > phân bón).
- Mô hình trình diễn ở các vùng núi xa xôi cần phải được xây dựng cẩn thận hơn nhằm kết hợp các kỹ thuật mới và kiến thức địa phương với thử nghiệm giống mới và vật tư sản xuất mới. Những mô hình chuẩn mực căn cứ vào vật tư sản xuất và những loại giống ngô lai mới là không phù hợp với những hệ thống quá đa dạng.
- Trong một số hệ thống, điểm cơ bản nhất là nâng cao sản lượng thông qua các biện pháp sinh học về bảo vệ và làm giàu đất kết hợp với việc sử dụng thích ứng và kinh nghiệm đã làm ở địa phương về những vật tư mới bên ngoài. Vấn đề này bao gồm những hệ thống luân canh sử dụng bỏ hóa hoặc luân canh cây trồng đơn giản. Các chương trình khuyến nông hiện nay chưa tập trung nhiều vào thử nghiệm sử dụng vật tư địa phương và vật tư bên ngoài theo yêu cầu tại chỗ và khả năng kinh tế của người dân.
- Vị trí của cây ngô và lý do trồng ngô sẽ cơ bản ảnh hưởng đến định hướng phát triển kỹ thuật. Ví dụ: Sẽ có sự khác biệt đáng kể nếu cây ngô đó là cây lương chính (Hệ thống số 6 và 7) so với cây ngô chỉ là phụ. Vấn đề chất lượng lương thực sẽ luôn là khía cạnh quan trọng tương đương với khối lượng lương thực. Cần phải trồng cả hai giống cao sản và giống chất lượng cao

Biểu 1. Những hệ thống canh tác ngô: Vùng ven đồng bằng tỉnh Phú Thọ

Các tiêu thức về khu vực và môi trường	Tiêu thức về kinh tế xã hội và dân tộc	Mùa vụ và hệ thống canh tác ngô	Hiện trạng và tình hình sử dụng mùa vụ	Điểm mấu chốt cho Chương trình khuyến nông
Hệ thống canh tác số 1: Luân canh trên ruộng lúa khô (Huyện Phong Châu)				
Ven đồng bằng và ruộng lúa - Độ cao 15-25m so với mực nước biển. - Đất phù sa.	Người Kinh - Mật độ >200người/km² - Tiếp cận dễ dàng với dịch vụ khuyến nông và thị trường	Canh tác ngô trên ruộng lúa khô. - Vụ Đông (luân canh ngắn ngày). - Độ ẩm còn lại - Xen canh với đậu đỗ. - Bón nhiều phân vô cơ. - Giống cao sản.	Ngô -vụ mùa Phụ. - Sử dụng chủ yếu làm thức ăn cho lợn và nấu rượu. - Đã có tiếp cận với thị trường và trao đổi lấy gạo	- Trồng trọt. - Phát triển các giống cao sản (ngô bao tử). - Thuỷ lợi - Phương pháp IPMs.
Hệ thống canh tác số 2: Luân canh trên triền đồi thấp (Huyện Đoan Hùng)				
Đồi thấp (độ cao 15-200m so với mực nước biển) - Lượng mưa 1500-2000mm/năm. - Đất feralit. - Hệ thống canh tác tập dựa vào trồng lúa, vườn hộ và nương đồi.	Người Kinh - Mật độ >200 người /km². - Dễ dàng tiếp cận với thị trường và dịch vụ khuyến nông	Canh tác ngô Trên triền đồi thấp (và bờ sông) - Vụ thu, hè, xuân (rất đa dạng). - Nguồn nước mưa tự nhiên là chủ yếu - Ngô trồng luân canh với các mùa vụ khác (rất đa dạng) - Xen canh với đậu đỗ và rau trong vườn hộ. - Có sử dụng phân vô cơ và phân chuồng.	Ngô- mùa vụ phụ - Sử dụng làm thức ăn cho lợn. - Có tiếp cận với thị trường.	- Phát triển trồng trọt và tạo độ mùn. - Phát triển hệ thống xen canh và băng xanh với cây họ đậu như đỗ mùng, đỗ nho nhe - Phát triển cá giống cao sản. - Phát triển phương pháp kết hợp bón các loại phân khác với phân chuồng. - Phương pháp IPM.

Biểu 2. Các Hệ thống canh tác Ngô: Vùng trung du Tỉnh Tuyên Quang

Các tiêu thức về khu vực và môi trường	Tiêu thức về kinh tế xã hội và dân tộc	Mùa vụ và hệ thống canh tác ngô	Hiện trạng và tình hình sử dụng mùa vụ	Điểm mấu chốt cho Chương trình khuyến nông
Hệ thống canh tác số 3: Luân canh trên triền núi thấp (Huyện Ham Yên và Yên Sơn)				
Vùng đồi thấp • Độ cao 25-300m so với mặt biển. • Lượng mưa trung bình 1500-1800mm/năm. • Đất màu mỡ. • Hệ thống thâm canh tạp bao gồm lúa, vườn hộ và các cây trồng trên nương.	Người Dao, Kinh, Cao Lan, Tày • Mật độ 90-140 người /km². • Dễ dàng tiếp cận với thị trường và dịch vụ khuyến nông.	Canh tác ngô trên triền núi thấp (và bờ sông) • Vụ thu, hè, xuân (rất đa dạng) • Chủ yếu nhờ vào lượng mưa tự nhiên (chỉ có một diện tích nhỏ được tưới). • Ngô được luân canh với nhiều vụ mùa khác (rất đa dạng). • Xen canh với đậu đỗ và rau trong vườn hộ. • Sử dụng phân chuồng hoặc phân vô cơ. • Sử dụng các giống cao sản.	Ngô -vụ mùa Phụ. • Sử dụng chủ yếu làm thức ăn cho lợn. • Đã có tiếp cận với thị trường.	• Phát triển trồng trọt và tạo độ mùn. • Phát triển hệ thống xen canh và băng xanh với cây họ đậu như đỗ mùng, đỗ nho nhe • Phát triển cá giống cao sản. • Phát triển phương pháp kết hợp bón các loại phân khác với phân chuồng. • Phương pháp IPM.

Hệ thống canh tác số 7: Luân canh trên đất hoang có độ cao (Huyện Hoàng Su Phì)

Trên núi đá Granit ở độ cao

- >1000m so với mực nước biển
- Độ dốc rất lớn

Người H'mông

- Mật độ +/- 64 người/km².
- Cơ sở hạ tầng nghèo nàn, ít tiếp cận với dịch vụ khuyến nông và thị trường bên ngoài.

Luân canh ngô

- Mùa hè.
- Mưa mùa.
- Luân canh 2 năm trồng lúa nương và mì hoặc 1 năm ngô sau đó là sắn.
- Ít sử dụng phân bón.
- Không có phương pháp bảo vệ đất chỉ có cách cây theo đường mức
- Chủ yếu là giống địa phương.

Vụ ngô chính (cùng với lúa nương và sắn).

- để nấu rượu và làm thức ăn cho lợn, các sản phẩm phụ.
- Hoạt động tiếp thị về ngô còn rất kém.

- Trồng xen canh với các cây lương thực khác.
- Phát triển trồng trọt
- Nâng cao độ mùn (ngô và rơm) và lấy bùn từ các sông nhỏ
- Thử nghiệm sử dụng phân bón địa phương
- Thử nghiệm các giống cho năng suất cao
- Thử nghiệm trồng cây thành hàng để chống sói mòn
- Thử nghiệm trồng băng xanh (chỉ hợp lý cho những nơi có đủ lao động)

Hệ thống canh tác số 8: Luân canh trên đất hoang có độ cao trung bình (huyện Hoàng Su Phì & Bắc Mê)

Trên núi đá Granic ở độ cao • >1000m so với mực nước biển • Độ dốc rất lớn	Người Dzao • Mật độ +/- 64/km² • Cơ sở hạ tầng nghèo nàn, ít tiếp cận với dịch vụ khuyến nông và thị trường bên ngoài.	Luân canh ngô • Vụ hè. • Luân canh ngô trên nương lúa và sắn trên đồi. • Làm nương khoảng 2-3 năm sau đó bỏ hoang 10 năm • Ít sử dụng phân bón • Có nhiều giống truyền thống.	Ngô và sắn vụ mùa phụ • Nấu rượu và làm thức ăn cho lợn. • Ít trao đổi buôn bán ngoài chợ.	• Xen canh với rau. • Phát triển trồng trọt • Nâng cao độ mùn (ngô và rơm) và lấy bùn từ các sông nhỏ • Thử nghiệm dùng phân bón địa phương • Thử nghiệm các giống năng suất cao • Thử nghiệm trồng cây thành hàng để chống sói mòn • Thử nghiệm trồng bằng xanh (chỉ hợp lý cho những nơi có đủ lao động) • Phương pháp IPM
--	--	---	---	---

Hệ thống canh tác số 9: Luân canh trên nương lúa (Ví dụ : ở Huyện Hoàng Su Phì và Xín Mần)

Trên núi đá Granic ở độ cao • >1000m so với mực nước biển • Độ dốc rất lớn	Người Tày Nùng & Dao • Mật độ +/- 64/km² • Cơ sở hạ tầng nghèo nàn, ít tiếp cận với dịch vụ khuyến nông và thị trường bên ngoài.	Trồng ngô trên nương lúa. • Vụ xuân (tháng 3- 7) • Vụ thứ nhất trên nương lúa còn ẩm • Một vài khu vực trồng xen với đậu đỗ.	Ngô- vụ mùa phụ • Nấu rượu và các sản phẩm phụ làm thức ăn cho lợn • Đưa ra thị trường một phần.	• Trồng trọt bình thường sau mùa đông. • Phát triển độc canh hoặc xen canh • Phát triển các giống cao sản địa phương (chất lượng cao). • Đưa phân bón và kết hợp với phân chuồng vào mùa vụ. • Phương pháp IPM.
--	--	--	---	---

Hệ thống canh tác số 10: Luân canh trên bờ sông và các triền đồi thấp (Huyện Bắc Quang và Vị Xuyên)

Đồi thấp 100-500m so với mực nước biển. - Thâm canh canh tác dọc các thung lũng Sông Lô - Lượng mưa trung bình 2500-3200mm/năm.	Người Tày, Kinh & Nùng - Mật độ 60-90 người /km² - Đã tiếp cận được với dịch vụ khuyến nông, giao thông và thị trường bên ngoài.	Canh tác ngô trên bờ sông và triền núi thấp - Vụ hè, thu, xuân (rất đa dạng). - Ngô được trồng luân canh với các mùa vụ khác (rất đa dạng). - Mật độ +/- 64/km² - Cơ sở hạ tầng nghèo nàn, ít tiếp cận với dịch vụ khuyến nông và thị trường bên ngoài. - Tận dụng nước tưới trước và sau vụ lúa chính. - Xen canh với cây đỗ và rau trong vườn hộ.	Ngô - vụ mùa phụ - Chủ yếu làm thức ăn cho lợn. - Trao đổi ngoài thị trường.	- Phát triển trồng trọt theo tập tục cổ truyền. - Phát triển hệ thống xen canh và băng cây xanh. - Phát triển các giống cho năng suất cao - Phát triển phương pháp bón phân kết hợp với phân chuồng - Phương pháp IPM.
--	--	---	---	--

CÁC BÀI PHÁT BIỂU QUAN TRỌNG

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHUYẾN NÔNG TRONG THỜI GIAN TỚI

PTS. Lê Hưng Quốc

Cục trưởng Cục khuyến nông và khuyến lâm

Thành tựu nông nghiệp và thách thức

Lịch sử phát triển nông nghiệp và nông thôn trong thời gian qua liên tục phát triển. Sau khi có chỉ thị 100 (1981) và Nghị quyết 10 (1988) và đặc biệt từ 1990 trở lại đây, nông nghiệp có bước phát triển nổi bật.

Từ tháng 3 năm 1993 Chính phủ có Nghị định 13/CP về công tác khuyến nông và sau đó hệ thống tổ chức khuyến nông hình thành trong cả nước, trở thành nhân tố nòng cốt trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, góp phần quan trọng vào việc tạo ra bước tăng trưởng mạnh mẽ của nông nghiệp năm 1997:

- Tổng sản lượng lương thực 30 triệu tấn/năm.
- Năng suất lúa 4 tấn/ha/năm.
- Bình quân lương thực đầu người 400 kg/năm.
- Xuất khẩu trên 3 triệu tấn gạo/năm.

Bước sang thời kỳ mới, đến năm 2000 và sau năm 2000, thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá, nông nghiệp và nông thôn nước ta có một số thách thức sau đây:

- Hàng hoá nông sản xuất khẩu phải cạnh tranh gay gắt trên thị trường khu vực và thế giới.
- Việc làm ở nông thôn dư thừa.
- Xoá đói giảm nghèo, khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường

Khuyến nông trong tương lai phải tích cực góp phần giải quyết những yêu cầu mới của nông nghiệp và nông thôn.

Một số vấn đề chủ yếu của hoạt động Khuyến nông sắp tới

Về tổ chức lực lượng

Hiện nay đã có 61 Trung tâm khuyến nông tỉnh và trên 70% các huyện có Trạm khuyến nông (450 huyện) khoảng 3.000 người. Đây là lực lượng nòng cốt của hệ thống khuyến nông chính quy.

Lực lượng trên 50 Viện, Trường, Trung tâm khoa học... là nguồn tiến bộ kỹ thuật và công nghệ của khuyến nông với đội ngũ cán bộ giàu chất xám và thực tế, gắn bó với nông nghiệp và nông thôn.

Các đoàn thể, hiệp hội, công ty (trong ngoài nước), ban quản lý HTX, các tổ chức của nông dân, các thành phần kinh tế đa dạng... là lực lượng trực tiếp gắn với nông dân và thị trường.

Các tổ chức Quốc tế và cá nhân... cũng là lực lượng quan trọng góp phần vào công tác khuyến nông .

Đội ngũ khuyến nông Nhà nước cần qui tụ tất cả, thiết lập mạng lưới khuyến nông cơ sở, củng cố khuyến nông cấp huyện, tập hợp thành lực lượng có chung tiếng nói khuyến nông vì nông dân, sát thực tiễn. Nhà nước có trách nhiệm nhưng không nên nhà nước hoá khuyến nông. Cần tiếp tục nghiên cứu tổ chức khuyến nông ở trung ương và cơ sở như thế nào trong tình hình mới,

Về vốn khuyến nông

Nước ta có 50 triệu nông dân, vốn giành cho khuyến nông mới khoảng 10 triệu USD(100 tỉ đồng). Trong điều kiện ngân sách còn nghèo cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành để tăng cường vốn khuyến nông bằng các nguồn chủ yếu sau đây:

- Vốn chi ngân sách cho khuyến nông của 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, xã.
- Vốn từ nguồn 50% thuế sử dụng đất để lại cho nông nghiệp.
- Vốn từ quỹ xoá đói giảm nghèo.
- Vốn khuyến nông do nông dân tự nguyện đóng góp.
- Vốn từ các Công ty làm khuyến nông.
- Các nguồn khác, kể cả các tổ chức từ thiện, lòng hảo tâm của các tổ chức cá nhân.

Sự nghiệp phát triển nông nghiệp là sự nghiệp liên ngành, phải có mối quan hệ tốt, rộng và được sự ủng hộ của nông dân mới tăng cường được nguồn lực.

Về mục tiêu và cách làm khuyến nông

Khuyến nông ở ta còn là mới mẻ. Kinh nghiệm các nước phần nhiều chưa phù hợp, một là họ đi trước ta, hai là đi sau ta vì vậy chỉ có cách làm của ta mới có hiệu quả, cần nghe nhau, học nhau, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

Cần thống nhất 2 mục tiêu khuyến nông là phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cách làm khuyến nông là cách làm Việt Nam, phù hợp với các vùng sinh thái, phù hợp với các loại đối tượng (cán bộ chính trị, cán bộ khuyến nông, nông dân, đoàn thể v.v...)
- Kỹ năng, nghiệp vụ khuyến nông rất quan trọng. Cần phải có thời gian để đào tạo cán bộ khuyến nông các cấp biết cách truyền đạt thông tin cho nông dân và học hỏi nông dân để cả hai đều giỏi lên qua làm Khuyến nông.
- Phân định rõ ràng công việc khuyến nông cho từng cấp: khuyến nông trung ương làm gì, khuyến nông tỉnh làm gì, khuyến nông huyện làm gì, khuyến nông cơ sở làm gì, khuyến nông các tổ chức làm thế nào v.v... tránh trùng lặp nhau và tốn kém, ít hiệu quả.

Trong thời gian tới cần phấn đấu làm một số việc

- Khẳng định những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới nào đưa vào sản xuất được, những tiến bộ kỹ thuật đột phá dây chuyền kéo theo những tiến bộ kỹ thuật khác phục vụ hai hướng lớn: cho nông nghiệp sản xuất hàng hoá xuất khẩu, nâng cao chất lượng nông sản, chuyển đổi cơ cấu sản xuất cho từng vùng để tăng trưởng kinh tế và cho việc xây dựng môi trường sinh thái vững bền. Ví dụ: lúa chất lượng cao ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu long; lúa lai ở vùng chưa có đủ lương thực hàng hoá; Ngô lai, rau cao cấp và vụ đông ở Đồng bằng sông Hồng, cây keo lai, măng tre xuất khẩu, cây sỏ trên đất dốc; cây bạch đàn lai, phi lao lai ở đất bãi, cát; cây dứa Cayen vùng miền Trung; ca cao ở niên Nam, cây ăn quả và chế biến ở vùng miền núi trung du, bò sữa ở ven đô, lợn xuất khẩu ở đồng bằng v.v...

Từ đó hệ thống khuyến nông xây dựng mô hình thật tốt và chuyển giao cho đội ngũ nông dân sản xuất giỏi trước, làm theo khẩu hiệu: làm cho người giàu thì giàu hơn, người khá lên giàu, người nghèo thành khá, xoá dần hộ đói, hình thành vùng sản xuất hàng hoá, tăng giá trị thu nhập/ha và giá trị xuất khẩu, giải quyết việc làm.

- Công tác khuyến nông tập trung vào việc tổ chức huy động lực lượng xã hội hoá công tác khuyến nông, những vấn đề nghiệp vụ khuyến nông cần xây dựng và tổng kết, cách huy động vốn và hoàn chỉnh chính sách khuyến nông, tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông giỏi... Phấn đấu đạt được yêu cầu: quy tụ lực lượng lớn, sử dụng vốn ít mà có hiệu quả, đào tạo đội ngũ khuyến nông tận tụy, sát thực tiễn, dám làm, đổi mới suy nghĩ và có phong cách chỉ đạo tập trung, được nông dân tín nhiệm.
- Cùng với các Công ty, ngành hàng tìm thị trường, gắn với Quốc tế, với bè bạn, tranh thủ vốn và đầu tư của bên ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, thu hút công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới, đặc biệt ở vùng Hoa Nam (Trung Quốc) và Đài Loan, thu hút trí tuệ của khoảng 300 triệu người ở vùng này giúp cho nông nghiệp nước ta có bước phát triển mới.

CÁC XU HƯỚNG MANG TÍNH QUỐC TẾ TRONG BỐI CẢNH CỦA CÁC DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG PHÙ HỢP VỚI VIỆT NAM

(Báo cáo chuẩn bị cho Hội thảo Khuyến Nông Lâm Quốc Gia, tháng 11 năm 1997)

Ian Christoplos

Khoa Nghiên cứu Phát triển NN

Trường Đại học KHNN Thụy Điển

Tương tác bổ sung giữa các tổ chức địa phương và các tổ chức khuyến nông chính thức

Khi tôi được mời tham gia thực hiện báo cáo này tôi đã tự hỏi mình ngay câu hỏi rằng Việt Nam đã rút ra được bài học gì từ cuộc tranh luận mang tính quốc tế hiện nay về tương lai của khuyến nông. Khi suy nghĩ về điều đó, tôi đã có kết luận rằng cốt yếu trong khi xem xét khả năng ứng dụng của các công cụ khác nhau trong khuyến nông là cần làm rõ các quan điểm mới có thể ảnh hưởng tốt hay ảnh hưởng xấu tới tính *bền vững của tổ chức* như thế nào. Điều này đòi hỏi có một cái nhìn mới mẻ xem ai làm cái gì để giúp nông dân với các nhu cầu thông tin của họ. Nếu chúng ta đã học được một bài học trong những năm qua khi thử nghiệm các loại hình dịch vụ khuyến nông mới, thì các dịch vụ phù hợp, mạnh mẽ và bền vững về mặt tài chính cần được bắt rễ sâu xa trong mối quan hệ giữa nhiều tổ chức và đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn. Phát triển các dịch vụ khuyến nông cần có một cái nhìn mới mẻ đối với tất cả các tổ chức tham gia vào quá trình thay đổi công nghệ. Người ta không thể xem xét khuyến nông mà không nhìn nhận một chủ đề rộng lớn hơn đó là việc nông dân đã sử dụng rất nhiều cách khác nhau để thu nhận thông tin và thử nghiệm các kỹ thuật mới. Trong báo cáo này tôi sẽ trình bày quan điểm của tôi về vấn đề ở đâu thì các xu hướng hiện thời hỗ trợ hình thức hợp tác khuyến nông bền vững có thể thích hợp với Việt Nam. Cũng quan trọng không kém, tôi sẽ xin trình bày những điểm mà các ý tưởng mới này có thể *không* phù hợp đối với điều kiện của Việt Nam.

Tôi sẽ bắt đầu bằng việc xem xét một quan điểm nhìn nhận khuyến nông mà tôi cho là *không* phù hợp đối với Việt Nam. Phần lớn các cuộc thảo luận quốc tế về phát triển nông thôn đều cho rằng các tổ chức địa phương/không chính thức bắt buộc phải dựa vào các *đoàn thể quần chúng*, và rằng các tổ chức phi chính phủ này phải tạo sức ép lên khuyến nông (tức là khuyến nông nhà nước) để khuyến nông cung cấp các dịch vụ tốt hơn. Người ta cũng cho rằng các tổ chức cung cấp khuyến nông chính phủ chắc chắn sẽ hoạt động rất kém nếu các tổ chức phi chính phủ, ví dụ các hội nông dân, không gây áp lực lên khuyến nông để đáp ứng các nhu cầu của họ. Mặc dù tôi đồng ý với ý kiến là các nhu cầu của nông dân rất cần thiết để duy trì khuyến nông hoạt động có hiệu quả, thì tôi cũng không dám chắc rằng chỉ riêng các tổ chức phi chính phủ có thể hoàn thành nhiệm vụ này. Sự tách bạch rõ ràng giữa đoàn thể quần chúng và các dịch vụ nhà nước là không phù hợp ở Việt Nam bởi vì trên thực tế tất cả các tổ chức địa phương (kể cả các tổ chức không chính thức) đều trộn lẫn với các cấp chính quyền địa phương. Các nhóm quản lý

thôn bản, các nhóm tín dụng và các nhóm sở thích của nông dân thường do các cấp chính quyền ở thôn bản lãnh đạo. Sự phân chia rõ ràng giữa nhà nước và đoàn thể quần chúng, mà nhiều chuyên gia khuyến nông nghiêm nhiên coi là tất yếu, hầu như không thể tìm thấy tại các thôn bản ở Việt Nam. Một số đồng nghiệp của tôi có nói rằng làm khuyến nông có hiệu quả ở Việt Nam là vô cùng khó bởi các đoàn thể quần chúng quá yếu để có thể kiểm soát hệ thống khuyến nông. Tôi không đồng ý với nhận định đó. Khuyến nông có thể hoạt động tốt mà không cần có sự phân chia thẳng thừng giữa khuyến nông nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Tuy nhiên mọi việc cần phải bắt đầu từ một khuôn khổ khái niệm mới.

Để tìm ra được các ví dụ về khuyến nông có hiệu quả và thoả mãn yêu cầu của người dân phù hợp với Việt Nam, chúng ta phải xem xét cách thức nông dân địa phương hợp tác như thế nào với các cấp chính quyền (một quá trình được đề cập tới như là sự cộng tác), tạo ra được các dịch vụ mới mạnh hơn những gì đã làm được bởi hoặc là chỉ riêng cộng đồng người dân hoặc là chỉ từ phía nhà nước¹. Hiện có một tổ chức nghiên cứu tuy nhỏ song đang phát triển đã nhận thức được rằng sức ép của các đoàn thể quần chúng lên một tổ chức dịch vụ yếu và không có đủ nguồn lực chỉ gây ra sự nản lòng từ hai phía. Chỉ riêng mình khuyến nông thôi thì không thể thoả mãn tất cả các nhu cầu. Khuyến nông bền vững còn phải phụ thuộc vào việc tìm ra được một sự hoà trộn các nỗ lực của cả cộng đồng và Chính phủ. Có những việc mà khuyến nông nên làm, có những việc mà các tổ chức nông dân nên làm và có những việc mà mỗi hộ nông dân nên làm. Chúng ta không nên sử dụng PRA để xây dựng lịch mùa vụ cho trồng cây hay sử dụng phân bón nếu như mục đích chỉ là gây sức ép đối với khuyến nông để phân bổ cho chúng ta các đầu vào sản xuất đó. Họ thường không có khả năng đó! Nhưng điều đáng tiếc là việc này hay xảy ra. Mọi người quay sang đổ lỗi cho khuyến nông còn vấn đề thì không được giải quyết.

Thay vì chỉ gây sức ép lên khuyến nông, một giải pháp khác cho khuyến nông là thúc đẩy sự cộng tác, đều đó có nghĩa là cùng tìm ra các giải pháp đối với các vấn đề mang tính kỹ thuật ở thôn bản. Theo quan sát của tôi, đây sẽ là cách các dịch vụ khuyến nông sẽ hoạt động ở Việt Nam khi chúng đạt tới giai đoạn hoạt động tốt nhất. Một đề tài nghiên cứu đã được thực hiện để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi tại sao các hệ thống thuỷ lợi lấy nguồn kinh phí của Chính phủ lại được quản lý rất có hiệu quả ở Đài Loan, trong khi các hệ thống đó đã thất bại ở nhiều nước khác trên thế giới, đã kết luận rằng thành công đó có được là nhờ họ đã tìm ra mối quan hệ bổ sung và hợp tác giữa các nhóm người sử dụng và các dịch vụ của Chính phủ². Một yếu tố quan trọng trong việc tạo ra môi trường thuận lợi cho sự cộng tác này là các cán bộ hiện trường có được sự linh hoạt cao độ trong khi làm việc với nông dân để cùng giải quyết các vấn đề, đặc biệt khi các vấn đề nảy sinh một cách bất ngờ. Tất cả các kinh nghiệm khuyến nông đã chỉ ra rằng không thể lập kế hoạch một cách chính xác ở cấp tỉnh hay cấp quốc gia về loại hạt nào là phù hợp và khi nào thì có hạt để gieo. Các định hướng và quy chế của Chính phủ luôn được áp dụng linh hoạt sao cho phù hợp với các cấp địa phương³. Việc này chỉ có thể thực hiện ở cấp huyện và cấp thôn bản nơi có sự cộng tác mạnh nhất. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của khuyến nông là giúp đỡ quá trình này.

Vấn đề tiếp theo là làm thế nào để hỗ trợ và thúc đẩy sự cộng tác. Người ta đã nhận thấy rằng tập trung vào “các nông dân tiên tiến”, như phần lớn các tổ chức khuyến nông đã làm trong quá khứ (và bây giờ nhiều nơi ở Việt Nam vẫn làm), không phổ biến được nhiều các kỹ thuật mới. Các nông dân tiên tiến thường không thể phổ biến kỹ thuật cho tất cả hàng xóm của họ. Trên thực tế hiện nay, các lời khuyên về khuyến nông đều cho rằng chúng ta phải từ bỏ phương pháp đầu tiên là chọn nông dân tiên tiến, sau đó giúp đỡ họ quản lý các điểm trình diễn (hay còn gọi là mô hình), và cuối cùng hy vọng rằng những người nông dân khác sẽ học hỏi được từ các tấm gương của các nông dân tiên tiến.

Vậy thì thay cho cách đó chúng ta sẽ làm gì đây? Các cán bộ khuyến nông không thể gặp mặt trực tiếp một bộ phận lớn nông dân. Một tâm điểm của các cuộc thảo luận quốc tế về khuyến nông hiện nay là sự hy vọng vào các tổ chức địa phương sẽ nhận vai trò đi đầu để phục hồi lại hiệu quả hoạt động thấp kém của khuyến nông hiện nay. Để có thể đảm bảo cho một sự phân bố các dịch vụ khuyến nông cân đối và rộng mở hơn nữa, cần phải có một tổ chức địa phương để thiết lập cơ cấu và hỗ trợ quá trình truyền bá kiến thức, đặc biệt trong số người nghèo và người sống ở các vùng hẻo lánh.

Trong nhiều trường hợp, các nhóm này được hình thành xoay quanh các sở thích cụ thể, như đã xảy ra tại nhiều vùng ở Việt Nam. Các nhóm sở thích của nông dân này cùng chia sẻ thực hiện một số nhiệm vụ mà lẽ ra tổ chức khuyến nông phải tự làm một mình. Họ giúp tổ chức họp hành, tìm nguồn đầu vào sản xuất, điều tra các cơ hội thị trường, v.v... Đây là hạt nhân của sự cộng tác. Vai trò của khuyến nông là hỗ trợ bổ sung hơn là dẫn dắt quá trình thử nghiệm các kỹ thuật mới ở thôn bản. Điều quan trọng là các nhà quản lý khuyến nông nhận thức được rằng tổ chức của họ chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ với các nhóm này mà thôi. Khuyến nông phải hiểu biết về hàng loạt các vấn đề của nông dân khi đưa kỹ thuật mới vào, nhưng khuyến nông cũng không nên cố gắng giải quyết tất cả các vấn đề đó.

Mặc dù đã có nhiều thành công đáng kể, bằng chứng về việc các tổ chức địa phương đóng vai trò mạnh mẽ hơn vào quá trình phổ biến kỹ thuật thường cho thấy một thực tế là chúng ta thường có những hy vọng không thực tế ngay từ đầu. Rất khó duy trì các tổ chức ở thôn bản. Nếu tổ chức đó muốn bền vững thì sẽ có rất nhiều chi phí liên quan mà các nguồn lực địa phương phải đủ mạnh để trang trải. Chi phí thực tế lớn nhất là thời gian mà bản thân người nông dân phải đầu tư vào dự các cuộc họp và quản lý tổ chức. Các nhà lập kế hoạch phát triển rất hay bỏ qua loại phí tổn này. Nhưng nông dân thì không thể không tính đến! Họ sẽ chỉ đóng góp để trang trải các chi phí này bằng thời gian hoặc bằng tiền nếu tổ chức đó đáp ứng được các nhu cầu bức xúc của riêng họ. Do vậy cần phải nhìn xa hơn cách biện luận về những gì chúng ta thường nghĩ là các tổ chức nông dân nên làm, để xem xét các bằng chứng mà kinh nghiệm cho thấy các nhóm nông dân đã chọn những gì để làm trên thực tế. Chính các mục đích và viễn cảnh của nông dân đối với tổ chức sẽ quyết định nhóm của họ có trở thành một đối tác hiệu quả của hệ thống khuyến nông hay không.

Các tổ chức nông dân: Họ có thể thực sự hỗ trợ khuyến nông không?

Có thể tóm tắt các thách thức khi nâng cao vai trò của các tổ chức địa phương trong khuyến nông như sau:

- Các tổ chức nông dân thường không đặt ưu tiên cao cho việc phát triển kỹ thuật mới. Họ thường quan tâm tới tín dụng, thị trường và vật tư đầu vào hơn.
- Hỗ trợ từ bên ngoài là quan trọng để giúp đỡ các tổ chức này để tăng cường liên kết đối với các tổ chức nghiên cứu và khuyến nông, nhưng sự hỗ trợ này sẽ không có hiệu quả nếu tăng cường tiếp cận đối với kỹ thuật mới không phải là mục tiêu trung tâm của chính bản thân các tổ chức nông dân đó.
- Nông dân nghèo và sống ở các vùng hẻo lánh có thể không có đủ thời gian hay có thể sống quá xa trung tâm thôn nên khó tham gia vào các tổ chức của nông dân. Họ có thể không tin rằng các mối quan tâm rất đặc biệt của họ có thể được phản ánh trong các ưu tiên của tổ chức. Các tổ chức nông dân thường không thể "ép buộc" các tổ chức nghiên cứu và khuyến nông đáp ứng các nhu cầu của họ. Nếu như cơ cấu tổ chức của khuyến nông đã rất bận bịu với các hoạt động khác rồi thì các yêu cầu của nông dân sẽ bị bỏ qua.

Giải pháp cho các vấn đề này có thể được tìm thấy trong các lĩnh vực sau:

- Các nhu cầu kỹ thuật của nhiều thành viên khác nhau trong tổ chức nông dân phải được ưu tiên, với việc đặt trung tâm cụ thể và rõ ràng đối với các nhu cầu của nông dân nghèo.
- Các tổ chức nông dân sẽ hợp tác tốt hơn với khuyến nông nếu họ có được khả năng kỹ thuật ngay *bên trong* tổ chức, có nghĩa là, nếu ai đó trong tổ chức được đào tạo chính thức cơ bản về nông nghiệp thì từ đó họ có thể chuyển các nhu cầu của các thành viên trong tổ chức tới các tổ chức nghiên cứu và khuyến nông một cách tốt hơn.
- Cần phải chú ý đặc biệt tới phát triển một cơ sở nguồn lực và cơ cấu quản lý tài chính bên trong tổ chức. Chỉ khi tổ chức có thể huy động các nguồn lực riêng của họ thì nó mới có thể thiết lập mối liên kết mạnh mẽ với các tổ chức bên ngoài thôn bản. Các quỹ này phải được quản lý thật tốt nếu các thành viên trong tổ chức muốn duy trì được lòng tin của họ.
- Nhìn chung, các dịch vụ nông nghiệp của nhà nước phải cung cấp một môi trường thuận lợi cho các tổ chức nông dân bằng cách xem họ như những đối tác đáng tôn trọng trong quá trình quản lý các thay đổi kỹ thuật. Các tổ chức nông dân không thể bị xem đơn thuần như *bên nhận hỗ trợ* của phía nhà nước.

Khuyến nông theo yêu cầu, khuyến nông theo kiểu cung ứng và khuyến nông đa phương thức

Mối quan hệ giữa các tổ chức địa phương và cơ cấu khuyến nông chính thức ở Việt Nam đã được hình thành trong khuôn khổ cách thức hệ thống khuyến nông xử lý cả các yêu cầu từ thôn bản và kế hoạch cung ứng mặc dù đầu vào sản xuất được thúc đẩy và hỗ trợ thông qua một loạt các chương trình từ cấp trung ương (do Chính phủ hay các tổ chức tài trợ cấp ngân sách).

Phần lớn các cơ quan khuyến nông đều khuyến nghị rằng cần phải chú ý nhiều hơn nữa đến việc tăng cường ảnh hưởng từ phía có yêu cầu. Viễn cảnh của chính tôi, và cũng là của nhiều đồng nghiệp của tôi ở Việt Nam, là phải hướng nỗ lực của chúng ta vào tăng cường các khía cạnh yêu cầu của hệ thống khuyến nông

ở Việt Nam. Mặc dù đây là điều quan trọng sống còn, chúng ta cũng không thể bỏ qua thực tế là nhiều tổ chức “cung cấp” khác nhau, tuy gián tiếp, vẫn giữ tầm quan trọng trung tâm đối với việc huy động sự cộng tác ở địa phương. Tín dụng và cung ứng đầu vào sản xuất có thể là những động lực quan trọng nhất để đưa khuyến nông sang đóng một vai trò quan trọng trong phát triển nông thôn. Thông tin không thôi thì chưa đủ. Để nông dân sẵn sàng đầu tư thời gian của họ cho các cuộc họp, tổ chức các nhóm sở thích hay các hoạt động khác, họ sẽ yêu cầu để có nhiều sự đầu tư hơn là chỉ thông tin. Điều này đặc biệt đúng đối với nông dân nghèo, những người mà đôi lúc cảm thấy rằng không có tín dụng hay không được ưu tiên tiếp cận tới các nguồn đầu vào sản xuất thì họ sẽ không thể thử nghiệm các kỹ thuật mới được nói đến. Thông tin khuyến nông cung cấp một lợi nhuận bổ sung quan trọng, nhưng nó sẽ có hiệu quả hơn nếu được cung cấp đồng thời với việc thảo luận xem làm thế nào để huy động nguồn vốn đầu tư cho thay đổi công nghệ.

Cung cấp các nguồn lực có thể thúc đẩy các nhu cầu của nông dân. Khi các tổ chức địa phương quản lý được các nguồn vốn tín dụng quay vòng, đây có thể là một chất xúc tác để có các suy nghĩ mới về những kỹ thuật nào nên đầu tư vào. Khi nông dân họp nhau lại để quyết định họ sẽ phải sử dụng vốn như thế nào cho có hiệu quả, thì họ có thể nhận ra rằng để bảo vệ những gì họ đã đầu tư, họ cần phải biết thêm về bệnh gia súc, bảo vệ thực vật và các yếu tố khác. Trong hệ thống khuyến nông ở Việt Nam, việc sử dụng tín dụng, đặc biệt khi đi cùng với các tổ chức ở thôn bản quản lý chúng, có tầm quan trọng rõ ràng để thúc đẩy yêu cầu đối với kiến thức kỹ thuật mới.

Cung và cầu trong khuyến nông ở Việt Nam

Các chương trình cung cấp và các chương trình yêu cầu đối lập một cách vô cùng rõ rệt với nhau ở vùng núi. Chính phủ (đôi lúc với các nguồn vốn tài trợ) đang bơm nhiều nguồn lực to lớn (chương trình 327, 06, v.v...), đồng thời các tổ chức Phi chính phủ (NGO) và các nguồn hỗ trợ bên ngoài đang được sử dụng để thúc đẩy phía yêu cầu. Ở giữa là một số cơ cấu khuyến nông hoạt động kém cỏi và yếu đuối nhất ở trong nước. Chính họ là những người phải giải quyết vấn đề này. Nó không dễ chút nào. Các tổ chức thôn bản có thể sẵn sàng hợp tác với khuyến nông để nhận biết được các nhu cầu của họ đang được đáp ứng, nhưng có thể họ không tin vào dịch vụ khuyến nông vì người ta cảm nhận dịch vụ này chỉ có một mối quan tâm là thực hiện các chương trình cung ứng. Nếu mọi người đều cho rằng khuyến nông chỉ khuyến khích sử dụng từng loại hạt cụ thể, sẽ không có ai phí thời gian để hỏi thêm khuyến nông về các loại giống cây phù hợp khác. Đây là vấn đề rất phức tạp song cũng rất quan trọng trong khuyến nông ở Việt Nam. Chúng ta cần hiểu rõ hơn về các sức ép khác nhau mà cán bộ khuyến nông cảm nhận được trong công việc hàng ngày. Chính cán bộ hiện trường là người phải làm thoả mãn cả nông dân và các cấp lãnh đạo của họ. Đây không phải là nhiệm vụ đơn giản. Cần đi sâu phân tích vấn đề này hơn nữa nếu chúng ta có ý định tìm ra các hệ thống khuyến nông bền vững và hiệu quả.

Nhìn vào tầm quan trọng của các chương trình “cung ứng” trong quá trình phát triển nông thôn Việt Nam, một vấn đề rất quan trọng đối với khuyến nông là làm thế nào để chia sẻ trách nhiệm đối với tín dụng, cung cấp đầu vào và các

nhiệm vụ tương tự. Trong nhiều trường hợp, các tổ chức địa phương, không hẳn là dịch vụ khuyến nông chính thức đóng vai trò chủ đạo trong khi làm việc trực tiếp với nông dân. Gần đây, khuyến nông đa phương thức trở thành một khái niệm phổ biến trong các cuộc thảo luận khuyến nông. Thông thường khái niệm này liên quan tới nhu cầu nhận thức và hỗ trợ sự tham gia của phía các tổ chức tư nhân và các tổ chức phi chính phủ vào công tác khuyến nông và phát triển nông thôn. Nhận thức tốt hơn về vai trò của các tổ chức tư nhân là điều kiện sống còn để có thể quyết định dịch vụ khuyến nông nên làm gì và những gì nên để cho các tổ chức khác làm. Tuy nhiên, đặc biệt ở Việt Nam, tập trung hơn nữa vào vai trò hiện tại và tiềm năng của các tổ chức chính phủ, các tổ chức gần giống phi chính phủ (các tổ chức quần chúng), và các tổ chức kinh tế nhà nước (cung cấp vật tư nguyên liệu) đều quan trọng không kém gì nhau trong khả năng đưa ra các lời khuyên cáo khuyến nông. Các thay đổi đang diễn ra trong cơ cấu của các hợp tác xã cũng sẽ mở ra các đường hướng mới.

Chúng ta phải thoát khỏi xu hướng hoạt động xem dịch vụ khuyến nông nhà nước như là nguồn thông tin duy nhất của nông dân. Khuyến nông đang xảy ra mọi lúc và ở nhiều hoàn cảnh tổ chức khác nhau. Một khi chúng ta đã nhận thức được khuyến nông đa phương thức, thì chúng ta cố thể suy nghĩ một cách thực tế về câu hỏi ai có thể thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ khuyến nông. Các trung tâm khuyến nông rất bé như ở Việt Nam cần lựa chọn những trách nhiệm nào mà họ phải gánh vác và nên để cho người khác nhận những trách nhiệm nào, và việc lựa chọn này không phải là dễ. Khuyến nông đa phương thức có nghĩa là chấp nhận rằng cơ quan khuyến nông không phải là tổ chức duy nhất cung cấp các dịch vụ khuyến nông! Có rất nhiều người với các vai trò khác nhau (cán bộ của các tổ chức quần chúng, thú y viên địa phương, chủ cửa hàng, cựu cán bộ hợp tác xã) những người đem thông tin kỹ thuật tới giúp nông dân. Tất cả những người này đã là "cán bộ khuyến nông" rồi. Chúng ta phải xác định xem ai làm được việc sau đó hỗ trợ họ chứ không phải là thay thế họ. Điều này có thể có nghĩa là cần sử dụng dịch vụ khuyến nông để tăng cường kiến thức của cán bộ cung cấp vật tư sản xuất. Cán bộ khuyến nông có thể đào tạo về sản xuất rau xanh cho y tá thôn người đang thảo luận các vấn đề dinh dưỡng với các gia đình xung quanh. Rất nhiều cán bộ hợp tác xã trước đây vẫn đang tham gia tích cực vào hoạt động cung cấp đầu vào sản xuất và thị trường. Họ cũng có thể là một nguồn lực trong một hệ thống khuyến nông đa phương thức. Bản thân cán bộ khuyến nông cũng có thể được đào tạo bởi các tổ chức cung ứng vật tư tư nhân về kỹ thuật sử dụng các sản phẩm của họ, hay bởi chính những người đứng đầu thôn bản thông qua quan hệ làm việc với các tổ chức phi chính phủ đã nâng cao được các kỹ năng tổ chức khuyến nông đa phương thức có thể xây dựng trên các khả năng, lòng tin và mối tương tác bổ sung hiện có trong thôn bản. Đồng thời nó có thể giảm bớt sự lặp lại gây lãng phí. Cả cán bộ khuyến nông và nông dân sẽ không phải tham dự nhiều cuộc họp như trước đây nữa.

Trao đổi kinh nghiệm *trong nước* là vô cùng quan trọng để có thể hiểu được sự vận hành của khuyến nông đa phương thức ở Việt Nam. Các tỉnh miền Bắc có thể học hỏi rất nhiều từ cách các tỉnh miền Nam sử dụng các nguồn lực từ phía các

tổ chức tư nhân đang lớn mạnh một cách nhanh chóng. Các tỉnh miền Nam cũng có thể học tập các tỉnh miền Bắc bởi họ có nhiều kinh nghiệm làm việc với các tổ chức phi chính phủ hơn và có lẽ họ có môi trường mở hơn để tìm kiếm nhiều hình thức và cơ cấu hợp tác khuyến nông sau khi đã có các định hướng về hợp tác xã mới.

Liên kết yếu nhất trong hệ thống khuyến nông của Việt Nam (và ở nhiều nước khác cũng vậy) là ở chỗ khuyến nông gặp nông dân trực tiếp. Đơn giản là có quá ít người ở cấp xã và cấp thôn. Nếu giải quyết một cách đơn giản bằng cách thuê thêm cán bộ khuyến nông thì không thể có được bền vững. Đặc biệt ở các khu vực hẻo lánh như các vùng núi hay các kênh rạch nhỏ ở đồng bằng sông Cửu Long, hệ thống khuyến nông cần những người có thể gặp gỡ trực tiếp nông dân ở cấp thôn bản, nhưng những người này không nhất thiết phải là cán bộ của bộ máy khuyến nông nhà nước. Chúng ta cần phải xác định xem nông dân đã có thể lấy thông tin từ đâu và sử dụng các cán bộ khuyến nông hiện có (chủ yếu là ở cấp thôn bản) để tăng cường, hơn là thay thế, các kênh khác nhau này. Ở một tỉnh tôi đã đến thăm, không có một cán bộ khuyến nông nào ở các cấp dưới huyện nhưng lại có 92 cửa hàng của Công ty Vật tư sản xuất bán phân bón và thuốc trừ sâu. Những người bán hàng ở đó có thể đóng một vai trò rất to lớn trong công tác khuyến nông, nhưng lại không tham gia và công tác lập kế hoạch khuyến nông. Khuyến nông đa phương thức có nghĩa là cần thiết phải nhìn nhận mang tính xây dựng vào các vai trò hợp pháp hiện tại và tiềm năng của các thành phần khác nhau hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn những người đang hoạt động để hỗ trợ nông dân giải quyết các vấn đề kỹ thuật của họ.

Phương pháp diễn đàn

Phương pháp diễn đàn là một thuật ngữ dùng để chỉ sự tập trung chú ý vào các nhu cầu đối với các cách bàn bạc và quản lý các thay đổi của canh tác nông nghiệp trong một môi trường đa phương thức.⁵ Phương pháp này ngày càng được nhiều người nói đến, rất phổ biến để hỗ trợ sự cộng tác. Phương pháp diễn đàn khác với các phương pháp khuyến nông trước đây ở chỗ nó không mặc định rằng dịch vụ khuyến nông là có trách nhiệm duy nhất và cơ bản là chuyển giao kỹ thuật cho nông dân. Thay vào đó, khuyến nông nên sử dụng một loạt các kỹ thuật khác nhau (các khoá đào tạo PRA, trường học đồng ruộng cho nông dân) để kéo tất cả các tổ chức và đơn vị hoạt động khác nhau tham gia vào việc giới thiệu và thử nghiệm kỹ thuật mới. Khi họ được tham gia vào các diễn đàn này họ sẽ có cơ hội thảo luận các định hướng cho những thay đổi có thể xảy ra. Các cấp quản lý thủy lợi có thể cần được tham gia vào đánh giá các định hướng quản lý nước mới. Các nhà cung cấp vật tư thuộc ngành kinh tế tư nhân có thể cũng muốn giúp nông dân có được đầu vào sản xuất. Có thể có sự đối nghịch giữa cung cấp nước cho canh tác nông nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt. Phụ nữ có thể có các ưu tiên khác nhau về loại cây trồng so với nam giới. Nông dân nghèo có thể muốn áp dụng kỹ thuật theo cách thức khác với các láng giềng giàu có của họ. Các vấn đề như trên cần phải được thảo luận bởi các "cổ đông". Trong các cuộc họp này, khuyến nông không thể có tất cả các câu trả lời. Tuy nhiên, nó có thể tìm cách để kéo mọi người vào với nhau có hiệu quả hơn để thảo luận những gì cần làm.

Hình thành các nhóm PRA là một công cụ quan trọng đối với các cán bộ khuyến nông để hình thành các diễn đàn để bàn về cách nông dân, chính quyền địa phương, các nhà cung cấp vật tư, và những người khác có thể hợp tác. Đó cũng là một cách để cộng đồng truyền tải yêu cầu tới dịch vụ khuyến nông. Rất tiếc là ở Việt Nam, về cơ bản PRA lại thường tập trung vào xây dựng khả năng tiếp cận các nguồn đầu vào của dự án. Câu hỏi “Chúng ta sẽ tiêu tiền như thế nào?” dường như là vấn đề tranh luận chính trong các cuộc thảo luận. Rõ ràng nếu cứ như thế này thì rất không bền vững.

Các kế hoạch của PRA không thể bị rút xuống thành các kế hoạch đơn giản chỉ để phục vụ phân phối vật tư đầu vào. Thách thức ở đây là sử dụng PRA như một công cụ trao đổi thông tin thường xuyên hơn để hình thành một mối quan hệ cộng tác linh hoạt giữa các bên để họ có thể đối mặt với các thách thức mới trong các hoạt động quản lý sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên. Yếu tố cơ bản quan trọng nhất trong một PRA là quá trình làm PRA có tạo ra được một cấp độ *tin tưởng* cao hơn hay không. Nếu nông dân tin rằng họ sẽ được lợi từ mối quan hệ tốt hơn với các tổ chức dịch vụ nông nghiệp, quỹ của dự án không phải là lý do duy nhất để họ tham gia. Các chính sách khuyến khích sẽ được xóa bỏ dần và chi phí cao của việc làm PRA có thể giảm đi nhanh hơn. Nếu như lãnh đạo các nhóm ở thôn bản được cộng đồng tín nhiệm và tôn trọng, họ sẵn sàng làm việc với một ít tiền thù lao hoặc tự nguyện hoàn toàn. Hiện tại các phương pháp khuyến nông dựa trên PRA chưa được xem là có thể tồn tại nếu không có các nguồn quỹ tài trợ. Có lẽ cũng cần thử nghiệm để xem liệu cuối cùng khuyến nông có thể tiết kiệm được khoản tiền nào đó bằng cách chuyển dần trách nhiệm cho các tổ chức ở thôn bản.

Tính bền vững về mặt tài chính và nhiều mặt khác

Làm thế nào để chúng ta có thể thúc đẩy và hỗ trợ một số người đồng đạo hoàn thành được các nhiệm vụ khuyến nông một cách bền vững? Những khía cạnh nào của hệ thống bắt buộc phải “bền vững” và những khía cạnh nào chỉ cần thực hiện tốt trong một khoảng thời gian giới hạn? Để trả lời được các câu hỏi này cần phải hiểu rõ và thảo luận thẳng thắn về cách tổ chức khuyến nông ở Việt Nam. Trên thực tế, tất cả các quỹ cơ bản dành cho khuyến nông hiện tại đều để trả lương cho cán bộ. Phần còn lại của nguồn quỹ là rất ít cho các hoạt động. Để cho các tổ chức khuyến nông có thể “làm được cái gì đó” họ buộc phải tiếp cận tạm thời tới nguồn lực của các dự án và chương trình của chính phủ trung ương, các tổ chức tài trợ và các tổ chức phi chính phủ. Đây không phải là một cơ cấu lý tưởng, nhưng dù muốn hay không, khuyến nông Việt Nam về cơ bản vẫn dựa vào sự tồn tại hiện có của các nguồn cung cấp vật tư, tín dụng và nguồn nhân lực có bao cấp. Mặc dù về lâu về dài các chính sách bao cấp này sẽ bị rút đi, song hiện nay đó lại chính là trung tâm của một thế giới thực mà khuyến nông đang hoạt động trong đó. Chúng ta phải tìm ra cách làm việc trong một hệ thống mà sau thời kỳ đầu tư các nguồn lực lớn lúc này sẽ là thời kỳ các hệ thống đó phải hoạt động với các nguồn lực địa phương ít ỏi. Thực tế này rất đúng đối với các vùng núi, nơi đang phải phụ thuộc nhiều vào các khoản bao cấp và các nguồn quỹ tạm thời khác, và đó cũng là nơi nguồn tài chính của tỉnh rất hạn hẹp.

Một số Chính phủ có hỗ trợ tài chính cho rất nhiều hoạt động hiện trường khuyến nông thông qua các cuộc vận động và chương trình của Chính phủ, giống như các chương trình 06 hay 327 ở Việt Nam. Ở nhiều nước, Chính phủ trung ương không cung cấp tài chính cho các hoạt động hiện trường của Chính phủ một chút nào. Các dịch vụ khuyến nông để cho phụ thuộc hoàn toàn vào hoặc là tìm được các tổ chức tài trợ hoặc nhận hỗ trợ từ chính nông dân nếu cán bộ khuyến nông đi công tác hiện trường. Trong các cuộc tranh luận quốc tế, có một mối quan tâm lớn, đặc biệt là từ các tổ chức tài trợ về các cơ quan khuyến nông tồn tại về cơ bản chỉ là để thực hiện các dự án ngắn hạn. Thực tế cho thấy các dự án khuyến nông được hỗ trợ tài chính toàn bộ thì hầu hết đều tạo ra một sự phụ thuộc vào các hỗ trợ bên ngoài. Khi nguồn tài chính cho dự án hết, các hoạt động cũng chấm dứt. Trong nhiều trường hợp, thậm chí Chính phủ còn ngừng việc trả các chi phí thông thường, như lương và chi phí đi lại. Đó là lý do tại sao các tổ chức tài trợ đã nản lòng tới mức họ cũng từ bỏ cung cấp tài chính cho khuyến nông luôn. Trong số các tổ chức tài trợ mà vẫn hy vọng rằng tình hình sẽ được cải thiện, có một mong muốn chuyển sự hỗ trợ của họ sang tăng cường tổ chức hạt nhân - nguồn nhân lực - và tránh xa loại hỗ trợ theo kiểu bơm nguồn lực theo dự án vào trồng cây hay các dự án sản xuất cụ thể khác. Tuy nhiên, mới chỉ có ít phương pháp được xác định để xây dựng khả năng cho nguồn nhân lực khi mà tiền dành cho các hoạt động cụ thể thì hạn chế vô cùng. Để có thể hiểu được cách làm cho khuyến nông bền vững hơn, chúng ta thật sự cần nhiều nghiên cứu và phân tích hơn nữa về cách khuyến nông hoạt động thời kỳ *sau khi* các hỗ trợ dự án kết thúc, bởi chính tại chỗ đó chúng ta có thể khám phá ra chính các cán bộ khuyến nông sẽ đối mặt với các thách thức như thế nào.

Nhiều phương pháp khuyến nông mới hoạt động tốt được một thời gian, hoặc là nhờ có sẵn các nguồn lực, hay là vì có các vấn đề lớn mà nông dân đang gặp phải (sức ép hỗ trợ hay sức ép yêu cầu). Không nhất thiết tất cả các hoạt động phải bền vững. Rất nhiều nhóm nông dân thành lập để giải quyết một vấn đề (hay để tiêu một khoản trợ cấp) và sau đó tan biến. Các nhóm nông dân khác sẽ duy trì một hệ thống tín dụng quay vòng trong nhiều năm. Quan trọng là phải tìm ra và sử dụng được các phương pháp diễn đàn hiệu quả và đa phương thức để kéo các các tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực này vào với nhau, thậm chí một số liên minh như vậy không tồn tại được lâu. Nếu chi phí cho PRA được giảm xuống một cách hợp lý, phương pháp này có thể trở thành một công cụ có hiệu quả, ngay cả khi tổ chức lập kế hoạch ở cộng đồng chỉ tồn tại một đến hai năm.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tính hiệu quả của khuyến nông có thể phụ thuộc vào các nhà quản lý linh hoạt, năng động, và nhanh trí, những người mà có thể huy động rất nhanh các nguồn lực để giải quyết vấn đề, hay để tận dụng hết khả năng của chính cách hỗ trợ vật tư đầu vào. Các nhà quản lý tốt là **những** người có năng khiếu tổ chức được các diễn đàn, vượt qua các ranh giới **quản trị** để đưa nông dân, cán bộ khuyến nông, các tổ chức quần chúng và **những** người khác, cùng tham gia tìm kiếm các giải pháp ở địa phương. Ở Việt Nam, một điều rõ ràng các nhà quản lý khuyến nông mạnh là những người thực hiện quản lý theo cách nói trên, trong khi những người quản lý chưa tốt thì chỉ thường đợi các chỉ dẫn từ

cấp trung ương. Làm thế nào để chúng ta có thể khuyến khích và hỗ trợ các nhà quản lý tốt và tăng cường năng lực cho các nhà quản lý yếu?

Câu hỏi này liên quan trực tiếp đến câu hỏi phải tìm cho các chính sách đãi ngộ như thế nào để có thể huy động được các thành phần tham gia vào khuyến nông đa phương thức? Nếu các cán bộ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hay công ty cung cấp vật tư tham gia vào công tác khuyến nông, các cán bộ này phải được coi như làm việc cho tổ chức khuyến nông mà họ đang tham gia và được tổ chức này trả lương. Để biến được điều này thành hiện thực cũng là một thử thách. Một giải pháp có thể là sử dụng nhiều hơn các hợp đồng công tác ngắn hạn. Các cá nhân có năng lực cụ thể theo từng chủ đề thuộc một lĩnh vực nào đó có thể được thuê tạm thời để làm đào tạo hay các nhiệm vụ khuyến nông khác khi có vấn đề nảy sinh hay có sẵn các nguồn lực phù hợp. Một xu hướng mạnh trong tất cả các hình thức quản lý nhà nước là thử nghiệm các phương pháp phổ biến trong các khu vực tư nhân bằng việc trả tiền cho những người trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong một thời gian xác định. Ở một số nước (ví dụ, Chilê) toàn bộ hệ thống khuyến nông thực chất là xây dựng các hợp đồng làm thuê ký với các tổ chức thực hiện khuyến nông, chủ yếu là các tổ chức phi chính phủ ở địa phương và các tổ chức dịch vụ thuộc thành phần kinh tế tư nhân. Chính phủ đặt ra các ưu tiên và sau đó trả tiền cho các tổ chức này để thực hiện khuyến nông. Vai trò của VACVINA trong khuyến nông, gần như phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn quỹ hỗ trợ ngắn hạn, có thể xem như là một nỗ lực đầu tiên để áp dụng một phương pháp tương tự như trên vào Việt Nam.

Hợp đồng công tác và khuyến nông

Một yếu tố đang hình thành trong các phương pháp mới để quản lý là tổ chức các hoạt động trên cơ sở của các hợp đồng công tác theo chủ đề cụ thể trong thời gian nhất định. Trong các hệ thống này, các tổ chức khác nhau (ví dụ, các tổ chức phi chính phủ, Hội Nông dân, VACVINA, hay thậm chí bản thân các trung tâm khuyến nông) cạnh tranh để ký hợp đồng thực hiện một hoạt động khuyến nông nào đó, ví dụ tiến hành các khóa IPM, hay một chương trình thử nghiệm ở đồng ruộng. Các tổ chức thể hiện được khả năng hoạt động tốt nhất sẽ nhận được nguồn quỹ cho tiến hành. Trong nhiều trường hợp, cơ cấu cạnh tranh này đã cải tiến được công tác khuyến nông rất nhiều. Cách sắp xếp tương tự cũng đã được thử nghiệm nhiều lần trong một số cơ quan của chính phủ. Người ta thuê cả người làm giám đốc với các hợp đồng ngắn hạn và mục tiêu hoạt động rõ ràng, nếu họ không thực hiện được công việc, họ sẽ bị mời ra.

Quản lý các hợp đồng công tác không là việc đơn giản. Những người có trách nhiệm thiết kế, giám sát và theo dõi các hợp đồng cần phải có kỹ năng rất cao. Cũng cần phải có một số tổ chức sẵn sàng tham gia cạnh tranh để giành được hợp đồng. Hiện tại ở Việt Nam, đây chưa phải là một phương pháp phổ biến. Các thành phần tư nhân còn quá yếu, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng nếu các hợp đồng công tác không được xây dựng tốt, không được giám sát chặt chẽ và không được cạnh tranh một cách lành mạnh, thì các hoạt động khuyến nông được thực hiện chỉ đến được với những nông dân khá giả, ở đồng bằng và ở gần các trung tâm. Điều này đặc biệt đúng khi các hợp đồng nhấn mạnh vào các mục tiêu số lượng (số mô hình trình diễn, số nông dân sử dụng kỹ thuật mới...), bởi vì thông thường làm việc với

nông dân đã khá giả thì dễ dàng hơn làm việc với nông dân nghèo. Đó là lý do tại sao rất nhiều các dịch vụ khuyến nông chỉ chọn nông dân có đất, lao động, và vốn để quản lý các (mô hình) trình diễn trên đồng ruộng. Các trường hợp có "khó khăn", như đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng núi, sẽ bị thua thiệt nếu các hợp đồng được xây dựng như thế nào đó mà làm việc với nông dân nghèo thì có "ít lợi nhuận hơn". Làm việc theo hợp đồng thông thường không phù hợp với cách quản lý "không loại trừ ai", một yêu cầu trong quản lý để đảm bảo rằng Nhà nước không quên các công dân nghèo nhất của mình trong quá trình cải cách hành chính.

Một phương pháp mới hiện đang được thảo luận rất nhiều là cung cấp các nguồn tài chính trực tiếp cho các cộng đồng nghèo, để với nguồn vốn này, họ có thể ký hợp đồng thuê các dịch vụ mà họ thấy cần thiết nhất. Trong một số trường hợp ở Việt Nam, Hợp tác xã cũng đã ký hợp đồng với các dịch vụ khuyến nông để thực hiện các khoá đào tạo cho họ. Nếu tiếp tục phát triển phương pháp này, Chính phủ sẽ không phải bao cấp các dịch vụ khuyến nông nữa mà thay vào đó trao cho các cộng đồng nghèo những cơ hội tương tự để họ có thể "mua" các dịch vụ khuyến nông mà các thôn khá giả đã có rồi, từ các nguồn lực của riêng họ. Khái niệm này rất hay, song chưa được thử nghiệm và chứng minh, và có thể là không tưởng nếu không có nhiều cơ hội lựa chọn các dịch vụ kỹ thuật.

Chính sách đãi ngộ để có hiệu quả công việc tốt hơn không nhất thiết chỉ là phần tài chính. Quan trọng là phải nhìn nhận được hàng loạt các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ miệt mài mà các cán bộ hiện trường sẵn sàng thực hiện, và khả năng họ có sẵn sàng bỏ thêm công sức ra để đến được các cộng đồng hẻo lánh và nông dân nghèo hay không. Một điều đã được phát hiện ra là một sự đãi ngộ rất quan trọng đối với nhiều tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông, kể cả lãnh đạo địa phương và những người khác, là họ có được sự tôn trọng của cộng đồng. Có rất nhiều cách phi tài chính đã được tìm ra để phát triển và động viên những người làm việc với khuyến nông bằng cách giúp họ có được một vị trí đáng tôn kính trong cộng đồng. Các phương pháp này bao gồm phát phần thưởng cho các công việc hoàn thành tốt, công bố rộng rãi các sáng kiến khuyến nông đã thành công và nói chung là thật sự *cảm nhận được rằng cán bộ hiện trường là phần quan trọng nhất trong khuyến nông*. Chúng ta thường đổ lỗi cho những người cán bộ hiện trường này khi mà có việc gì đó không thành công. Chúng ta phải xem xét lại và thể hiện sự đánh giá cao và sự tôn trọng đối với các cán bộ hiện trường mỗi khi họ thành công trong những công việc rất khó khăn của họ.

Một bài học rất quan trọng đã thu được về cách nâng cao sự tự trọng của cán bộ là thiết lập các thủ tục thuê tuyển nhân viên một cách rõ ràng bằng cách dựa trên *thành tích*. Nếu như người dân ở thôn bản nhận thấy rằng rất nhiều người đang ganh đua để nhận được công việc làm khuyến nông viên, và rằng việc thuê người đó dựa trên các thành tích chuyên môn mà anh ta đã có được, ngay lập tức vai trò của cán bộ hiện trường được tăng lên. Tương tự, nếu có nông dân phản ánh vì việc làm kém hiệu quả của một cán bộ khuyến nông nào đó thì người này sẽ bị đuổi việc một cách công khai. Đây sẽ là cách thể hiện hệ thống khuyến nông có thể đáp ứng được các yêu cầu của cộng đồng. Các thủ tục nói trên đã được chứng minh

là các phương tiện có hiệu quả nhất của việc chuyển từ hùng biện sang thực tế trong khuyến nông theo yêu cầu.

Bù đắp chi phí đối với các dịch vụ khuyến nông

Các xu hướng quốc tế trong cung cấp tài chính cho khuyến nông rõ ràng là hướng tới giảm nguồn lực đổ vào của Chính phủ trung ương. Hy vọng là bù đắp chi phí địa phương sẽ lấp đầy được chỗ trống này. Trong một số trường hợp, cũng có lý do để lạc quan, bởi người ta đã phát hiện ra rằng ngay cả những nông dân nghèo nhất cũng sẵn sàng trả tiền cho các dịch vụ khuyến nông mà họ thấy là có giá trị.

Trong nhiều trường hợp, sự bù đắp chi phí được xử lý bằng sự kết hợp với việc thanh toán cho các dịch vụ khác. Nông dân ở Việt Nam vẫn đang trả "lệ phí" cho khuyến nông trong nhiều năm như là một phần trong sự đóng góp của họ đối với các chi phí cho hợp tác xã. Nhiều trung tâm khuyến nông của các tỉnh và huyện đã lấy tiền lãi thu được nhờ bán vật tư đầu vào sản xuất để trả lương cho khuyến nông. Khi cơ quan khuyến nông bán vật tư đầu vào sản xuất, chi phí cho các lời khuyên khuyến nông trên thực tế được gộp vào giá của các hàng hoá bán ra. Các dịch vụ thú y thôn bản cũng hoạt động tương tự như vậy. Các thú y viên đã trang trải các chi phí đi lại của họ khi tới các thôn bản bằng một phần tiền lệ phí tiêm vắc-xin tại đó. Các thành phần tư nhân thì thường lấy tiền rất có hiệu quả một cách gián tiếp đối với các lời khuyên khuyến nông. Một ví dụ rất thành công của khuyến nông thành phần tư nhân đối với nông dân nghèo đó là sự phổ biến nuôi nấm rơm ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nông dân trả tiền cho các lời khuyên mà họ nhận được như một phần của hỗ trợ cả gói, bao gồm cả tín dụng và vật tư đầu vào. Trong những trường hợp như thế này, việc thu phí, tiền trả cho các dịch vụ và hoàn lại vốn vay tín dụng cũng là một cơ hội để trò chuyện với nông dân về mọi việc diễn ra như thế nào với các kỹ thuật mới. Nó đóng góp cho mối quan hệ giữa khuyến nông và nông dân.

Thông thường khi khuyến nông công khai yêu cầu trả tiền phí, nông dân vốn đã quen với việc chỉ trả tiền cho sự bù đắp chi phí khuyến nông "ẩn" không chấp nhận các hệ thống mới. Thông thường nông dân cũng rất sẵn sàng trả tiền cho các dịch vụ thú y bởi mất đi một con bò hay một con lợn có thể gây ra một cuộc khủng hoảng lớn và bất ngờ cho hộ nông dân, trong khi năng suất cây trồng giảm vì sử dụng phân bón không hợp lý lại ít được nhận ra và không được nhấn mạnh.

Các kinh nghiệm trong bù đắp chi phí địa phương trong khuyến nông rất phức tạp. Ở nhiều nơi, các nhóm nông dân bắt đầu gây quỹ riêng để trả cho các dịch vụ khuyến nông dần dần loại bỏ thành viên là nông dân nghèo. Đôi lúc các dịch vụ khuyến nông trở nên phụ thuộc vào sự thúc đẩy các kỹ thuật có hỗ trợ đầu vào từ bên ngoài cao để trang trải các chi phí hiện hành. Sau đó họ có thể bỏ qua các kỹ thuật có hỗ trợ đầu vào từ bên ngoài thấp, mà những kỹ thuật này lại có thể phù hợp nhất với nông dân nghèo. Tất cả các cơ quan dịch vụ nông nghiệp ở Việt Nam đã nhận biết rõ ràng sự thiên lệch của các tổ chức cung cấp vật tư đầu vào thuộc tư nhân là chỉ thúc đẩy các sản phẩm của riêng họ mà thôi, nhưng chỉ ít tổ chức nhận biết được một số nguy hiểm tương tự trong tổ chức của họ.

Cuối cùng, phải có phân bình luận rõ ràng rằng nông dân sẽ chỉ trả cho một dịch vụ nếu họ tin vào chất lượng của dịch vụ. Ở một số nơi, các cán bộ hợp tác xã cũ vẫn do nông dân trả lương để thực hiện các dịch vụ khuyến nông. Ở những nơi khác, nông dân không bao giờ chấp

nhận điều này bởi họ không tin rằng các cán bộ này đang thật sự giúp họ. Tất cả các hình thức thực hiện khuyến nông trên cơ sở có trả tiền phí phụ thuộc hoàn toàn vào người nông dân có thấy dịch vụ khuyến nông đó có giá trị đối với họ hay không. Vấn đề bù đắp chi phí không thể phân tích được nếu không hiểu sự cảm nhận của nông dân như thế nào về các dịch vụ mà họ đang nhận.

Lòng tin là cần thiết đối với cung cấp tài chính ở địa phương và các hình thức bền vững khác. Nông dân sẽ có đủ tài chính cho kế hoạch sản xuất của riêng họ. Họ sẽ tiếp tục đầu tư thời gian cho các cuộc họp nếu họ cảm thấy rằng họ đang trò chuyện với những người mà họ tin là sẽ giúp họ làm nghề nông theo cách họ muốn. Họ sẽ không cung cấp tài chính cho kế hoạch của Chính phủ trung ương một số các chương trình của Chính phủ rõ ràng là từ trên xuống. Chúng ta phải nhìn nhận lại điều này một cách thực tế. Ví dụ, xoá bỏ cây thuốc phiện chưa chắc đã có thể thúc đẩy nông dân đóng góp nguồn lực của riêng họ vào. Khuyến nông phải kết hợp cả các chương trình từ trên xuống, mà sẽ luôn phụ thuộc vào các nguồn vốn của Chính phủ, với các chương trình từ dưới lên, mà được xây dựng trên lòng tin. Điều này sẽ không dễ.

Xác định các nhiệm vụ khuyến nông cơ bản trong một môi trường phức tạp

Nhìn chung chúng ta đều biết rằng các tổ chức khuyến nông phải gánh quá nhiều trách nhiệm. Lời kêu gọi làm khuyến nông đa phương thức chỉ mới được thúc đẩy một phần bằng việc tìm kiếm cách thức giảm khối lượng của quá nhiều nhiệm vụ đang đè lên vai một tổ chức còn yếu và nhỏ như khuyến nông, trong khi vẫn phải đảm bảo rằng các nhiệm vụ còn lại phải phù hợp với nhu cầu của nông dân.

Vấn đề này không chỉ quan trọng đối với riêng khuyến nông. Nói chung các tổ chức của Chính phủ cũng đang phải gánh vác quá nhiều các nhiệm vụ khác nhau của quá nhiều các dự án khác nhau. Các tổ chức tài trợ cũng chịu trách nhiệm lớn trong việc này vì họ thường chỉ quan tâm chủ yếu tới việc xây dựng khả năng của một tổ chức đơn lẻ để quản lý dự án “của họ”. Các tổ chức phát triển đã bắt đầu nhận ra rằng họ phải giới hạn yêu cầu của họ tới mức độ xây dựng nên một số khả năng nhất định và những vai trò hạt nhân của các tổ chức dịch vụ địa phương, trong khi vẫn xác định các vai trò cho các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông những người không thuộc quyền chỉ đạo trực tiếp của dự án.

Các tổ chức quốc gia cũng thường mắc phải các sai lầm trong xu hướng tiêu cực tương tự. “Chủ dự án” chỉ biết tìm cách giữ các nguồn lực dự án cho riêng mình. Nếu một dự án được gọi là dự án “khuyến nông”, các dịch vụ khuyến nông có thể sẽ phải tăng cường năng lực để thực hiện tất cả các chức năng khác nhau, bao gồm cả tín dụng. Nếu dự án đó được gọi là dự án “tín dụng”, Hội liên hiệp phụ nữ có thể sẽ được yêu cầu làm mọi việc, kể cả khuyến nông. Rõ ràng là một người lập kế hoạch dự án có thể cần một bức tranh về ai làm cái gì trong một dự án, và sự phối hợp của nhiều cơ quan khác nhau để làm dự án thì thường khó khăn hơn là xây dựng lên một đơn vị độc lập.

Tính bền vững dựa trên cách suy nghĩ đa phương thức cần có một phương pháp bền bỉ hơn. Sự hợp tác phải được xây dựng thông qua nhiều cuộc họp bàn kế

hoạch và các cuộc thảo luận ở thôn. Đó là lý do tại sao phương pháp diễn đàn đối với khuyến nông là rất quan trọng.

Tăng cường khả năng cho khuyến nông

Báo cáo về tình hình thế giới của Ngân hàng thế giới⁸ trong năm nay có chứa đựng những lời khuyên rất hay về cách thức các chính phủ nên nhìn nhận vào các chức năng và khả năng chủ yếu cần thiết và phù hợp của các tổ chức hiện có. Ngân hàng thế giới gợi ý trước hết là xác định và tập trung vào các chức năng quan trọng nhất của dịch vụ của chính phủ (ví dụ về những gì Ngân hàng thế giới gợi ý bao gồm các chức năng mang tính dẫn dắt, bảo vệ môi trường, và các dịch vụ cho các vùng dân cư dễ bị tổn thương nhất). Trong khi xác định các vai trò này, có cái nhìn thực tiễn là rất quan trọng liên quan tới những công việc nào mà tổ chức đó thật sự có khả năng hoàn thành. Dựa trên hiểu biết rõ ràng về các chức năng này, khả năng thực hiện các chức năng đó sẽ tăng lên. Chỉ khi nào cơ quan đó thực hiện có hiệu quả các chức năng cơ bản này, thì lúc ấy mới có thể xem xét tới các vai trò có thể mở rộng của khuyến nông.

Các sức ép để thực hiện các dự án và chương trình không phù hợp với tính bền bỉ cần có trong phương pháp này. Các cơ quan khuyến nông thường phải gánh rất nhiều nhiệm vụ mà hoặc là không bền vững hoặc là không liên quan tới các chức năng cơ bản của họ bởi nhu cầu của "ai đó" để nhận lấy trách nhiệm thực hiện các công việc của dự án. Chúng ta "phá vỡ" hệ thống khuyến nông bởi sự vội vã của chúng ta để hoàn thành dự án. Các giải pháp cho xu hướng tiêu cực này phải được phát hiện bằng cách trước hết nhìn nhận dự án trong một bối cảnh rộng hơn, và thứ hai, bằng cách chấp nhận rằng cách tiếp cận đa phương thức phải là cơ sở cho các dịch vụ nông nghiệp, thậm chí điều này không tránh khỏi dẫn đến việc làm cho quyền lực của các ngành quản lý yếu đi đôi chút khi kiểm soát thực thi dự án.

Các nhiệm vụ cơ bản của khuyến nông có thể khác nhau ở các cấp khác nhau. Ở Việt Nam, cán bộ tỉnh dành phần lớn thời gian của họ để quản lý các nguồn lực từ các nguồn tài chính khác nhau và cung cấp đào tạo tiểu giáo viên. Họ điều phối các nguồn cung cấp đầu vào từ các chương trình của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức tài trợ khác, và đồng thời cũng cung cấp đào tạo theo chủ đề cho cán bộ ở các cấp khác. Họ cần các kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ đó tốt hơn. Cán bộ huyện là người tiếp xúc nhiều nhất với chính quyền ở thôn bản và các tổ chức quần chúng. Họ chịu trách nhiệm tổ chức các diễn đàn để lập kế hoạch ở thôn bản. Việc này lại cần một loạt các kỹ năng khác. Có một tiềm năng lớn để tăng tính hiệu quả của đầu tư vào đào tạo và các sáng kiến tăng cường khả năng khác bằng cách liên kết rõ ràng hơn nữa các loại đầu tư khác nhau đối với các hoạt động cơ bản của các cấp khuyến nông khác nhau.

Nghịch lý tiềm tàng trong tất cả các nỗ lực nhằm vào các chức năng cơ bản là các kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra hai xu hướng dường như là đối lập. Trước hết, người ta đã phát hiện ra rằng các cơ quan khuyến nông sẽ làm việc tốt nhất nếu họ chỉ tập trung vào một số lượng các nhiệm vụ hạn chế. Các hoạt động khuyến nông đơn giản hoạt động tốt hơn các hoạt động phức tạp. Đồng thời kinh nghiệm cũng cho thấy khuyến nông thường chọn sai các nhiệm vụ trong một thế giới nông nghiệp đang thay đổi nhanh chóng và phức tạp nếu nó không nhìn vào toàn bộ bức

tranh nông nghiệp tổng thể. Hai nhận thức trên có thể được áp dụng tốt nhất nếu dịch vụ khuyến nông có sự đối thoại cởi mở và thẳng thắn với tất cả các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn, nhưng đồng thời phải chống lại sự cám dỗ (và đôi lúc là sức ép của các tổ chức tài trợ) để tự họ giải quyết mọi vấn đề. Các tổ chức của nông dân có thể là hình thức tốt nhất để bản thân nông dân khám phá sự phù hợp của các kỹ thuật mới cụ thể vào hệ thống canh tác tổng thể của họ. khuyến nông cần phải học hỏi cùng với nông dân về sự phức tạp của hệ thống canh tác, không phải chỉ để giúp họ có thể lập kế hoạch hay quản lý một quá trình nào đó, mà cao hơn là để họ nhận ra được các nguồn hỗ trợ đầu vào hạn chế song quan trọng của họ sẽ được áp dụng tốt nhất ở đâu.

Thông qua một cái nhìn trọng tâm hơn vào vấn đề khuyến nông có thể học cùng với nông dân như thế nào, chúng ta có thể tìm ra cách chuyển từ xu hướng hiện tại, xem xét các dự án chỉ như là việc đổ thêm các nguồn lực bổ sung sang cách nhìn nhận khác là sử dụng chúng như một cơ hội để học hỏi thêm về các phương pháp và cấu trúc khác có thể được hoà nhập như thế nào trong các tổ chức khuyến nông. Có một điều mà chúng ta cũng mới thu nhận được qua các cuộc tranh luận về khuyến nông trên trường quốc tế là các mô hình khuyến nông mới sẽ không bao giờ (và cũng không bao giờ nên) áp dụng ngay lập tức. Chúng là các cơ hội để tìm cách xử lý một vấn đề lớn và lâu năm của khuyến nông: *các nhu cầu của nông dân luôn luôn lớn hơn nguồn lực mà khuyến nông có được*. Vấn đề này trên thực tế đã khiến khuyến nông nhiều lần cố tránh các yêu cầu của nông dân. Đây không phải là cách phản ứng của chúng ta. Mà thay vào đó chúng ta phải tìm cách để luôn kéo khuyến nông tập trung vào các yêu cầu của nông dân, trong lúc cần phải thực tế và sáng tạo hơn để xử lý với các khả năng của tổ chức khuyến nông.

¹. For examples see E. Osborn, 1996, "Crossing the great divide: Coproduction, synergy and development", World Development, 24/6, và J. Tendler, 1995. Good Government in the Tropics, John Hopkins Press, Baltimore.

². W.F. . Lam, 1996, "Institutional Design of public agencies and coproduction: A study of irrigation association in Taiwan", World Development, 24/6.

³. G. Cao&L, Zhang, 1997, "Innovative forest management by the local community in Dogda village, Yunnan Province", Forest, Trees and People Newsletter, 34.

⁴. These recommendation are loosely based on the conclusion of a study by Diana Camey, 1996, "Formal Farmers" organisation in the agricultural technology system: Current roles and future challenges", ODI Natural Resource Perspectives, 14.

⁵. See N. Roling, 1994, "Communication support for sustainable natural resource management", IDS Bulletin, 25/2.

⁶. J.A. Berdegue & C. Marchant, 1997, Technology Transfer Service for Small scale farmers in Chile, Red Internacional de Metodologia de Investigacion de Sistemas de Production.

⁷. J. Tendler, 1996, Good Government In the Tropics, John Hopkins Press, Baltimore, and World Bank, 1997, The State in a Changing World: World Development Report 1997, Oxford University Press, Oxford.

⁸. The State in a Changing World: World Development Report 1997, Oxford University Press, Oxford.

Từ mục khuyến nông sử dụng trong báo cáo
Extension Word List

Tiếng Anh English	Tiếng Việt Vietnamese
1. Civil society	Đoàn thể quần chúng
2. Coproduction	Sự cộng tác
3. Cost recovery	Bù đắp chi phí
4. Demand-driven	(Khuyến nông) theo yêu cầu
5. Extension agent/worker	Khuyến nông viên
6. Extension Clubs	Câu lạc bộ khuyến nông
7. Farmer Field School	Huấn luyện nông dân trên đồng ruộng
8. Farmer Interest Group	Nhóm sở thích của nông dân
9. Farmer organisation	Tổ chức nông dân
10. Farmer to farmer extension	Khuyến nông từ nông dân tới nông dân
11. Interface	Giao điểm
12. Lateral Spread Extension	Khuyến nông lan rộng
13. Participatory Rural Appraisal (PRA)	Đánh giá nông thôn có người dân tham gia
14. Performance contracts	Hợp đồng công tác
15. Platform approach	Phương pháp diễn đàn
16. Pluralism	(Khuyến nông) đa phương thức
17. Private sector extension	Khuyến nông của các thành phần tư nhân
18. Socialised extension	Xã hội hoá khuyến nông
19. State extension	Khuyến nông nhà nước
20. Supply-driven	(Khuyến nông) kiểu cung ứng
21. Synergy	Mối tương tác bổ sung



Chịu trách nhiệm xuất bản
PTS. DƯƠNG QUANG DIỆU
Phụ trách bản thảo
LÊ TIẾN - CAO DOANH
Trình bày bìa
ĐỖ THỊNH

**ảnh bìa 1: Hệ thống canh tác nông lâm kết hợp của hộ nông dân
ở Lào Cai (ảnh của Bardolf Paul)**

Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch số: 9/1067/CXB-QLXB, do Cục Xuất bản cấp ngày 29/11/97.
In 2000 bản khổ 21 x 31cm, tại Xưởng In Nhà XBNN.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/1998.

M. n
C 396K